HOÀNG ĐẾ NỘI KINH

Đồ văn bút ký

Ghi chép bằng hình và chữ

kinhdichtam.com dịch

Tác giả: Chúc Dư



Hoàng Đế Nội Kinh (1) – Thượng cổ thiên chân luận 01

kinhdichtam.com dịch

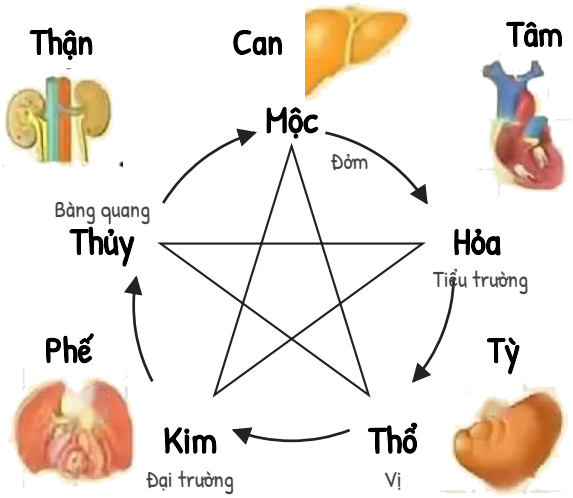
Giải nghĩa về Đạo

Âm thì có hình, dương thì vô hình

1. Người xưa sống lâu: biết tiết chế tình chí, ăn đồ tự nhiên
2. Ngày nay đủ thứ biến đổi gen: ngô được cấy gen nhện để chống sâu bệnh
3. Thức ăn ngày càng tinh chế, cơ thể hấp thu quá mức
4. Người ngày nay, cả dục vọng lẫn thói quen đều không tốt

Đừng vận động quá sức; đi bộ, tản bộ là rất tốt – cứ giữ đi bộ là sống tới 100 tuổi đấy!

Ngũ tà



Chính tà: bản thân tạng Tâm có bệnh
Hư tà: Can có bệnh ảnh hưởng tới tim
Thực tà: Tỳ có bệnh ảnh hưởng tới tim
Vi tà: Phế có bệnh ảnh hưởng tới tim
Tặc tà: Thận có bệnh ảnh hưởng tới tim

Phép chữa:
Thực thì tả tử, hư thì bổ mẫu
Tử có thể làm mẫu thực, mẫu có thể làm tử hư
(tử = tạng con, mẫu = tạng mẹ trong vòng tương sinh ngũ hành)

Thai trong bụng mẹ: thận, can, tim; lúc đầu là chân thủy, ảnh hưởng tới thai nhi

Dấu hiệu các mốc phát triển then chốt ở nữ

Nữ tính theo số 7, nam theo số 8

7 tuổi: Thận khí bắt đầu phát, thay răng (răng là phần dư của xương)

14 tuổi: thiên quý đến, mạch Nhâm thông, mạch Thái Xung thịnh; kinh nguyệt và sữa cùng một nguồn; sữa non (màu vàng) gốc từ tạng Tỳ

Trước 21 tuổi: hoàn tất việc tăng chiều cao

28 tuổi: cơ thể cường thịnh nhất

35 tuổi: mạch Dương Minh suy, mặt bắt đầu tàn tạ – cứu huyệt Túc Tam Lý

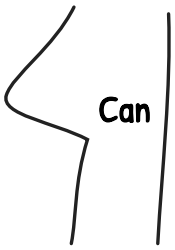
42 tuổi: mặt vàng, tóc bạc; **49 tuổi**: mạch Nhâm hư, kinh nguyệt ít dần

Ngoài 50 mà vẫn còn kinh: có u xơ tử cung

Nếu đã dứt kinh mà đột nhiên có lại: có thể là u não

Bé gái có kinh quá sớm: thừa dinh dưỡng

Mạch Thái Xung, Xung Dương, Thái Khê



Ngực thông thẳng xuống Can
Mạch Thái Xung thịnh,
thiên quý đến

Hoàng Đế Nội Kinh (1) – Thượng cổ thiên chân luận 02

kinhdichtam.com dịch

Dấu hiệu các mốc phát triển then chốt ở nam

Nữ tính theo số 7, nam theo số 8

8 tuổi: Thận khí bắt đầu phát, thay răng (răng là phần dư của xương)

16 tuổi: tinh khí đầy tràn

Trước 24 tuổi: hoàn tất việc tăng chiều cao

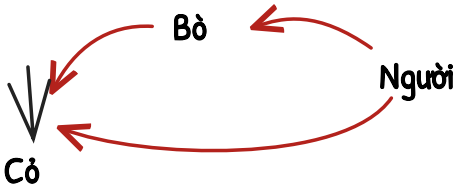
32 tuổi: cơ thể cường thịnh nhất

40 tuổi: tạng Thận bắt đầu suy

48 tuổi: tóc bạc, nổi nếp nhăn

Từ 56 tuổi: tinh bắt đầu cạn

Trừ người bẩm phú đặc biệt, sau 64 tuổi không còn có con nữa



Người tu hành: ngồi thiền, thực khí – rất thọ

Người thường thì đừng ăn quá no

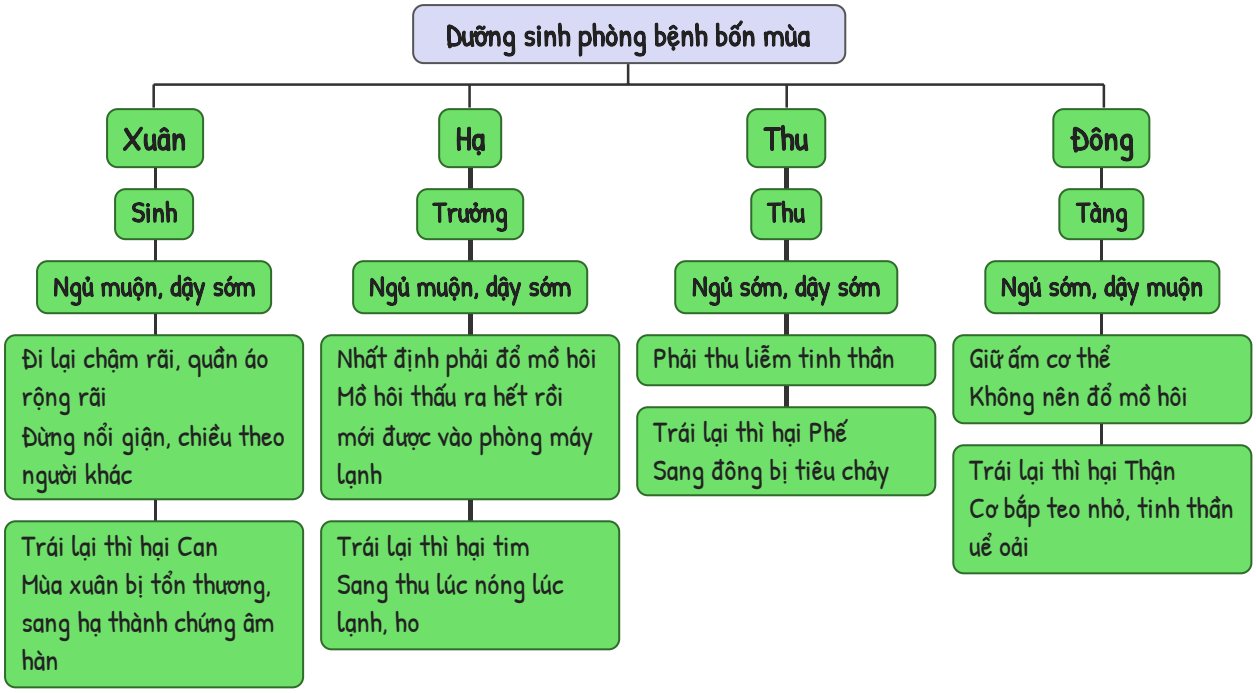
Thận chủ thủy, nhận tinh của ngũ tạng lục phủ mà tàng giữ, nên ngũ tạng thịnh thì mới tả ra được

(Thận giả chủ thủy, thụ ngũ tạng lục phủ chi tinh nhi tàng chi, cố ngũ tạng thịnh, nãi năng tả)

Lúc nào cũng giữ lòng vui vẻ, biết đủ thì thường vui, vận động giữ sức khỏe

Hoàng Đế Nội Kinh (2) – Tứ khí điều thần đại luận

kinhdichtam.com dịch



Người nên tránh gió lạnh; lạnh tới cực thì sinh nóng
(hàn cực sinh nhiệt)

Tim thích lạnh; bệnh tim thì dội nước lạnh

Trời u ám, mặt trời mặt trăng không sáng: tà làm hại các khiếu rỗng (không khiếu); lúc thời tiết xấu, tạng phủ nào yếu sẽ dễ sinh bệnh

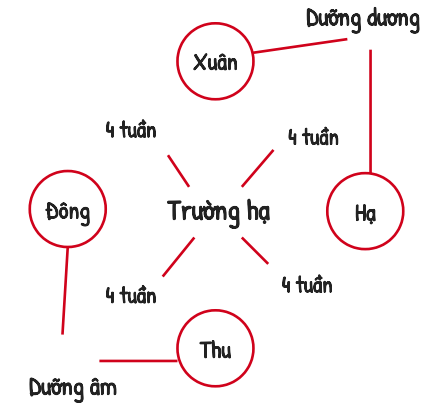
Trái khí xuân thì Thiếu dương không sinh, khí Can biến loạn bên trong.

Trái khí hạ thì Thái dương không lớn, khí Tâm trống rỗng bên trong.

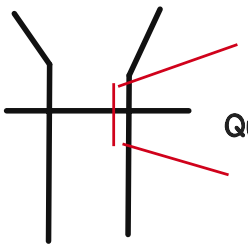
Trái khí thu thì Thái âm không thu, khí Phế khô nóng đầy tức.

Trái khí đông thì Thiếu âm không tàng, khí Thận riêng chìm xuống.

(Nghịch xuân khí, tắc thiếu dương bất sinh, can khí nội biến. Nghịch hạ khí, tắc thái dương bất trưởng, tâm khí nội động. Nghịch thu khí, tắc thái âm bất thu, phế khí tiêu mãn. Nghịch đông khí, tắc thiếu âm bất tàng, thận khí độc trầm.)







Dương: 9 phân – quá dài: âm thịnh dương tán, dương đi lên → **mạch dật**

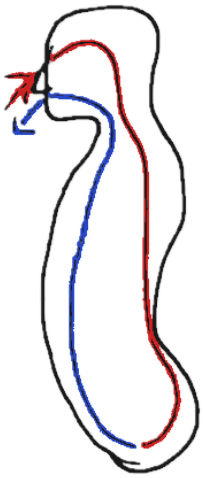
Mạch không còn vị khí

Âm: 1 thốn – quá dài: âm hư, âm đi xuống → **mạch phúc**

Hít vào: Can, Thận
Thở ra: Tâm, Phế
Ở giữa: Tỳ, Vị
Mạch: mỗi lần thở ra - hít vào đập 4-5 nhịp

Hoàng Đế Nội Kinh (3) – Sinh khí thông thiên luận 01

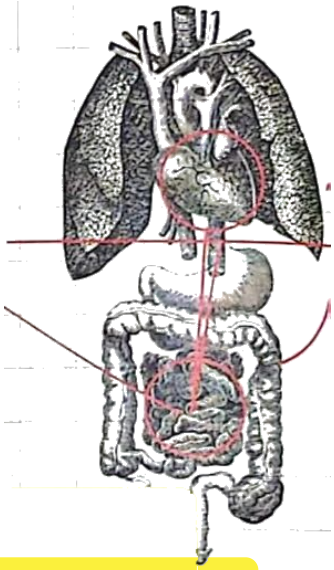
kinhdichtam.com dịch



Hơi nước từ Đại trường quay về Phế: đó là dương đi ra biểu

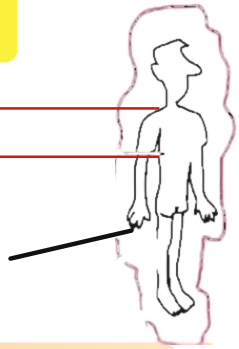
Lý hàn: tim, Tiểu trường không đủ nhiệt; dương khí không giữ vững được phần biểu, không bồi bổ được bên ngoài

Quá nóng: tân dịch bị tổn thương, nói rất nhiều; người nóng như than đốt, ra mồ hôi thì tan; Đông y gọi là chứng Dương minh



Vì hàn mà hại dương: tim, Tiểu trường không đủ nhiệt, không giữ vững được phần biểu
Vì nhiệt mà hại dương: tân dịch bị tổn thương; chứng Dương minh táo nhiệt, nói nhiều
Vì thấp mà hại dương: hại đầu mặt, đầu như bị bó chặt; gân lớn mềm yếu, co ngắn, co quắp; cơ bắp teo nhỏ
Vì khí mà hại dương: phù thũng; thuốc dương khí là để làm phát tán bớt nước ra

Khí thương: mạch khí bị tổn thương, sưng
Hình thương: va đập, hại khí, đau trước sưng sau



Dương khí đình trệ: kinh quyết, cơ thể mất tri giác – thị lực, mắt, tai, mũi, lưỡi...
Lúc nổi nóng, dương khí xông lên, dễ ngất xỉu (hôn quyết)



– nước dãi

Khi dương khí bị tổn hại, mồ hôi chảy ra không ngớt; teo nhỏ – cứ nhìn người bị bệnh teo (nuy) mà xem, mồ hôi cứ chảy không dứt, khó cầm được

Ra mồ hôi gặp thấp: sinh mụn cóc; trời mưa âm u phải luôn lau khô mồ hôi
Ra mồ hôi gặp hàn: mụn bọc, hóa mủ, mẩn đỏ
Dinh dưỡng quá mức: chân sinh ung mủ

Buổi sáng vận động, buổi tối đừng vận động
Dương khí nhu hòa thì gân nhu hòa, không bị chuột rút; dương đóng mở không tốt thì người mắc bệnh gù lưng

Loét do nằm lâu: dương khí không vận hành, âm liền tích tụ; thêm thấp nữa thì hóa mủ, sinh biến chứng

Vinh là huyết
Vệ là khí

Mạch phải nhu hòa, quá cứng quá mềm đều không được

Hoàng Đế Nội Kinh (3) – Sinh khí thông thiên luận 02

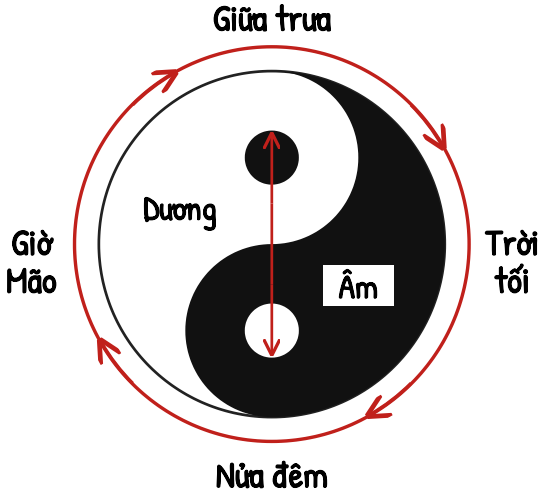
kinhdichtam.com dịch

Tâm tàng thần ——— Tâm là lão đại (đứng đầu)
Phế tàng phách Ban ngày thấy ma: phách không giữ được
Can tàng hồn Bệnh nằm trong người quá lâu thì thầy giỏi mấy cũng chịu thôi

Sau lưng người là dương khí vận hành
Phía trước là âm khí vận hành
Dương khí không vận hành thì phát thành phong ngược: phong động, người run rẩy – đó là chứng của phong

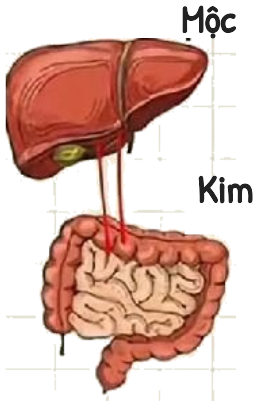
Phong là khởi đầu của trăm bệnh
Bệnh lúc đầu đều ở biểu

Ngũ tạng thu tàng, lục phủ bài tiết
nhờ dương khí làm động năng; khối u đều do dương không vận hành, âm tích tụ



Âm dương phải cân bằng; âm không khống chế được dương thì dương phát cuồng

Ví dụ: táo bón
Phủ là dương – dương không thông
Thức giấc lúc 1-3 giờ:
Mộc - Kim không hòa hợp
Nếu thức giấc lúc 3-5 giờ:
Phế - Đại trường không hợp



Can là tạng phong, sợ gió: tà làm hại Can; ăn quá no dễ sinh trĩ; gắng sức khiêng vật nặng thì hại Thận

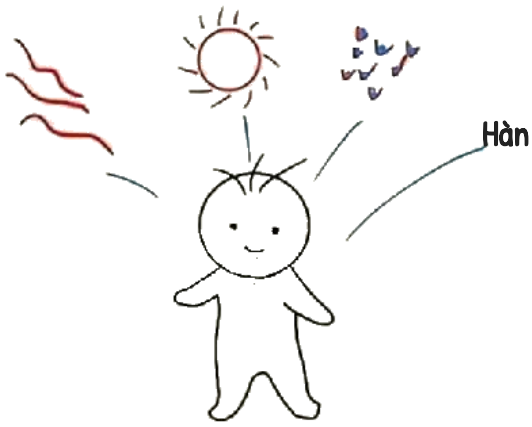
Mùa xuân bị gió làm hại, tà khí lưu lại, sinh chứng tiêu chảy dữ dội (động tiết).

Mùa hạ bị nắng nóng làm hại, sang thu thành sốt rét (giai ngược).

Mùa thu bị thấp làm hại, khí nghịch lên mà ho, phát thành nuy quyết.

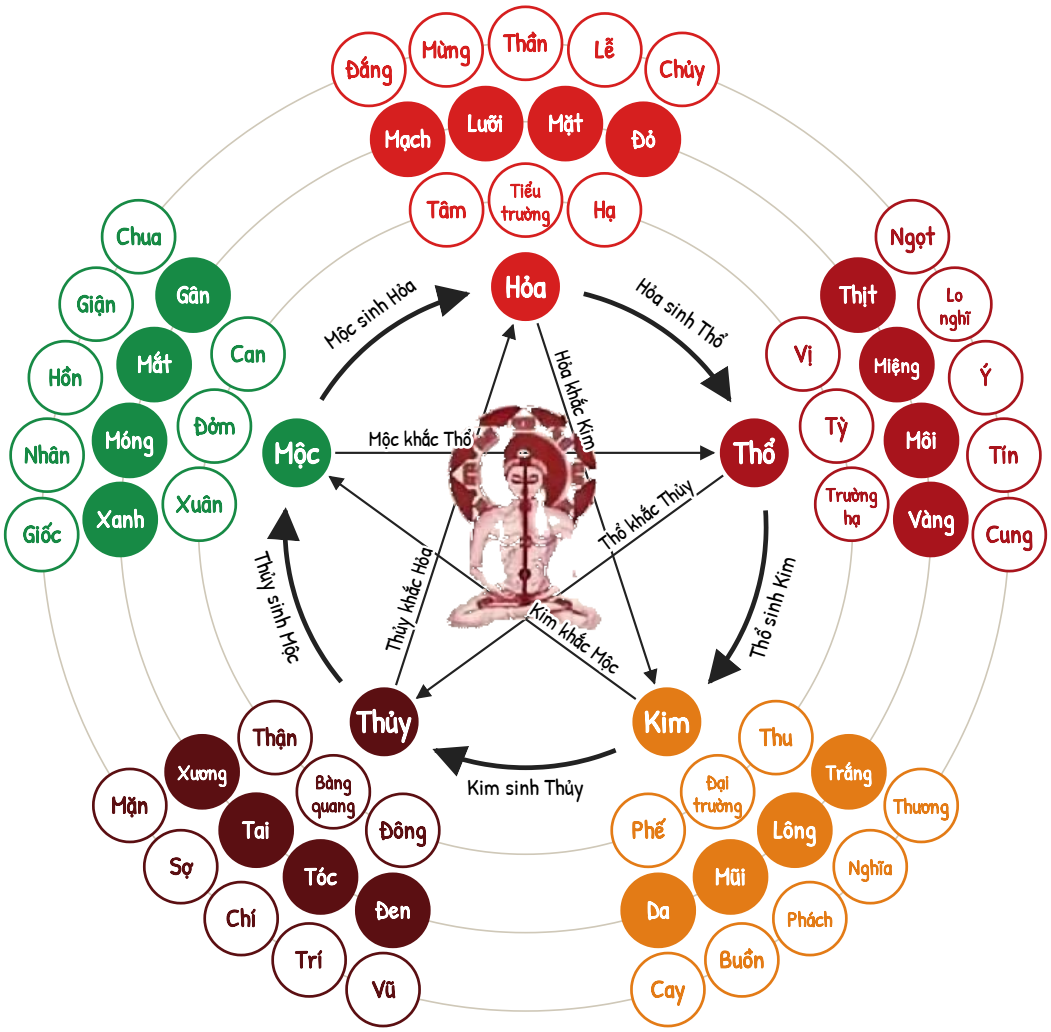
Mùa đông bị hàn làm hại, sang xuân ắt mắc ôn bệnh.

(Xuân thương ư phong, tà khí lưu liên, nãi vi động tiết. Hạ thương ư thử, thu vi giai ngược. Thu thương ư thấp, thượng nghịch nhi khái, phát vi nuy quyết. Đông thương ư hàn, xuân tất ôn bệnh.)



Hoàng Đế Nội Kinh (3) – Sinh khí thông thiên luận 03

kinhdichtam.com dịch



Ăn quá nhiều chua, đắng, ngọt, cay, mặn đều không tốt

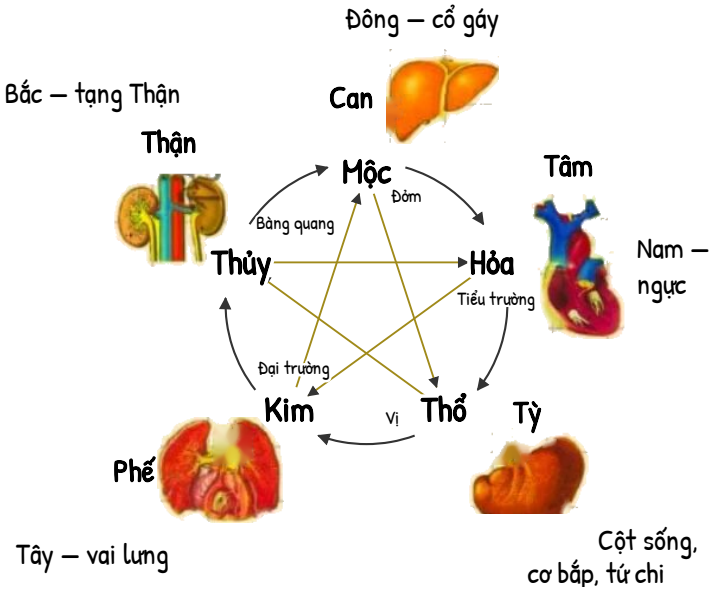
Muối Thanh Hải (thanh diêm): không bị sỏi thận
Ven biển ăn chua: không bị sỏi mật

Viêm ruột thừa:
Nông dân trồng cây ăn quả đem trái cây đổi hải sản của ngư dân
Nông dân trồng cây ăn quả ăn quá nhiều hải sản
Ngư dân ăn quá nhiều trái cây

Ăn uống đừng bồi bổ quá mức; nhai kỹ nuốt chậm, ăn chậm một chút

Hoàng Đế Nội Kinh (4) – Kim quỹ chân ngôn luận 01

kinhdichtam.com dịch

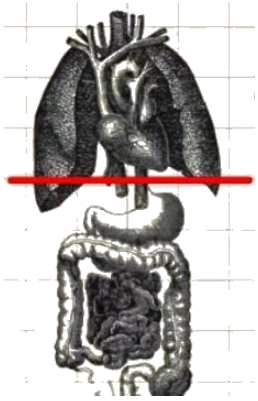


	Nam		
Đông	Nhược phong	Đại nhược phong	Mưu phong
	Anh nhi phong		Cương phong
	Hung phong	Đại cương phong	Chiết phong
	Bắc		Tây

Hung phong

Đàn ông: lưng là dương, phía trước là âm

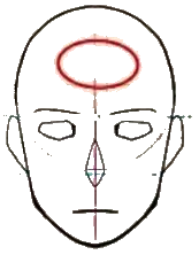
Đàn bà: lưng là âm, phía trước là dương



Dương

Âm

Trọc khí xông lên: đau đầu Dương minh



Mùa xuân bị phong làm hại: bệnh ở đầu

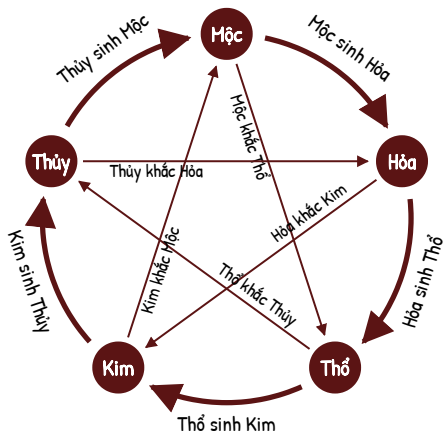
Mùa hạ bị hại: ngực, tim

Mùa thu bị hại: phong ngược

Mùa đông bị hại: tý quyết

Đông, xuân: bệnh ở âm

Hạ, thu: bệnh ở dương



Sắc mặt xanh đen: đau

Đỏ vàng: nhiệt

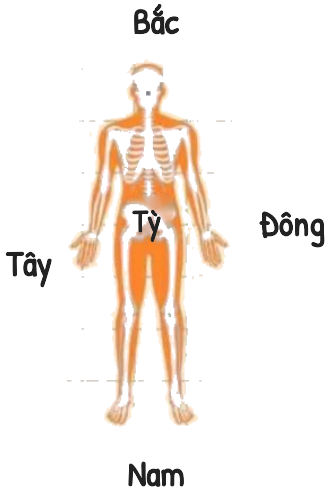
Trắng: hàn

Chữa bệnh thì sắc mặt phải ngày càng trở lại bình thường

Thức ăn:

Vị nhạt vào khí

Vị đậm vào huyết



Hoàng Đế Nội Kinh (4) – Kim quỹ chân ngôn luận 02

kinhdichtam.com dịch

Can: Mộc, màu xanh, gân, khai khiếu ở mắt

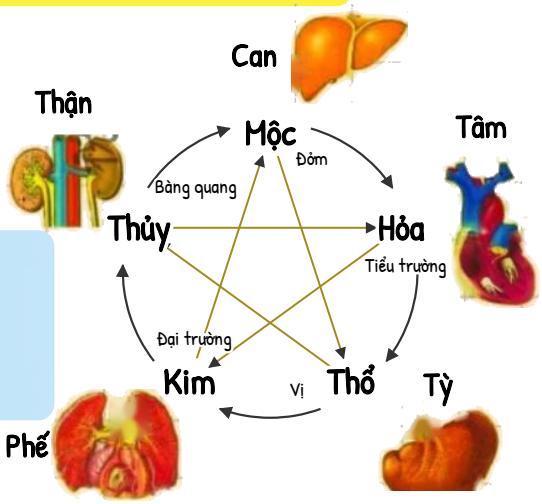
Thức ăn: vị chua, gà, lúa mạch, mận, úc lý nhân, mùi khai

Số 8: bát giác (đại hồi); có cong có thẳng; 8 là cực của âm

Tâm: Hỏa, màu đỏ, khai khiếu ở lưỡi

Thức ăn: vị đắng, dê, kê nếp, mùi khét, mơ

Số 7



Tỳ: Thổ, màu vàng, cơ thịt, khai khiếu ở miệng, cuống lưỡi

Thức ăn: vị ngọt, bò, kê, táo tàu

Số 5

Phế: Kim, màu trắng, khai khiếu ở mũi

Thức ăn: vị cay, thịt cá, ngũ cốc, lê

(kinh văn: gia súc của Phế là ngựa – « kỳ súc mã »)

Số 9

Thận: Thủy, màu đen, xương, khai khiếu ở tai

Thức ăn: vị mặn, cá, heo đen, các loại đậu, hạt dẻ

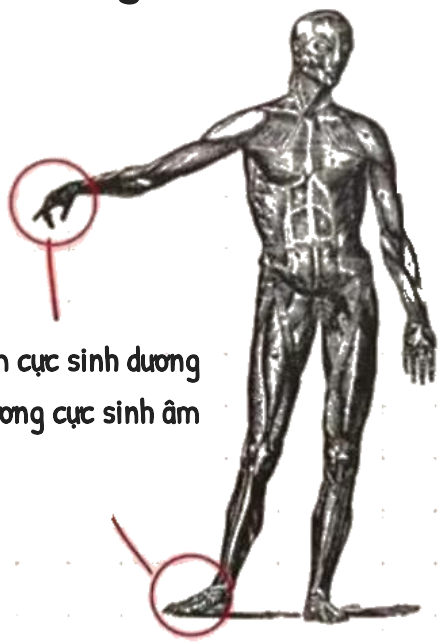
Số 6

Mùa đông khí sắc của người hơi đen một chút; nếu mặt đỏ au là tim không tốt

Muối biển, thanh diêm tốt cho cơ thể hơn

Hoàng Đế Nội Kinh (5) – Âm dương ứng tượng đại luận 01

kinhdichtam.com dịch



Âm tĩnh dương táo, dương sinh âm trưởng, dương sát âm tàng: đó là quan hệ tương tác giữa âm và dương

Dương hóa khí, âm thành hình. Câu này nói âm dương phải cân bằng

Lạnh cực sinh nóng, nóng cực sinh lạnh. Hàn khí sinh đục, nhiệt khí sinh trong

Lạnh cực sinh nóng: rất béo

Mọi khối u, ung thư đều là hàn

Vị nhạt vào khí, vị đậm vào huyết; nhiệt hại khí, hàn hại huyết

Vị quy về hình, hình quy về khí; khí quy về tinh, tinh quy về hóa; tinh ăn khí, hình ăn vị

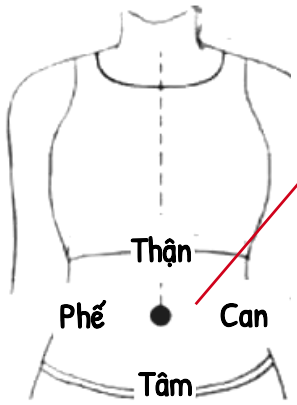
(Vị quy hình, hình quy khí. Khí quy tinh, tinh quy hóa. Tinh thực khí, hình thực vị.)

Người nóng hừng hực: bình thường phải ăn thanh đạm

Vị thuốc: ngọt, cay là dương; chua, đắng là âm

Âm thịnh thì dương bệnh, dương thịnh thì âm bệnh; hàn chồng thì nhiệt, nhiệt chồng thì hàn

Chứng hàn: cực gầy hoặc cực béo
Đau trước sưng sau: khí làm hại hình
Sưng trước đau sau: hình làm hại khí
Phong thái quá: động
Nhiệt thịnh: sưng
Táo thịnh: khô
Hàn thịnh: phù, sắc nhạt
Thấp thịnh: đại tiện lỏng (nhu tiết)



Động quý (nhịp đập rộn)
Mắt đảo động cũng là động quý

Hàn,	Thử,	Táo,	Thấp,	Phong
Đông,	Hạ,	Thu,	Trường hạ,	Xuân
Thận,	Tâm,	Phế,	Tỳ,	Can
Mặn,	Đắng,	Cay,	Ngọt,	Chua
Sợ,	Mừng,	Lo,	Nghĩ,	Giận

Kiểm soát tình chí, nhất định phải giữ cảm xúc ổn định
Biết tránh lạnh, tránh nóng

Hoàng Đế Nội Kinh (5) – Âm dương ứng tượng đại luận 02

kinhdichtam.com dịch

Xơ gan: lúc nguy kịch thì nắm tay không nổi

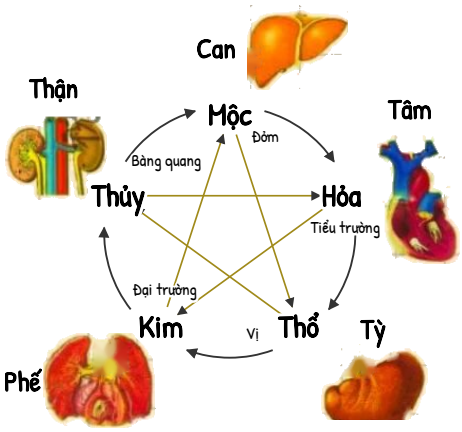
Nấc cụt:
Trong Vị có hàn tích lâu năm + thức ăn mới = nấc
1. Bỏ thức ăn mới; 2. Trừ hàn cũ

Nhiệt hại khí, hàn hại huyết
Thiếu máu: chứng hàn

Phép chữa
Dương thịnh: người nóng, lỗ chân lông đóng, mồ hôi không ra, phải gắng cả thân mình mà thở; phiền oan, bụng đầy thì chết. Ra được mồ hôi thì không sao; ít ngồi phòng máy lạnh
Dùng thuốc giải biểu

Âm thịnh: thân lạnh; lạnh thì quyết, quyết thì bụng đầy mà chết; chịu được mùa hạ, không chịu được mùa đông

Tỳ Vị là gốc của hậu thiên; khí Tỳ Vị mất thì nấc không dứt

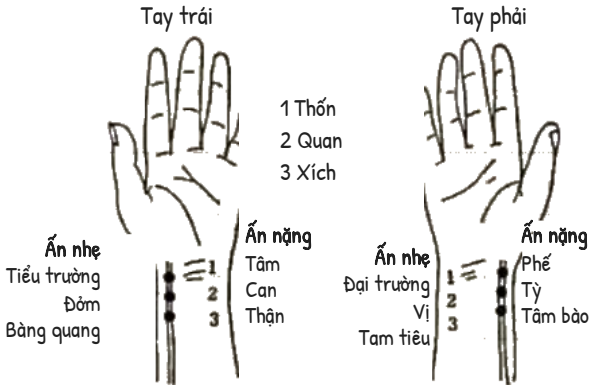


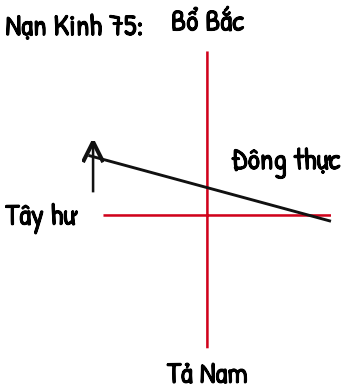
Ngũ vị chế ước lẫn nhau

Cùng chứng thì cùng cách chữa

Bệnh ở biểu: dùng kim cạo nhẹ
Bệnh ở đâu châm ở đó

Mạch phù, mạch hoạt là dương
Mạch sáp, mạch trầm là âm





Lúc bệnh đang thịnh phải đợi thời, không được cứng rắn tấn công; giữ thế thủ, trước hết củng cố gốc, chờ thời cơ

Cuối hạ đầu thu, lúc Tỳ vượng:
tấn công cho nhanh, thu tay trước khi qua thời điểm ấy

Hãn pháp (cho ra mồ hôi): bệnh ở biểu, ở thượng tiêu
Thổ pháp (gây nôn): bệnh ở thượng tiêu
Tiết pháp (cho đi tả): bệnh ở dưới, dẫn ra mà tháo hết

Nạn Kinh 75: Can có thực
Đông thực Tây hư: tả Nam, bổ Bắc
Kim có thể bình Mộc
Thực thì tả tử, hư thì bổ mẫu
Tử có thể làm mẫu thực, mẫu có thể làm tử hư

Giãn tĩnh mạch: phép mậu thích – chích tĩnh mạch xanh cho ra máu

Hoàng Đế Nội Kinh (6) – Âm dương ly hợp luận

kinhdichtam.com dịch

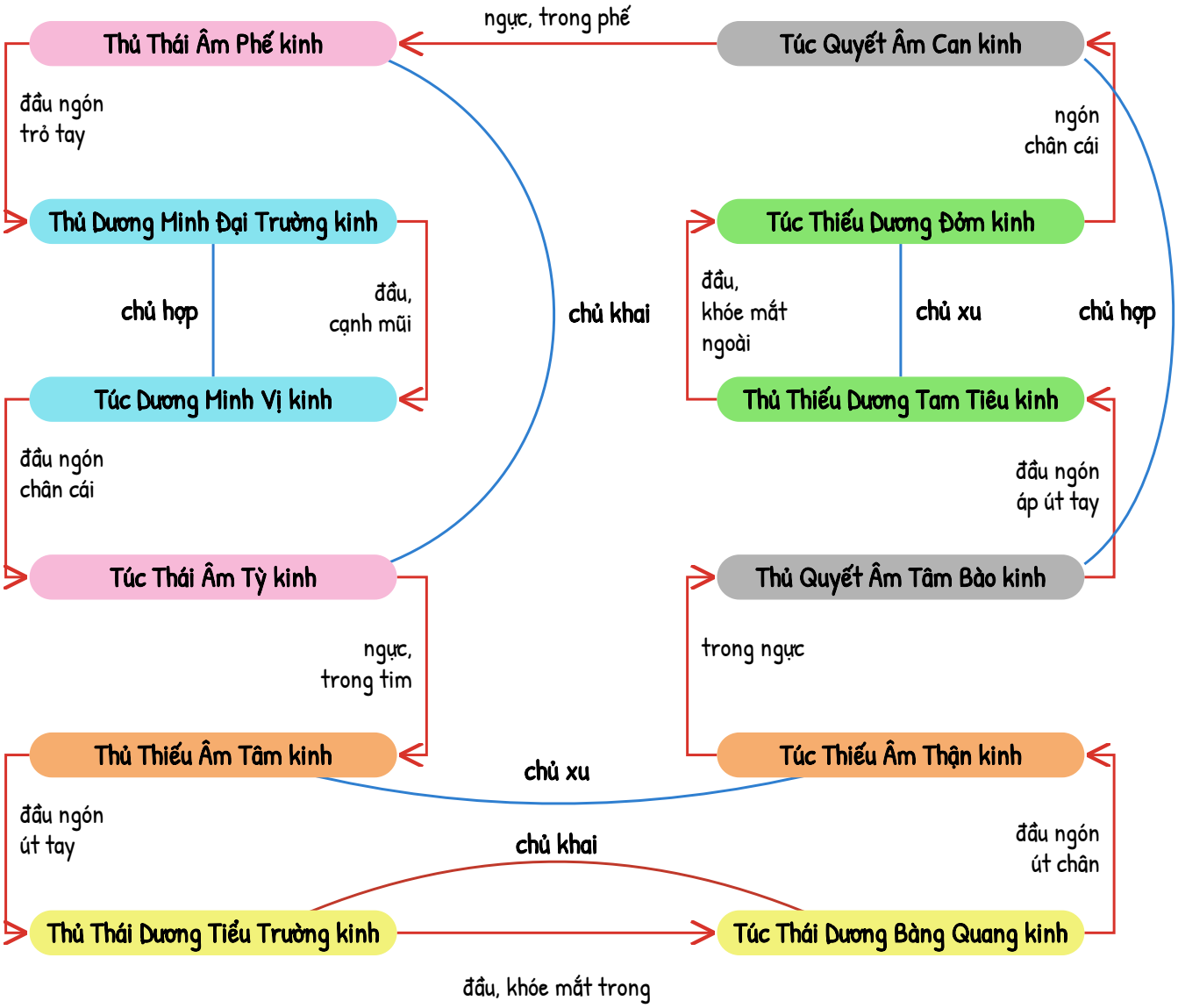


Trên mặt đất là dương
Dưới mặt đất là âm

Thái Dương: kinh Tiểu Trường, kinh Bàng Quang – chủ khai
Thiếu Dương: kinh Tam Tiêu, kinh Đởm – chủ xu
Dương Minh: kinh Đại Trường, kinh Vị – chủ hợp

Thái Âm: kinh Phế, kinh Tỳ – chủ khai
Thiếu Âm: kinh Tâm, kinh Thận – chủ xu
Quyết Âm: kinh Can, kinh Tâm Bào – chủ hợp

(khai = mở, hợp = đóng, xu = bản lề)



Hoàng Đế Nội Kinh (7) – Âm dương biệt luận 01

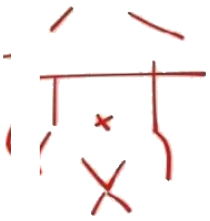
kinhdichtam.com dịch



Mạch bình thường: dương ở trong âm, phải tiềm tàng

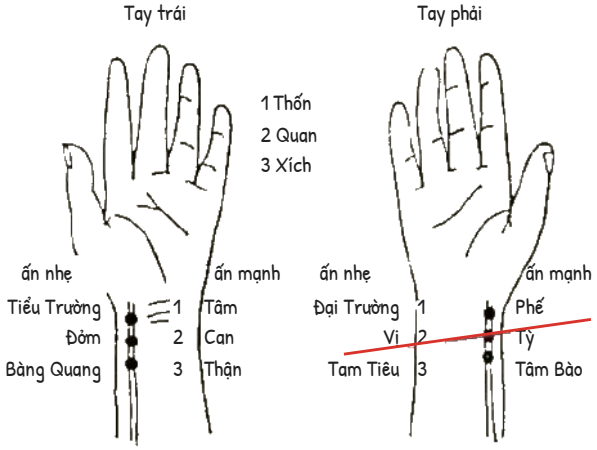


Chỗ của mạch Vị
lấy đây làm chuẩn so sánh;
mạch nào gần giống nó thì bệnh ở tạng đó



Mạch tràn ra ngoài: họng có vấn đề
Có khối u: mạch cong, hướng lên trên

Nam: tay trái mạch khí, tay phải mạch huyết
Nữ: tay trái chủ huyết, tay phải chủ khí
Mạch tay trái lớn hơn mạch tay phải



Mạch Tâm và mạch Vị xấp xỉ nhau: bình thường

Mẹo: trúng phong chữa đến cuối mà mắt vẫn nhắm không kín → Dương Minh

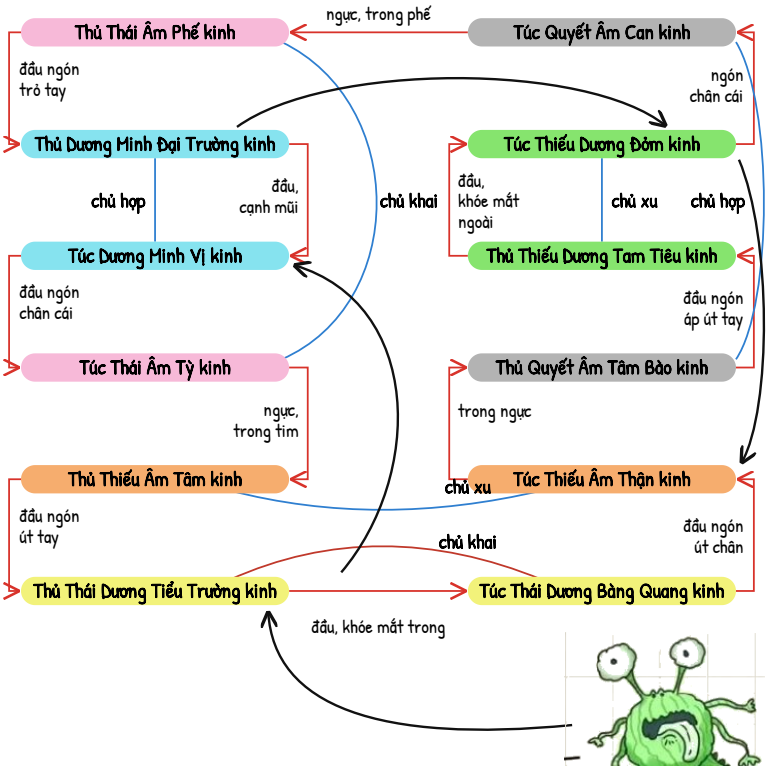


Chân tạng mạch: âm quá thịnh, mạch dật



Chân tạng mạch: mạch phúc

Chân tạng mạch hiện ra thì biết được ngày chết



Thái Dương: kinh Tiểu Trường, kinh Bàng Quang – chủ khai
Thiếu Dương: kinh Tam Tiêu, kinh Đởm – chủ xu
Dương Minh: kinh Đại Trường, kinh Vị – chủ hợp

Thái Âm: kinh Phế, kinh Tỳ – chủ khai
Thiếu Âm: kinh Tâm, kinh Thận – chủ xu
Quyết Âm: kinh Can, kinh Tâm Bào – chủ hợp

Bệnh trước tiên vào Thái Dương: phát sốt, lúc nóng lúc lạnh
Không khỏi thì:
1. Vào Dương Minh: táo nhiệt, táo bón – tới đó là dừng
2. Vào Thiếu Dương: bản lề (then chốt), có thể chuyển vào kinh âm

Hoàng Đế Nội Kinh (7) – Âm dương biệt luận 02

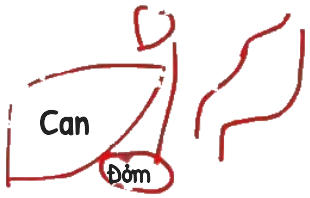
kinhdichtam.com dịch

Nhị dương phát bệnh: Dương Minh, phát ở Tâm Tỳ, chủ huyết; tinh ít, kinh nguyệt ngưng trệ, huyết hư, phong tiêu; thở phải dùng cổ gắng sức mà thở: rất nguy hiểm

Tam dương phát bệnh: Thái Dương, phát nóng lạnh; hàn thủy nặng, đọng lại không đi, phía dưới sưng [?], chân sinh nhọt, chuột rút, da thô ráp

Dương khí đình trệ: co giật (kinh quyết), cơ thể mất tri giác – thị lực, mắt tai mũi lưỡi...
Khi nổi giận, dương khí xông lên, dễ ngất (hôn quyết)

Huyệt Trung Cực: ruột không sa xuống
Kinh Bàng Quang có vấn đề: ruột sa xuống, sán khí (thoát vị)



Dịch mật phun ra cùng tốc độ với nhịp tim

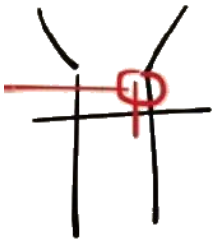
Nhất dương phát bệnh: Thiếu Dương phát bệnh, thiếu khí, hay nghẹn (cách), hay tiêu chảy; dịch mật trào ngược về tim, nghẹn (cách); sỏi mật chặn lại, sưng to, nuốt không trôi. Thuốc vào Thiếu Dương, tăng sức tim để mật phun ra

Nhị dương nhất âm phát bệnh: Dương Minh, Quyết Âm – chủ kinh hãi, đau lưng, hay thở dài; phong quyết

Nhị âm nhất dương: Thiếu Âm, Thiếu Dương – bụng trướng, tim đầy tức, thở hắt ra, tán [?]

Tam dương tam âm phát nhiệt: Thái Dương, Thái Âm; chứng Thái Dương: liệt nửa người, cơ teo, tứ chi không nhấc lên được; tứ chi thuộc dương, Tỳ quản tứ chi, cơ nhục

Cổ nhất dương: là mạch câu
Tim có vấn đề
Cổ dương, mạch gấp: tạng Can
Cổ dương như hòn đá: tạng Thận
Cổ nhất âm: mạch mao
Phổi
Mạch lên xuống lúc to lúc nhỏ, âm dương tương quá: mạch Tỳ
Âm tranh nhau ở bên trong, tứ nghịch: tay chân lạnh ngắt, vì tinh lực đã mất hết; trong phổi sẽ khô, lúc này sinh ra thở khò khè (suyễn minh)
(cổ = mạch nhô lên, đập vào tay)



Hoàng Đế Nội Kinh (7) – Âm dương biệt luận 03

kinhdichtam.com dịch



Lòng bàn tay màu hồng phấn, trắng + một chút đỏ: thượng tiêu Phế + tim
Nếu một ngày Can bị chiếm, có thực, máu cũng xông vào tim: lòng bàn tay đỏ sẫm

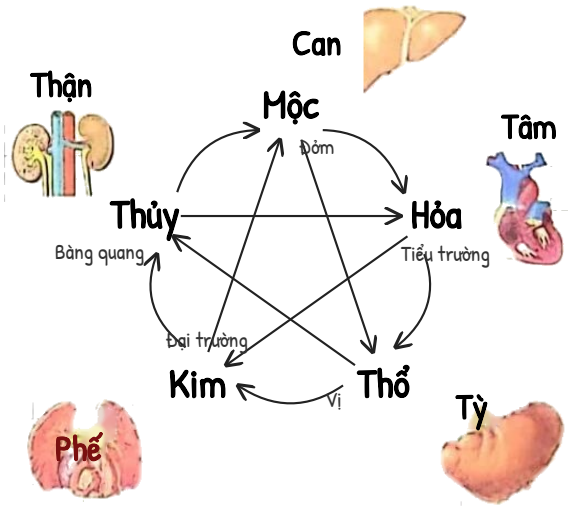
Ngũ tạng có thể đầy, không thể thực: không được mọc thứ gì; ví dụ vị có thể chứa đầy
Lục phủ có thể thực, không thể đầy: phải bài tiết được, không được táo bón không bài tiết

Can, Tâm là dương: Can có thực, dương rất cang, mộc sinh hỏa, mạch tim đập rất nhanh, có thể tới 7-8 nhịp

Phế, Thận là trùng âm: Thận có bệnh, Phế vẫn không ngừng cung cấp tân dịch → nặng thêm

Thận và Tỳ: ở người bình thường, thổ trị thủy
1. Bệnh thủy: làm mạnh Tỳ
2. Thận dương: muốn giữ vững phải nhờ thổ, làm mạnh Tỳ

Tử âm: Tâm và Phế; Tâm thuộc hỏa, tân dịch của Phế không đủ, hỏa lớn đốt khô



Dương kết: sưng tứ chi

Âm kết: có 1 tạng bị kết thì mất máu 40 cc, 2 tạng 80 cc, cứ thế suy ra; qua đại tiện, tiểu tiện, nôn ra đều có thể — Ví dụ: lao phổi

Âm dương đồng kết:
[âm] thịnh dương yếu, bụng dưới phù thũng

Nhị dương kết: vị khí kết lại không tán xuống được, vị rất nóng, làm bốc hơi nước, tiêu hóa thức ăn nhanh: tiêu khát

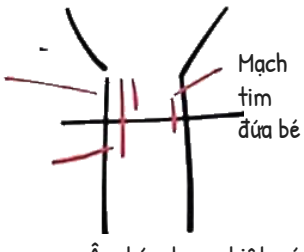
Tam dương kết: Thái Dương, Tiểu Trường, Bàng Quang; cách (bế tắc), tiểu tiện không ra nữa

Tam âm kết: Thái Âm, tạng Tỳ, tạng Phế; hàn thủy, lý hàn, khí hóa thành nước, tràn ra, ứ lại trong cơ thể

Nhất âm nhất dương kết: Can Quyết Âm, Thiếu Dương – hầu tý

Hai mạch dương

Mạch âm to ra



Âm bác dương biệt: có thai

Hoàng Đế Nội Kinh (7) – Âm dương biệt luận 04

kinhdichtam.com dịch

Âm dương hư: hạ lỵ, trường tích; hạ lỵ không dứt: rất nguy hiểm

Dương gia ư âm: người bệnh mồ hôi chảy không dứt; vận động mà đổ mồ hôi thì là bình thường

Mạch xích hư, mạch dương bác: băng, người bệnh ra máu rất nhiều

Bình thường mạch âm (mạch xích) trầm xuống; lúc hư thì phù, ấn một cái là không còn

Tam âm câu bác: tạng Tỳ, tạng Phế; sau 20 ngày, chết lúc nửa đêm, khi mộc khí đang vượng

Nhị âm câu bác: Tâm và Thận; sau 13 ngày, chết lúc mặt trời chiều lặn về tây

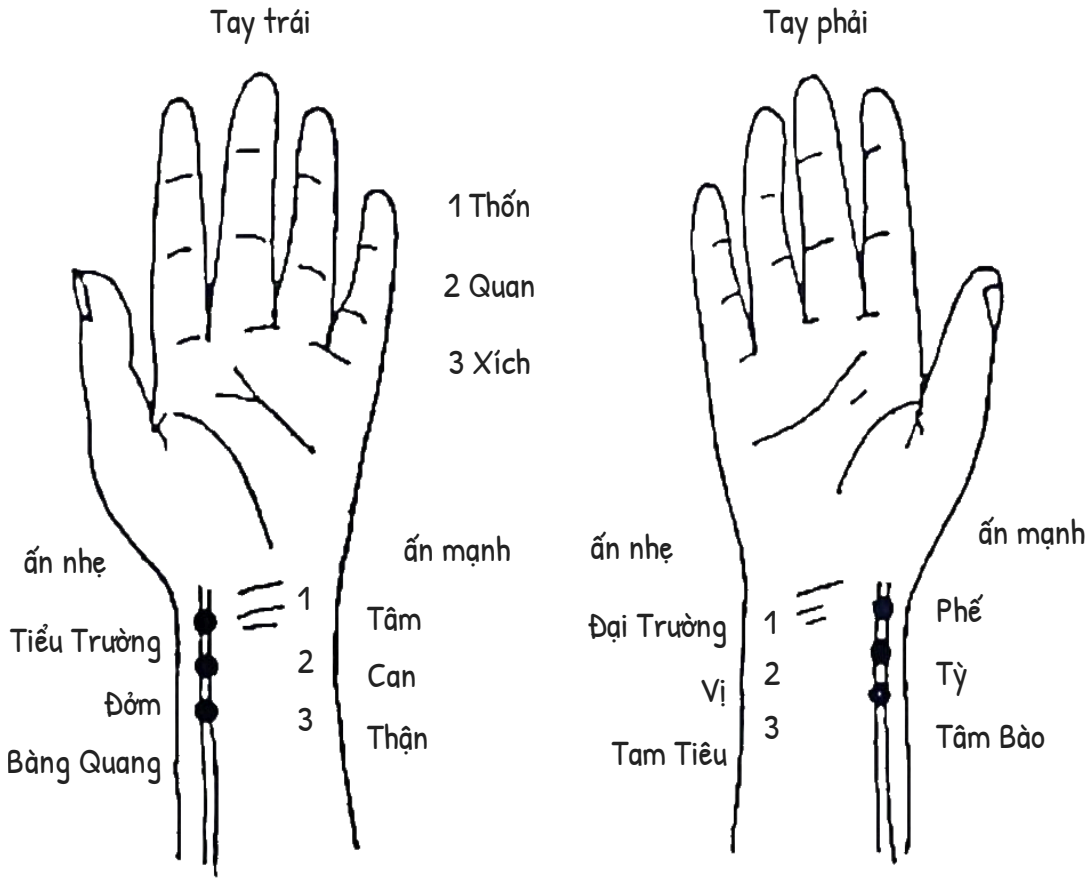
Nhất âm câu bác: Can và Tâm Bào; 10 ngày thì chết

Tam dương câu bác: Bàng Quang, Tiểu Trường; cứng như xương; 3 ngày

Tam âm tam dương câu bác thả cổ: Thái Âm, Thái Dương; Tỳ chủ tâm phúc; 5 ngày

Nhị dương câu bác: Dương Minh, âm không còn nữa; bệnh ôn, không quá 10 ngày

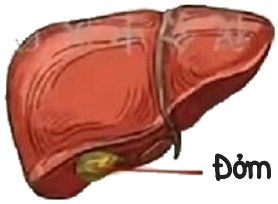
(câu bác = đều đập mạnh)



Hoàng Đế Nội Kinh (8) – Linh lan bí điển luận

kinhdichtam.com dịch

Tâm là quan quân chủ; trung không (rỗng ở giữa), có chân thủy ở trong, nguồn gốc ở Thận
Phải làm người sáng suốt, rõ ràng minh bạch
Phế là quan tướng phó
Can là quan tướng quân
Đởm là quan quyết đoán; không có đởm khí thì không quyết đoán được

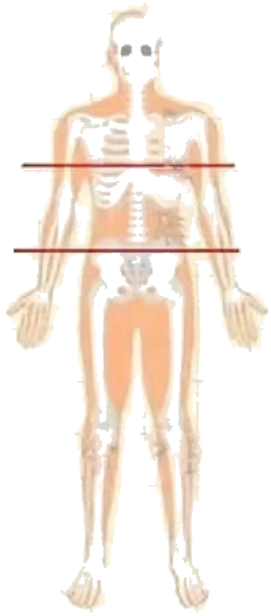


Can chủ mục: mắt
1. Mắt mờ: dùng mắt quá độ, máy tính
2. Nhìn một thành hai (trùng ảnh), chứng ruồi bay trước mắt
Đởm: nôn thốc nôn tháo, trung tiêu có nước
Nhìn vật thấy lộn ngược

Tâm Bào: quan thần sứ – chính là thái giám
Tỳ Vị: quan thương lẫm (kho lương) – như sở nông nghiệp
Tiểu Trường: quan thụ thịnh
Thận: quan tác cường – kỹ xảo
Tam Tiêu: quan quyết độc – đường nước từ đó mà ra
Bàng Quang: quan châu đô – tân dịch chứa ở đó

Nguồn gốc Tam Tiêu ở khoảng giữa hai thận: Quan Nguyên
Đi lên trên
Trên cơ hoành: thượng tiêu
Cơ hoành tới bụng dưới: trung tiêu
Dưới bụng dưới: hạ tiêu
Màng lưới mỡ, nước chạy nhanh: nhờ nhiệt của Thận dương, mỡ của tạng Tỳ

Chứng ung thư, khối u đều là lý hàn: thấp hàn tích tụ lâu ngày



Điểm mấu chốt:
Tâm tình phải tốt, đừng ham muốn quá mãnh liệt, biết đủ thì thường vui

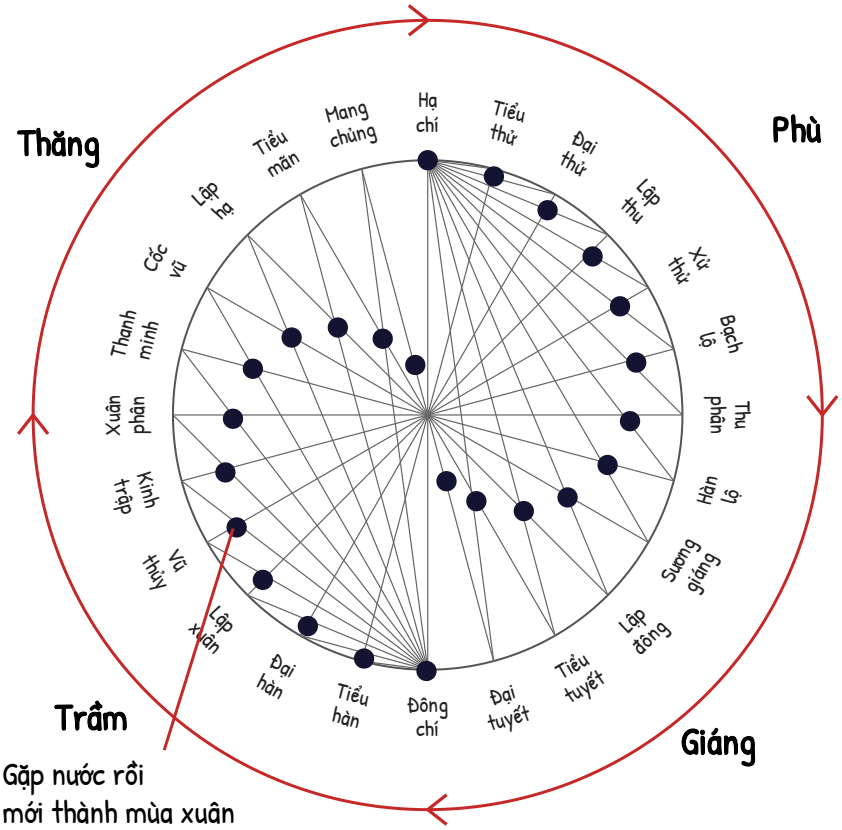
Hoàng Đế Nội Kinh (9) – Lục tiết tạng tượng luận 01

kinhdichtam.com dịch

10 thiên can, 12 địa chi, 60 × 6 = 360

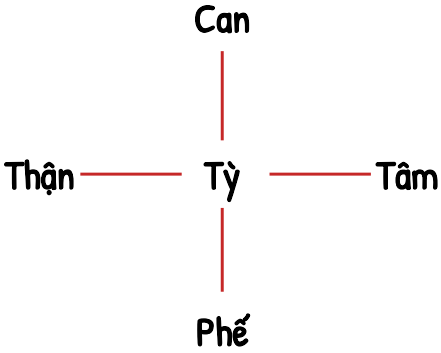
Biểu, bán biểu bán lý, lý: ví dụ phương bắc không khí lạnh, phải có tiền sảnh (hai lớp cửa) để chặn khí lạnh: đó là bán biểu bán lý.

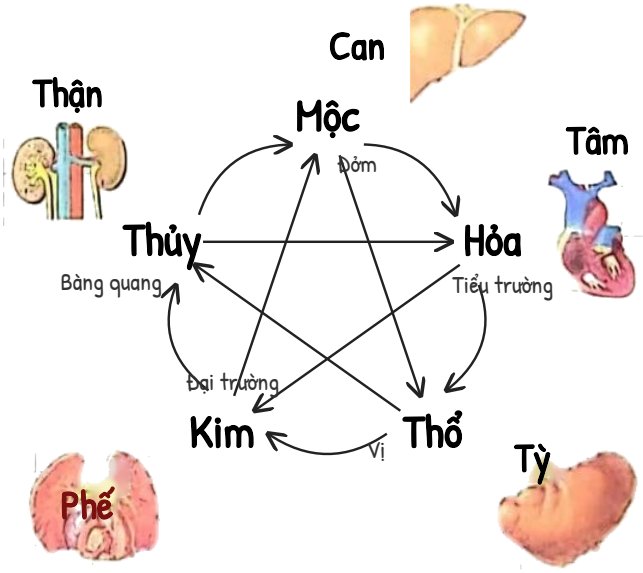
5 ngày là một hậu, 15 ngày là một khí; cho nên một năm 365 ngày, 24 tiết khí



Nước là cố định:
bên này hạn hán
thì bên kia lụt lội
Mùa đông mưa sớm
mùa hạ hạn hán
ngược lại thì lụt

Gặp nước rồi
mới thành mùa xuân





Xuân thắng trưởng hạ: mộc khắc thổ
Ví dụ: tạng Tỳ có vấn đề thì chữa tạng đang thắng: tạng Can
Cứ thế suy ra

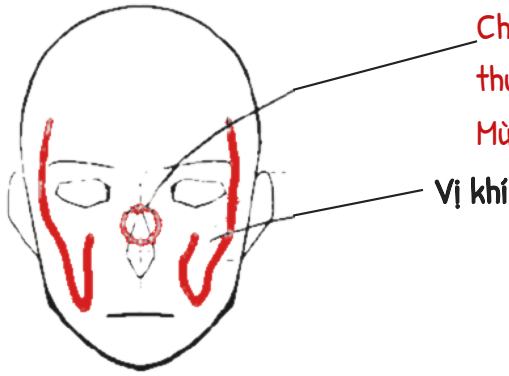
Đông hành xuân lệnh:
mùa đông lẽ ra phải lạnh, kết quả lại rất nóng
Mộc khí quá vượng sẽ khắc thổ

Khí trời: lạnh không quá năm, nóng không quá năm
Ví dụ: táo vừa hái, không quá 5 ngày, vị chua của mộc sẽ lui đi

Hoàng Đế Nội Kinh (9) – Lục tiết tạng tượng luận 02

kinhdichtam.com dịch

Thực vật chia thành 5 màu: xanh, đỏ, vàng, trắng, đen
Năm vị: chua, đắng, ngọt, cay, mặn
Trời cho người ăn ngũ khí, người ăn ngũ vị



Chỗ của tâm khí: gân xanh, tĩnh mạch nổi ngoằn ngoèo – thuộc về tim
Mùa hạ là lúc tim vượng: sẽ không chết vì bệnh tim

Phép mậu thích:
bệnh ở kinh lạc: chích máu ở tinh huyệt, chích lể cho ra máu trên gân xanh

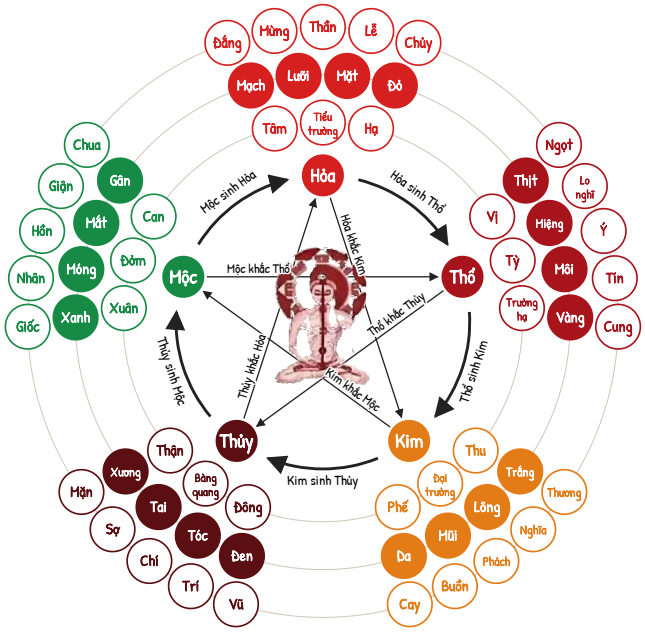
Tâm tàng thần, thần là dương
Phế tàng phách, phách là âm
Phế chủ bì mao, lông là phần dư của huyết, thông với khí mùa thu: túc sát, táo kim

Tạng Thận: lấy cơ hoành làm mặt đất, Thận như rễ cây, ở trong đất, chủ thu tàng; chủ xương, răng là phần dư của xương, xương tàng tủy, Thận có thể sinh tủy, não là bể tủy, tóc là mộc; Thận chủ màu tóc, sắc trạch; vượng vào mùa đông

Can là tạng âm, hồn là dương hồn; cân (gân); phần dư của gân là móng tay

Tạng Tỳ, huyết; một vòng quanh môi chính là khí của Tỳ

[?] đồ mặn ăn nhiều thì ảnh hưởng Thận; vị mặn đi vào huyết, chủ yếu là ảnh hưởng tới tim



Ăn uống phải điều độ, không được quá mức

Hoàng Đế Nội Kinh (9) – Lục tiết tạng tượng luận 03

kinhdichtam.com dịch

Cả mười một tạng phủ đều lấy quyết định ở Đởm. (Phàm thập nhất tạng, thủ quyết ư đởm dã.)

Cho nên Nhân Nghênh lớn hơn một mức: bệnh ở thiếu dương. (Cố Nhân Nghênh nhất thịnh, bệnh tại thiếu dương.)

Lớn hơn hai mức: bệnh ở thái dương. (Nhị thịnh bệnh tại thái dương.)

Ba mức: bệnh ở dương minh. (Tam thịnh bệnh tại dương minh.)

Bốn mức trở lên là cách dương. (Tứ thịnh dĩ thượng vi cách dương.)

Thốn khẩu lớn hơn một mức: bệnh ở quyết âm. (Thốn khẩu nhất thịnh, bệnh tại quyết âm.)

Hai mức: bệnh ở thiếu âm. (Nhị thịnh bệnh tại thiếu âm.)

Ba mức: bệnh ở thái âm. (Tam thịnh bệnh tại thái âm.)

Bốn mức trở lên là quan âm. (Tứ thịnh dĩ thượng vi quan âm.)

Nhân Nghênh và thốn khẩu đều thịnh gấp bốn trở lên là quan cách. Mạch quan cách…
(Nhân Nghênh dữ thốn khẩu câu thịnh tứ bội dĩ thượng vi quan cách. Quan cách chi mạch…)

Ngoại quan nội cách: âm thừa dương vị (âm lấn chỗ của dương), mạch dật

Nội quan ngoại cách: dương thừa âm vị, mạch dương cứ đi thẳng xuống dưới, mạch phúc

Nước âm vào tim
Âm thừa dương vị



Mạch đập rất dữ: cũng gần xong rồi

Hỏa sinh thổ, mộc chế thổ
Ruột non nhiều dịch âm,
dương tới « cách » (ngăn)
→ tân dịch khô hết

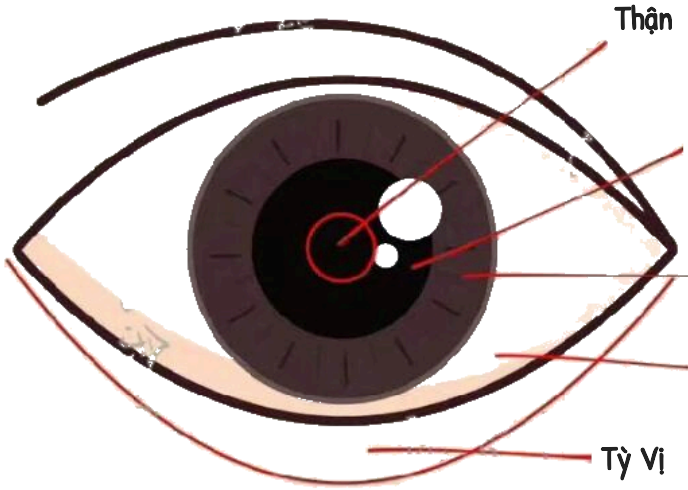
Hoàng Đế Nội Kinh (10) – Ngũ tạng sinh thành 01

kinhdichtam.com dịch

Con gái lông trên da quá nhiều: ăn nhiều vị đắng
Đàn ông hói đầu: ăn đồ ngọt quá nhiều

Chuột rút: ăn ngọt để làm dịu; Can có bệnh thì thực Tỳ; ăn thức ăn vào Phế để thực Tỳ

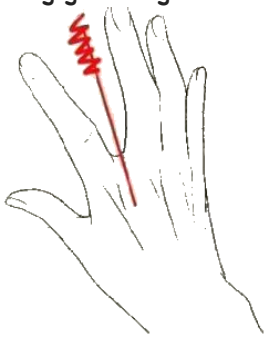
Sắc và vị ứng với ngũ tạng: trắng ứng Phế, cay; đỏ ứng Tâm, đắng; xanh ứng Can, chua; vàng ứng Tỳ, ngọt; đen ứng Thận, mặn. Cho nên trắng ứng da, đỏ ứng mạch
(Sắc vị đương ngũ tạng: bạch đương phế tân, xích đương tâm khổ, thanh đương can toan, hoàng đương tỳ cam, hắc đương thận hàm. Cố bạch đương bì, xích đương mạch)



Hình bị thương thì đau, khí bị thương thì sưng (hình thương thống, khí thương thũng)

Can nhận được huyết thì mắt nhìn được; chân nhận được huyết thì đi được; bàn tay nhận được huyết thì nắm được; ngón tay nhận được huyết thì cầm giữ được. Nằm ngủ mà bị gió thổi vào: huyết ngưng ở da thì thành tý; ngưng ở mạch thì thành khấp (rít động); ngưng ở chân thì thành quyết. Ba thứ này đều do huyết đi mà không trở về được chỗ trống của nó, nên thành tý quyết.
(Can thụ huyết nhi năng thị. Túc thụ huyết nhi năng bộ. Chưởng thụ huyết nhi năng ác. Chỉ thụ huyết nhi năng nhiếp. Ngọa xuất nhi phong xuy chi, huyết ngưng ư phu giả vi tý. Ngưng ư mạch giả vi khấp. Ngưng ư túc giả vi quyết. Thử tam giả, huyết hành nhi bất đắc phản kỳ không, cố vi tý quyết dã.)

Huyệt Bát Phong, Bát Tà:
tay chân sưng, bong gân sưng



Giãn tĩnh mạch:
do bản thân có nhiệt, ban đêm lại bị gió thổi

Huyết về Can mới ngủ được
1. Chứng thực: không ngủ được
2. Chứng hư: sức chảy ngược về không đủ

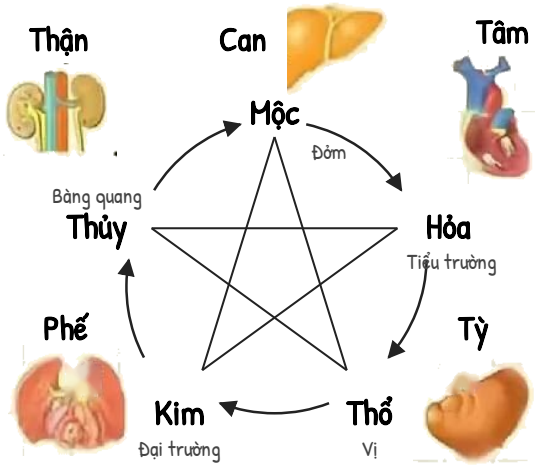
Vấn đề thị lực:
Âm: nhìn mờ, thoái hóa
Dương: nhìn vật thấy lắc lư; trái là huyết, phải là khí

Khi ngủ: đắp kín người, chân để thò ra ngoài được; Can không ưa gió, tim ưa lạnh; cổ để hở ra

Hoàng Đế Nội Kinh (10) – Ngũ tạng sinh thành 02

kinhdichtam.com dịch

Ngũ mạch



Mạch bình thường

Mạch Can: huyền, như cành cây

Mạch Tâm: hồng, to thô

Mạch Tỳ: hoãn, mềm, hòa hoãn

Mạch Phế: phù, ở biểu; ấn xuống thì chìm; ấn mà không chìm: bệnh ở bì mao (da, lông)

Mạch Thận: trầm, ấn tới sát xương

1. Đau đầu thực chứng: chứng điên tật

Dưới hư trên thực: chữa ở dưới

2. Hư chứng: tai nghe không được, mắt mờ mịt nhìn không rõ

Xuất hiện ở kinh Đởm, kinh Can

4. Thực chứng: ngực sườn trướng đầy, bụng dưới trướng đầy, cứng; vấn đề ở tạng Tỳ, Tỳ ăn quá nhiều

5. Ho, khí nghịch lên, quyết ở trong ngực: Đại trường, Phế; hàn khí ở trong ngực, Phế quá lạnh, người bệnh ho; Phế ưa ấm, không ưa lạnh

6. Tâm phiền, đau đầu, bệnh ở trong cách (cơ hoành): bệnh ở Tâm, Tiểu trường; tâm hỏa không xuống được, nhiệt khí xông lên

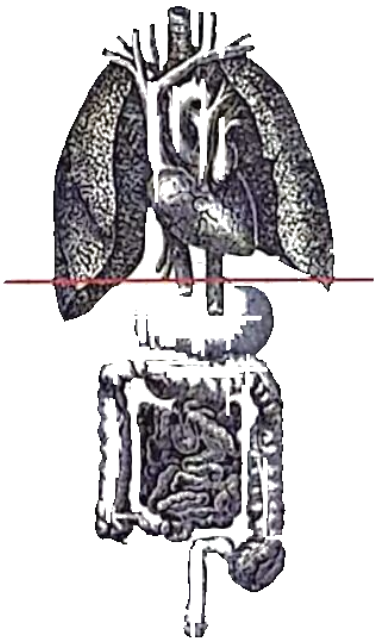
Yếu lĩnh chẩn mạch: hoạt, phù, sáp, trầm

Phù, hoạt là dương

Sáp, trầm là âm

Mùa đông mạch trầm, sắc tối: là bình thường

Nếu mặt đỏ, mạch phù đại: có vấn đề



Hoàng Đế Nội Kinh (10) – Ngũ tạng sinh thành 03

kinhdichtam.com dịch

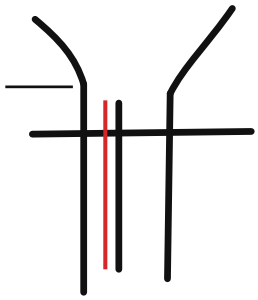
Xanh, đỏ, vàng, trắng, đen: mạch của năm sắc

Ăn quá nhiều:
1. Ăn nhiều cho vui
2. Ăn uống không chú tâm, lo buồn

Mạch khi mặt đỏ quá: hồng đại, suyễn, mạch cứng, tích khí ở giữa

Mạch khi mặt trắng quá: mạch phù, suyễn; trên hư dưới thực; tích khí ở ngực; phế tý; say rượu rồi gắng gượng giao hợp

Mạch khi mặt xanh quá: dài, bật qua trái qua phải – bật qua trái qua phải là có tích khí ở tâm hạ (dưới tim); can tý. Mắc do hàn thấp, cùng phép với chứng sán; sẽ gây đau lưng, chân lạnh ngắt, đầu cũng đau

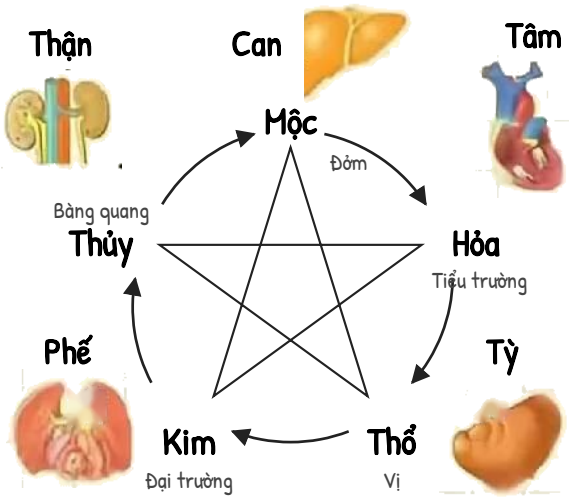


Mạch khi mặt vàng quá: đại mà hư, không có lực; tích khí ở bụng; hàn khí; quyết sán, hàn sán

Con gái: tử cung, bụng dưới lạnh thì không thụ thai được; phải trừ lý hàn (lạnh bên trong) – cứu ngải khá hiệu quả

Kiêng nhất là ra mồ hôi mà gặp gió. Thái dương chủ mở, dương minh chủ đóng, thiếu dương là then cửa

Mạch khi sắc mặt đen quá: trên cứng mà lớn, tích khí ở bụng dưới; mạch Thận đáng lẽ phải trầm. Phong hàn thấp tý, khí huyết không thông: vì tắm nước lạnh xong là nằm xuống ngủ ngay



Còn nữa: không có bệnh
mà màu sắc không bình thường thì là sắc tai họa

Hoàng Đế Nội Kinh (11) – Ngũ tạng biệt luận

kinhdichtam.com dịch

Não, tủy, xương, mạch, đởm, nữ tử bào (tử cung): sáu thứ này do địa khí sinh ra

(não, tủy, cốt, mạch, đởm, nữ tử bào, thử lục giả, địa khí chi sở sinh dã)

Tàng mà không tả (tàng nhi bất tả): chứa được, không tả được

Vị, Đại trường, Tiểu trường, Tam tiêu, Bàng quang

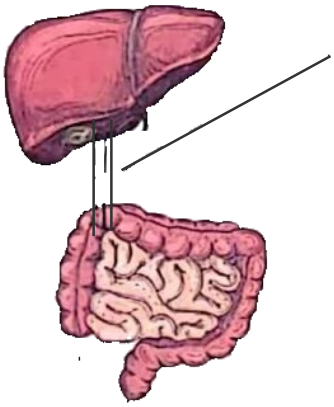
Năm thứ này do thiên khí sinh ra, khí của chúng giống trời, nên tả mà không tàng

(phủ vị, đại trường, tiểu trường, tam tiêu, bàng quang, thử ngũ giả, thiên khí chi sở sinh dã, kỳ khí tượng thiên, cố tả nhi bất tàng)

Tả được, không tàng được

Não úng thủy:
mọc khối u, tích nước
1. Đàn bà sưng đầu thì nguy, sưng chân còn cứu được
2. Đàn ông sưng đầu không sao, sưng chân thì không được

Ngũ tạng đầy được mà không thực được
Lục phủ thực được mà không đầy được
(ngũ tạng khả mãn bất khả thực, lục phủ khả thực bất khả mãn)



Mạch máu (này) không có van, sẽ chảy ngược
Chữa Can nhất định phải chữa Đại trường

Chứng thấy: bôn đồn, tắc ruột

Chữa bệnh: trước xem đại tiểu tiện, rồi xem tình hình mạch, rồi xem tình chí

Vị là biển của thủy cốc, là nguồn lớn của lục phủ
(vị giả, thủy cốc chi hải, lục phủ chi đại nguyên dã)

Tâm Phế có bệnh thì mũi vì thế mà không thông
(tâm phế hữu bệnh nhi tỵ vi chi bất lợi)

Bệnh mà không cho chữa (bệnh bất hứa trị)

Người sợ châm cứu thì đừng nói với họ Đông y hay thế nào
Lại có người đi khám bệnh mà không uống thuốc, không châm kim, chẳng muốn gì cả: cũng không có cách chữa
Nói chung: thầy thuốc không gõ cửa (y bất khấu môn)

Hoàng Đế Nội Kinh (12) – Dị pháp phương nghi luận

kinhdichtam.com dịch

Địa điểm: phương đông, là đất của cá và muối; thích ăn mặn, khiến người nhiệt ở trong (âm không đủ, dương có thừa)

Ăn muối quá nhiều thì thắng huyết. Người da đen; mở rộng ra: âm quá thịnh, dương không đủ, ăn mặn

Bệnh chứng: bệnh ung nhọt lở loét, sưng mủ hóa mủ; thấp nhiệt khá thịnh

Điều trị: châm cứu, biếm thạch (đá dùng để châm)

Địa điểm: phương tây, là thành của vàng ngọc; ở vùng núi rừng cao, nhiều gió; thích ăn rất nhiều thịt; tà không làm hại được hình thể

Bệnh chứng: béo mập; bệnh đều là bệnh bên trong

Điều trị: chữa bệnh phải dùng « thuốc độc » (thuốc có độc tính)

Địa điểm: phương bắc, đất lạnh giá băng tuyết; thích đồ ăn từ sữa

Bệnh chứng: khá lạnh, sinh bệnh đầy trướng

Điều trị: cứu ngải là tốt nhất, chữa bằng nhiệt

Địa điểm: phương nam, đất của sinh trưởng; sương mù nhiều; người ta thích ăn chua (đồ lên men)

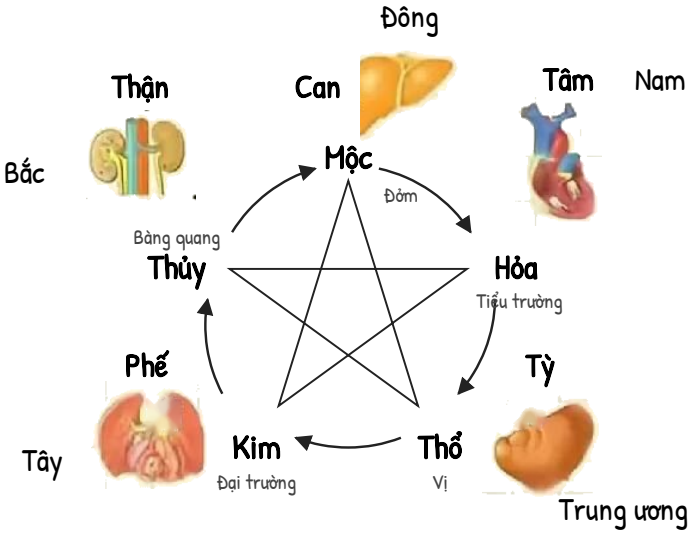
Bệnh chứng: bệnh co rút, tê bại

Điều trị: vi châm (kim nhỏ), châm cứu dùng nhiều

Địa điểm: trung ương, kiếm thức ăn dễ; lao động ít

Bệnh chứng: nuy quyết, hàn nhiệt

Điều trị: đạo dẫn, án kiểu – tức là công phu (luyện tập)

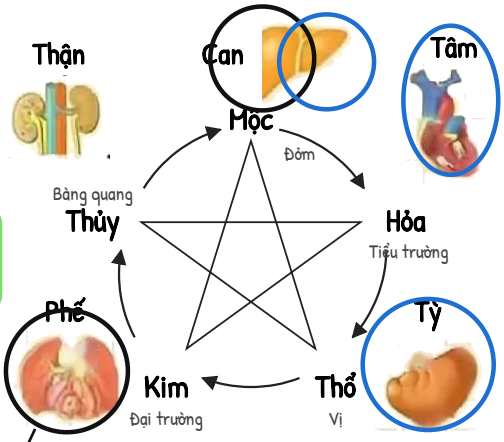


Hoàng Đế Nội Kinh (13) – Di tinh biến khí luận

kinhdichtam.com dịch

Người thời xưa ít dục vọng, sống giữa rừng cây: chỉ cần chúc do (cúng khấn) là được, bệnh dễ khỏi; người hiện đại dục vọng mãnh liệt, áp lực lớn, sống giữa sắt thép xi măng: bệnh không dễ khỏi, phải dùng thuốc mạnh

Sắc mạch: Can, Tâm, Tỳ, Phế, Thận
xanh, đỏ, vàng, trắng, đen
huyền, hồng, hoãn, phù, trầm



Công thức: mạch + sắc mặt

Thời trung cổ chữa bệnh, phòng bệnh: thang dịch mười ngày, để trừ bệnh bát phong ngũ tý (tám thứ gió, năm chứng tý)

Mười ngày mà không khỏi thì liệu trình này không chữa được nữa

Có thể dùng những thứ như loại cỏ, loại rễ thân, loại quả hạt

Thang tễ có hai loại: rửa ngoài và uống trong

Những trường hợp chúng ta dùng tới rửa ngoài:

Loại thứ nhất: ngay trên da – bệnh ngoài da, ngứa...

Loại thứ hai: không uống nổi thuốc

Kim khắc mộc: tặc tà, nặng
Ở mạch Can lại bắt được mạch Phế
Mùa xuân mặt lẽ ra xanh, kết quả lại trắng bệch

Mạch Tâm:
mặt sắc đỏ mà mạch Tâm hiện mạch huyền ⟶ Can: hư tà
Mùa hạ mặt vàng: Tỳ phản vũ (lấn ngược)

Bệnh không được tùy tiện công phạt; phải chú ý trạng thái người bệnh, tình hình âm dương, thời cơ, v.v.
Còn phải chú ý sự riêng tư của người bệnh, vì có người ngại nói ra bệnh tình

Tuyệt đối đừng vì bệnh tình – người bệnh kể với bạn rất nhiều về bệnh – mà bạn quên mất sắc mạch

Hoàng Đế Nội Kinh (14) – Thang dịch lao lễ luận

kinhdichtam.com dịch

Rượu ủ từ gạo nếp là tốt nhất; thời xưa dùng rượu để ủ thuốc, cất giữ, phòng sẵn
Người phương Đông ăn lúa gạo, lông tương đối ngắn; người phương Tây ăn lúa mì, lông dài

Đời trung cổ, đạo đức hơi suy, tà khí thỉnh thoảng kéo tới: khi ấy uống vào là vạn toàn
(trung cổ chi thế, đạo đức sảo suy, tà khí thời chí, phục chi vạn toàn)

Đời nay ắt phải dùng đủ thuốc độc để đánh bên trong, sàm thạch, kim, ngải để chữa bên ngoài. (đương kim chi thế, tất tề độc dược công kỳ trung, sàm thạch châm ngải trị kỳ ngoại)

Vì sao? Vì lòng người rối loạn, chúng ta có ô nhiễm không khí, lại còn lao động ít đi: đi đâu cũng ngồi xe, thức ăn cũng rẻ, không cần sáng sớm ra trồng rau; không lao động nhiều như thế, vận động ít đi, môi trường cũng ô nhiễm.

Có khi kê thuốc, người bệnh uống vào lại hại tới khí huyết, không hiệu quả:
nguồn cơn là người bệnh không tin

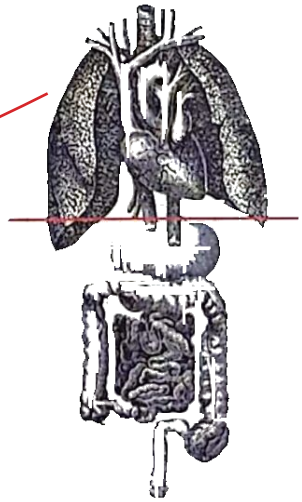
Lại có người bệnh uống thuốc vào thì có phản ứng thải bệnh

Bệnh lúc mới bắt đầu thì ở biểu: ê ẩm, khó chịu mà chữa ngay thì sẽ không đi quá sâu

Trình độ thầy thuốc không đủ thì không cách nào nắm được bệnh tình cho tốt; dù là người ngay bên cạnh bạn, ngày nào bạn cũng xem cho họ, bạn vẫn chữa không khỏi

Dương khí ngũ tạng không đủ mới sinh bệnh; dương khí suy yếu mới sinh bệnh.
Lúc nào cũng giữ cho dương khí ngũ tạng thật vượng thì sẽ không sinh bệnh

Bệnh chứng:
Phế chủ túc giáng
Bụng dưới nhiều tân dịch, khí Phế giáng không xuống, dồn ngược ra tứ chi; phách môn là hậu môn



Phép mậu thích:

Chích máu ở tất cả các tỉnh huyệt trên người, cho ra một giọt
Người hình thể khá to thì cho ra hai giọt là đủ; đó là tỉnh huyệt. Chân hoặc cánh tay, phần cẳng chân

Giãn tĩnh mạch: chích máu gân xanh. ps: lỗ chân lông là quỷ môn; chích máu có thể làm sạch ngũ tạng lục phủ

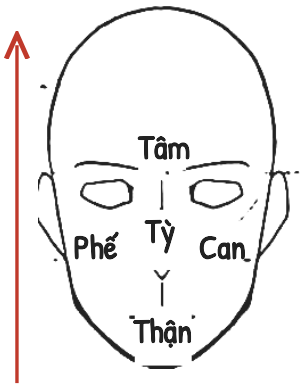
Dùng cho: trầm cảm, rối loạn hưng trầm cảm

Hoàng Đế Nội Kinh (15) – Ngọc bản luận yếu 01

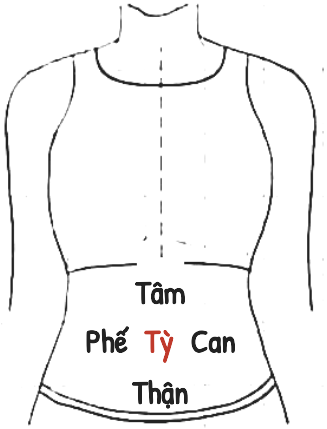
kinhdichtam.com dịch

Quỹ đạc, Kỳ hằng

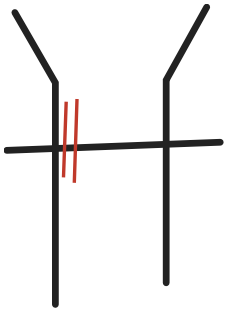
Quỹ đạc như la kinh, la bàn; chúng ta đều **bắt đầu từ tháng Giêng âm lịch, tháng Dần, trên thân thể là kinh Thủ Thái Âm Phế**



Khí sắc đi lên: khí nghịch, hung



Sắc nhạt: thuốc thang 10 ngày
Sắc đậm: 21 ngày
Quá đậm: thuốc nấu rượu, 100 ngày trở lên
Khí sắc, da bong tróc: rất nguy hiểm
Toàn bộ dương khí thoát mất, đại khái qua hôm sau là xong (over)

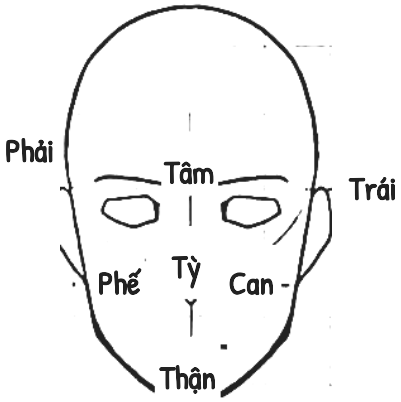


Bình thường: mạch dương dài, mạch âm ngắn
Mạch ngắn: khí tuyệt mà chết; ấn mạnh thì mạch dương chìm xuống, mạch âm nổi lên

Bệnh ôn mà hư nặng thì chết; ôn hư: khô nóng, khát nước, lại không muốn ăn



Nam: trái nghịch, phải dương; nữ: trái dương, phải nghịch

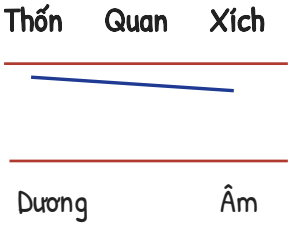


Đàn bà:
Khí Can đi về hướng Phế: theo dương
Khí Phế đi về hướng khí Can: theo âm
Cả hai đều rất nguy hiểm

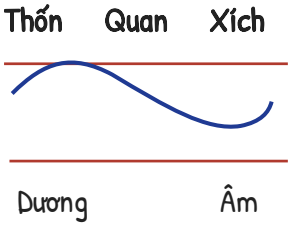
Ví dụ: mỡ trên người là âm, thịt nạc là dương; âm dương bọc lấy nhau mà cân bằng

Hoàng Đế Nội Kinh (15) – Ngọc bản luận yếu 02

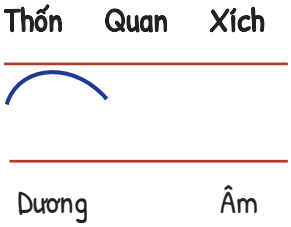
kinhdichtam.com dịch



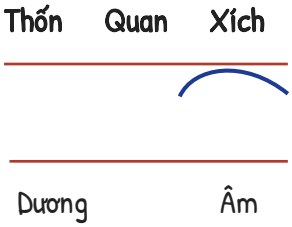
Mạch tướng bình thường



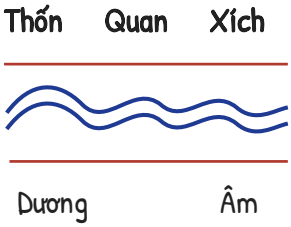
Mạch bác:
Âm càng lúc càng nhỏ, dương càng lúc càng lớn
Dương sắp thoát ra, sinh lực cứ đi mãi ra ngoài
Biểu: ngoại tà xâm phạm, dương chống lại; thắng thì nóng, thua thì lạnh



Mạch cô:
Mạch thịnh riêng ở thốn khẩu
Âm khí đã tiêu tan



Mạch cô:
Mạch thịnh riêng ở bộ xích
Dương khí đã tiêu tan



Hình mạch: rỗng ở giữa, không có lực
Mạch khâu: huyết không đủ, phía trong bộ xích nhiều gân xanh, thiếu máu, mặt vàng

Ở đây nói:
Chữa bệnh ấy mà, đưa người bệnh từ mạch thực chữa thành mạch hư, đó là hiện tượng chuyển biến tốt

Hoàng Đế Nội Kinh (16) – Chẩn yếu kinh chung luận

kinhdichtam.com dịch

Âm lịch:

Tháng 1, tháng 2: nhân khí ở Can
Tháng 3, tháng 4: nhân khí ở Tỳ
Tháng 5, tháng 6: nhân khí ở đầu
Tháng 7, tháng 8: nhân khí ở Phế
Tháng 9, tháng 10: nhân khí ở Tâm
Tháng 11, 12: nhân khí ở Thận

Mùa xuân bị bệnh: châm nông, ở trên gân
Mùa hạ bị bệnh: trong thịt, cạnh huyết mạch
Mùa thu bị bệnh: châm vào giữa xương và thịt
Mùa đông bị bệnh: châm sâu, sát xương, lấy huyệt du làm chính
Lực không đủ sẽ làm khí loạn; mùa xuân châm sâu là không hợp thời, không tốt cho người bệnh

Xuân khí mắc bệnh: bệnh ở bì, châm nông cho ra máu; nặng thì tháng 1, 2 truyền vào tạng Can

Lâm sàng không câu nệ lắm, vì kim bây giờ nhỏ

Tâm tàng thần, thần chia âm dương: âm là phách, dương là hồn
Phách mang bệnh: (phách) chủ tĩnh; hồn chủ động
Để phân biệt bệnh thuộc âm hay thuộc dương
Phàm châm kim, phải tránh ngũ tạng lục phủ

Chứng sưng: lắc kim để tả khí
Huyệt đạo trên kinh lạc: không được lắc

Sưng ở hình thể: tay chân sưng, lắc được
Chân phù nước: châm vào huyệt Tam Hoàng, lắc lắc, nước nhỏ giọt ra

Kinh Thái dương: kinh Bàng Quang, mạch khí ở biểu mất

Triệu chứng: tròng trắng mắt trợn lên, cả người cong ngược ra sau; không còn kinh khí, không còn sức co giãn; sắc mặt trắng bệch, ra mồ hôi, da khô khốc, sờ không thấy dầu nữa

Kinh Thiếu dương: mạch Thiếu dương, kinh Đởm khí tuyệt: tai điếc, thân thể bại liệt, hai mắt nhìn trừng trừng, một ngày rưỡi thì chết; lúc chết sắc mặt xanh trắng trước rồi mới chết
Tai điếc có hai loại: một loại do yếu tố bên ngoài, một loại do bên trong

Kinh Dương minh: kinh Vị, khí tuyệt: miệng mắt máy động lung tung, nói năng xằng bậy, hay giật mình hoảng sợ, tay chân tê bại

Kinh Thiếu âm: Thận khí tuyệt: mặt đen, răng dài ra, lợi teo lại, đại tiểu tiện không thông

Kinh Thái âm: kinh Tâm, bụng đầy bụng trướng, nôn ói nặng, ngột ngạt hay thở dài, sắc mặt đỏ

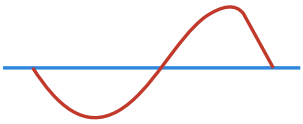
Kinh Quyết âm: kinh Can, trung tiêu phát nóng, cổ họng đắng khô, nặng thì lưỡi cuộn, tinh hoàn rút lên

Phép hãn (cho ra mồ hôi): bệnh ở trên
Phép thổ (cho nôn): bệnh ở giữa
Phép hạ (cho đi ngoài): bệnh ở dưới
Hòa giải: bệnh ở nội tạng, kinh lạc, kinh lạc trong cơ nhục

Đại tiện không thông:
mặt đen, Thận suy
Trước hết phục hồi chức năng Thận, không được công mạnh cho đi đại tiện

Hoàng Đế Nội Kinh (17) – Mạch yếu tinh vi luận 01

kinhdichtam.com dịch



Dương

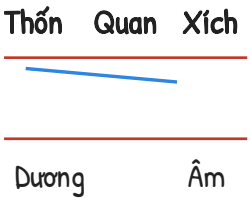
Âm

Bệnh dương dễ chữa, bệnh âm khó chữa

Cách bảo dưỡng:

Khi ngủ, dương ở tứ chi, thân mình âm thịnh, nên thân mình phải đắp chăn, tứ chi có thể để hở

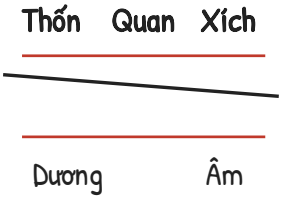
Sáng dậy, từ từ ngồi dậy, một cốc nước sôi để nguội + 30 viên Lục Vị Địa Hoàng hoàn



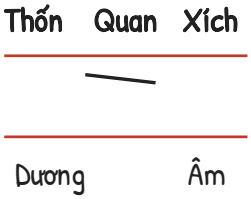
Mạch bình thường:

dương phù, âm trầm

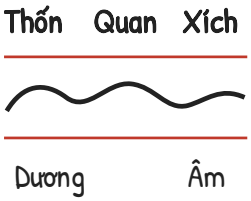
một lần thở ra, một lần hít vào: 2 + 2 + 1 = 5 nhịp



Mạch trường: khí trệ

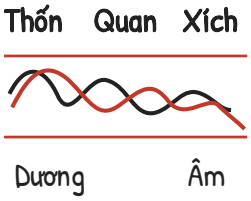


Mạch đoản: khí bệnh



Mạch nhanh quá mức: 8-9 nhịp, bứt rứt trong lòng, rất nguy hiểm

Mạch to thì bệnh tiến; mạch tương xứng với người béo gầy: người béo mạch to, người gầy mạch nhỏ; nếu ngược lại thì là bệnh tiến



Mạch đại (canh đại, thay đổi luân phiên): khí suy

Thay đổi, có lúc mạch to, có lúc mạch nhỏ

Mạch tế: khí ít

Mạch sáp: đau tim; ứ trệ không có lực, ấn xuống không bật lại, mạch chạy sang bên cạnh

Mạch đến ào ạt, đổi dồn dập như suối phun: bệnh rất nặng

(hồn hồn cách chí như dũng tuyền)

Khi có bệnh, màu sắc chạy lên mặt, ví dụ mảng đỏ trên mặt hình con bướm

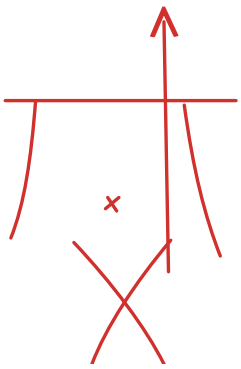
Hoàng Đế Nội Kinh (17) – Mạch yếu tinh vi luận 02

kinhdichtam.com dịch

Khi có bệnh, màu sắc chạy lên mặt, ví dụ mảng đỏ trên mặt hình con bướm

Khắc sắc: mùa xuân sắc mặt lẽ ra phải hơi có chút xanh, kết quả lại là màu trắng: khắc sắc, tặc tà, hung
Cứ thế mà suy ra

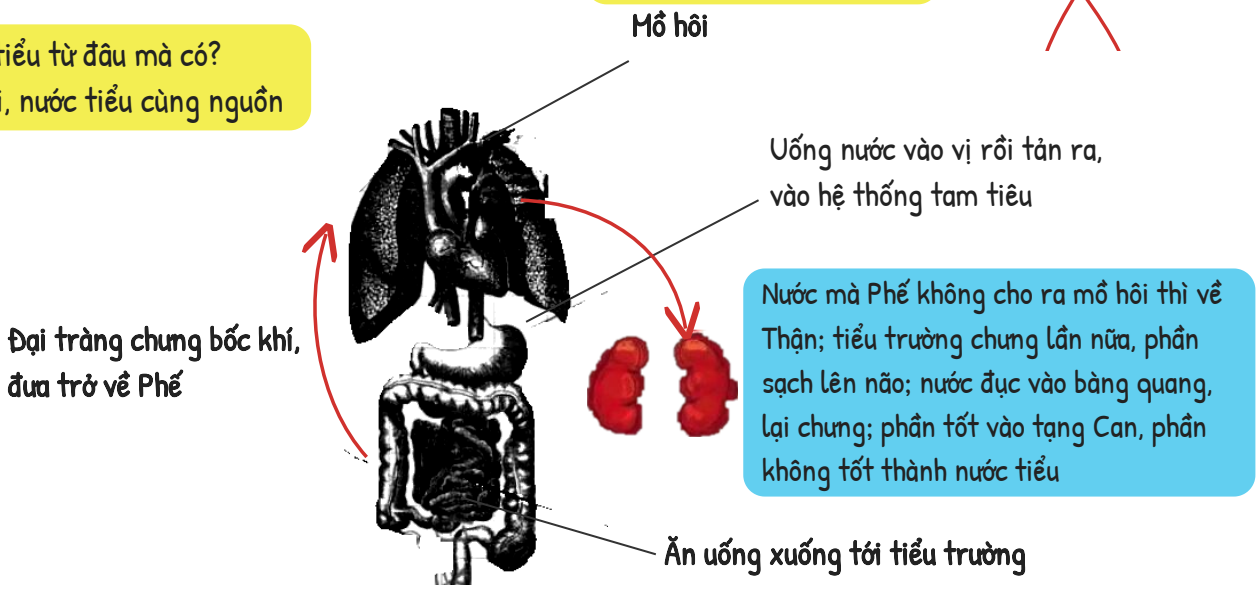
Ngũ tạng phải giữ được, phải mạnh
Ăn uống đừng ăn quá no: thức ăn không tiêu, thấp nhiệt ở trung tiêu quá mức, sẽ gây hại
Nói tiếng nhỏ, cứ lặp đi lặp lại một câu, áo quần chăn mền không đắp, chửi bới lung tung: thần minh loạn



Nhiệt chứng kê thuốc hàn, hàn chứng kê thuốc nhiệt
Biện chứng phải chuẩn

Trọc khí bốc lên:
đại tràng bị tắc, một thang thuốc

Nước tiểu từ đâu mà có?
Mồ hôi, nước tiểu cùng nguồn



Triệu chứng nguy hiểm:
1. Ra mồ hôi không dứt: biểu dương hư
2. Không kiểm soát được tiểu tiện

Hoàng Đế Nội Kinh (17) – Mạch yếu tinh vi luận 03

kinhdichtam.com dịch

1. Đầu là phủ của tinh minh; đầu nghiêng gục, mắt trũng sâu, là tinh thần sắp bị đoạt mất
(đầu giả tinh minh chi phủ, đầu khuynh thị thâm, tinh thần tương đoạt hĩ)

Đầu nghiêng ngả, mắt không có thần, không nhận ra người

2. Lưng là phủ của lồng ngực; lưng còng, vai rũ, là phủ sắp hỏng
(bối giả hung trung chi phủ, bối khúc kiên tùy, phủ tương hoại hĩ)

Thở rất khó nhọc, phải dùng tới vai và lưng

3. Thắt lưng là phủ của Thận; không xoay lắc được, là Thận sắp kiệt
(yêu giả thận chi phủ, chuyển dao bất năng, thận tương bại hĩ)

Xoay người mà xoay không được, cứng đơ không cử động được, còng lưng

4. Xương là phủ của tủy; không đứng lâu được, đi thì run rẩy, là xương sắp kiệt
(cốt giả tủy chi phủ, bất năng cửu lập, hành tắc chấn trạo, cốt tương bại hĩ)

Hai chân không có sức, không đứng lâu được

Nếu một người sắc mặt và mạch đều bình thường: sắc mạnh, mạch mạnh, thân thể khỏe mạnh; yếu một chút là kém một chút

Ví dụ: mạch mùa hạ, mặt đỏ, nhưng bắt lại ra mạch Thận: sắc và mạch không hòa

Thuộc tính của kinh Tam Tiêu: xem thiên kinh Tam Tiêu trong « Châm cứu đại thành »
Đông chí – Hạ chí: thuộc tính thủy
Hạ chí – Đông chí: thuộc tính hỏa
Tam tiêu bình thường thì mạch đi theo tiết khí

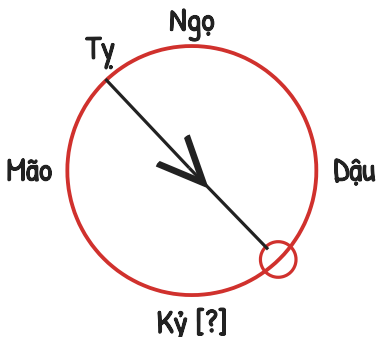
Mạch mùa xuân: ấn nhẹ lên da một chút là bắt được; Giáp, Ất, Mộc; mạch khí đi theo mùa xuân
Đông chí tới 45 ngày: dương khí đi lên, âm khí đi xuống; Hạ chí tới 45 ngày: âm khí đi lên, dương khí đi xuống
Dương càng nhiều thì dương cao, âm càng nhiều thì âm trầm

Thực thì tả, hư thì bổ

Mộng cảnh biện bệnh (xem giấc mơ mà phân biệt bệnh):
Âm thịnh: mơ thấy nước lớn ngập lụt
Dương thịnh: lửa lớn cháy nhà
Âm dương đều thịnh: hai người giết nhau
Thượng thịnh thì mơ bay, hạ thịnh thì mơ rơi (tuổi mười mấy thì là bình thường)
Ăn quá no: mơ cho người khác; **quá đói:** mơ lấy đồ
Can cực thịnh: mơ giận dữ; **Phế cực thịnh:** mơ khóc
Giun ngắn, giun đũa: mơ tụ tập đông người; **giun dài:** đánh nhau, xung đột, ẩu đả

« Trước chí giáo luận »

Sắc mặt đen, ăn uống đại tiểu tiện bình thường
Có tai họa:
1 ngày 12 canh giờ, phép né tránh:
xảy ra lúc 9-11 giờ thì điều chỉnh sang 9-11 giờ tối



Hoàng Đế Nội Kinh (17) – Mạch yếu tinh vi luận 04

kinhdichtam.com dịch

Nạn kinh, nạn thứ 18: « tam bộ tứ kinh »

Muốn biết nội tạng ra sao: ấn tới sát xương
Muốn biết bệnh ở bề mặt: ấn ở da



Tâm
Can
Thận

Tiểu trường
Đởm
Bàng quang

Thốn
Quan
Xích

Mạch Tâm:

1. Đập cứng mà dài (bác kiên nhi trường): dương cang, lưỡi cuộn rụt, không nói được
2. Mềm mà tản (nhuyễn nhi tán): tiêu khát

Mạch Can:

1. Đập cứng mà dài: xông lên xông xuống; khí sắc có vấn đề là bệnh Can
Khí sắc tốt: bị thương, va đập, huyết ứ ở ngực và cách mô, suyễn nghịch
Kê thuốc: chủ yếu hoạt huyết hóa ứ; tá: dùng thuốc dẫn vào
2. Mềm mà tản: dật ẩm – uống nước quá nhanh, nước nằm ngoài đường ruột, bị tắc lại

Mạch Thận:

1. Đập cứng mà dài: sắc vàng mà đỏ, đau lưng như gãy, lưng đau cứng, mạch khí nghịch ngược mạnh
2. Mềm mà tản: mạch hư, ít máu thiếu máu, kinh nguyệt không tới. Thủy ít thì tâm hỏa chống lại; không ăn mặn được; chỉ kê thuốc bổ huyết thì bổ vào Tỳ, phải kê thuốc bổ Thận

Tâm chủ huyết, vì có thủy quản Tâm
Không có thủy, huyết sẽ tan mất



Đại trường
Thận
Tam tiêu

Phế
Tỳ
Tâm bào

Mạch Phế:

1. Đập cứng mà dài: thực chứng, thổ huyết
2. Mềm mà tản: mồ hôi chảy mất nghiêm trọng
Gân còn mồ hôi thì không sao; trong gân không còn thì co quắp

Hỏa — đỏ
↑
Vị: Thổ, phản vũ Hỏa

Mạch Vị:

1. Từ bộ quan đi lên dài; đập cứng mà dài, sắc đỏ, đau
2. Mềm mà tản: thực tý, tiêu hóa không tốt; sáng một cốc nước lạnh + Lục Vị Địa Hoàng hoàn

Mạch Tỳ:

1. Đập cứng mà dài: sắc vàng, thiểu khí, mạch thực; vàng tươi: nhiệt chứng; vàng tối: âm
2. Mềm mà tản: phía trong chân sưng trướng, chỗ kinh Tỳ đi qua

Hoàng Đế Nội Kinh (17) – Mạch yếu tinh vi luận 05

kinhdichtam.com dịch



Tâm
Can
Thận

Tiểu trường
Đởm
Bàng quang

Thốn
Quan
Xích



Đại trường
Thận
Tam tiêu

Phế
Tỳ
Tâm bào

Mạch Tâm, mạch Phế:

1. Mạch cấp: bên trong có tích, bên trong bị tắc

Mạch Tâm cấp: tâm sán, bụng dưới ắt có hình khối; Tâm và Tiểu trường là biểu lý của nhau

Mạch Vị thực: mạnh mà có lực, trướng; hư thì tiết tả

Bệnh truyền biến:

1. Bị gió thổi: hàn nhiệt (lúc lạnh lúc nóng);

2. Đản: trung tiêu có thấp nhiệt, thành tiêu trung (bệnh tiểu đường); sau bữa tối đừng ăn gì nữa, ăn xong ngủ không ngon, đồ ăn khuya tắc lại trong dạ dày

Tay chân quanh năm lạnh buốt: quyết thành điên tật (bệnh ở đỉnh đầu), nhiệt không xuống được, phản nghịch, đau đầu

Chứng phong chưa trừ hết: bị gió thổi lâu ngày, hàn dương (da thô ráp)

Ung thũng, gân co quắp, đau xương:

Sưng do hàn khí, biến hóa của tám thứ gió (hàn khí chi thũng, bát phong chi biến)

Đều do hàn khí chưa trừ hết, tiết khí bốn mùa biến đổi không bình thường

Mùa đông bị thương vì lạnh, mùa xuân ắt sinh bệnh ôn (đông thương ư hàn, xuân tất ôn bệnh)

Bệnh hàn chữa thế nào? Bệnh bốn mùa, lấy cái thắng nó mà chữa

Ví dụ: 1. Viêm đau khớp: bình thường không đau, mùa đông đau; mùa đông là thủy, thổ thắng thủy thì bệnh mới khỏi
2. Mùa xuân hắt hơi, viêm mũi dị ứng: kim thắng mộc, chữa Phế

Bệnh mới và bệnh lâu

Bệnh mới: sắc mặt không đổi, mạch tương đối nhỏ

Bệnh lâu: sắc mặt đổi rồi, mạch không đổi

Mạch và năm sắc đều mất: bệnh lâu

Mạch Can, mạch Thận cùng đến: sắc mặt xanh đỏ, xuất huyết bên trong, nội thương

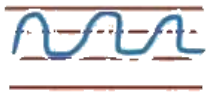
Kiêng kỵ khi bị thương: tắm nước lạnh; tốt nhất đừng tắm, lau bằng khăn nóng là được

Hoàng Đế Nội Kinh (17) – Mạch yếu tinh vi luận 05

kinhdichtam.com dịch

Chữ « thô » viết bằng ba chữ « lộc »: to thô, hình mạch rất lớn – âm bất túc, dương hữu dư, nhiệt trung
Dài ra cả trên lẫn dưới (quá ngư tế, quá xích): là mạch chân tạng

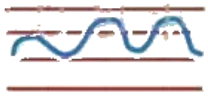
Thốn Quan Xích



Dương Âm

Mạch nhiệt trung: to thô, âm bất túc, dương hữu dư
Tới nhanh đi chậm (lai tật khứ từ): ấn vào thì rất nhanh, buông ra thì mạch nhỏ
Trên thực dưới hư: bệnh điên tật ở đầu (mạch thốn to, xung lên trên cũng là bệnh ở đầu)

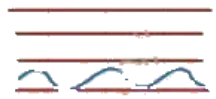
Thốn Quan Xích



Dương Âm

Thốn yếu, xích mạnh: trên hư dưới thực, dương ở ngực không đủ, sợ gió (ố phong)

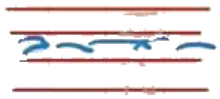
Thốn Quan Xích



Dương Âm

Mạch trầm tế: sát xương; Thận, Thiếu Âm, âm; đau xương, bệnh ở chân
Mạch phụ cốt: ấn mạnh, mạch nhanh: bên trong có tích, khối u
Mạch hư ấn tới sát xương thì mất, mạch thực ấn tới sát xương vẫn còn

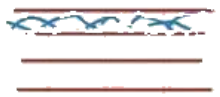
Thốn Quan Xích



Dương Âm

Mạch tế, sác mà tán: hàn nhiệt

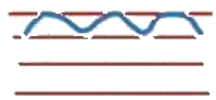
Thốn Quan Xích



Dương Âm

Phù mà tán: dương nổi lên, tán mất; lâm sàng: tự nhiên ngất xỉu, không tìm ra nguyên nhân
Chủ nguyên khí ly tán

Thốn Quan Xích

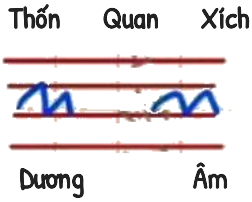


Dương Âm

Mạch phù mà không táo: bệnh ở dương, nhiệt;
Nếu táo: bệnh ở tay. Hít vào 3 nhịp, thở ra 3 nhịp, ở giữa 1 nhịp: 7 nhịp là mạch táo
(táo = nôn nóng, dồn dập)

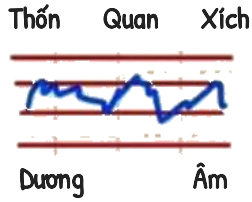
Hoàng Đế Nội Kinh (17) – Mạch yếu tinh vi luận 06

kinhdichtam.com dịch



Mạch đại (ngừng, thay nhịp): sác động, nhất đại – bệnh ở dương

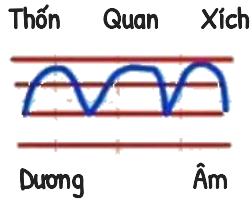
Tiết tả cực độ, đại tiện ra mủ máu; tạng kết, tạng khí suy vi, âm dương không hợp, huyết rời kinh mà đi sai đường



Mạch sáp: mạch không trôi chảy; ấn tới sát xương, mạch xoay qua trái qua phải

Âm không đủ, dương khí có dư: người nóng mà không có mồ hôi, lỗ chân lông đóng, không ra mồ hôi

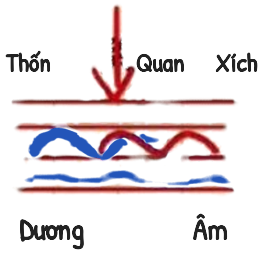
Giữ chặt dương lại, để âm tự quay về



Mạch hoạt: mạch tới nhanh, như hạt châu lăn

Âm khí có dư, dương không đủ: nhiều mồ hôi, sinh lạnh, lỗ chân lông mở rộng; sinh lạnh, sợ lạnh

Âm dương đều có dư: không có mồ hôi



Đẩy mạch ra ngoài mà mạch không động theo: bên trong có tích

Đẩy vào trong: thân có nhiệt

Ngón giữa ấn mạch quan:

Lên mà không xuống: mạch ở thốn, mạch xích không có – lưng và chân lạnh (yêu túc thanh), lưng chân lạnh

Sờ được mạch xích, không sờ được mạch thốn: đau đầu gáy

Ấn tới sát xương mà mạch khí ít: đau lưng và cột sống, mệt mỏi

Hoàng Đế Nội Kinh (18) – Bình nhân khí tượng luận 01

kinhdichtam.com dịch

Mạch bình thường: một lần thở ra, một lần hít vào, giữa có chỗ ngừng: 2 + 2 + 1; dưới 5 là bất cập, trên 5 là thái quá

Mạch không bình thường: dùng thuốc, châm cứu... để mạch trở về bình thường; một hơi thở 7 nhịp: mạch táo

Mạch xích nổi lên: bị cảm rồi; mạch hoạt: phong; mạch sáp: tý;

8-9 nhịp: chứng chết, chứng rất nguy hiểm

Người bình thường: mọi khí đều bắt nguồn từ Vị

Xem vị khí thế nào?

Không có vị khí là nghịch, nghịch thì chết

Mùa xuân: bình thường: mạch có vị khí, kèm một chút huyền

Mạch huyền không bình thường: kèm chút vị khí, một hơi hít 4 nhịp;

Huyền nhiều vị ít, sờ thấy như một sợi dây: bệnh Can

Sờ thấy mạch mùa thu: mùa thu phát bệnh; sờ thấy mạch mùa đông: mùa đông phát bệnh

Mạch vị khí có mao: bệnh mùa thu; mao nhiều: bệnh ngay bây giờ

Mùa xuân có thể xét được ngũ tạng lục phủ

Mạch mùa hạ: bình thường: mạch có vị khí, kèm một chút câu, ấn xuống thấy hơi nhô lên

Câu nhiều vị ít: bệnh Tâm

Chỉ có câu, không có vị khí: nguy hiểm

Sờ thấy mạch mùa đông: hiện giờ người rất khỏe, mùa đông phát bệnh

Mạch trường hạ: bình thường: có vị khí, hơi mềm yếu

Yếu nhiều vị ít: Tỳ có vấn đề

Mạch đại, không có vị khí: nguy hiểm

Mạch mềm yếu: mùa đông sinh bệnh; rất nặng thì bây giờ đã có bệnh

Mạch mùa thu: mạch có vị khí, kèm chút mao – như lông chim, giữa có một cuống

Mao nhiều vị ít: 4 nhịp; nếu thành 7 nhịp: Phế có bệnh

Chỉ có mao, không có vị khí, 9-10 nhịp hoặc 1-2 nhịp: mạch chết

Mao mà có huyền: mùa xuân sinh bệnh; nếu rất huyền: bây giờ đã có bệnh



Mạch mùa đông: hơi trầm một chút, như đá chìm xuống nước, đều đặn 4-5 nhịp, nhưng ấn mạnh thì không có

Mạch phù, hoặc mạch trầm sát xương: đều là bệnh;

Mạch thạch mà có câu (mạch mùa hạ): bệnh Tâm; câu nhiều: bây giờ đã có bệnh

Hoàng Đế Nội Kinh (18) – Bình nhân khí tượng luận 02

kinhdichtam.com dịch

Đại lạc của Vị, tên là Hư Lý: gốc của vị khí; gần huyệt Bộ Lang, đập ở bên trái

Ví dụ: suyễn dữ dội, người bệnh ngất (hôn quyết): bệnh ở trung; kết mà nằm ngang: có tích
Kinh lạc đều chạy lên xuống; chạy ngang, chạy ngược là hung
Nếu mạch trung khí tuyệt, không tới: mạch chết; nếu không vận động mà cứ đập mãi: trung khí tiết ra ngoài

Suyễn dữ dội, bệnh ở trung: sờ mạch tông khí; mạch tông khí còn: không sao; mất rồi: rất nguy hiểm

Mạch thốn khẩu ngắn: dương không đủ, âm thăng: đau đầu
Mạch thốn khẩu dài: dương khí có dư, không xuống được: đau bàn chân, ống chân
Mạch thốn khẩu rất phù, mạnh: đau vai lưng
Thốn khẩu trầm mà cứng: dương khí không ra được, bệnh ở trung
Thốn khẩu phù mà thịnh: bệnh ở ngoài
Thốn khẩu trầm mà nhược: hàn nhiệt, đau bụng dưới, sa dạ dày, Vị hàn, Vị sa xuống
Mạch thốn khẩu nằm ngang: có tích, tích trong bụng gây đau, tích dưới sườn
Mạch thốn khẩu lúc lớn lúc nhỏ: hàn nhiệt
Thốn khẩu thịnh, hoạt, cứng: mạch lớn, bệnh ở ngoài
Mạch thốn khẩu nhỏ, thực, cứng: bệnh ở trong
Mạch phù đại cũng có thể là ung thư, âm tích, âm thực; muốn chắc là thực chứng thì ấn xuống: ấn nhẹ cũng lớn, ấn mạnh cũng lớn: có thực
Mạch thốn khẩu nhỏ, lúc mạnh lúc yếu: bệnh lâu, dương hư, tiêu hóa kém
Mạch thốn khẩu cấp: chứng đau
Thốn khẩu hoạt: mạch phong
Thốn khẩu mạch sáp: tý, khí huyết không thông
Thốn khẩu hoãn mà hoạt: nhiệt trung
Thốn khẩu thịnh mà khẩn: trướng
Âm dương thuận: dễ chữa; nghịch âm dương: khó chữa



Mạch Tâm trầm nhỏ, nói không ra hơi, mặt trắng bệch: không sao
Mạch rất lớn, nói không ra hơi, mặt trắng bệch: nguy hiểm

Hoàng Đế Nội Kinh (18) – Bình nhân khí tượng luận 03

kinhdichtam.com dịch

Mạch xích hoãn mà mạnh: cánh tay nhiều gân xanh: huyết không đủ, mất huyết; người mệt mỏi uể oải, âm hư hao

Nằm yên không làm gì mà mạch thịnh: thoát huyết

Mạch xích sáp, hoạt: nhiều mồ hôi

Mạch xích vọt lên trên: nhiệt trung, bụng to, lưỡi vàng

Mạch xích tế: tiêu chảy, mạch hàn

Thiên can, địa chi:

Bệnh Can gặp ngày Canh Tân: rất hung

Bệnh Tâm gặp ngày Nhâm Quý: rất hung

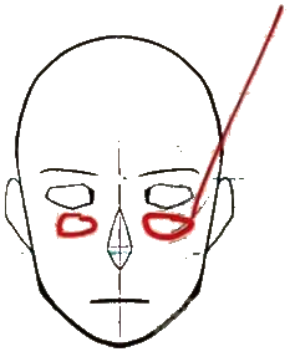
Bệnh Tỳ gặp ngày Giáp Ất: rất hung

Bệnh Phế gặp ngày Bính Đinh: rất hung (sổ ghi « Bính Ngọ »)

Bệnh Thận gặp ngày Mậu Kỷ: rất hung

Mạch Nhân Nghênh: đập rất nhanh: trong lồng ngực có nước đọng; mí dưới mắt sưng (mục lý vi thũng): chỗ bọng mắt sưng lên, nếu thành gờ (như con tằm nằm) là thủy

Vọng chẩn



Phù nước: trắng bệch, nhìn thấy được nước

Hai bên đều có bọng mắt: đường con cái tốt

Nếu bên trái không có, chỉ có bên phải: sinh con gái; ngược lại thì toàn con trai

Đen sạm: con cái gặp nguy

Sáng dậy mặt sưng phù:

Chứng phong; trừ thấp, trừ phong

Tối ngủ đừng để quạt điện thổi, tắt đi

Ống chân sưng là thủy; trên dưới đều sưng: phong thủy

Mắt vàng: hoàng đản

Mạch hoạt + mạch thủ Thiếu Âm động: có thai

Tiểu tiện vàng đỏ:

Ngủ được: Đởm có vấn đề

Không ngủ được: Can có vấn đề

Chứng tiêu khát:

1. Khát mãi không hết
2. Ăn mãi vẫn đói
3. Dương không cương (liệt dương)

Xuân hạ mạch nên phù đại, thu đông mạch trầm nhỏ hơn một chút: thuận thì tốt, nghịch thì không tốt

Bệnh phong nhiệt: mạch nhanh, phù; nếu ngược lại mà mạch trầm (là nghịch)

Người bệnh tiêu chảy, thoát huyết: hư chứng, mạch hư; nếu mạch mạnh mà có lực thì không xong

Bệnh ở ngoài mà mạch sáp, trầm: bệnh khó chữa. Mạch không khớp với triệu chứng

Hoàng Đế Nội Kinh (18) – Bình nhân khí tượng luận 04

kinhdichtam.com dịch

Quan hệ giữa Vị và mạch tam dương

Người không ăn không uống thì không được; mạch chân tạng tức là không có vị khí

Can toàn là huyền, không có vị khí; phù, hồng đại mà dài

Thận toàn là trầm, không có vị khí

Bệnh ở biểu: chạm nhẹ đã hồng đại; dài mà hồng đại

Bệnh ở Thiếu Dương: lúc lớn lúc nhỏ

Bệnh ở Dương Minh: lúc dài lúc ngắn; phù đại mà ngắn, ngắn mà thịnh



Mạch Tâm bình thường: đập lên như hạt châu; mùa hạ lấy vị khí làm gốc

Tâm có bệnh: mạch Tâm câu, mạch cong lại, hoặc như nhịp trống; phía trước cong, phía sau khom (tiền khúc hậu cư)



Mạch Phế bình thường: như lông chim, 5 nhịp, hoãn mà có lực

Có bệnh: trên dưới đều phù, lúc phù lúc trầm; mạch Phế có vấn đề; như chim mổ: Tỳ chết

Mạch Can bình thường: tế, mềm, một hơi thở 4-5 nhịp

Có bệnh: hễ có lực, thực, nhanh, hoạt: bệnh Can

Mạch Thận bình thường: mạch trầm, sát xương

Có bệnh: mạch Thận ấn xuống vẫn rất chắc, rất cứng: mạch chết

Hoàng Đế Nội Kinh (19) – Ngọc cơ chân tạng luận 01

kinhdichtam.com dịch

Mạch Can: mạch huyền

Ứng phương đông, Mộc; vạn vật vừa sinh, khí còn mềm yếu, nhẹ, hư mà hoạt, thẳng mà dài, nên gọi là huyền

(kỳ khí nhuyễn nhược, khinh hư nhi hoạt, đoan trực dĩ trường, cố viết huyền)

1. Thái quá: quá nhanh, quá mạnh; khiến người hay quên – hay quên, choáng đầu, ngất, động kinh; thực

Chữa: Can thực chứng thì tả Tâm

2. Bất cập: đau ngực, hai bên sườn đầy tức, đau ngực thấu ra lưng; hư

Thực thì tả tử, hư thì bổ mẫu; mẫu có thể làm tử hư, tử có thể làm mẫu thực

Chữa: hư chứng thì bổ Tâm

Mạch Tâm: mạch câu – mạch hồng

Ứng phương nam, sinh trưởng tốt tươi; ứng khí, hồng đại, tươi tốt

1. Thái quá: tới nhanh đi cũng nhanh: bệnh ở ngoài, thân nóng, da đau, da mưng mủ sưng đỏ, lở loét lan rộng (tẩm dâm sang)

Chữa: Can

2. Bất cập: bệnh ở trong; bất cập: bứt rứt trong lòng, trên thì ho nhiều đờm nước, dưới thì tiêu chảy, đi ngoài ra máu

Chữa: tử có thể làm mẫu thực – chữa trường vị (ruột, dạ dày)

Mạch Phế: mạch phù

Mùa thu chủ thu; nhẹ, hư mà phù, tới gấp đi tản. Mạch mao

1. Ở giữa chắc đặc: thái quá; mũi, da

Chữa: Tỳ

2. Mao mà vi, bất cập: 3 nhịp; bệnh ở bên trong, ở nội tạng. Đau lưng, buồn nôn, suyễn, ho ra máu

Khí đi xuống, thở khò khè (suyễn hưu hưu). Dương không giữ được, kinh mạch chảy ngược, dương hư

Ho ra máu, nôn ra máu: máu không có cách cầm; điều chỉnh cho dương quay về, máu tự ngừng. → Ví dụ: hàn

Người bệnh nội tạng vỡ, xuất huyết; hay gặp ở tuổi 55-60

Chữa: Thận

Mạch Thận: mạch trầm

Mạch mùa đông, phương bắc, Thủy; chủ trầm, trầm sát xương, có lực, 4-5 nhịp

1. Thái quá: khí tới như búng đá; uể oải không có sức, mệt mỏi; mạch Đốc (sống lưng) đau, hụt hơi, không thích nói

Chữa: quá thực, chữa Phế

2. Bất cập: đi nhanh (khứ sác), mạch nho nhỏ, chứng Thiếu Âm; bụng đói, trong lòng trống rỗng

Đau mỏi, bụng dưới đầy, tiểu tiện nhỏ giọt (suy thận, nhiễm độc niệu…)

Chữa: quá hư, chữa Can

Hoàng Đế Nội Kinh (19) – Ngọc cơ chân tạng luận 02

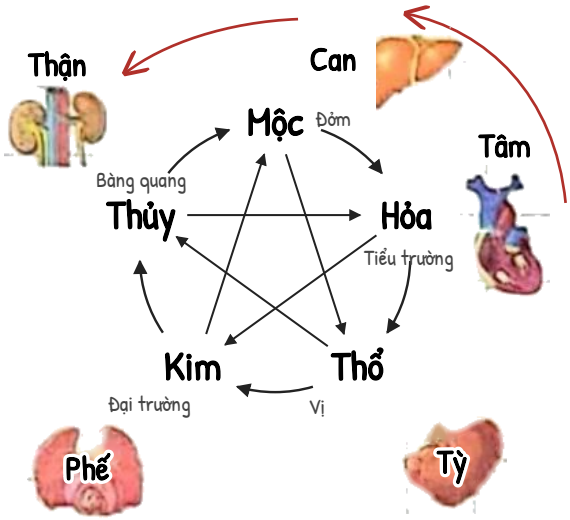
kinhdichtam.com dịch

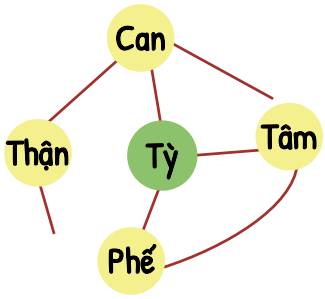
Mạch Tỳ: Tỳ chủ tứ chi, cơ nhục, bụng dưới; là « cô tạng », ở trung ương.

Tỳ bình thường thì không sờ thấy. Mạch hoãn: vị khí chính là mạch Tỳ; chỉ khi có bệnh mới thấy

1. Thái quá: như nước chảy; tứ chi không nhấc lên được

2. Bất cập: như chim mổ; cửu khiếu không thông: đại tiểu tiện, nói năng đều bế tắc; Tỳ bất cập thì bốn tạng kia cùng đè xuống





Tâm hỏa (khí) quay ngược về dừng ở tạng Can, rồi truyền tới Thận

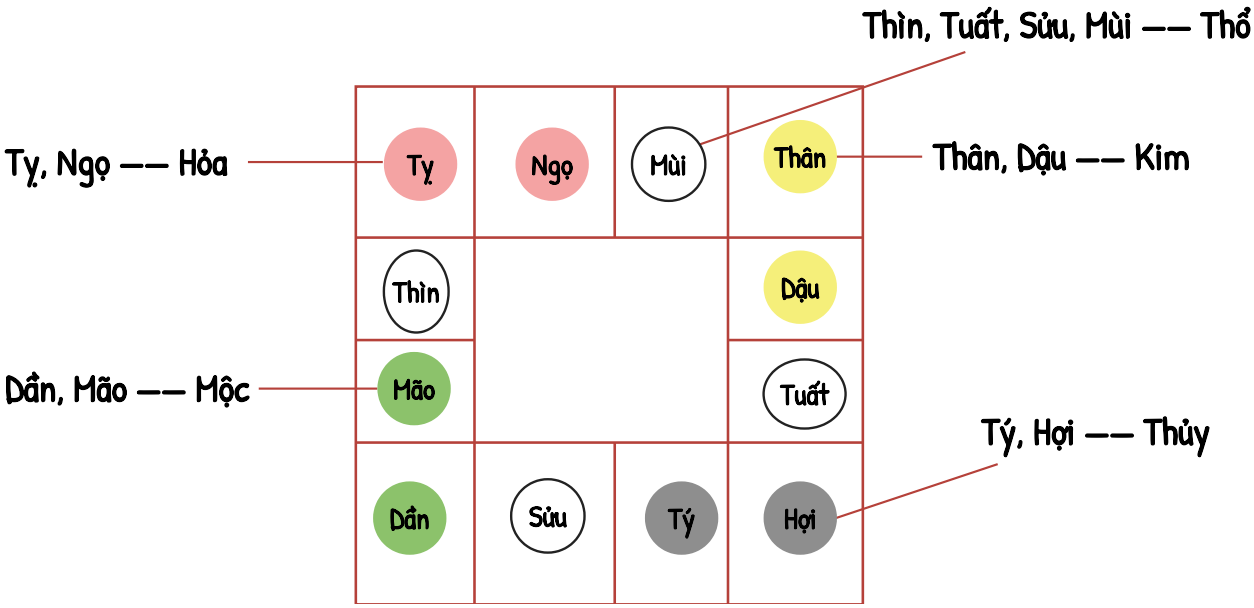
Cuối cùng thủy khắc hỏa: tạng Thận ảnh hưởng tới tim

Ví dụ:

Người bệnh mặt xanh, chữa dần chuyển sang giữa vàng và trắng là tốt

Mùa đông người chết vì bệnh tim nhiều nhất

Mười hai địa chi:



Mười thiên can:

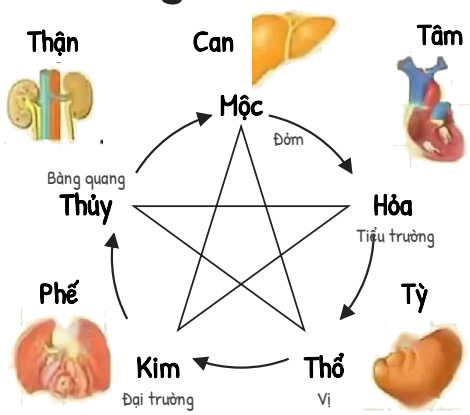
Giáp Ất	Bính Đinh	Mậu Kỷ	Canh Tân	Nhâm Quý
Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	Thủy

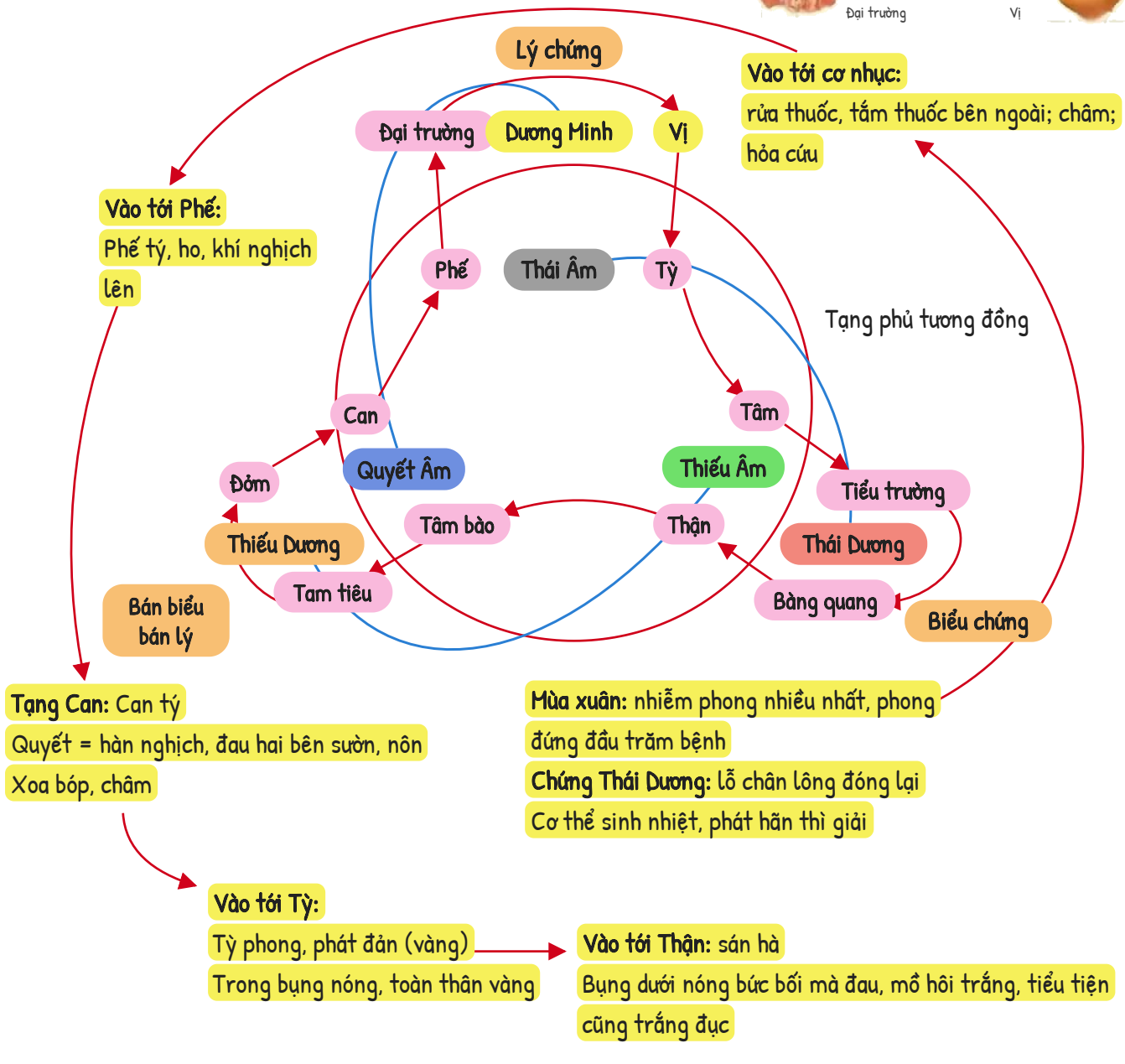
Hoàng Đế Nội Kinh (19) – Ngọc cơ chân tạng luận 03

kinhdichtam.com dịch

Tương sinh là bình thường, tương khắc lâu ngày rất nguy hiểm
Nếu Can có bệnh, trước hết làm mạnh Tỳ, vì Can khắc Tỳ

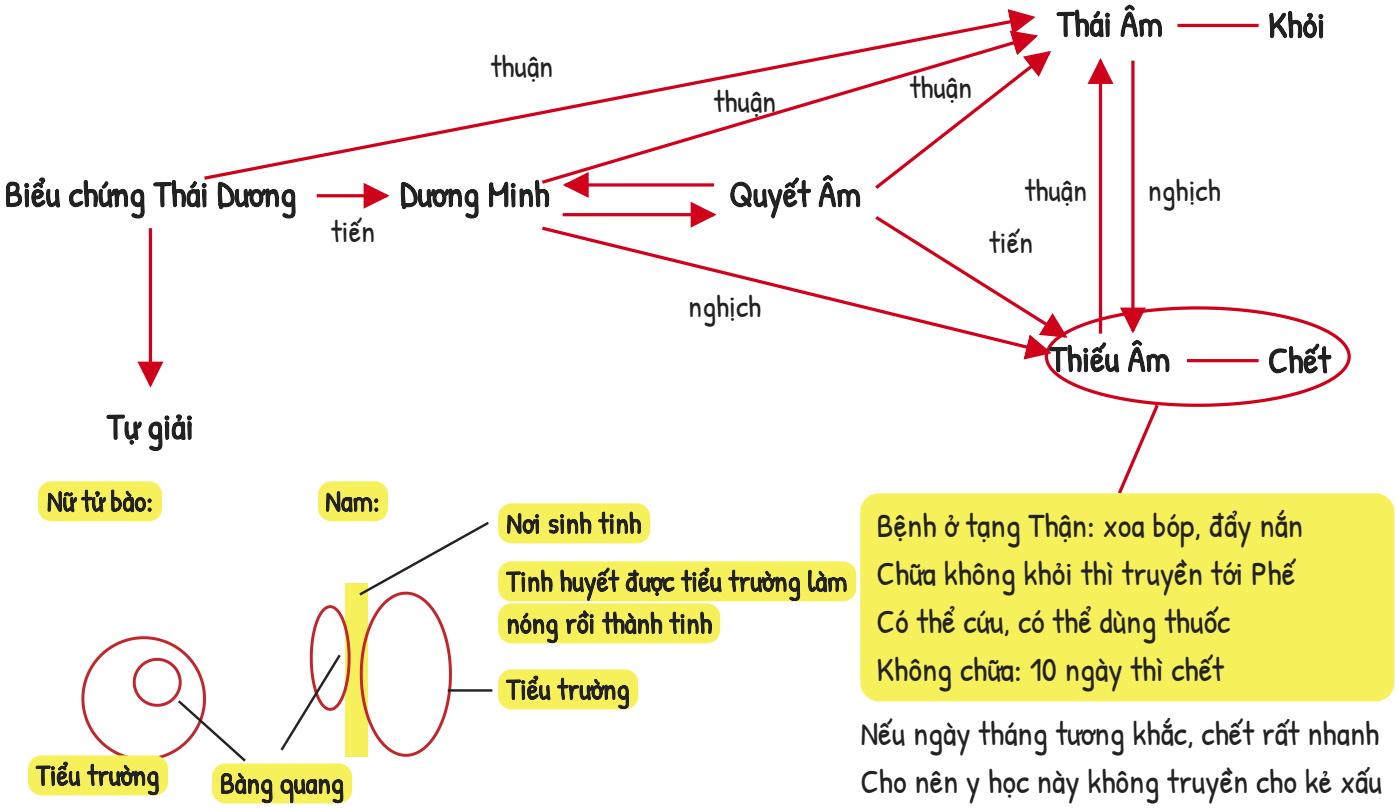
Chúng ta xét dương khí thì biết được (bệnh) từ đâu mà sinh
Xét âm, (xem) thời gian bị khắc, thì biết được ngày sống chết





Hoàng Đế Nội Kinh (19) – Ngọc cơ chân tạng luận 04

kinhdichtam.com dịch



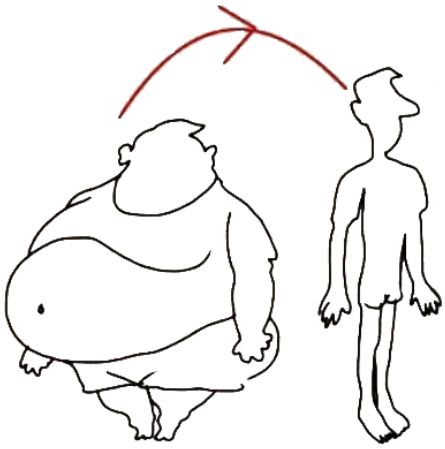
Khi (bệnh) tới Tâm là đã đi tới tận cùng, không còn tạng nào để truyền nữa, thì tới Phế, phát nóng lạnh, tinh thần rời đi, nhiều nhất 3 năm thì chết

Phát đột ngột thì không chữa theo đường truyền; còn bệnh cấp tính cũng không chữa theo đường truyền.

Tâm chí, cảm xúc không được thái quá, thái quá đều không tốt

Bệnh có 5 loại, biến thành 5×5 = 25 loại bệnh

Hình thương



Một người đột nhiên gầy đi rất nhiều, hơn 20 cân

1. Trong ngực khí đầy, thở suyễn. Trong ngực: chỗ của dương khí.
   Hình và khí đều thương: 6 tháng thì chết
2. Đau bên trong lan lên vai gáy: 1 tháng thì chết
3. Trong ngực khí đầy, đau bên trong lan lên vai gáy, thân nóng, thịt tiêu, khối thịt bắp teo rã: trong vòng 10 tháng thì chết

Hoàng Đế Nội Kinh (19) – Ngọc cơ chân tạng luận 05

kinhdichtam.com dịch

Hình thương

4. Da dính vào xương, cử động ngày càng suy, mạch chân tạng hiện ra: chưa tới một năm thì chết

5. 1+2+3+4, hố mắt lõm xuống, mắt không nhìn thấy người, cử động ngày càng suy, mạch chân tạng hiện ra: chết rất nhanh

Nếu vẫn còn nhìn thấy người, (nhưng) âm dương (đã mất), cũng sẽ chết; chết vào giờ địa chi tương khắc

Tai họa bất ngờ xảy ra, mạch ngũ tạng bế, mạch không thông, chân tạng không hiện, cũng sẽ chết

Tây y cấp cứu làm rất tốt

Dựa vào sơ đồ mười hai địa chi để đoán sống chết, ví dụ bệnh Can: giờ Kim là nguy hiểm



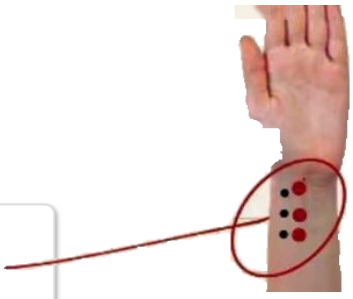
Mạch chân Can: gấp

Trong ngoài đều căng gấp, mạch nhảy trái phải, như lưỡi dao, như dây đàn, rất cứng; người bệnh sắc xanh, không bóng, mao chiết thì chết. Mao chiết: (dương khí) mất hoàn toàn

Lông là phần dư của khí, tóc là phần dư của huyết

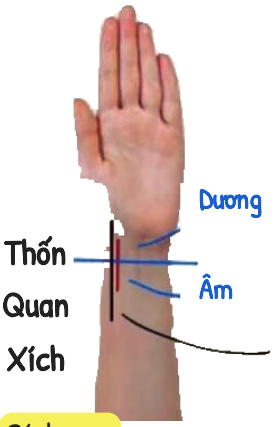
Mạch chân Tâm tới:

Nhọn mà mỏng, cứng như hạt ý dĩ; sắc đỏ sắc đen cùng hiện, thủy hỏa tương khắc, không bóng, mao chiết thì chết



Mạch chân Phế tới:

Lớn mà hư, mặt trắng, không bóng, mao chiết thì chết

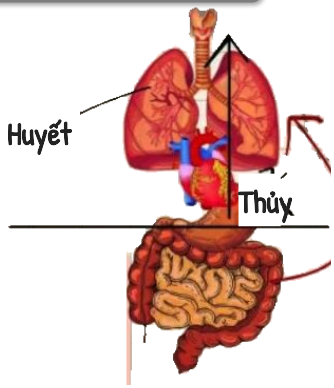


Mạch chân Thận tới:

Cứng đơ, chìm sâu dưới đáy; vàng đen không bóng, mộc khắc thổ, âm tuyệt, mao chiết: chết

Mạch chân Tỳ tới:

Lúc nhanh lúc chậm, vàng xanh không bóng, mao chiết: chết



Mạch chân tạng hiện: không chữa được

Sách xưa:

«Vị» xem là ruột

«Tâm hạ» là dạ dày

Ngũ tạng đều bẩm khí từ tiểu trường; tiểu trường là gốc của ngũ tạng

Mạch chân tạng: tân dịch của Phế, tiểu trường nâng đỡ; ngũ tạng nhận khí ở Thủ Thái Âm

Tà khí thịnh, tinh khí suy, tiểu trường không thu nạp, cung ứng không nổi

Hoàng Đế Nội Kinh (19) – Ngọc cơ chân tạng luận 06

kinhdichtam.com dịch

Chữa bệnh: xét hình, khí, sắc trạch (màu sắc và độ bóng), mạch thịnh hay suy; biết là bệnh mới hay bệnh cũ, đừng để lỡ thời cơ

Bệnh mới: mạch bệnh và màu sắc trên da còn tương đối nông: dễ chữa; mùa xuân mà sờ được mạch mùa hạ, là thuận mạch, dễ chữa

Mạch có vị khí: hòa hoãn mà có lực, một hơi thở 4-5 nhịp: dễ chữa

Bệnh cũ: màu sắc mất rồi, không bóng: khó chữa;

Mạch thực, kiên (cứng), trái với bốn mùa – mùa đông sờ ra mạch mùa hạ: khó chữa

Xuân hạ mà mạch sáp, thu đông mà mạch phù; người bệnh chứng nhiệt lẽ ra phải bồn chồn, vậy mà lại rất yên lặng, mạch tế chậm

Tiêu chảy mà mạch lớn, mất nước mà mạch thực: rất khó chữa; mất nước thì mạch mềm, tế nhược; mạch lớn thì khó chữa

Bệnh ở trong, mạch hoãn; bệnh ở ngoài, mạch thực nhọn; ngược lại thì không được

Hư thực quyết định sống chết:



Ngũ thực tử (năm chứng thực thì chết):
Mạch thịnh, hồng đại không dứt
Tỳ nóng, thân thể nóng bỏng
Bụng trướng căng, bụng đầy
Đại tiểu tiện không thông
Mắt nhìn không rõ

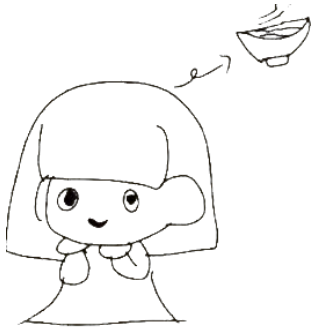


Ngũ hư tử (năm chứng hư thì chết):
Mạch tế
Da lạnh giá
Hơi thở ngắn, không nói
Đại tiểu tiện không cầm
Ăn uống không vào

Ra mồ hôi thì giải
Đại tiểu tiện thông
thì có cơ hội sống



Đổ loãng
uống vào được
thì có cơ hội sống



Hoàng Đế Nội Kinh (20) – Tam bộ cửu hậu luận 01

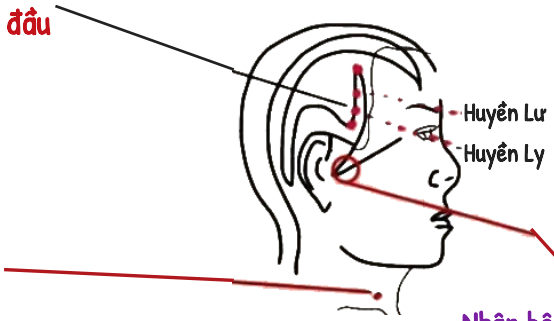
kinhdichtam.com dịch

Trời đất bắt đầu từ một, kết thúc ở chín

Trên thân người có mạch tam bộ cửu hậu

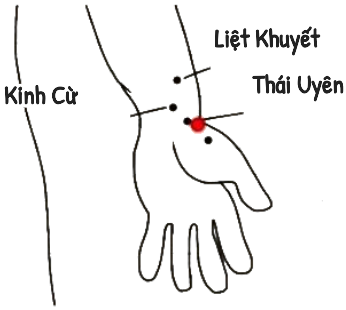
Đông Nam	Nam	Tây Nam
Đông	Người	Tây
Đông Bắc	Bắc	Tây Bắc

Thượng bộ: Thiên bộ, nơi mạch khí Thiếu Dương phát ra
Chẩn xét khí vùng góc đầu



Địa bộ: mạch Nhân Nghênh, nơi vị khí đi qua
Chẩn xét khí vùng miệng răng

Nhân bộ: mạch Thiếu Dương, mạch khí Tam tiêu
Chẩn xét khí vùng tai mắt



Trung bộ:

Thiên bộ: Kinh Cừ, nơi Phế khí ở; chẩn đoán Phế

Địa bộ: Hợp Cốc, vị trí kinh Đại trường; chẩn đoán khí trong ngực

Nhân bộ: Thần Môn, kinh Tâm; chẩn xét khí của tim



Hạ bộ:

Thiên bộ: Thái Xung của kinh Can; chẩn đoán Can khí

Địa bộ: Thái Khê của kinh Thận; chẩn đoán Thận

Nhân bộ: Cơ Môn của kinh Tỳ, Xung Dương của kinh Vị; chẩn đoán Tỳ Vị

(sổ ghi « Kỳ Môn »; theo bài giảng là huyệt Cơ Môn)

Mạch vùng đầu: dương kháng, nhảy rất nhanh: điên tật

Uống thuốc: Khống Diên đan; châm Bách Hội

Cứu: Dương Kiểu, Thân Mạch, Chiếu Hải; mạch nhỏ dần là khỏi

(sổ ghi « Không Linh đan »)

Xem béo gầy, điều hư thực, chích máu ứ, điều cho mạch khí cân bằng là khỏi

Ngũ tạng bại, khí sắc không tốt: dấu hiệu chết

Hoàng Đế Nội Kinh (20) – Tam bộ cửu hậu luận 02

kinhdichtam.com dịch

Làm sao phân biệt sống chết: tương sinh, thuận thì sống, nghịch thì chết

Ví dụ: thân hình cao lớn, mạch tế nhỏ, hơi thở ngắn: nguy hiểm

Thân hình gầy, khô đét, mạch rất lớn, trong ngực nhiều dương, nhiều khí thì chết

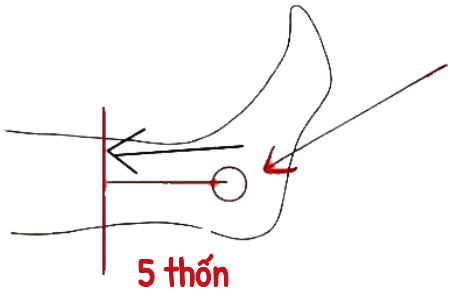
Hình khí: khí mạch và hình thể bên ngoài tương thông, tương sinh, là điềm tốt

Không tương thông, không phù hợp, đều là bệnh.

Có mạch đã mất, hoặc một bên mạch nhanh một bên mạch chậm, không đều đặn, thì là có chứng bệnh

Hố mắt lõm vào: đều là chứng chết; hố mắt do Vị quản

Mạch tam bộ cửu hậu phải cùng tốc độ, đều đặn, mới là bình thường



5 thốn

Búng một cái: lực mạnh, dội lên quá 5 thốn: không bệnh; không phản ứng: sắp chết rồi

Trung bộ

Kinh Tâm, kinh Phế, huyệt Hợp Cốc kinh Đại trường mạch động lúc nhanh lúc chậm: đều là chứng chết

Mạch trung bộ: đại mà câu

Mạch Xung Dương, mạch Thái Xung, mạch vị khí; mạch Thái Xung lớn, đi lên: ung thư dạ dày, âm thực, bị chặn lại

Một hậu biến mất: bệnh

Hai hậu biến mất: bệnh nặng

Ba hậu biến mất: bệnh nguy

Mạch khí Túc Thái Dương tuyệt: chân không duỗi được, mắt trợn ngược lên.

Đông âm hạ dương: chân cong vồng lên, không giẫm xuống đất mà đi được

Mạch âm thuần hàn: sờ hết mạch toàn thân trên dưới, toàn là mạch huyền tế: chủ mùa đông, chết lúc nửa đêm

Mạch dương thuần nhiệt: mạch thịnh táo, suyễn mà sác là dương: chủ mùa hạ, chết lúc giữa trưa

Bệnh hàn nhiệt: lúc lạnh lúc nóng; khoảng giữa nửa đêm và giữa trưa: chết lúc sáng sớm

Nhiệt trung và bệnh nhiệt: chết lúc giữa trưa

Bệnh phong: như tạng Can, chết lúc chạng vạng

Người bệnh thủy thũng: chết lúc nửa đêm; lúc nhanh lúc chậm: mạch tạng Tỳ

Lúc trì lúc tật, vào giờ Thìn Tuất Sửu Mùi: chết vào giờ của tạng Tỳ

Người bệnh hình nhục đã thoát: da bọc xương, mạch cửu hậu dù điều hòa cũng chết

Hoàng Đế Nội Kinh (20) – Tam bộ cửu hậu luận 03

kinhdichtam.com dịch

Mạch thất chẩn tuy xuất hiện, nhưng mạch cửu hậu vẫn thuận theo bốn mùa, thì cũng không chết
Có khi bệnh mới hoặc lúc đang có kinh nguyệt, sẽ xuất hiện mạch giống thất chẩn, không chết

Sắc và mạch đều mất hết: trước khi chết ắt phát nấc cụt, ợ lớn

Thất chẩn: độc tiểu, độc đại, độc cấp, độc trì, độc nhiệt, độc hàn, độc hãm hạ
(bảy chẩn: trong chín bộ mạch, có MỘT bộ khác hẳn các bộ còn lại – chỉ riêng bộ ấy nhỏ, hoặc lớn, gấp, chậm, nóng, lạnh, hay lõm xuống)

Mạch đến trôi chảy: không bệnh; mạch đến trì hoãn: có bệnh;
Mạch không qua lại: chứng chết; da khô héo bám vào gân xương: cũng là chứng chết

Bệnh ở kinh thì chữa kinh
Bệnh ở tôn lạc: châm tôn lạc cho ra máu
Bệnh ở huyết mà thân thể đau nhức: chữa kinh và lạc của nó; nếu tà khí lưu lại ở đại lạc thì dùng phép mậu thích

Phép mậu thích: bệnh ở bề mặt, không ở kinh lạc
1. Chích máu ở các huyệt Tỉnh của mười hai kinh
2. Châm chích máu ở các điểm gân xanh vùng chân

Người gầy, bệnh lâu, bệnh không di chuyển: dùng phép châm cho thích đáng
Dọc theo kinh lạc sờ ấn tìm điểm đau, châm rách cho ra máu

Tròng mắt trợn ngược lên, không nhìn thấy nữa: mạch Thái Dương tuyệt; lưu kim ở ngón tay và mắt cá ngoài

Hoàng Đế Nội Kinh (21) – Kinh mạch biệt luận 01

kinhdichtam.com dịch

Người lúc kinh sợ, phẫn nộ, mệt nhọc, vận động hay yên tĩnh, huyết khí trong kinh mạch đều không giống nhau.

Đi xa ban đêm, khí sợ hãi ra từ tạng Thận, khí nghịch đi càn, làm hại tạng Phế

Té ngã kinh sợ, khí nghịch ra từ tạng Can, khí nghịch đi càn, làm hại tạng Tỳ

Kinh sợ, khí nghịch ra từ tạng Phế, khí nghịch đi càn, làm hại tạng Tâm

Lội nước vấp ngã, khí nghịch ra từ Thận và xương

Người dũng cảm, bệnh tự khỏi; người nhút nhát, khí huyết trệ lại, sinh bệnh

Phép lớn của chẩn đoán: phải quan sát người ấy dũng cảm hay nhút nhát, xương thịt da dẻ ra sao

Người đởm lớn (gan dạ): xương to thịt chắc; người đởm nhỏ: xương nhỏ thịt ít, giòn yếu

Ăn cơm ra mồ hôi: ra từ Vị (tiểu trường)

Nước uống vào Vị: uống nước mà ra mồ hôi là từ Vị (tâm hạ)

Ăn uống no nê vào Vị, tức là thức ăn vào ruột rồi: mồ hôi ra từ tiểu trường; đại trường chưng bốc lên Phế

Người bị kinh hãi, mất tinh thần: mồ hôi ra từ tạng Tâm

Mang vật nặng đi xa: mồ hôi ra từ Thận

Lo sợ mà chạy: mồ hôi ra từ Can

Lắc lư thân thể, lao lực khổ nhọc (ca nữ nhảy múa, nông dân): mồ hôi ra từ Tỳ

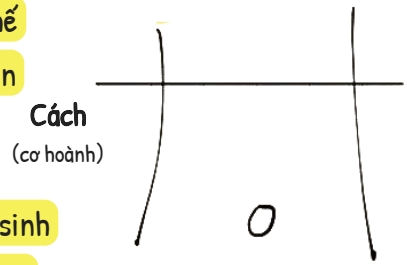
Dùng quá mức thì sinh bệnh

Đởm là quan trung chính; đởm khí không đủ thì ôn đởm (làm ấm đởm)

Thực khí vào tiểu trường, qua tiêu hóa đem một phần tinh vi cho tạng Can dùng vào việc sơ tiết; huyết khí quy về Tâm

Khí huyết hỗ trợ nhau mà thành, nguồn gốc từ thức ăn và nước; vào Phế đều là khí, vào Tâm đều là huyết

Nước uống vào Vị, đưa lên tạng Tỳ, tạng Tỳ tán tinh hoa, đưa lên Phế, Phế khí khơi thông điều hòa đường nước, đưa xuống bàng quang. Tạng Tỳ quản đường nước, vận hóa nước. Vấn đề về nước, đều chữa Tỳ



Tam tiêu là quan quyết độc (khơi thông ngòi lạch), quản nước; tam tiêu sinh ra từ tạng Tỳ, như một tấm màng lưới mỡ, có mỡ ở bên trong nên giúp vận chuyển nước

Nước đi trong thân thể phải là khí nóng, không nên là nước lạnh; nếu là nước lạnh thì tìm cách hóa nước thành khí, hoặc thải ra.

Hoàng Đế Nội Kinh (21) – Kinh mạch biệt luận 02

kinhdichtam.com dịch

Kinh Thái Dương độc hành (đi một mình): tay chân lạnh buốt, thở hổn hển, khí nghịch; âm bất túc, dương hữu dư

Chữa: lấy huyệt Thúc Cốt kinh Túc Thái Dương, huyệt Thái Khê kinh Túc Thiếu Âm

Kinh Dương Minh độc hành: Thái Dương, Thiếu Dương cùng dồn về Dương Minh, dương khí chồng dồn (trùng tịnh); tả dương bổ âm

Chữa: tả huyệt Hãm Cốc kinh Dương Minh, bổ huyệt Thái Bạch kinh Túc Thái Âm

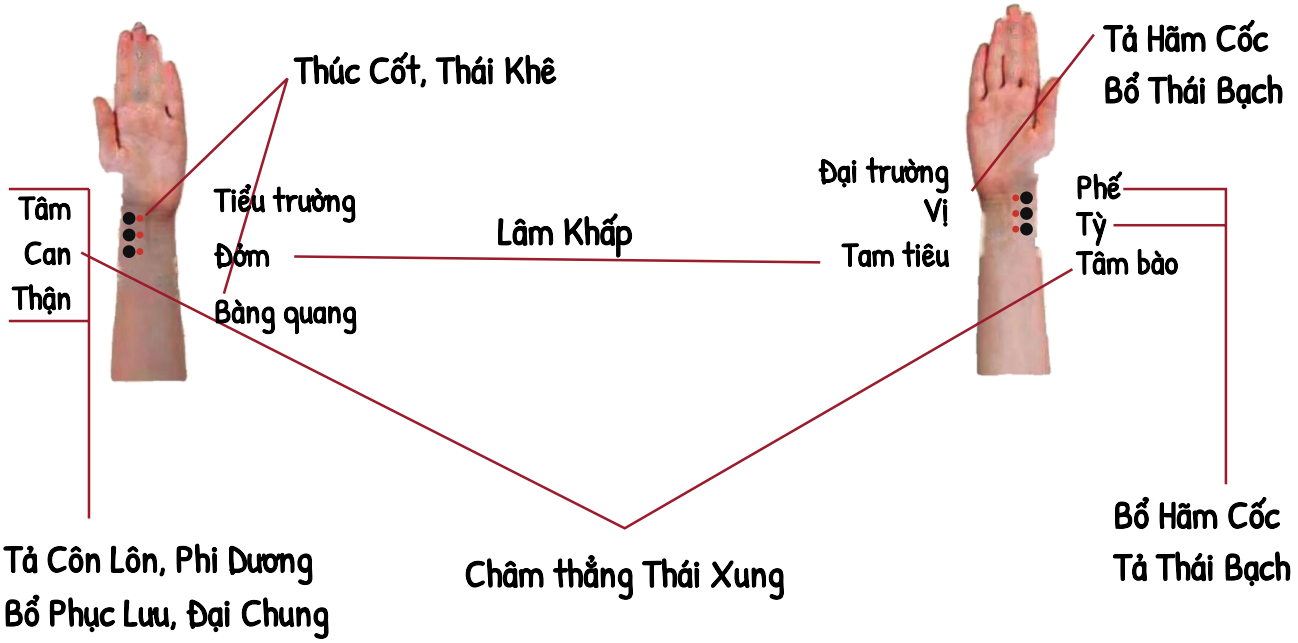
Kinh Thiếu Dương độc hành: quyết khí nghịch lên, mạch Dương Kiểu sưng căng toàn bộ

Chữa: lấy huyệt Lâm Khấp ngay trên kinh Đởm

Thiếu Dương: nhất dương
Dương Minh: nhị dương
Thái Dương: tam dương

Chứng Thái Dương:

1. Truyền sang Dương Minh: tới đó là dừng;
2. Vào Thiếu Dương: chủ xu (bản lề), bán biểu bán lý – có cơ hội dừng ở biểu, có cơ hội vào lý.



Mạch Thái Âm đập mạnh (cổ bác), vị khí không bình hòa; tỳ vị là biểu lý của nhau; âm thịnh

Chữa: bổ dương tả âm, dùng huyệt du: bổ huyệt Hãm Cốc kinh Túc Dương Minh, tả huyệt Thái Bạch kinh Túc Thái Âm

Nhị âm độc khiếu (nổi lên một mình): Thiếu Âm nhiệt quyết, hư dương vượt lên trên; tâm, phế, can, tỳ đều bị ảnh hưởng, gốc bệnh ở tạng Thận

Chữa: tả kinh Túc Thái Dương ở kinh huyệt Côn Lôn, lạc huyệt Phi Dương; bổ kinh Túc Thiếu Âm ở Phục Lưu, lạc huyệt Đại Chung

Nhất âm thiên thịnh: kinh khí Quyết Âm hư yếu, trong tim đau ê khó chịu, mồ hôi ra nhiều

Chữa: điều chỉnh bằng ăn uống, thuốc; châm huyệt Thái Xung

Hoàng Đế Nội Kinh (21) – Kinh mạch biệt luận 03

kinhdichtam.com dịch

Lục kinh biện chứng: Thái Dương, Thiếu Dương, Dương Minh – bệnh dừng

Cùng chứng thì cùng cách chữa



Thái Âm

Thiếu Âm

Quyết Âm

Ở Quyết Âm: chỗ nào cũng khó chịu

Tây y kiểm tra vẫn chưa ra

Đi qua Quyết Âm

Qua khỏi Quyết Âm, có kết quả,

Tây y mới kiểm tra ra

Mạch kinh Thái Dương: cực thịnh mà vẫn phù, ấn nhẹ là có; có hàn

Thiếu Dương: nhất dương, hoạt mà không thực; hàn nhiệt vãng lai (lúc lạnh lúc nóng)

Dương Minh: mạch đại mà phù.

Dương Minh = chỉ nóng, không lạnh

Thái Âm: lúc to lúc nhỏ, đập như trống (cổ)

Thiếu Âm: trầm mà không phù

Quyết Âm: lúc to lúc nhỏ

Hoàng Đế Nội Kinh (22) – Tạng khí pháp thời luận 01

kinhdichtam.com dịch

Can chủ mùa xuân: thời gian kinh Túc Quyết Âm và Túc Thiếu Dương chủ trị

Ngày vượng của Can, Đởm: Giáp Ất; Can khổ vì căng gấp (khổ cấp), vị ngọt làm hoãn được

Mùa hạ khỏi, mùa thu nặng, mùa đông ổn định, mùa xuân phát lại

Khỏi vào Bính Đinh, nặng vào Canh Tân, ổn vào Nhâm Quý, phát lại vào Giáp Ất

Sáng sớm khoan khoái, chiều tối nặng, nửa đêm yên

Can ưa sơ tán: nên gấp dùng thuốc vị cay để phát tán; cay là bổ, chua là tả

Tâm chủ mùa hạ: thời gian kinh Thủ Thiếu Âm và Thủ Thái Dương chủ trị

Ngày vượng của Tâm, Tiểu trường: Bính Đinh; Tâm khổ vì buông lơi (khổ trì hoãn), dùng vị chua để thu

Trưởng hạ khỏi, mùa đông nặng thêm, mùa xuân giữ bình, mùa hạ lại phát; kiêng đồ ăn ấm nóng, có thể dội nước lạnh vào chân

Khỏi vào Mậu Kỷ, nặng vào Nhâm Quý, ổn vào Giáp Ất, phát lại vào Bính Đinh

Nửa đêm bệnh tim thường phát tác; Tâm cần mềm: vị mặn là bổ, vị ngọt là tả

Tỳ chủ trưởng hạ: thời gian kinh Túc Thái Âm và Túc Dương Minh chủ trị

Ngày vượng của Tỳ, Vị: Mậu Kỷ; Tỳ không ưa thấp, dùng vị đắng để làm khô

Mùa thu khỏi, mùa xuân nặng, mùa hạ ổn định, trưởng hạ lại phát; kiêng ăn ấm nóng, ăn quá no, cơm chan nước lạnh; kiêng đất ẩm, áo ẩm

Khỏi vào Canh Tân, nặng thêm vào Giáp Ất, ổn vào Bính Đinh, phát lại vào Mậu Kỷ

Sáng sớm nặng nhất, hoàng hôn dễ chịu nhất; đắng là tả, ngọt là bổ

Phế chủ mùa thu: thời gian kinh Thủ Thái Âm và Thủ Dương Minh chủ trị

Ngày vượng của Phế, Đại trường: Canh Tân; Phế không ưa khí nghịch lên, dùng vị đắng để tả

Mùa đông khỏi, mùa hạ nặng thêm, trưởng hạ ổn định, mùa thu lại phát; kiêng ăn uống lạnh, mặc áo quá ít

Khỏi vào Nhâm Quý, nặng thêm vào Bính Đinh, ổn vào Mậu Kỷ, phát lại vào Canh Tân

Chiều tối dễ chịu, giữa trưa nặng thêm, quá trưa yên; chua là bổ, cay là tả

Thận chủ mùa đông: thời gian kinh Túc Thiếu Âm và Túc Thái Dương chủ trị

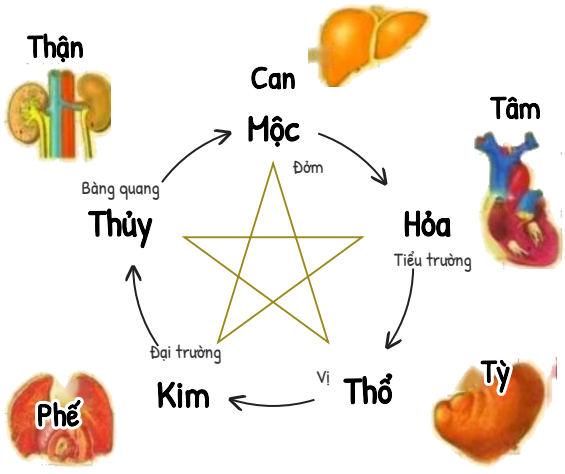
Thận và Bàng quang: Nhâm Quý; Bính Đinh [?]; Thận không ưa khô (táo), vị cay làm nhuận chỗ khô

Mùa xuân khỏi, trưởng hạ nặng thêm, mùa thu giữ bình, mùa đông lại phát; kiêng đồ ăn quá nóng, áo hong sấy

Khỏi vào Giáp Ất, nặng thêm vào Mậu Kỷ, ổn vào Canh Tân, phát lại vào Nhâm Quý

Nửa đêm tinh táo, bốn giờ Thìn, Tuất, Sửu, Mùi nặng thêm, chiều tối yên

Ưa cứng chắc: đắng là bổ, mặn là tả. Chứng nhiễm độc niệu (urê huyết cao): vị đắng để bổ – Hoàng Liên



Vị mặn làm mềm chỗ cứng: khối u, cục cứng

Cay, ngọt sinh dương; chua, đắng làm nôn và tả (dũng tiết) sinh âm

Cay: phát tán

Chua: thu liễm

Ngọt: hoãn cấp

Đắng: làm chắc, làm khô

Mặn: làm mềm chỗ cứng

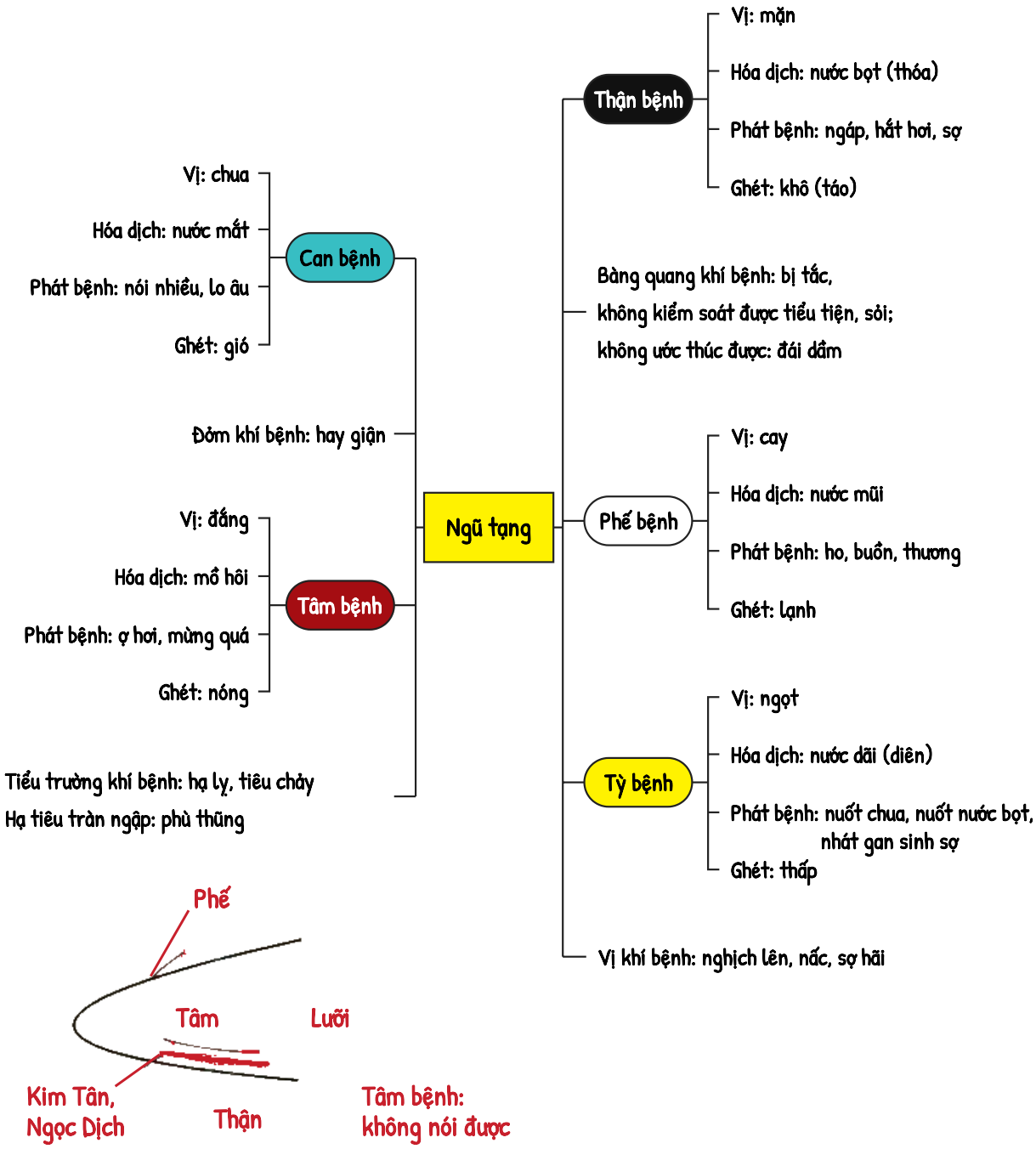
Hoàng Đế Nội Kinh (22) – Tạng khí pháp thời luận 02

kinhdichtam.com dịch

- Tạng bệnh
  - Can bệnh
    - Hai bên dưới sườn đau, kéo xuống bụng dưới, khiến người dễ giận
    - Can hư: hai mắt mờ hoa, nhìn không rõ; tai nghe không rõ, hay sợ hãi, như có người sắp bắt mình
      - Châm Quyết Âm và Thiếu Dương
    - Can thực: Can khí nghịch lên, đau đầu, tai điếc không nghe rõ, má sưng
      - Chích máu chỗ kinh huyết thịnh
    - Can chủ màu xanh; bệnh Can nên ăn vị ngọt: gạo canh (canh mễ), thịt bò, táo tàu, rau quỳ
  - Tâm bệnh
    - Trong ngực đau, vùng sườn đầy, dưới sườn đau; ngực, lưng, giữa hai bả vai đau; mặt trong hai cánh tay đau
    - Tâm hư: ngực bụng trướng to, dưới sườn và thắt lưng kéo đau
      - Châm Thiếu Âm và Thái Dương; chích máu huyệt Kim Tân, Ngọc Dịch (dưới lưỡi)
    - Bệnh có biến đổi
      - Châm huyệt Âm Khích cho ra máu; ngón tay
    - Tâm tạng màu đỏ; bệnh Tâm nên ăn vị chua: đậu đỏ, thịt chó, mận, hẹ
  - Tỳ bệnh
    - Thân mình nặng nề, dễ đói, cơ thịt nhão yếu, chân không cất bước được; gân mạch co rút, gan bàn chân đau, bắp chân đau
    - Tỳ hư: trướng đầy, ruột sôi, tiêu chảy
      - Châm huyệt kinh Thái Âm, Dương Minh, Thiếu Âm, chích cho ra máu
    - Tỳ chủ màu vàng; bệnh Tỳ nên ăn vị mặn: đậu nành (đại đậu), thịt heo, hạt dẻ, lá đậu (hoắc)
  - Phế bệnh
    - Ho suyễn, khí nghịch, vai lưng đau, ra mồ hôi; mặt trong đùi, đầu gối, hông, bắp chân, bàn chân… đều đau; dương bất túc
    - Phế hư: hơi thở ngắn, hô hấp không liền mạch, tai điếc, cổ họng khô
      - Châm Thái Âm, phía ngoài kinh mạch Túc Thái Dương, phía trong Quyết Âm, chích cho ra máu
    - Phế chủ màu trắng; bệnh Phế nên ăn vị đắng: lúa mì, thịt dê, hạnh…
  - Thận bệnh
    - Bụng to, ống chân sưng, suyễn ho, thân mình nặng, mồ hôi trộm, sợ gió
    - Thận hư: trong ngực đau, bụng trên bụng dưới đau; tứ chi lạnh giá, trong lòng không vui
      - Châm huyệt kinh Thiếu Âm và Thái Dương, cho ra máu
    - Thận chủ màu đen; bệnh Thận nên ăn vị cay: kê nếp vàng (hoàng thử), thịt gà, đào, hành lá to

Hoàng Đế Nội Kinh (23) – Tuyên minh ngũ khí thiên 01

kinhdichtam.com dịch



Vị cay chủ phát tán, đi vào khí phần: bệnh ở khí không được ăn nhiều (khí phế thũng, viêm khí quản...)

Vị mặn đi vào huyết phần: bệnh ở huyết không được ăn nhiều (nội thương, thiếu máu)

Vị đắng đi vào xương: bệnh xương không được ăn nhiều (trật khớp, gãy xương, bệnh xương – bệnh xương lúc đầu đau ở Hoàn Khiêu)

Vị ngọt đi vào cơ thịt: bệnh ở thịt không ăn nhiều (đau mỏi cơ, béo phì...)

Vị chua đi vào cân mạc: bệnh ở gân không được ăn nhiều (chân không co duỗi được)

Hoàng Đế Nội Kinh (23) – Tuyên minh ngũ khí thiên 02

kinhdichtam.com dịch

Chỗ phát của năm bệnh (ngũ bệnh sở phát):

Phát ở xương, cơ thịt: bệnh âm, phát vào mùa hạ (dương ở ngoài, âm ở trong)

Phát ở huyết, mặt ngoài da: bệnh dương, phát vào mùa đông (dương vốn tiềm tàng)

Tà vào dương thì cuồng: tinh thần rối loạn, phát cuồng

Tà vào âm: âm tương bác, tê liệt (ma tý), huyết tý, câm tiếng (âm á)

Bệnh tà từ dương vào âm: bệnh phần nhiều yên tĩnh

Bệnh tà từ âm ra dương, bệnh phần nhiều hay giận

Bạch khấu có độc,
làm người ta câm tiếng;
gừng tươi giải được

Mùa xuân được mạch mùa thu
Mùa hạ: mạch mùa đông
Trưởng hạ: mạch huyền của mùa xuân
Mùa thu thấy mạch câu của mùa hạ
Mùa đông thấy mạch nhu của trưởng hạ
Kinh Quyết Âm hay giận: không chữa được

Tâm tàng thần, Phế tàng phách, Can tàng hồn, Tỳ tàng ý, Thận tàng chí

Tâm chủ mạch, Phế chủ bì, Can chủ cân, Tỳ chủ nhục, Thận chủ cốt

Nhìn lâu hại huyết, nằm lâu hại khí, ngồi lâu hại thịt, đứng lâu hại xương, đi lâu hại gân

Khí bị thương thì không nằm được

Can mạch huyền, Tâm mạch câu, Tỳ mạch đại (canh đại), Phế mạch mao, Thận mạch thạch

Hoàng Đế Nội Kinh (24) – Huyết khí hình chí luận

kinhdichtam.com dịch

Lục kinh biện chứng sớm nhất



Chữa bệnh trước hết phải bỏ huyết (khứ huyết)

Kinh nhiều huyết thì có thể chích máu

Kinh ít khí thì không được để thoát khí

Rút kim lên là ấn ngay, bịt lỗ kim (môn châm)

Tả chỗ hữu dư, bổ chỗ bất túc

Thực thì tả tử, hư thì bổ mẫu

Thân thể yên vui, tinh thần khổ muộn: bệnh phát ở kinh mạch, chữa bằng châm

Thân thể yên vui, tinh thần vui vẻ: bệnh phát ở cơ thịt, chữa bằng châm, đá châm (biếm thạch)

Thân thể lao khổ, tinh thần vui vẻ: bệnh phát ở gân xương, chữa bằng úy dẫn (chườm nóng, xoa kéo): thuốc nấu chín rồi đắp nóng

Thân thể lao khổ, tinh thần khổ muộn: bệnh phát ở cổ họng, chữa bằng thuốc vị ngọt

Thân thể nhiều lần bị kinh sợ, gân mạch vận hành không thông: bệnh phát ra chân tay tê dại (bất nhân), chữa bằng xoa bóp, rượu thuốc

Hoàng Đế Nội Kinh (25) – Bảo mệnh toàn hình luận

kinhdichtam.com dịch

Chẩn đoán bệnh

Một chén nước mặn, để một lúc thì nước rịn ra ngoài: không có việc gì mà chảy mồ hôi là khí tiết

Có bệnh thì giọng nói đổi điệu

Bệnh tới lúc nặng thì người ta nấc

Chuyện xấu: vị khí sắp tuyệt, thuốc men, châm cứu đều vô dụng

Ví dụ: bệnh Can

Sắc mặt xanh, bên trong vàng sạm

Cuối cùng sắc mặt chuyển đen: nghịch hành, chữa không khỏi

Trời có âm dương, người có mười hai khớp xương lớn; sống thuận theo thời tiết mới đúng

Người sinh ra có hình thể, không tách khỏi âm dương; về địa lý chia làm chín vùng (cửu dã), khí hậu chia làm bốn mùa

Mộc gặp Kim thì gãy, Hỏa gặp Thủy thì tắt,

Thổ gặp Mộc thì tơi xốp, Kim gặp Hỏa thì chảy lỏng, Thủy gặp Thổ thì bị chặn đứt











Năm phép chữa:

1. Trị thần
2. Tu dưỡng hình thể
3. Hiểu thuốc thật giả
4. Chế đá châm (biếm thạch) lớn nhỏ
5. Phép chẩn đoán huyết khí tạng phủ

Phải lấy phép theo âm dương trời đất, theo biến hóa mà hạ kim

Ví dụ:

Cánh tay đau theo kinh Đại Trường: châm ngay, không được nói để hôm khác châm

Nắm vững thủ pháp, hư thực bổ tả

Người bệnh có hư có thực: chứng hư không được tùy tiện tả, chứng thực cũng không được « để xa mà không tả » [?]

Vào kim thì lòng không xao lãng, bình tâm tĩnh khí, quan sát hơi thở người bệnh

Thuật đạo dẫn:

Lấy huyệt gần một kim, lấy huyệt xa một kim

Ví dụ: đau kinh Đại Trường, 3 ngày: Nhị Gian

Châm xong vẫn còn đau một chút ở khớp vai: Thiếu Dương (đóng mở)

Huyệt Kiên Ngung bình bổ bình tả; Nhị Gian: tả. Hai tay cùng vê kim

Hoàng Đế Nội Kinh (26) – Bát chính thần minh luận

kinhdichtam.com dịch

Dùng châm cứu phải coi trọng phép tắc, phối hợp âm dương trời đất, mặt trời, mặt trăng, tinh tú

Phép tắc châm cứu:

Bệnh khí rất mạnh, rất thực thì đừng tả; chính khí hồi phục rồi mới tả

1. Trăng tròn: cơ nhục rắn chắc, huyết khí thực → tả;
Trăng khuyết: cơ nhục gầy, kinh lạc trống rỗng, vệ khí không đủ → bổ;
Trời lạnh: đừng hạ châm
2. Trăng vừa mới lên (mới sinh): không được tả
Trăng đang tròn: không được bổ
Trăng tối không ánh sáng: không chữa, (chữa thì) loạn kinh

Nam

Nhược phong	Đại nhược phong	Mưu phong
Anh nhi phong		Cương phong
Hung phong	Đại cương phong	Chiết phong

Đông — Tây

Bắc

Làm sao noi theo phép châm của người xưa?

Nhất định phải hiểu Châm kinh trước
Dựa vào nóng lạnh của mặt trời, tròn khuyết của mặt trăng để xét khí chìm hay nổi

Phép tả phải nắm một chữ « phương » (vuông)

Tả khí thịnh nhất, trăng đang tròn, trời đang ôn hòa, cơ thể còn yên ổn
Bệnh nhân hít vào thì hạ châm, lại hít vào thì xoay kim, thở ra thì rút kim

Phép bổ phải nắm một chữ « viên » (tròn)

Bệnh nhân hít vào thì đẩy dời kim

Phần này trước đây trong *Châm cứu đại thành*: thủ pháp châm cứu « Bạch hổ dao đầu », « Xích phượng nghênh tùy » đều theo nguyên tắc này

Hình và thần
Thần là: tai không nghe tạp âm, mắt không thấy vật lạ – nhất định phải chuyên chú

Hoàng Đế Nội Kinh (27) – Ly hợp chân tà luận

kinhdichtam.com dịch

Bệnh ở mười hai kinh đều từ ngoài vào

Trời có 28 tú, đất có 12 kinh thủy, người có 12 kinh mạch

Khi lạnh, kinh thủy ngưng sáp không chảy

Nắng nóng, kinh thủy sôi trào dâng tràn

Hàn tà làm huyết đi trệ sáp, nhiệt tà làm huyết khí trơn nhuận, lưu lợi

Đau mới châm

Bệnh mới uống thuốc

Nam: trái huyết phải khí, (mạch) bên phải lớn hơn bên trái là bình thường

Nữ: bên trái lớn hơn bên phải là bình thường

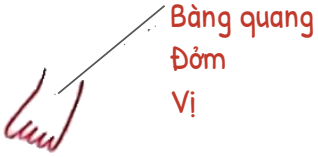
Công tà: tranh thủ thời gian, châm cho ra huyết thịnh, khôi phục chính khí

Hoàng Đế Nội Kinh (28) – Thông bình hư thực luận 01

kinhdichtam.com dịch

Thế nào là hư thực?

Tà khí đang thịnh: thực chứng



Tinh khí không đủ: hư chứng

Phế chủ khí; khí hư: khí nghịch lên, hai chân ắt lạnh

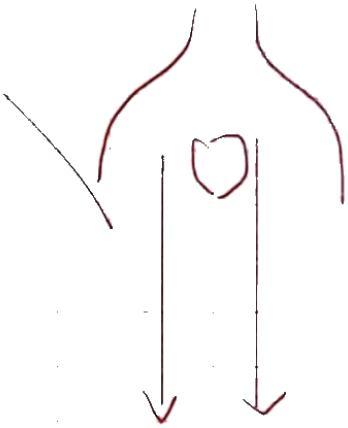
Ví dụ: trẻ con bị cảm, chân lạnh

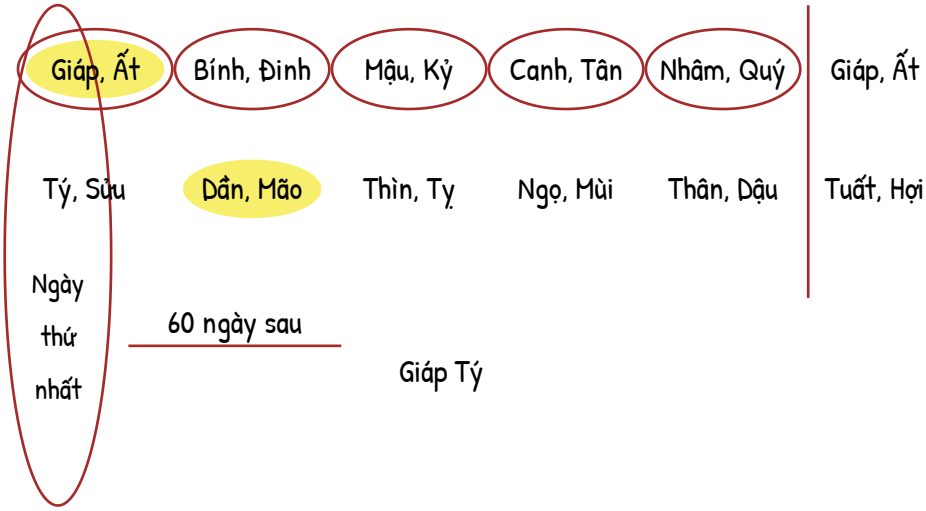
Không gặp tương khắc thì sống, gặp tương khắc thì chết

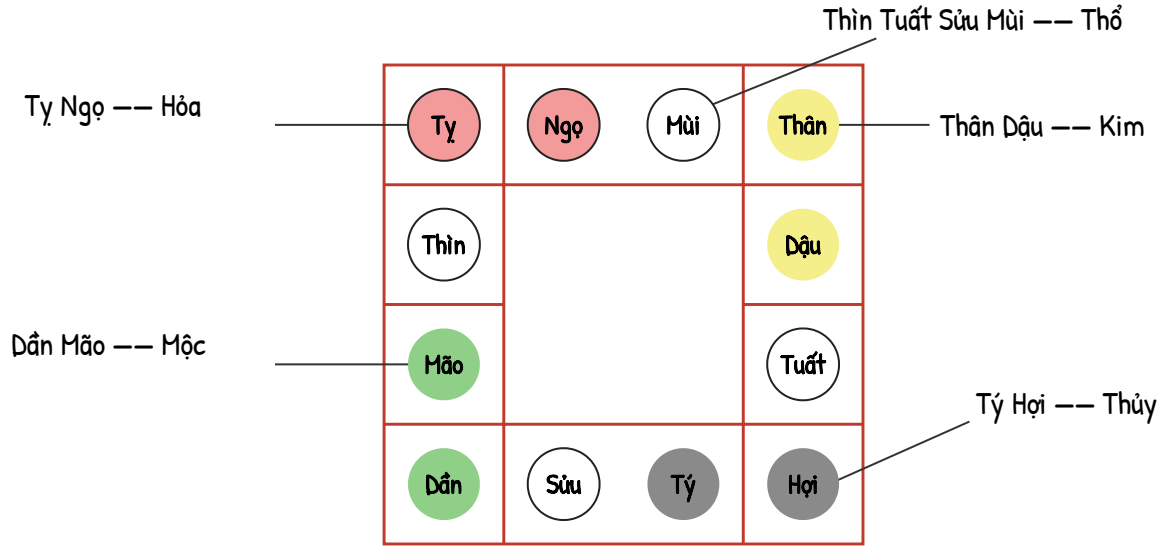
Túc tam dương, túc tam âm

Dương ở trong âm

Phế hư, nhiệt không xuống được







Như Giáp Dần, Ất Mão: thuần mộc

Như Bính Ngọ, Đinh Tỵ: thuần hỏa; ngày hỏa giờ hỏa là lúc bệnh can hồi phục

Nếu là ngày kim, can chi đều là kim, ví dụ Canh Thân: lúc bệnh can tử vong

Hoàng Đế Nội Kinh (28) – Thông bình hư thực luận 02

kinhdichtam.com dịch

1. Thế nào là « trùng thực »?

Bệnh đại nhiệt, khí nóng mạch đầy: bản thân kinh mạch vốn đã có bệnh nhiệt, lại thêm nhiệt của biểu chứng → trùng thực



Triệu chứng: mạch thốn cấp, mạch xích hoãn

Kinh dương ở biểu; kinh Túc Dương Minh Vị: Vị là lý Dương + dương: một hướng suy nghĩ





Mạch cấp
Mạch hoãn

Kinh lạc là dương, nội tạng là âm

Thốn là dương, xích là âm

Kinh là mạch (thốn), lạc là mạch xích

Lạc khí không đủ, kinh khí có dư

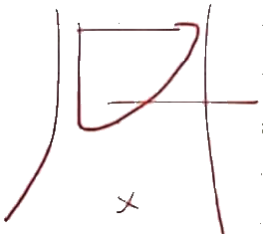
Triệu chứng: mạch thốn khẩu đại, mạch xích trầm tế → châm kinh âm, cứu kinh dương

Nếu là kinh hư lạc mãn thì ngược lại: châm kinh âm, cứu kinh dương, dẫn dương vào trong âm

2. Thế nào là « trùng hư »?

Phế hư, khí hư, xích hư

Thuốc tư âm dùng ít, toàn dùng thuốc bổ dương



Triệu chứng: tiếng nói nhỏ yếu, nói năng thất thường

Mạch xích hư: dương ở dưới hư, không đi lại bình thường được

Dương hư thì bổ dương; dương là đi lại, sức lực, quy củ...

Mạch tượng thực mà hoạt lợi thì sống được; nghịch, sáp thì chết

3. Mạch tượng thực mãn, vừa đại vừa thực, tay chân lạnh, đầu phát nóng

Âm thực: tạng thì có thể mãn, không thể thực. Âm thực gần như đều là chứng chết

Xuân thu thì sống, đông hạ thì chết

Có thể mãn, không thể thực

Dương không xuống được, đi lên trên

Mạch phù mà sáp, khí cơ không thuận, đi nghịch, huyết hư, thân có nhiệt: dương thoát, chứng chết

Hoàng Đế Nội Kinh (28) – Thông bình hư thực luận 03

kinhdichtam.com dịch

4. Thân hình phù đầy, làm sao?

Mạch cấp mà đại, người phù toàn thân, sưng to: tay chân ấm nóng thì sống, tay chân quyết lạnh thì chết

5. Thầy Nghê dịch là « trẻ mới sinh », các bản khác là « phụ nữ sinh con »; mắc bệnh nhiệt, mạch huyền tiểu

Tay chân ấm áp thì sống được; tay chân quyết lạnh thì sẽ mất

Phụ nữ mới sinh, cảm phong nhiệt, thở suyễn có tiếng, há miệng nhấc vai, thở bằng vai

Mạch tượng nên thực đại; hòa hoãn thì sống được, thực đại huyền cấp thì mất



6. Hạ lỵ, đại tiện ra máu: hạ lỵ phát nóng thì chết, thân lạnh thì chủ sống

Hạ lỵ bọt trắng: lý hàn thịnh, âm hư hao mất rồi; mạch trầm thì sống, mạch phù thì chết

Hạ lỵ ra mủ máu: mạch huyền tuyệt thì chết, hoạt đại thì sống

Hạ lỵ, không phát nóng, mạch không huyền tuyệt:

Hoạt đại chủ sống, huyền sáp chủ chết; dựa vào ngày giờ ngũ tạng tương khắc để đoán ngày chết



7. Điên tật, bệnh não:

Mạch bác đại mà hoạt: một thời gian tự khỏi

Mạch tiểu mà kiên cấp: chứng chết, không chữa được; hư thì chữa được, thực chứng thì chết

8. Bệnh tiêu khát: tam dương kết, toàn nhiệt chứng, tiêu trung, dương bị kết lại

Mạch thực đại: bệnh lâu vẫn chữa được; huyền tiểu: dương tuyệt

Túi mật tắc đến vỡ, viêm phúc mạc, viêm ruột già

Hình độ, cốt độ, mạch độ, cân độ

Ung nhọt: không được chậm trễ dù một khắc

Độc ung mới khởi, ví dụ ở tứ chi: sờ da thấy đều lạnh, giữa có một vùng nóng, bên dưới đang hóa mủ

Điều trị: có thể châm ba lần ở điểm ấn đau, huyệt kinh Thủ Thái Âm

Tay không quá khuỷu, chân không quá gối

Mạch anh ở cổ (tìm điểm ấn đau trên kinh Vị), trái phải mỗi bên hai lần

Ví dụ trường ung (ung ở ruột): kinh Dương Minh 2 điểm, kinh Phế 3 điểm

Người bị ung nhọt dưới nách, toàn thân sốt cao

Điều trị: huyệt kinh Túc Thiếu Dương 5 lần; vẫn không hạ thì huyệt kinh Tâm bào 3 lần, lạc huyệt kinh Phế, Đại Trữ 3 lần

Ung nhọt cấp tính, gân thịt co rút, mồ hôi ra không ngừng

Điều trị: du huyệt khí kinh Bàng Quang

Để phòng bệnh phát vào xương

Vì sao ung nhọt dưới da lại tìm Phế? Phế chủ bì mao

Mọi ung nhọt (đi) về ngọn tứ chi, ra biểu là chuyện tốt; chìm vào xương thì khó chữa

Hoàng Đế Nội Kinh (28) – Thông bình hư thực luận 04

kinhdichtam.com dịch

Bạo ung, gân mềm: bệnh phát đột ngột, rất đau, mồ hôi lạnh không ngừng, tiểu tiện không thông

Điều trị: du huyệt

Bụng dưới căng đầy dữ dội

Điều trị: lạc huyệt kinh Thủ Thái Dương Tiểu Trường, mộ huyệt của Vị, du huyệt Thiếu Âm, mỗi chỗ châm 5 lần

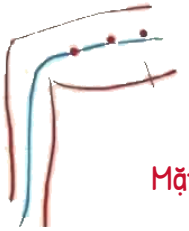
Tìm kỳ huyệt thế nào?

Đổng thị kỳ huyệt: nguồn gốc

Đổng Cảnh Xương: không học hành gì nhiều, gia truyền

Kỳ huyệt từ đâu mà ra?

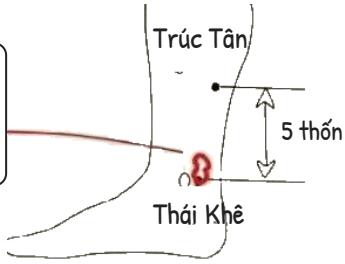
Ví dụ: người bệnh can



Mặt trong

Ấn dọc kinh Can, chỗ đau thì hạ châm;
ba chỗ đau chính là kỳ huyệt

Sỏi thận
Phía trên huyệt Thái Khê
Ấn điểm đau, hạ châm



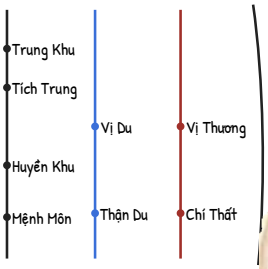


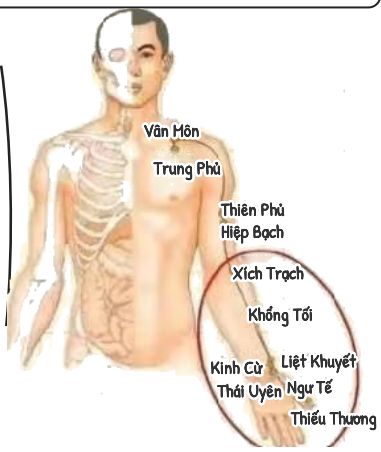
Mặt ngoài

Dương Lăng Tuyền

Sỏi mật: ấn trên dưới Dương Lăng Tuyền, chỗ nào đau thì châm

Hoắc loạn: Chí Thất 5 lần; trên nôn dưới tả: Vị Du và Vị Thương 3 lần





Điên giản, tinh thần:

Thủ Thái Âm 5 huyệt: Xích Trạch;

Châm Thủ Thái Dương, 5 huyệt, như Dương Cốc, Kinh Cốt;

Lạc huyệt kinh Thủ Thiếu Âm Tâm: Thông Lý, điểm ấn đau bên cạnh

Theo nguyên tắc: tay không quá khuỷu, chân không quá gối

Thủ Thái Dương: huyệt Chi Chính một lần

Túc Dương Minh: huyệt Giải Khê một lần, trên Giải Khê 5 thốn châm liền 3 kim

Kinh Thiếu Âm: huyệt Trúc Tân ba lần





Ví dụ: thấy bụng đầy

Có thể là nước: tìm điểm ấn đau trên kinh Thận

Có thể là phân: tìm trên kinh Đại Trường hoặc kinh Vị

Hoàng Đế Nội Kinh (28) – Thông bình hư thực luận 05

kinhdichtam.com dịch

Ba loại tiêu khát (tam tiêu), tiêu đản, tiêu khát, trúng phong ngã quỵ, bán thân bất toại, nuy quyết, thiên khô, đột ngột ngất xỉu:
là bệnh của người béo phì giàu sang, do ham ăn thịt, đồ béo ngậy gây ra
Ăn uống không vào, đại tiện không ra, tính hay lao tâm, lo nghĩ quá nhiều mà mắc bệnh này
Hoặc đột nhiên điếc, bế tắc không thông: thuộc bệnh phát đột ngột từ bên trong
Hai chân thọt lệch, khớp tay chân đau, đi lại khó khăn: là bệnh phong hàn thấp

Hoàng đản, đột ngột đau dữ dội, điên tật (bệnh ở đỉnh đầu), quyết cuồng chạy loạn: do khí lâu ngày không thuận, khí nghịch, không đi xuống được
Ngũ tạng bất hòa, lục phủ tắc nghẽn không thông, đau đầu ù tai, cửu khiếu bất lợi: do bệnh biến ở trường vị

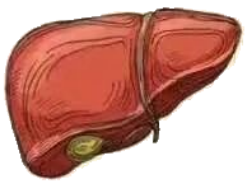
Chữa đau đầu thường dùng Trung Quản

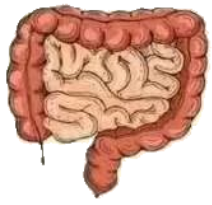
> Ví dụ:
> Một người táo bón 30 năm, 30 năm không sao; nhưng phủ cứ không thông thì sớm muộn ảnh hưởng tới tạng

Người ta phải luôn giữ đại tiểu tiện thông, không ăn quá nhiều, ngủ được
Phủ khỏe thì tạng mới không có bệnh

Ở đây muốn nói: nhất định phải bảo đảm hệ bài tiết –
lục phủ – khỏe mạnh, thông suốt

Đởm, Vị, Tiểu trường, Đại trường, Bàng quang, Tam tiêu






Tam tiêu sinh ra từ tỳ, phân bố khắp thân; vì vậy tỳ và tuyến tụy đều phải giữ gìn tốt
Thầy Nghê có nói trong (bài giảng) *Châm cứu đại thành*: nên ít uống cà phê; uống cà phê quá độ làm tăng nguy cơ ung thư tuyến tụy

Hoàng Đế Nội Kinh (29) – Thái âm dương minh luận 01

kinhdichtam.com dịch

Chương này bắt đầu từ từ đi vào lục kinh

Hoàng Đế hỏi: hai kinh Thái Âm, Dương Minh làm biểu lý cho nhau, tức hai mạch Tỳ Vị, mà bệnh sinh ra lại khác nhau – vì sao khác?

Kỳ Bá nói: Tỳ Vị

1. Âm dương khác nhau
2. Đường tuần hành khác nhau
3. Hư thực, thuận nghịch khác nhau
4. Từ trong hay từ ngoài: nguyên nhân phát bệnh khác nhau

Chỗ này cần nền tảng mười hai kinh lạc đã học trước đây; ai chưa vững thì quay lại xem phần Châm cứu



kinh Túc Dương Minh Vị

Ăn uống không giữ gìn
Sinh hoạt thất thường

Âm

- Địa khí – Dinh dưỡng bên trong — Thực quản ăn vào, chủ địa khí
- Đạo của âm thường hư
- Dễ cảm thấp tà
- Ba kinh âm: từ chân đi lên đầu, từ đầu đi tới đầu ngón tay
- Bệnh tà kinh âm: đi xuống tới cùng rồi quay lên



kinh Túc Thái Âm Tỳ

Thấp nặng thì đi xuống

Ngũ tạng: trướng đầy bức bối, sôn tiết (ăn gì ra nấy, không tiêu), một thời gian sau thành lỵ
Tỳ chủ bụng dưới; nhiều bà bụng to: điều chỉnh ăn uống, trừ thấp

Môi trường phải thay đổi, không thì chữa cũng uổng

Tặc phong hư tà

Dương

- Thiên khí – Bảo vệ ở ngoài — Khí quản hô hấp, chủ thiên khí
- Đạo của dương thường thực
- Dễ cảm phong tà
- Ba kinh dương: từ tay đi lên đầu, từ đầu đi tới đầu ngón chân
- Bệnh tà kinh dương: đi lên tới cùng rồi quay xuống

Lục phủ: phát nóng, không ngủ yên, thở gấp

Giữa yết và hầu có một cái màng: ăn uống, thức ăn lọt vào khí quản
Thái Dương chủ khai, Dương Minh chủ hợp, Thiếu Dương chủ xu (bản lề)
Vạn có vấn đề: đều là Thiếu Dương

Chỉ nóng không lạnh
Phát nóng, khát, táo bón

Dương Minh – phủ: 1. Kinh nhiệt: đại tiện vẫn tốt → Bạch Hổ thang
2. Phủ nhiệt → Thừa Khí thang

Hoàng Đế Nội Kinh (29) – Thái âm dương minh luận 02

kinhdichtam.com dịch

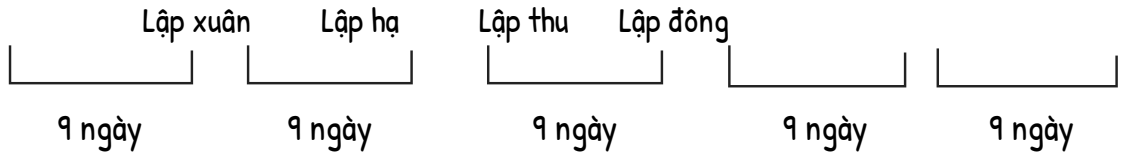
Hoàng Đế hỏi: Tỳ có bệnh, tứ chi không dùng được, là vì sao?

Kỳ Bá đáp: tứ chi đều nhận khí từ Vị, nhưng nếu không có tạng Tỳ thì thức ăn vào ruột non, ruột non rồi tới bụng dưới – là Tỳ quản; không có Tỳ, dinh dưỡng không tới được tứ chi. Tỳ có bệnh thì không thể thay ruột non vận hành tân dịch.

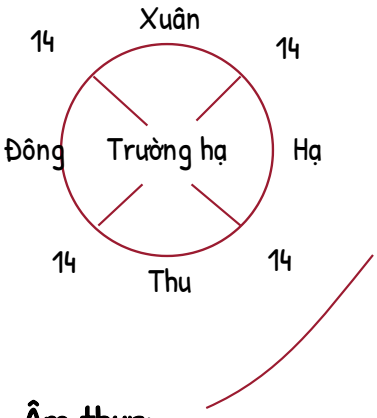
Coi Vị là ruột non



Tỳ không chủ thời; Tỳ là Thổ, trị ở trung ương, nên mỗi lần chuyển mùa đều có trường hạ

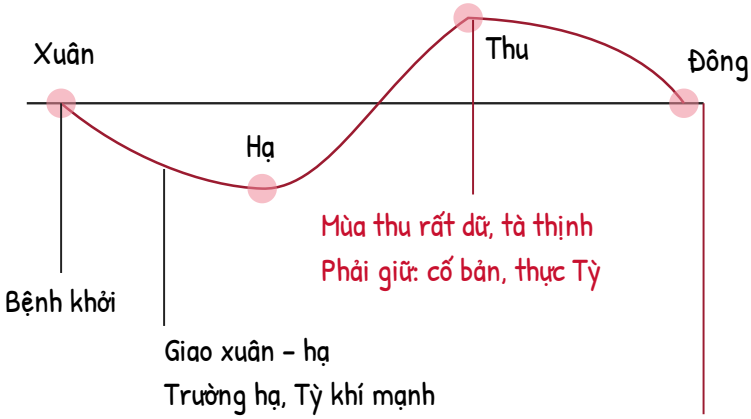


Chữa bệnh thường lấy trường hạ là hai tuần = 14 ngày, chuẩn nhất.



Ví dụ: ung thư gan, xơ gan

Bệnh khởi vào xuân, hạ thì đỡ, thu thì chết, đông giằng co



Âm thực:

Biểu thực:

Bất kể lúc nào, một thang thuốc là khỏi

Mùa hạ ra nhiều mồ hôi, mùa đông đi tiểu nhiều; đừng cố cho ra mồ hôi vào mùa đông

Giao xuân – hạ

Trường hạ, Tỳ khí mạnh

Đánh mạnh

Mùa đông có thể ra tay; ăn kém thì dừng ngay

Tỳ và Vị, ở giữa có màng lưới mỡ nối liền (tam tiêu), nên vận hành được tân dịch; Tỳ thống lĩnh âm dương

Thái Âm tức là ba âm tụ lại; Thái Dương tức là ba dương tụ lại. Thái Âm xuyên qua Vị, thuộc Tỳ, nối tới yết hầu

Vận hành khí ở ba kinh âm tay chân

Kinh Vị Dương Minh là biểu, là bể dinh dưỡng của ngũ tạng lục phủ, vận hành khí ở ba kinh dương, nối liền với Tỳ; ruột non hấp thu dinh dưỡng giao cho tạng Tỳ, Tỳ phân phát tới ngũ tạng lục phủ. (Thầy Nghê giảng: coi Vị là ruột non)

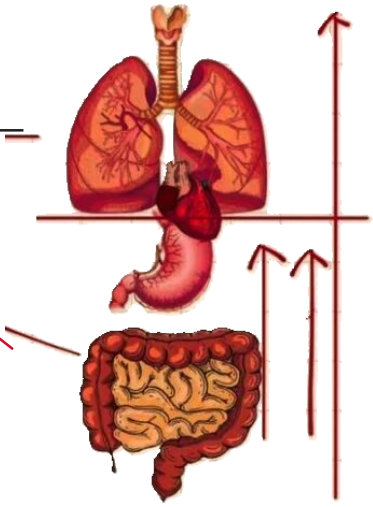
Hoàng Đế Nội Kinh (30) – Dương minh mạch giải

kinhdichtam.com dịch

Mạch Túc Dương Minh khi có bệnh:

- Dương Minh chứng
  - Bệnh ở mạch
    - Bệnh ở tạng
    - Triệu chứng: Thấy người thì ghét, thấy lửa cũng ghét
    - Xác chẩn: Gõ vào gỗ một cái là giật mình; gõ chuông thì không.
    - Nguyên nhân: Mạch Vị Dương Minh thuộc Thổ; Mộc khắc Thổ
      Thấy lửa thì ghét: Dương Minh chủ cơ nhục, huyết khí thịnh, không thể nóng thêm;
      Thấy người thì ghét: vì khí huyết nghịch lên, suyễn mà khí bức bối
    - Suyễn mà chết: Suyễn lan tới tạng thì rất nguy: nóng quá, hàn không ra được
  - Bệnh ở kinh
    - Bệnh ở phủ
    - Triệu chứng: Cởi phăng quần áo, trèo lên cao mà hát, la hét ca hát như điên
    - Nguyên nhân: Nhiệt thịnh, dương khí đủ, tứ chi có sức, trèo lên cao, không phân thân sơ, chửi người
    - Suyễn mà sống: Lan tới kinh lạc, lan tới phủ: cởi phăng quần áo, trèo cao mà hát – dương thực chứng

Thuần dương cang thì phát động kinh
Trọc khí xông lên, cùng dương dồn tới
thì không phải động kinh, mà là Dương Minh chứng
Cởi quần áo bỏ chạy, mấy ngày không ăn cơm



Tên gọi riêng: Dương Minh phủ nhiệt thực, chiều tối phát nặng nhất

Chứng Đại Thừa Khí thang: bốn vị thuốc là giải quyết

Đại Thừa Khí thang: Đừng tự ý uống thuốc

Đại hoàng (12 g), Hậu phác (24 g), Chỉ thực (12 g), Mang tiêu (9 g).

Lấy một đấu nước, sắc trước hai vị (Hậu phác, Chỉ thực), lấy năm thăng, bỏ bã, cho Đại hoàng vào; sắc tiếp lấy hai thăng, bỏ bã, cho Mang tiêu vào, đun lửa nhỏ thêm một hai dạo sôi, chia ra uống ấm hai lần. Đi ngoài được rồi thì phần còn lại đừng uống.

Hoàng Đế Nội Kinh (31) – Nhiệt luận 01

kinhdichtam.com dịch

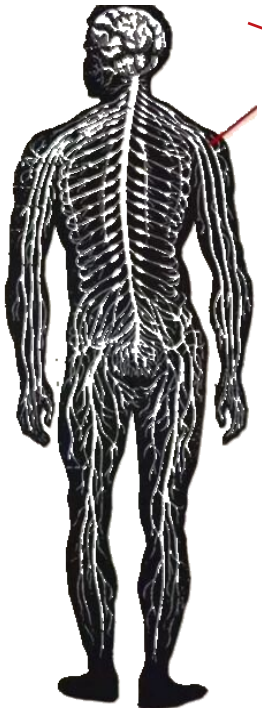
Hoàng Đế nói: cái gọi là bệnh nhiệt đều thuộc loại thương hàn; có người khỏi, có người chết.

Chết đều trong khoảng ngày 6-7, khỏi bệnh thì khoảng từ 10 ngày trở lên, vì sao?

Kỳ Bá đáp: Cự dương là Thái Dương, ba dương hợp lại một chỗ, kinh mạch của nó nối lên huyệt Phong Phủ.

Người bị hàn tà làm hại thì sẽ phát nóng; nếu chỉ phát nóng thì nóng mấy cũng không chết.

Nhưng nếu kinh âm, kinh dương cùng lúc cảm hàn tà mà thành bệnh, ắt phải chết.





Thương hàn

Biểu

Thân thể vốn khỏe, tâm tình bình tĩnh, vui vẻ, điều lý ngũ vị thì từ từ hồi phục

Thân thể không khỏe

Thiếu Dương

Thái Âm, Thiếu Âm, Quyết Âm

Dương Minh: trèo lên cao mà hát

Hàn đã vào rồi, lại cảm hàn nữa, gọi là « lưỡng cảm phong hàn » (hai lần cảm)

Truyền biến theo số 5: 5 ngày một lần biến

Kỳ Bá đáp: Thương hàn « một ngày » (6 ngày): Thái Dương nhận bệnh, đầu gáy đau, lưng cứng, vì hàn ở bên trong.

Thái Dương là hàn thủy, lưng lạnh là đúng; lại cảm phong hàn thêm thì sẽ rất cứng.

Ngày thứ hai chưa khỏi thì tới Dương Minh; Dương Minh chủ cơ nhục, mạch của nó kẹp hai bên mũi, nối vào mắt:

sẽ mình nóng, mắt đau, mũi khô, không nằm được – không nằm xuống ngủ được.

Ngày thứ ba tới Thiếu Dương nhận bệnh, thuộc Đởm, nửa biểu nửa lý.

Ngày thứ tư tới kinh Thái Âm: bụng đầy, họng khô.

Ngày thứ năm tới kinh Thiếu Âm: Phế với Thận nối liền, miệng ráo lưỡi khô mà khát.

Ngày thứ sáu tới kinh Quyết Âm: phiền muộn, bìu co rút, ngực sườn trướng đau, bứt rứt bồn chồn.

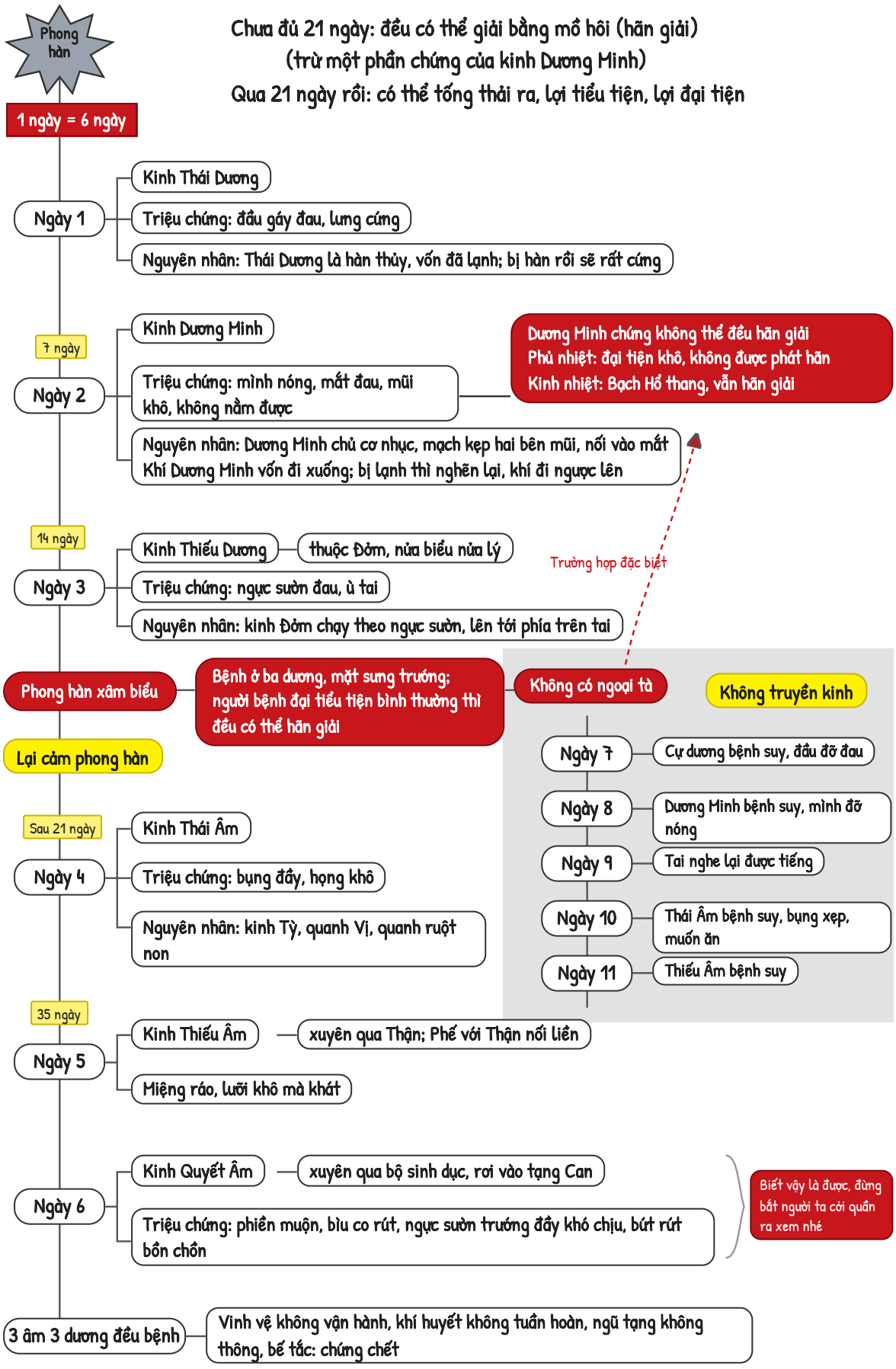
Ba âm ba dương đều bệnh, vinh vệ không vận hành, khí huyết không thông, bế tắc: chứng chết.

Nếu không cảm phong hàn thêm nữa, bệnh sẽ không vào kinh âm, sau 7 ngày sẽ từ từ khỏi.

Về đoạn mô tả này, chi tiết xem hình dưới

Hoàng Đế Nội Kinh (31) – Nhiệt luận 02

kinhdichtam.com dịch



Hoàng Đế Nội Kinh (31) – Nhiệt luận 03

kinhdichtam.com dịch

Hoàng Đế nói: bệnh nhiệt đã khỏi mà còn dư nhiệt, là vì sao?

Kỳ Bá đáp: phàm có dư nhiệt đều là do lúc đang sốt cao lại gượng ăn uống mà ra; bệnh tuy đã nhẹ đi nhưng dư nhiệt chưa hết, thế là cốc khí với dư nhiệt kết chặt vào nhau, nên mới có hiện tượng dư nhiệt.

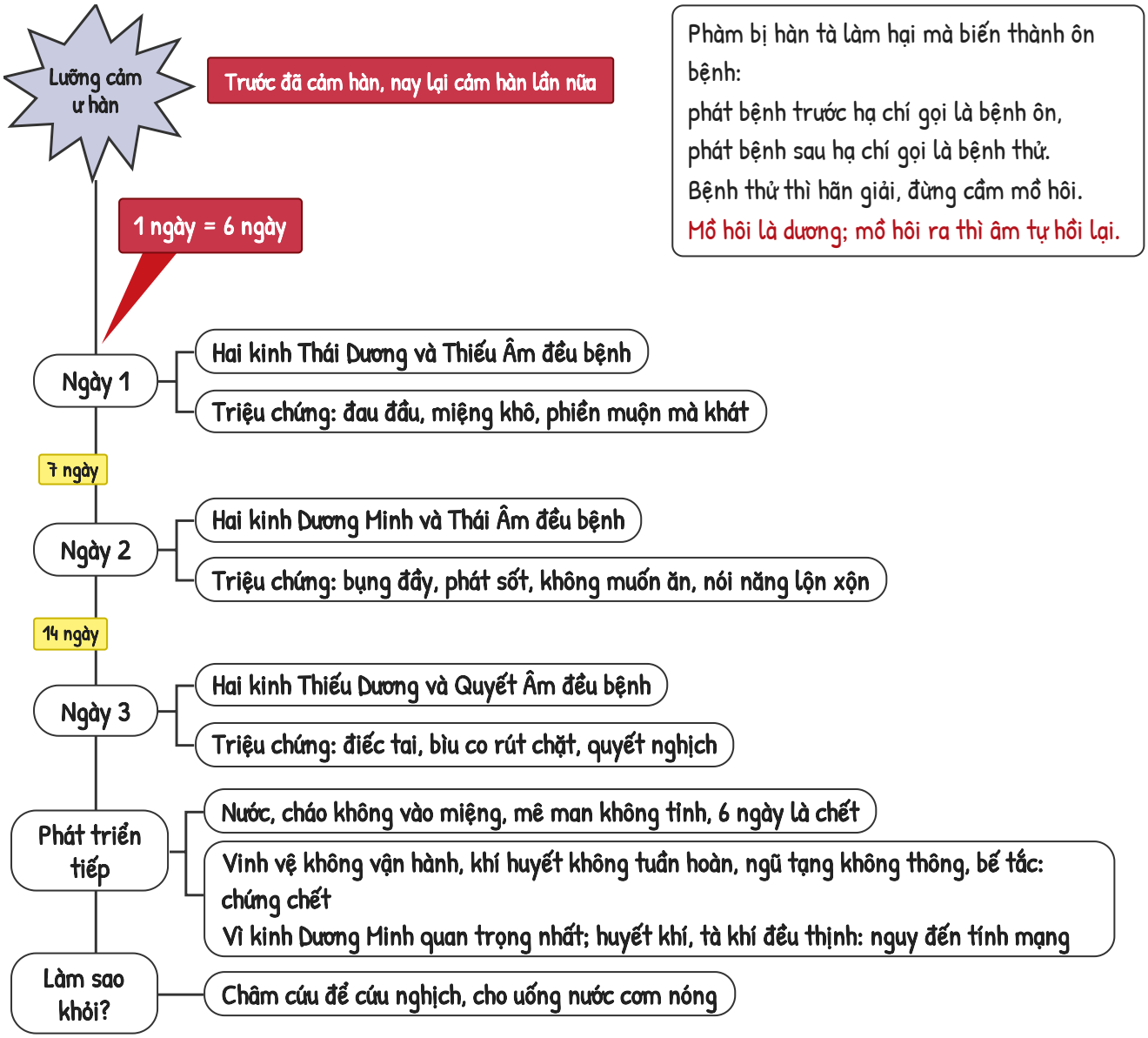
Hoàng Đế nói: vậy chữa dư nhiệt thế nào?

Kỳ Bá đáp: tùy bệnh hư hay thực mà chữa theo chính trị hoặc phản trị, bệnh sẽ khỏi.

Hoàng Đế nói: mắc bệnh nhiệt thì kiêng kỵ gì?

Kỳ Bá đáp: người mắc bệnh nhiệt, vừa đỡ một chút mà ăn ngay đồ thịt thì bệnh sẽ tái phát; nếu ăn nhiều ngũ cốc thì cũng sẽ có dư nhiệt.

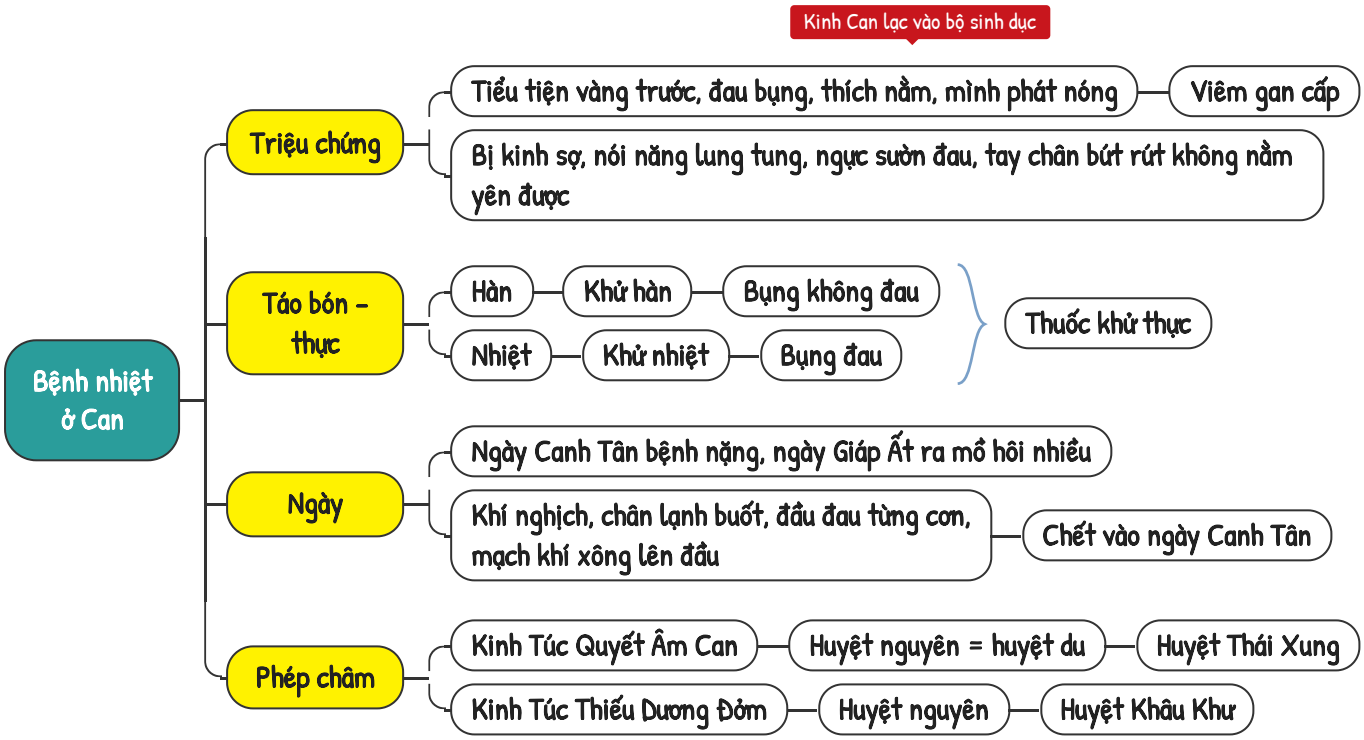
Triệu chứng của « lưỡng cảm ư hàn » (hai lần cảm hàn)



Hoàng Đế Nội Kinh (32) – Thích nhiệt luận 01

kinhdichtam.com dịch

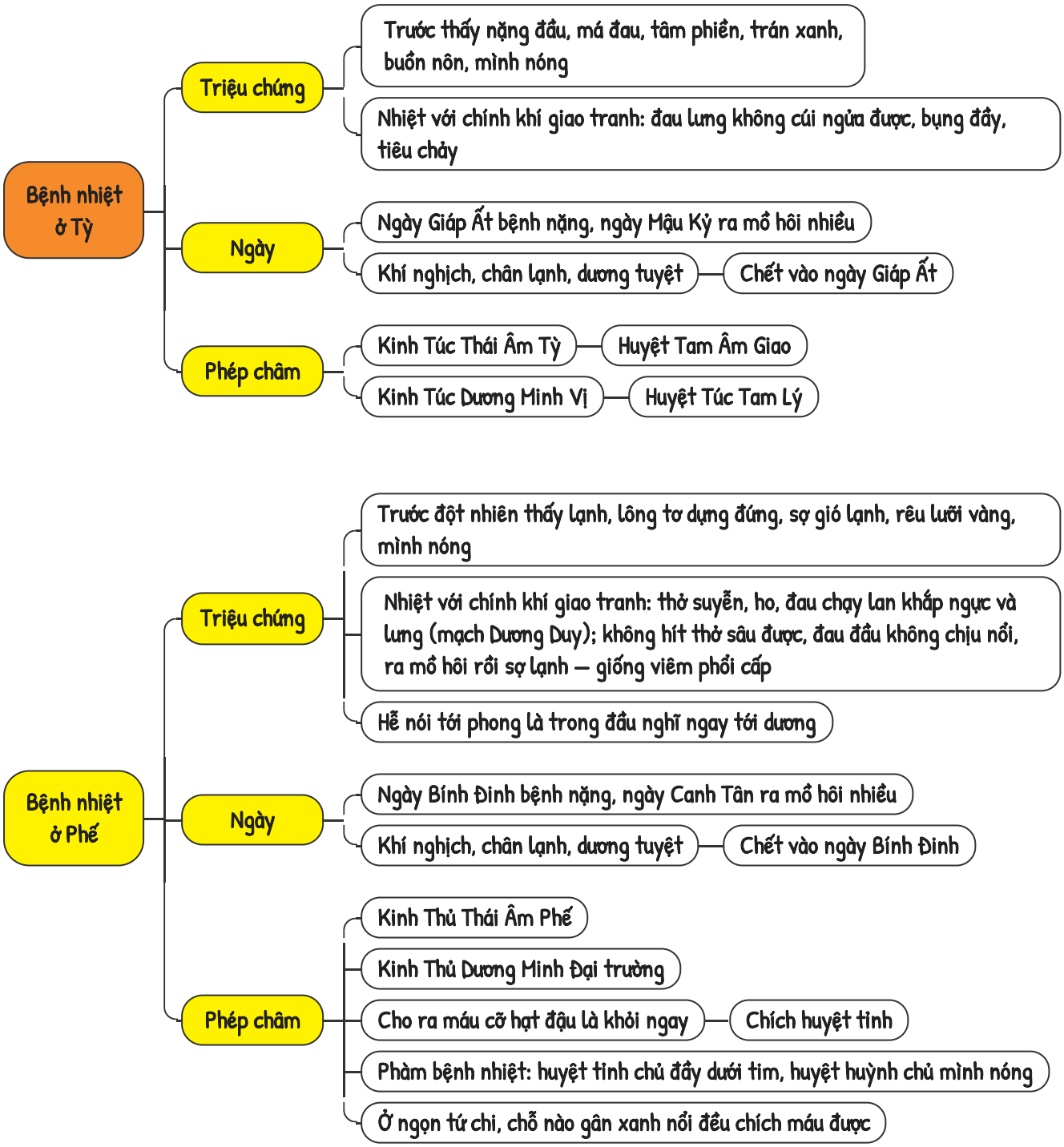
Thiên này chủ yếu bàn về bệnh nhiệt của ngũ tạng: từ triệu chứng tới nguyên nhân bệnh, rồi tới phép châm





Hoàng Đế Nội Kinh (32) – Thích nhiệt luận 02

kinhdichtam.com dịch



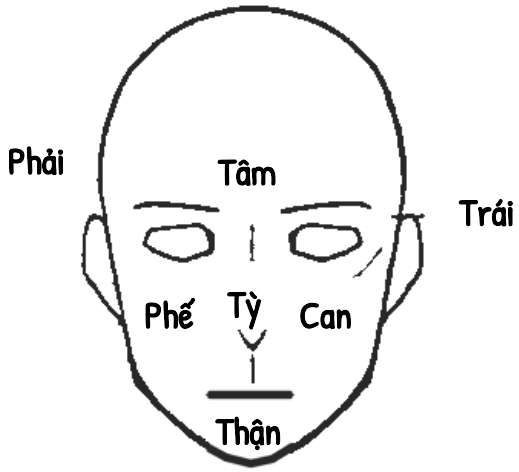
Cách châm kinh Phế phải vận dụng linh hoạt, đừng quá cứng nhắc

Hoàng Đế Nội Kinh (32) – Thích nhiệt luận 03

kinhdichtam.com dịch



Những điều nói trên: ra mồ hôi nhiều đều là vào ngày tạng ấy đang vượng – chính thắng, tà lui, mồ hôi ra thì tự khỏi



Can nhiệt: má bên trái đỏ trước
Tâm nhiệt: trán đỏ trước
Tỳ nhiệt: mũi thấy đỏ trước
Phế nhiệt: má bên phải đỏ trước
Thận nhiệt: cằm đỏ trước

Thấy mặt đỏ thì châm trước, đó gọi là trị vị bệnh (chữa khi bệnh chưa phát).
Bệnh nhiệt mới bắt đầu, còn rất nông, chữa kịp thời thì tới ngày « sở thắng » là khỏi
Nếu châm ngược thì ắt kéo dài bệnh, qua 3 tuần mới khỏi; nếu chữa sai mãi thì sẽ chết

Phàm chữa bệnh nhiệt, nên cho người bệnh uống trước một cốc nước mát,
rồi mới châm; phải cho người bệnh mặc ít áo, ở chỗ mát mẻ,
như thế mới hạ nhiệt, mình mát mà khỏi.

Hoàng Đế Nội Kinh (32) – Thích nhiệt luận 04

kinhdichtam.com dịch



Bệnh nhiệt kinh Thái Dương: sắc đỏ hiện ở hai gò má, là dấu hiệu bệnh nhiệt

Huyết chưa giao tiếp sang (vinh chưa giao); dương nhiệt, nhiệt ở biểu – đều giải bằng mồ hôi

Nếu mạch Quyết Âm tranh nhau cùng hiện, hạn chết không quá 3 ngày; nếu lại liên tới thận, kiêm thấy sắc mạch Thiếu Âm

Bệnh nhiệt kinh mạch Thiếu Dương: sắc đỏ hiện ở phía trước má, giải bằng mồ hôi

Nếu kiêm mạch Thiếu Âm, hạn chết không quá ba ngày



Hoàng Đế Nội Kinh (33) – Bình nhiệt bệnh luận 01

kinhdichtam.com dịch

Hoàng Đế hỏi: Người có ôn bệnh, ra mồ hôi xong lại phát sốt ngay, mạch đập táo động nhanh gấp, không vì ra mồ hôi mà dịu đi, thậm chí nói năng lung tung, không ăn uống được – vì sao?

Kỳ Bá đáp: Bệnh gọi là âm dương giao; giao thì chết.
Tinh hoa trời đất sinh ra ngũ cốc tạp lương; mồ hôi đến từ ngũ cốc
Tà khí giao tranh ở giữa xương thịt, giao tranh ở mặt ngoài tứ chi, chưa vào tới tạng
Mồ hôi ra thì tà lui, tinh khí cơ thể trở lại
Nếu đã giải bằng mồ hôi mà lại sốt, sốt nữa: tà khí thịnh, tinh không đủ
Nếu bệnh cứ kéo dài ở đó sẽ ảnh hưởng tới tuổi thọ.

Ra mồ hôi mà mạch vẫn cao thịnh; mạch rất nhanh; ăn không vô, không ăn uống được:
đều là chứng chết. Mồ hôi với mạch không tương ứng, nhưng chỉ cần tân dịch còn thì vẫn cứu được
Người bệnh uống trước một cốc nước lạnh, rồi châm.

Phái ôn bệnh không dám kê thuốc phát hãn, kết quả cho thuốc tư âm xuống, bệnh càng nặng.
Biện chứng chính xác, chỉ cần tân dịch còn, đều có thể giải bằng mồ hôi

Ví dụ:
Ngày trước đi thuyền, chèo thuyền ra mồ hôi, tối gặp gió lạnh, bị thương hàn; Dương Minh táo nhiệt, miệng khô, biểu hàn
Ma hoàng thang; tân dịch cạn thì rất nguy hiểm – ăn lê, và uống thật nhiều nước lạnh

Hoàng Đế hỏi: Có bệnh mình nóng, ra mồ hôi, bứt rứt đầy tức (phiền mãn), bứt rứt không vì ra mồ hôi mà giải

Kỳ Bá đáp: Ra mồ hôi mà mình vẫn nóng là do phong tà; ra mồ hôi mà phiền mãn không giải là phong quyết
Thái Dương nhận tà trước, là phần biểu của toàn thân
Thiếu Âm với Thái Dương là lý-biểu của nhau
Thiếu Âm chịu ảnh hưởng của nhiệt tà, theo đó mà nghịch lên

Phép chữa: châm huyệt của Thái Dương, Thiếu Âm, đồng thời uống thuốc thang.

Hoàng Đế Nội Kinh (33) – Bình nhiệt bệnh luận 02

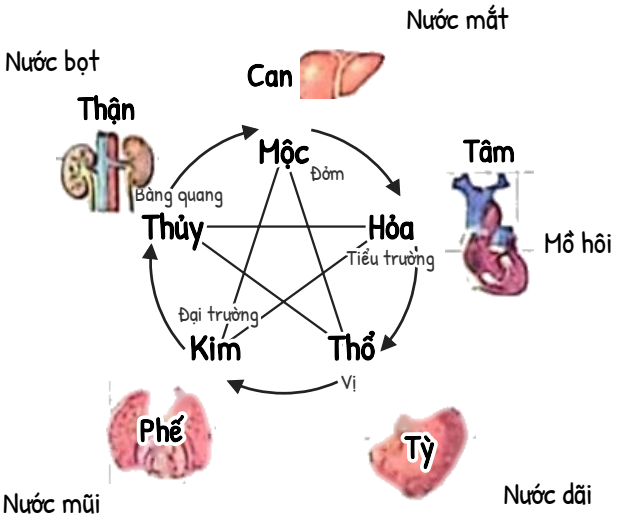
kinhdichtam.com dịch

Hoàng Đế hỏi: Lao phong là thế nào? (Lao động xong bị phong; công nhân, người làm việc chân tay, thợ xây hay gặp)

Kỳ Bá đáp: Lao phong phát bệnh, vị trí thường ở dưới phổi

Triệu chứng: đầu gáy cứng đờ, mắt mờ tối, khạc ra đờm dính, nước bọt ra đằng mũi. Sợ gió, mình rét run. Sinh hoạt vợ chồng rồi bị gió thổi cũng là lao phong.

Ngũ tạng hóa dịch, xuất xứ thiên « Tuyên minh ngũ khí »



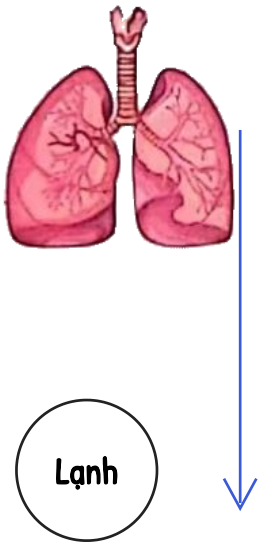
Kỳ Bá đáp: Không cần thuốc: đứng thẳng, hít thở sâu, hít vào thì uỡn người lên thở ra thì cúi xuống

Người trẻ: 3 ngày là khỏi

Người trung niên: 5 ngày

Người tinh kém: 7 ngày

Nếu xuất hiện triệu chứng ho ra đờm xanh vàng, to như viên đạn, ra đằng miệng hoặc đằng mũi: lao phong, phải tìm cách tống đờm trong phổi ra



Dương khí quay ngược, không đi xuống được. Lý hàn

Hoàng Đế hỏi: Người bị thận phong, mặt phù sưng, dưới mắt nề lên như con tằm nằm, ảnh hưởng tới nói năng – có châm cứu được không?

Kỳ Bá đáp: Chứng hư, 5 ngày sau tái phát; không châm được thì đừng châm

Khi phát lại: hơi thở ngắn, tân dịch không đủ

Có lúc nóng từ ngực lưng lên tới đầu

Dương giáng xuống, âm thăng lên là trạng thái bình thường; phong hàn thì dương không xuống được, cứ đi lên.

Ra mồ hôi, tay nóng, miệng khô miệng khát, tiểu tiện vàng, dưới mắt phù sưng, trong bụng sôi,

thân mình nặng nề, đi lại khó khăn, phụ nữ tắt kinh,

trong ngực bứt rứt, không ăn được, không nằm ngửa được, nằm ngửa thì ho. Gọi là phong thủy.

Hoàng Đế Nội Kinh (33) – Bình nhiệt bệnh luận 03

kinhdichtam.com dịch

Kỳ Bá đáp: Tà khí tụ ở một chỗ thì chính khí ở đó nhất định hư; trong thân thể không có chỗ trống,
chỗ tà khí tụ lại thì chính khí ắt hư
Âm là chỉ huyết, chỉ tạng; huyết không đủ là âm hư, nhìn bề ngoài thì là chứng dương
Kinh âm bị tổn thương, dương khí xông vào, hơi thở ngắn gấp
Tiểu tiện vàng, trong bụng có nhiệt, không nằm ngửa được, trong vị không hòa, nằm ngửa thì ho nặng thêm
Thủy khí bức lên phổi; bệnh thủy khí thì dưới mắt ắt hơi sưng

Hoàng Đế hỏi: Sao lại nói như vậy?

Kỳ Bá đáp: Thủy thuộc âm, dưới mắt cũng thuộc âm, bụng là nơi tạng Tỳ chí âm cư ngụ
nên trong bụng có nước thì dưới mắt ắt phù sưng
Tâm khí nghịch lên, nên miệng đắng lưỡi khô, không nằm ngửa được, nằm ngửa thì ho ra nước trong
Bệnh thủy khí thông thường: không nằm ngửa được, nằm ngửa thì tim hồi hộp không yên
Trong bụng sôi ruột: trong vị trường có thủy khí; nếu lan tới tạng Tỳ thì bứt rứt, không ăn uống được
Thân mình nặng nề, đi lại khó khăn: kinh mạch của Vị đi ở chân
Kinh nguyệt không đến: bào mạch bế; bào mạch thuộc tim, thủy khí nghịch lên, tâm khí không thông,
nên kinh nguyệt mất

Chỗ này nói rõ cho chúng ta biết: kinh nguyệt chính là sữa

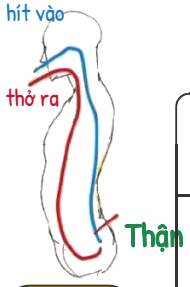
Hoàng Đế Nội Kinh (34) – Nghịch điều luận

kinhdichtam.com dịch

Nghịch điều luận

- Âm khí hư ít, dương khí thiên thịnh
  - Mặc rất ít áo mà vẫn phát nóng, bứt rứt
  - Tứ chi phát nóng, gặp phong hàn thì nóng càng dữ, như lửa hơ
  - Tứ chi thuộc dương, cảm phải phong tà thuộc dương, khiến âm khí càng hư ít, dương khí càng cang thịnh; dương khí độc vượng thì không thể sinh hóa trưởng thành, sinh cơ ngừng nghỉ; gặp phong như lửa hơ, cơ nhục dần tiêu gầy khô héo
- Tý khí – dương khí hư yếu, âm khí thiên thịnh
  - Mặc áo dày, trong người cũng không có hàn, mà vẫn thấy rét lạnh
- Cốt tý – thận khí thiên thịnh
  - Thân thể rét lạnh, dù chườm nước nóng hay hơ lửa, mặc áo dày cũng không ấm lên, nhưng không run
  - Làm việc trong nước, khiến khí kinh Thái Dương hư suy, tủy dịch trong thận không được dương khí ấm nấu mà khô kiệt; Can là một dương, Tâm là hai dương, Thận là cô tạng, một thủy không thắng được hai hỏa; gọi là cốt tý: hàn tích trong xương, phong thấp khớp, khớp xương biến dạng
  - Thuốc trừ lý hàn
- Vinh khí hư yếu
  - Cơ nhục tê dại nặng nề, mặc áo vào vẫn tê
  - Vinh khí hư, vệ khí thực. Vinh là huyết, vệ là khí
- Vệ khí hư yếu
  - Chân tay không cử động được
- Bệnh viện
  - Người bệnh cầm tay lên là rơi xuống: mất dương; xem tiếp ánh mắt: mất thần – chắc chắn chết
  - Thần quan trọng hơn hình

nguyên nhân



Nghịch điều luận

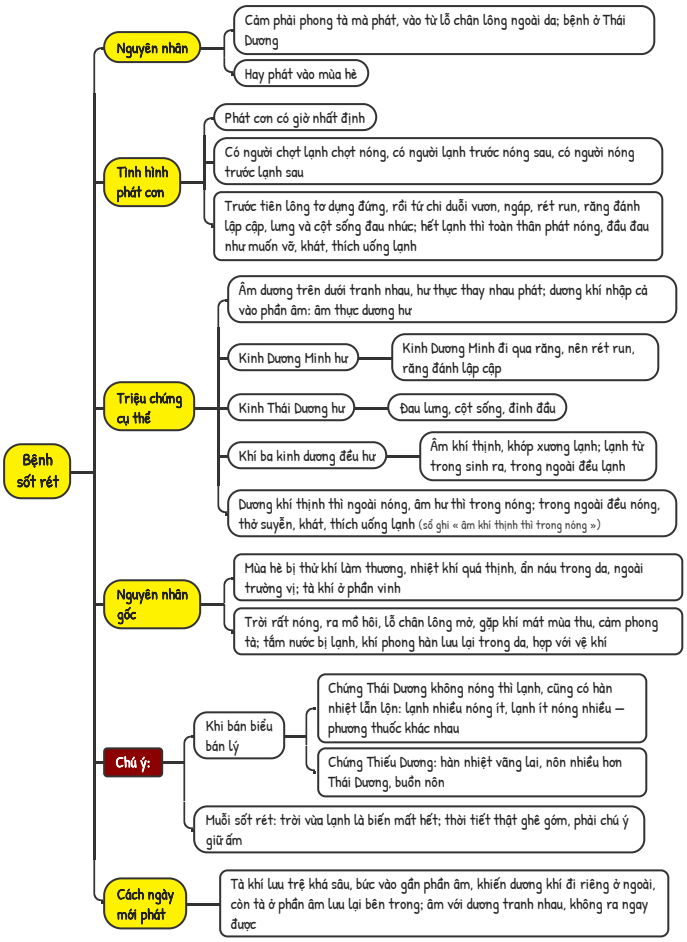
- Khí nghịch không nằm được, tiếng thở rất to
  - Khí kinh Túc Dương Minh Vị nghịch
- Khí nghịch không nằm được, thở hầu như không có tiếng
  - Mất ngủ
- Sinh hoạt như thường, tiếng thở rất to
  - Lạc mạch kinh Thủ Thái Âm Phế
- Nằm ngửa được, cử động thì suyễn
  - Phế khí không giáng xuống được
- Không nằm được, cũng không cử động được mà vẫn suyễn
  - Phế
- Không nằm được, nằm thì suyễn
  - Thủy khí phạm phế

Thận là tạng thủy, chủ quản tân dịch
Hít vào là thận
Thở ra là phế

Hoàng Đế Nội Kinh (35) – Ngược luận 01

kinhdichtam.com dịch

Thời xưa đã có bệnh này rồi: bệnh sốt rét, nhất là thời Thế chiến thứ hai



Ngày nào cũng phát: bệnh nông; cách ngày mới phát: bệnh khá sâu.

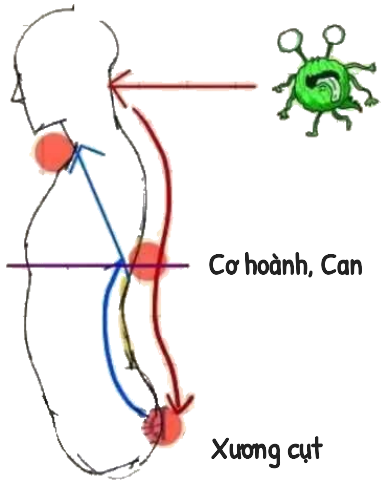
Hoàng Đế Nội Kinh (35) – Ngược luận 02

kinhdichtam.com dịch

Hoàng Đế hỏi: Giờ phát cơn sốt rét có khi lùi dần từng ngày, có khi sớm dần từng ngày, vì sao?

Kỳ Bá đáp:

Phong phủ: nghĩa hẹp chỉ huyệt này
nghĩa rộng chỉ chỗ bị gió thổi vào



Tà khí từ phong phủ xâm nhập, theo mạch Đốc đi xuống
Mỗi ngày đi xuống một đốt, nên phát cơn ngày sau muộn hơn ngày trước
25 ngày xuống tới xương cùng; ngày 26 lại đi lên tới đốt thứ 9
Ra ở khuyết bồn: huyệt Thiên Đột

Phát muộn dần là tà còn đang đi xuống; rét run mà phát sớm dần là bệnh đã quay đầu

Chứng phong và sốt rét giống nhau; chứng phong thì kéo dài liên tục, sốt rét thì có lúc nghỉ, vì sao?
Phong tà cố định không di chuyển, còn sốt rét đi theo kinh lạc, sâu nông không đều

Hàn ngược: lạnh trước nóng sau; cảm phải nắng to, lại gặp khí hàn thấp, hàn thấp ẩn náu, rồi lại cảm phong tà
Ôn ngược: nóng trước lạnh sau; trước bị phong tà làm thương, sau lại cảm thủy hàn
Đản ngược: chỉ nóng mà không sợ lạnh; âm khí suy tổn trước, dương khí độc vượng
khi phát: hơi thở ngắn, bứt rứt, tay chân nóng, muốn nôn
Đản ngược (bệnh mắc phải do làm lụng vất vả)

Hoàng Đế hỏi: Hữu dư thì dùng tả, bất túc thì dùng bổ; phát nóng là hữu dư, phát lạnh là bất túc.
Cái lạnh của sốt rét thì nước nóng hay hơ lửa cũng không làm ấm được; phát nóng thì dùng nước đá cũng không mát được;
đó đều thuộc loại hữu dư, bất túc. Thầy thuốc giỏi cũng không ngăn được,
phải đợi bệnh thế suy lui mới chữa, vì sao?

Kỳ Bá đáp: Sốt cao, mạch tượng rối loạn, sau khi ra mồ hôi nhiều: không châm cứu; lúc bệnh khí thịnh nhất thì đừng chữa;
chữa trước khi phát, hoặc sau khi phát.
Bệnh sốt rét mới phát: dương hư âm thịnh, nên trước tiên rét run;
âm khí nghịch loạn tới cực điểm, dương với âm cùng ra ngoài, phần âm hư phần dương thịnh, nên nóng trước rồi khát.
Âm thịnh thì lạnh, dương thịnh thì nóng; tuyệt đối không được chữa lúc bệnh đang phát

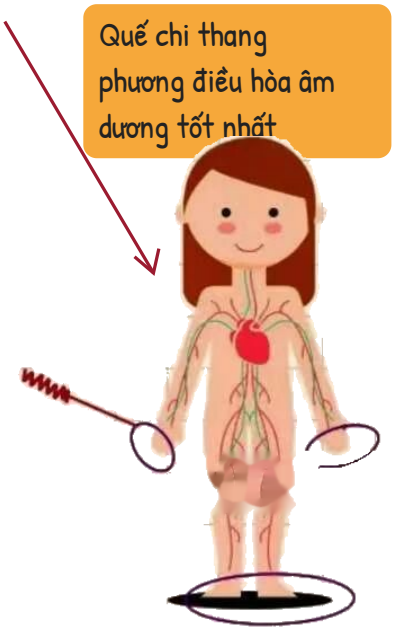
Đoạn này nên đọc đối chiếu nguyên văn Hoàng Đế Nội Kinh; ý chung là lúc bệnh đang phát thì không được công tà

Hoàng Đế Nội Kinh (35) – Ngược luận 03

kinhdichtam.com dịch

Hoàng Đế hỏi: Nói hay lắm! Chữa thế nào? Nắm thời gian sớm muộn ra sao?

Kỳ Bá đáp: Sốt rét sắp phát thì ắt bắt đầu từ tứ chi; lúc chưa phát bệnh, dùng dây buộc chặt hết các ngón tay ngón chân, khiến tà khí không vào được, âm khí không ra được; buộc xong, chỗ tôn lạc đầy lên có máu ứ thì đều phải chích cho ra máu



Hoàng Đế hỏi: Lúc sốt rét chưa phát thì thế nào?

Kỳ Bá đáp: Tà khí ở phần dương thì phát nóng, mạch tượng gấp táo

Tà khí ở phần âm thì phát lạnh mà mạch tượng yên tĩnh

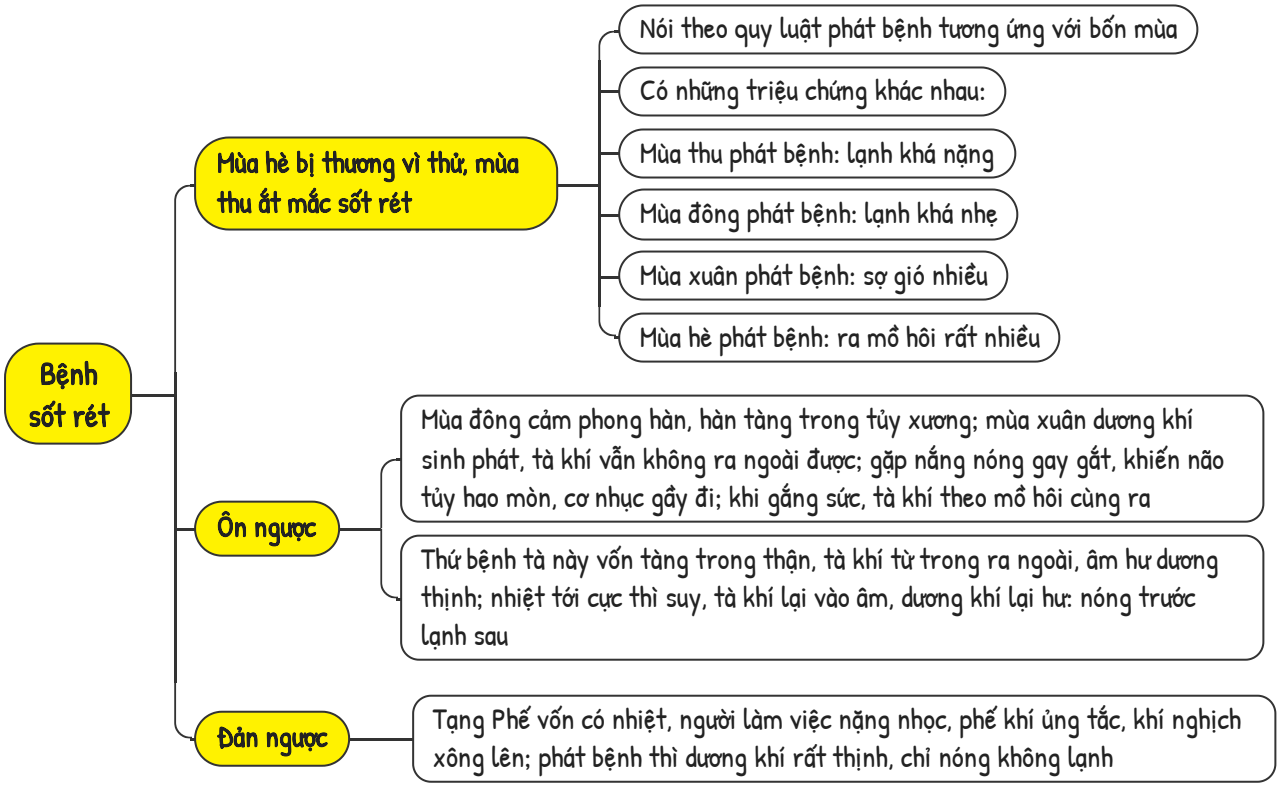
Bệnh tới cực điểm, hai khí âm dương đều hư suy, bệnh tạm ngừng

Nếu vệ khí và tà khí lại gặp nhau thì bệnh phát

Hoàng Đế hỏi: Có thứ sốt rét cách 2 ngày, hoặc cách mấy ngày mới phát một lần; có thứ khát, có thứ không khát – vì sao?

Kỳ Bá đáp: Cách ngày mới phát là vì thời gian tà khí và vệ khí gặp nhau ở phong phủ không khớp nhau

Dương thịnh hơn âm thì nóng nhiều, âm thịnh hơn dương thì lạnh nhiều



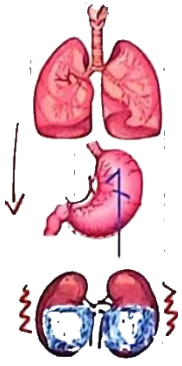
Hoàng Đế Nội Kinh (36) – Thích ngược luận 01

kinhdichtam.com dịch

Nền tảng châm cứu, học dễ hơn

- Thích ngược luận
  - Ngược Túc Thái Dương
    - Triệu chứng: Đau lưng, nặng đầu; lạnh từ lưng lên, lạnh trước nóng sau, hết nóng thì ra mồ hôi
    - Chọn huyệt: Châm Ủy Trung ra máu
  - Ngược Túc Thiếu Dương
    - Triệu chứng: Mỏi mệt, không có sức; sợ lạnh, phát sốt đều không nặng; ghét gặp người; sốt kéo dài, ra mồ hôi nhiều; bán biểu bán lý
    - Chọn huyệt: Châm kinh Túc Thiếu Dương: huyệt Lâm Khấp; mới bệnh trong vòng một tuần: huyệt Dương Phụ
  - Ngược Túc Dương Minh
    - Triệu chứng: Thấy lạnh, sợ lạnh tăng dần, rất lâu mới phát sốt; hết sốt thì ra mồ hôi; thích ánh mặt trời, mặt trăng và ánh lửa
    - Chọn huyệt: Châm vùng giữa Nội Đình và Xung Dương, chích máu gân xanh
    - Thời xưa kim to, chích Xung Dương ra máu thì chết.
  - Ngược Túc Thái Âm
    - Triệu chứng: Buồn bực không vui, hay thở dài, không muốn ăn; lạnh nhiều nóng nhiều, ra mồ hôi, lúc lên cơn dễ nôn
      (Tỳ nối với Vị, Tỳ thấp thịnh đè vỡ Vị)
      Hết nôn thì bệnh giảm
    - Chọn huyệt: Châm vùng Công Tôn, Thái Bạch, chích máu gân xanh
  - Ngược Túc Thiếu Âm
    - Triệu chứng: Nôn dữ dội, lạnh nóng phát nhiều lần, nóng nhiều lạnh ít; hay thích đóng chặt cửa ở trong nhà
    - Chọn huyệt: Khó khỏi
  - Ngược Túc Quyết Âm
    - Triệu chứng: Đau lưng, bụng dưới trướng đầy, tiểu không thông, giống lưng bế (bí tiểu), thật ra là tiểu nhiều lần mà không thoát, khí bên trong không đủ. Hít vào: Can, Thận; thở ra: Tâm, Phế
    - Chọn huyệt: Châm kinh Can, gần năm huyệt du

nôn,

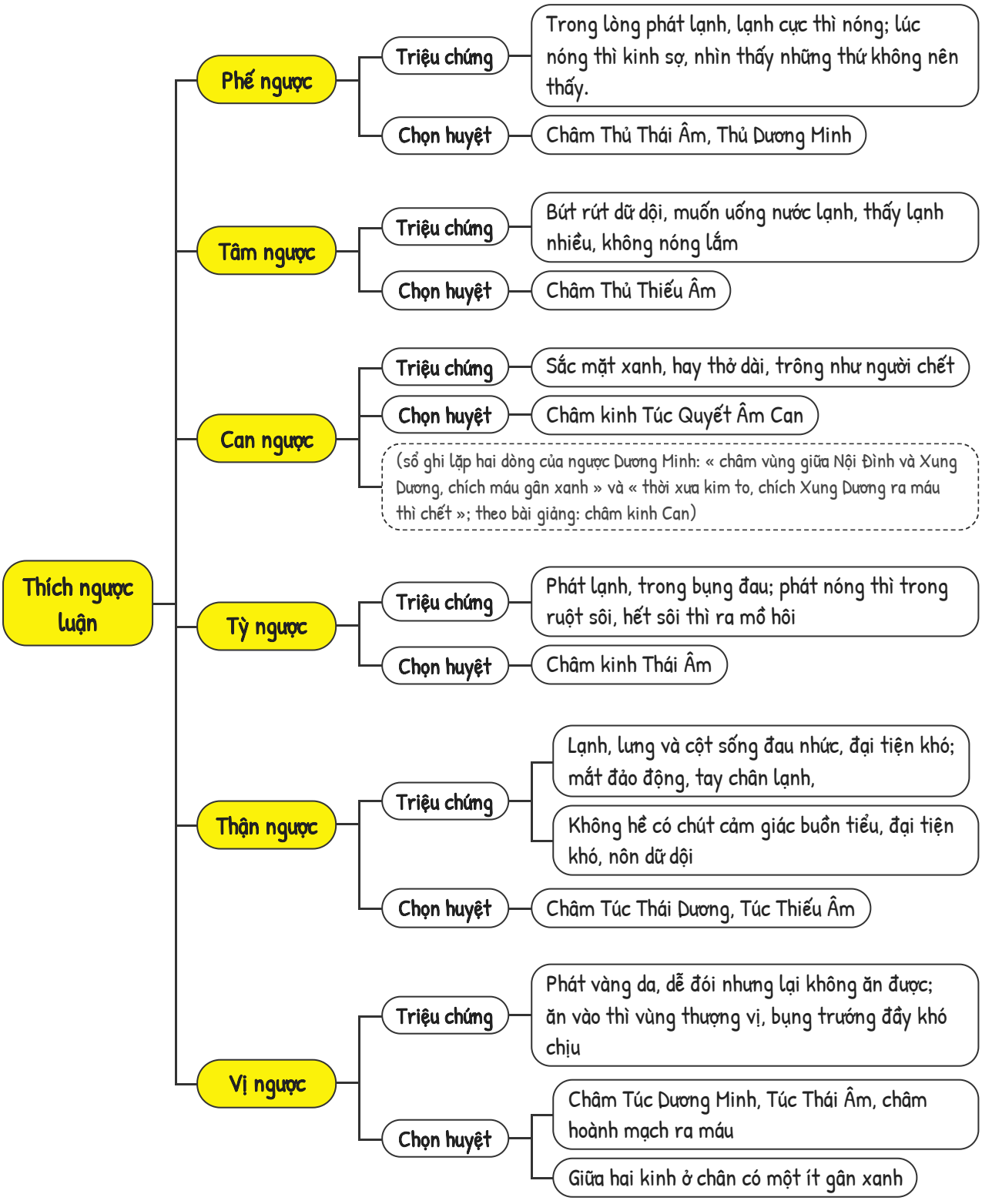


Vị là cửa ải của Thận (vị vi thận chi quan)
Người thường phế khí đi xuống; Thận âm hàn thì phế khí không xuống được, hàn đi ngược lên, Vị phải nôn
Lâm sàng thấy Thận suy kiệt thì nôn dữ dội
Người bệnh Thận: bệnh vào mùa đông, mùa xuân đỡ hơn, hồi phục vào mùa xuân thứ hai; chỗ này có thể tham khảo phần đã giảng trước

Hoàng Đế Nội Kinh (36) – Thích ngược luận 02

kinhdichtam.com dịch

Khi bệnh không ở trên kinh lạc mà vào sâu tới ngũ tạng thì có những triệu chứng gì, châm thế nào Thiên này, để tiện xem, chúng tôi trình bày bằng sơ đồ tư duy



Hoàng Đế Nội Kinh (36) – Thích ngược luận 03

kinhdichtam.com dịch

Ngược tật lên cơn, lúc người đang nóng: châm động mạch trên mu bàn chân, châm ra máu, lập tức hạ sốt, mát người;
Ngược tật lúc sắp phát lạnh: châm các huyệt du của Thủ Dương Minh, Thái Âm và Túc Dương Minh, Thái Âm.
Ngược, mạch mãn đại mà cấp: châm huyệt du ở lưng, huyệt du cách mạch Đốc ra ngoài; tùy người bệnh béo hay gầy mà định lượng máu chích ra. Huyệt A thị dùng được ở đây. Huyệt du nào đau thì chích máu.
Ngược, mạch tiểu thực mà cấp: cứu huyệt kinh Thiếu Âm ở ống chân, châm tỉnh huyệt ở đầu ngón chân.
Ngược, mạch mãn đại mà cấp: châm huyệt du ở lưng, chọn huyệt ấn thấy đau; tùy tình trạng người bệnh, châm cho ra máu.
Ngược, mạch hoãn đại mà hư: nên dùng thuốc chữa, không nên châm

Phàm chữa ngược tật, phải chữa trước lúc lên cơn; qua lúc ấy rồi là lỡ thời cơ.

Phàm ngược mà mạch trầm phục không thấy: châm gấp kẽ mười ngón tay ra máu, máu ra thì bệnh ắt khỏi; Nếu trước đó thấy trên da nổi những chấm xuất huyết như hạt đậu đỏ nhỏ, đều dùng kim châm bỏ đi.
Mười hai loại ngược kể trên, thời gian lên cơn đều khác nhau; quan sát triệu chứng người bệnh, biết bệnh thuộc kinh nào, rồi châm trước lúc lên cơn:



Châm chữa ngược tật, trước hết phải hỏi rõ lúc lên cơn người bệnh thấy khó chịu ở chỗ nào trước nhất, châm chỗ đó trước:
Trước tiên đau đầu, nặng đầu: châm trước trên đầu và hai bên trán, giữa hai lông mày ra máu
Trước tiên đau cổ gáy, cột sống lưng: châm trước vùng cổ gáy và lưng.
Trước tiên đau thắt lưng, cột sống: châm trước Ủy Trung ra máu.
Trước tiên đau cánh tay: châm trước Thủ Thiếu Dương, Thủ Dương Minh, các huyệt ở kẽ mười ngón tay
Trước tiên ống chân mỏi đau: châm trước Túc Dương Minh, kẽ mười ngón chân ra máu.

Phàm châm tỉnh huyệt các kinh âm đều không được để ra máu, và nên cách ngày châm một lần. Ngược mà miệng không khát, cách ngày lên cơn: châm kinh Túc Thái Dương; miệng khát mà cách ngày lên cơn: châm kinh Túc Thiếu Dương; ôn ngược mà mồ hôi không ra: dùng phép năm mươi chín châm.

Phong ngược, lên cơn thì ra mồ hôi, sợ gió: có thể châm huyệt du ở lưng của ba kinh dương ra máu.
Bắp chân mỏi đau dữ dội mà xoa bóp không đỡ: bệnh phù tủy, dùng kim sàm châm huyệt Tuyệt Cốt ra máu, đau dừng ngay.
Người hơi thấy đau nhức: châm huyệt Chí Âm.

Hoàng Đế Nội Kinh (37) – Khí quyết luận 01

kinhdichtam.com dịch

Khí chia ra hàn và nhiệt, khí rốt cuộc thuộc về dương

Dương là thần; người không nhận ra ai, không cử động được là dương đã mất; sức sống là dương

Âm là cái nhìn thấy được, sờ được. Người qua đời tức là không còn âm cũng không còn dương nữa.

Khí suy tới cực điểm: khí quyết

Hoàng Đế hỏi: Hàn và nhiệt của ngũ tạng lục phủ chuyển cho nhau như thế nào?

Kỳ Bá đáp:

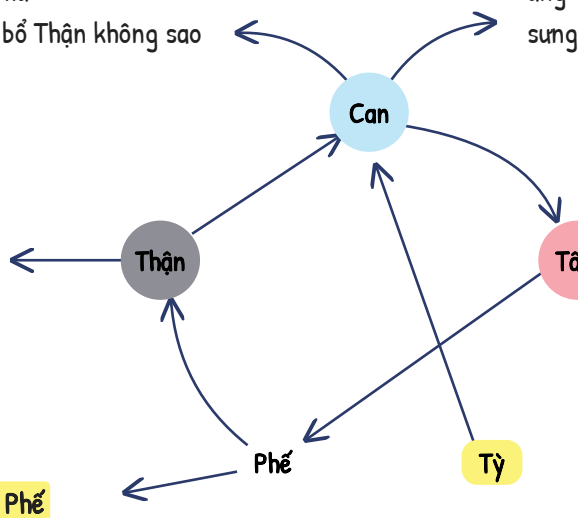
Thận chuyển hàn: sưng phù, hụt hơi, hóa mủ

Tả Nam bổ Bắc, mẫu có thể làm tử hư

Can thực thì bổ Thận; bình thường bổ Thận không sao

Tỳ chuyển hàn:

ung thũng, gân co rút; gan cũng sưng



Phế chuyển hàn sang Thận

Dũng thủy: bụng không cứng

Đi nhanh thì ruột sôi, như túi da đựng nước

Can chuyển hàn cho Tâm

Trong ngực, cách mô bế tắc; phát cuồng, tâm loạn

Tâm chuyển hàn cho Phế

Gây phế tiêu: tân dịch không vào được; uống một bát nước, tiểu ra hai bát

(sổ ghi « tiểu một bát nhỏ »; bài giảng: uống một bát, tiểu hai bát)

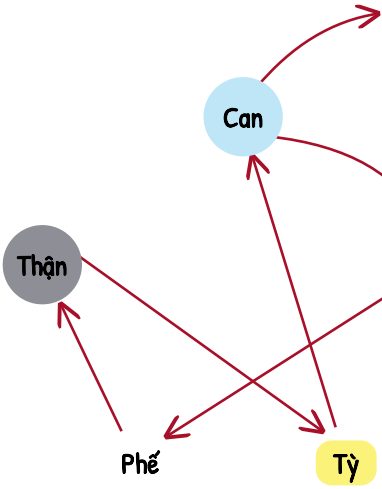
Bản thân tạng thuộc hàn

Bên trong có dương nên không cực hàn

Âm không đủ thì nóng, nhiệt sẽ di chuyển

Tỳ chuyển nhiệt cho Can:

bệnh kinh hãi, chảy máu cam,



Phế chuyển nhiệt cho Thận

Gân mềm, không có sức

Can chuyển nhiệt cho Tâm:

chứng chết

Tâm chuyển nhiệt cho Phế:

Trong cách mô quá nóng, tiêu khát

Thận chuyển nhiệt cho Tỳ

Lâu ngày truyền biến thành lỵ

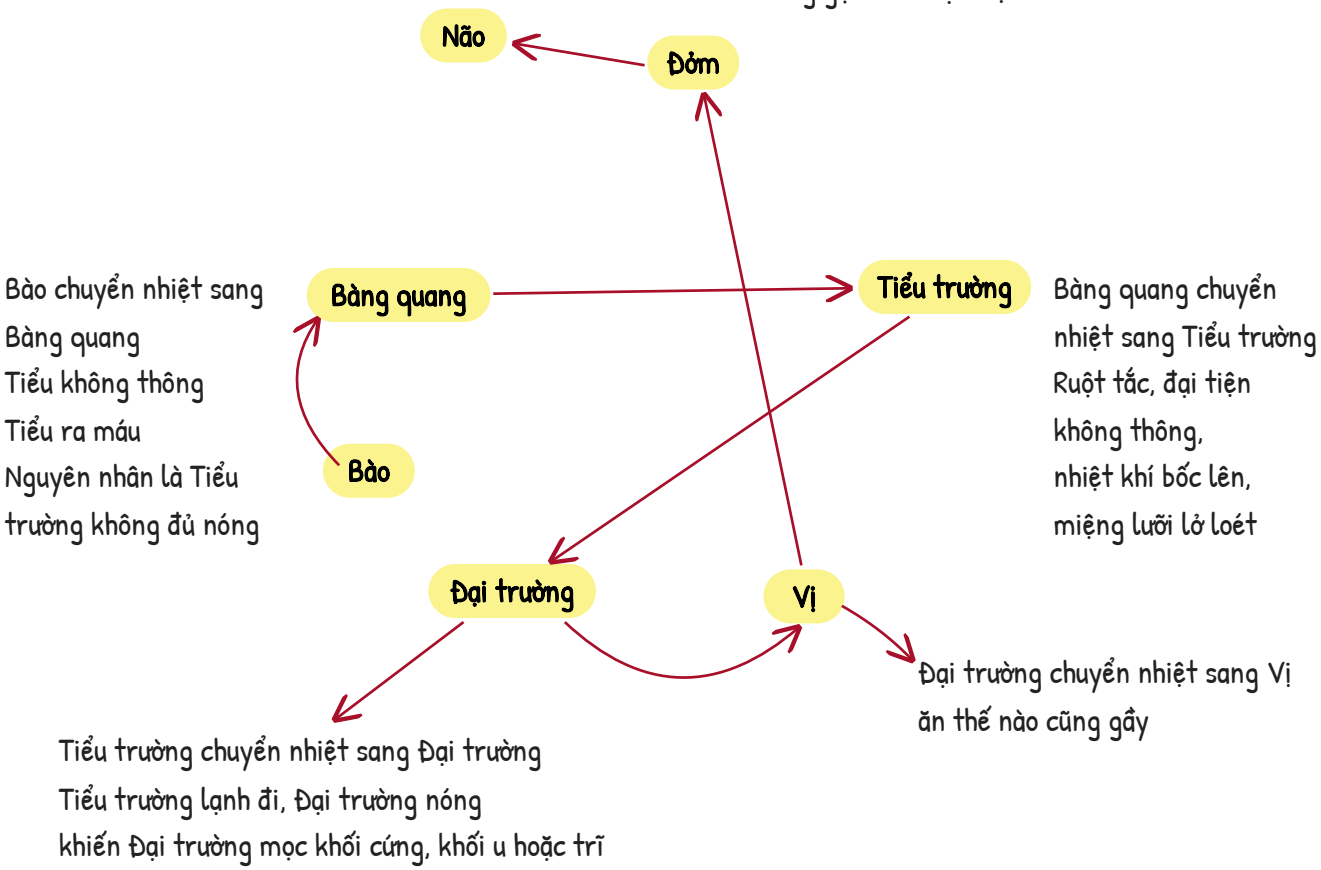
Không chữa được

Hoàng Đế Nội Kinh (37) – Khí quyết luận 02

kinhdichtam.com dịch

Đởm chuyển nhiệt lên não
Tỵ uyên: nước mũi chảy hoài không dứt,
lâu ngày chảy máu mũi, hai mắt mờ

Vị chuyển nhiệt sang Đởm
cũng gọi là « thực diệc »



Bào chuyển nhiệt sang Bàng quang
Tiểu không thông
Tiểu ra máu
Nguyên nhân là Tiểu trường không đủ nóng

Bàng quang chuyển nhiệt sang Tiểu trường
Ruột tắc, đại tiện không thông,
nhiệt khí bốc lên,
miệng lưỡi lở loét

Đại trường chuyển nhiệt sang Vị
ăn thế nào cũng gây

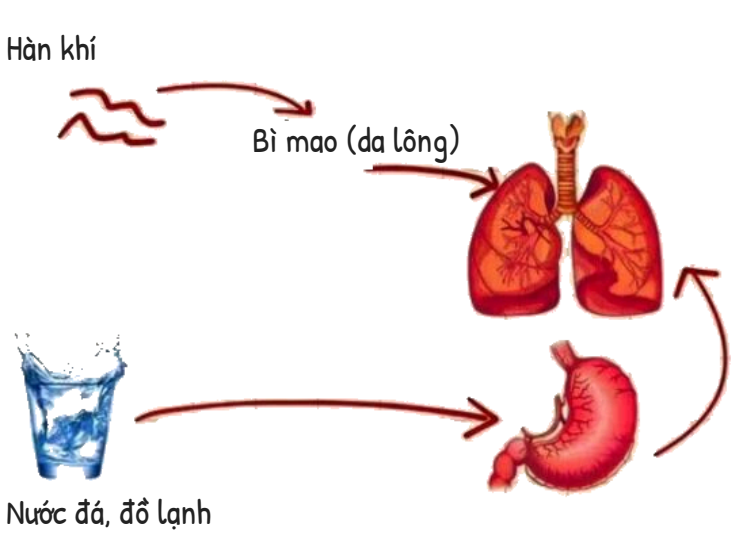
Tiểu trường chuyển nhiệt sang Đại trường
Tiểu trường lạnh đi, Đại trường nóng
khiến Đại trường mọc khối cứng, khối u hoặc trĩ

Tiểu trường chuyển nhiệt đều do bên trong lạnh: Tiểu trường lạnh đi thì nhiệt sẽ di chuyển
Tiểu trường là lửa của nửa thân dưới, cho nên mộ huyệt của nó là Quan Nguyên chữa được rất nhiều bệnh
Theo đúng nguyên tắc của Nội Kinh, phải hiểu thật kỹ bài này

Hoàng Đế Nội Kinh (38) – Khái luận 01

kinhdichtam.com dịch

Kỳ Bá đáp: Ngũ tạng lục phủ đều có thể làm người ta ho, không chỉ riêng tạng Phế làm người ta ho



Hàn khí vào Phế



Hàn khí vào Vị, theo Phế mạch rót vào Phế

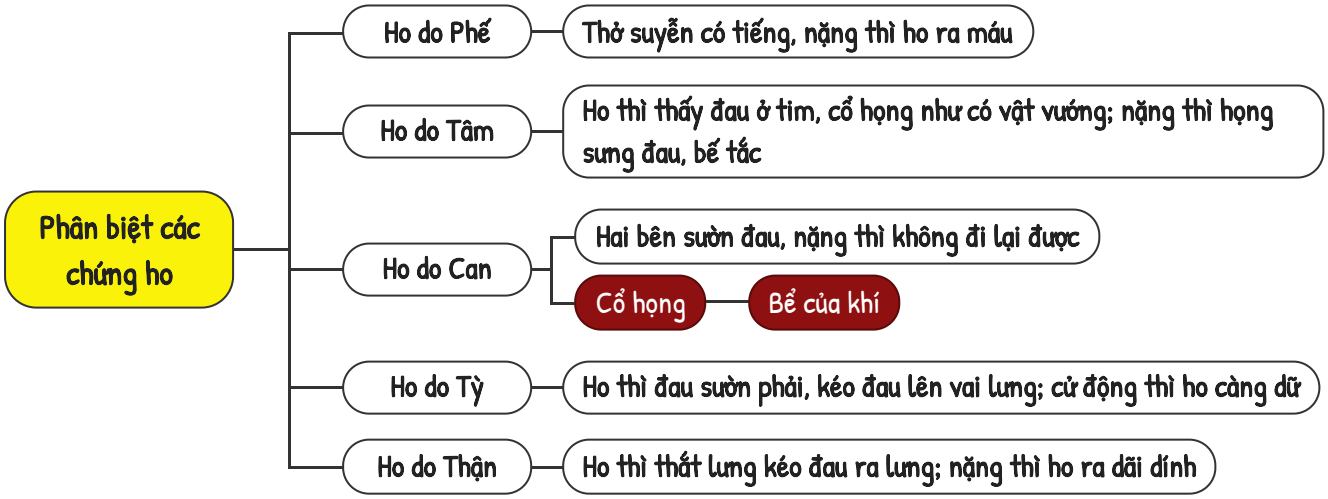
Hàn tà trong ngoài kết hợp với nhau, lưu lại ở Phế, thành ho do Phế (phế khái)

Ho của ngũ tạng lục phủ là chỉ ngũ tạng bị bệnh vào thời lệnh của riêng mình; người tương ứng với trời đất

Ngũ tạng lục phủ bị hàn tà: nhẹ thì ho; nặng thì hàn khí vào trong, tiêu chảy, đau bụng

Mùa thu Phế bị tà trước, mùa xuân Can bị tà trước, mùa hạ Tỳ bị tà trước, mùa đông Thận bị tà trước

Nếu mùa hạ thấy ho do Thận thì không phải từ ngoài vào, mà do tạng bên trong truyền sang.



Đây là giới thiệu sơ lược, phía sau còn có phần giới thiệu kỹ hơn

Hoàng Đế Nội Kinh (38) – Khái luận 02

kinhdichtam.com dịch



Phương pháp chữa:

Chữa ho của ngũ tạng: lấy huyệt du

Chữa ho của lục phủ: lấy huyệt hợp; ví dụ hễ ho là tiểu són ra: huyệt hợp của kinh Bàng Quang

Phàm do ho mà phù thũng: lấy huyệt kinh

Vì sao cần biết những điều này? Sau này học Kim Quỹ, có những thuốc uống rồi bạn sẽ thấy không trị được tận gốc, là vì không biết gốc bệnh ở đâu; hiểu thiên Khái luận thì nắm được cái thần của chứng ho.

Châm cứu rất dễ dùng, kê đơn tương đối ít

Đông y chữa bệnh chưa phát, hiểu gốc của bệnh; không biết gốc bệnh thì rất khó chữa khỏi.

Mở rộng: bệnh AIDS không làm chết người; AIDS ở Dương Minh, Dương Minh không có chứng chết.

Châm là chính

Đơn thuốc: tùy tình hình thực tế, có thể dùng Bạch Hổ thang

Hoàng Đế Nội Kinh (39) – Cử thống luận 01

kinhdichtam.com dịch

Thiên này nói về mọi chứng đau, biện chứng thế nào

Hoàng Đế hỏi: Ngũ tạng đột nhiên đau, là do tà khí gì gây ra?

Kỳ Bá đáp: Khí huyết trong kinh mạch thân người chảy khắp toàn thân, tuần hoàn không ngừng; hàn khí xâm nhập kinh mạch thì

kinh huyết sẽ ứ lại, ngưng rít mà không thông suốt

Hàn tà xâm nhập ở ngoài kinh mạch thì huyết sẽ giảm đi

Nếu vào trong mạch, mạch khí không thông, đột nhiên đau



Hàn khí ở ngoài mạch, người bệnh co rút lại; mạch nhanh, kéo các lạc mạch nhỏ, bỗng nhiên đau, gặp nóng thì dừng; nếu bị lạnh đã lâu, lại thêm lạnh, thì lâu không khỏi

Hàn khí ở trong mạch, giằng co với nhiệt khí của kinh mạch, mạch trướng đầy, không ấn được; hàn khí lưu lại, lạnh nóng giằng co, khí huyết rối loạn, đau càng dữ, càng không dám chạm vào

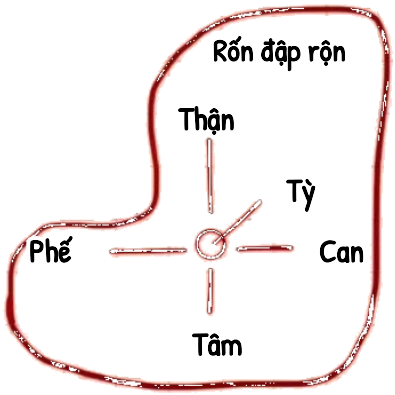
Hàn khí xâm nhập vào giữa ruột và dạ dày, không tan ra được; các lạc mạch nhỏ vì thế căng thắt; lấy tay xoa ấn thì huyết khí tản ra, đau có thể dừng

Hàn khí xâm nhập mạch Đốc, kẹp cột sống: ấn mạnh cũng không tới, ấn vô ích

Hàn khí xâm nhập mạch Xung, khởi từ Quan Nguyên, cho nên đau mà đập rộn (động quý)

Hàn khí xâm nhập bối du, huyết mạch ngưng rít thì huyết hư mà đau; bối du rót lên tim nên kéo nhau mà đau; tay ấn thì nhiệt khí tới được, hết đau

Hàn vào Quyết Âm, nối với bộ phận sinh dục: huyết rít không thông, sườn và bụng dưới kéo nhau mà đau



Người bệnh phì đại tuyến tiền liệt, ví dụ chỉ số tuyến tiền liệt 243; uống thuốc Tây, hôm sau còn 3, nhưng khối u không hề tiêu

Hoàng Đế Nội Kinh (39) – Cử thống luận 02

kinhdichtam.com dịch

Hàn khí đi ngược xâm vào đùi trong (âm cổ), vùng bẹn; huyết khí bất hòa lan tới bụng dưới, huyết ở đùi trong ngưng rít

Đau do hàn thì không được kê thêm thuốc hàn lương

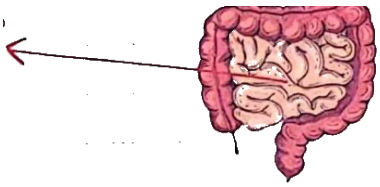


Hàn khí ở giữa lớp mạc nguyên của ruột non, trong huyết của lạc mạch; huyết mạch ngưng rít, không đổ được vào các kinh mạch lớn

Khí huyết đọng lại, không thông suốt; lâu ngày thành khí tích ở ruột non

Quan Nguyên là khởi đầu của mạch Xung; chỗ mạc nguyên thực sự tiếp xúc là ở Khí Hải và Thạch Môn.

Mọi khối u, u xơ đều rất liên quan tới ruột non, cội nguồn của sự sống.



Nếu khối u, tế bào ung thư chạy khắp nơi, làm sao mà bắt?

Dù ở đâu, cứ thay đổi môi trường thì tự nhiên nó đi mất.

Lòng bàn chân nóng là ruột non nóng; lòng bàn chân lạnh là ruột non lạnh

Hàn khí xâm vào ngũ tạng, quyết nghịch tiết lên trên, ngũ tạng rối loạn; hàn nặng, âm khí suy, dương vào không được

Đột nhiên đau đến chết lặng, bất tỉnh nhân sự; nếu dương khí hồi phục thì vẫn có thể tỉnh lại.



Hàn khí xâm vào trường vị, khí quyết nghịch đi lên, nên sinh đau bụng và nôn

Hàn khí xâm vào ruột non, ruột non mất chức năng thụ thịnh (tiếp nhận, chứa đựng), thủy cốc không dừng lại được, đi tả mà đau bụng

Nhiệt khí tích đọng ở ruột non: trong ruột sẽ đau, lại sốt, khô khát, đại tiện cứng không ra được

Người làm lụng từ sáng tới tối, lao nhọc lâu ngày, dễ mắc.

Hoàng Đế hỏi: Vọng chẩn thì xem thế nào?

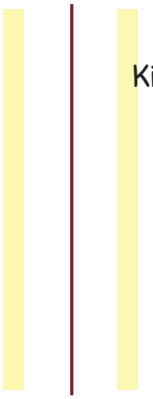
Kỳ Bá đáp: Ngũ tạng lục phủ mỗi thứ có vị trí riêng (trên mặt); quan sát năm sắc ở mặt: vàng, đỏ là nhiệt, trắng là hàn, xanh và đen là đau

Hoàng Đế hỏi: Xúc chẩn để biết bệnh tình thì thế nào?

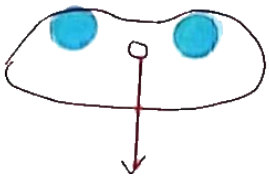
Kỳ Bá đáp: Xem mạch tượng của bệnh chính: cứng chắc, có ứ huyết, cùng với kinh mạch lõm xuống – đều có thể dùng tay sờ nắn mà biết

Hoàng Đế Nội Kinh (39) – Cử thống luận 03

kinhdichtam.com dịch



Kinh Bàng Quang



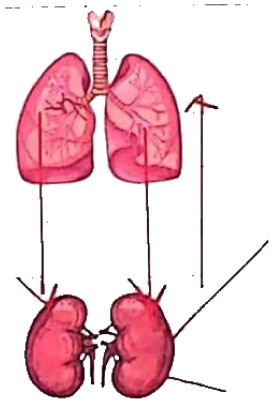
Mặt cắt ngang, giữa là mạch Đốc
Hai đường kinh Bàng Quang nổi lên là bình thường



Cả mạch Đốc nổi lên là có bệnh

Mạch Đốc

Giận thì khí nghịch: nặng thì nôn ra máu và tiêu chảy; khí đi lên, bên dưới hư, đi tả; khí nghịch lên
Vui thì khí hòa thuận, tình chí thư thái, khí vinh vệ thông lợi: khí hoãn
Buồn thương quá mức, tâm hệ căng cứng, lá phổi trướng khí, thượng tiêu không thông, khí vinh vệ không tỏa ra được
Nhiệt khí không tan đi được: khí tiêu
Sợ hãi quá độ làm tinh khí suy thoái, thận có vấn đề, tinh khí suy ở dưới, thượng tiêu bế tắc
Thượng tiêu không thông, quay về hạ tiêu, khí uất ở hạ tiêu, trướng đầy: khí hạ



Bình thường phế khí đi xuống
Kết quả thận vừa sợ
phế khí không xuống được, quay ngược lên
Tư thắng khủng: hãy nghĩ ngợi chuyện gì đó

Thấy các chứng: nấc, nôn, khí nghịch...

Âm tích lại thì trướng đầy

Khí lạnh làm tấu lý đóng kín, khí vinh vệ không lưu hành được: khí thu
Nóng thì tấu lý mở tiết, ra mồ hôi: khí tiết
Kinh hãi quá thì tâm không chỗ dựa, thần khí không về tâm, nghi ngại không yên: khí loạn
Lao nhọc quá thì thở dốc, ra mồ hôi, trong ngoài càng hao tổn: khí hao
Lo nghĩ quá nhiều thì tâm khí ngưng trệ, tinh thần lệch về một chỗ, khí đọng lại không vận hành được: khí kết

Hoàng Đế Nội Kinh (40) – Phúc trung luận 01

kinhdichtam.com dịch

Hoàng Đế hỏi: Có người bị bụng ngực trướng đầy, buổi sáng ăn được, buổi tối thì không ăn thêm được nữa – đó là bệnh gì?

Kỳ Bá đáp: Bệnh tên là cổ trướng

Hoàng Đế hỏi: Chữa thế nào?

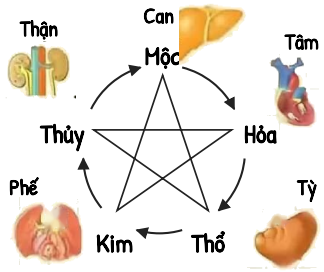
Kỳ Bá nói: Dùng Kê Thi Lễ để chữa: một thang là thấy hiệu quả, hai thang là khỏi.

Hoàng Đế hỏi: Bệnh này có khi tái phát, vì sao?

Kỳ Bá nói: Đó là do ăn uống không tiết chế, nên chốc chốc lại phát bệnh. Bệnh này dù bề ngoài trông như đã khỏi, nhưng lại ăn uống không điều độ thì bệnh khí lại tụ vào trong bụng mà tái phát.

Kê Thi Lễ: tên một phương rượu thuốc người xưa dùng để chữa cổ trướng.
Thi: ở đây nghĩa là phân. Lễ: rượu gạo. Phương dùng phần trắng của phân gà, phơi khô, sấy vàng, một lạng; rượu gạo ba bát, sắc sôi mấy dạo, bỏ bã, lọc, để lắng trong; uống nóng lúc đói, ngày hai lần.

Gà ăn sâu bọ, đất cát, đi ngoài sẽ có một cục trăng trắng: lấy phần màu trắng đó.



Mộc: gà Hỏa: ngựa Thổ: bò Kim: chó Thủy: lợn đen

Hoàng Đế nói: Có người bị ngực sườn căng chống trướng đầy, trở ngại ăn uống; trước khi phát bệnh thì ngửi thấy mùi tanh hôi, miệng ứa nước trong; trước thì thổ huyết, dần dần tứ chi lạnh, hoa mắt, thường đại tiểu tiện ra máu – đó là bệnh gì? Mắc thế nào?

Kỳ Bá nói: Bệnh tên là huyết khô. Do lúc trẻ từng mất máu nhiều; hoặc say rượu rồi phòng sự buông thả, làm tinh khí hao kiệt, tạng can tổn thương, nên kinh nguyệt ít, thậm chí tắt kinh.

Hoàng Đế nói: Chữa thế nào? Dùng cách gì để hồi phục sức khỏe?

Kỳ Bá nói: Dùng bốn phần mai mực (ô tặc cốt), một phần thiến thảo, trộn hai vị, lấy trứng chim sẻ viên lại, viên to bằng hạt đậu nhỏ. Uống năm viên trước bữa ăn, chiêu bằng nước canh bào ngư, để có lợi cho ruột và bồi bổ tạng can đã bị tổn thương.

(sổ ghi « có lợi cho hông sườn »; kinh văn: lợi trường trung – có lợi cho ruột)

Không nhất thiết phải là trứng chim sẻ: trứng bồ câu, các loài chim đều được
Có thể làm trong ruột sạch, hồi phục chức năng của tạng can

Hoàng Đế Nội Kinh (40) – Phúc trung luận 02

kinhdichtam.com dịch

Hoàng Đế nói: Có một thứ bệnh bụng dưới đầy căng, ấn bốn phía trên dưới phải trái thấy rõ có gốc rễ – đó là bệnh gì? Chữa được không?

Kỳ Bá nói: Bệnh tên là phục lương.

Hoàng Đế nói: Do đâu mà sinh ra?

Kỳ Bá nói: Bụng dưới sưng, bọc rất nhiều mủ máu, đọng tụ ở ngoài trường vị; bệnh này khó chữa: khi chẩn trị thường vì sờ ấn quá mạnh mà gây chết.

Kỳ Bá nói: Bệnh này nếu sinh ở bụng dưới thì gần bộ phận sinh dục, ấn mạnh tất làm mủ máu vỡ ra thoát xuống dưới; nếu ở trên thì gần vị quản, sẽ làm mủ máu xuyên qua hoành cách, làm vị quản sinh nội ung. Đây là bệnh mạn tính, khó chữa khỏi. Bệnh ở trên rốn là nghịch chứng, nguy nặng; ở dưới rốn là thuận chứng, tiên lượng khá hơn. Tóm lại không được xoa bóp để mong bệnh tiêu ngay. Bàn cụ thể có ghi trong *Thích pháp*.



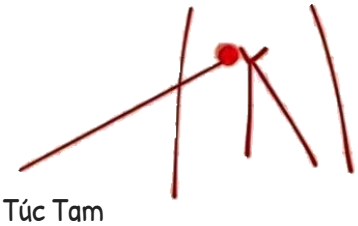
Dịch mật vỡ tung tràn ra, tam tiêu bọc lại



Ruột thừa tắc, vỡ ra

Kỳ Bá nói khó chữa, Trương Trọng Cảnh đã giải quyết vấn đề này

Có người bệnh đau 15 năm
Kinh Thủ Dương Minh Đại Trường bị vỡ; trên đường sinh mệnh (chỉ tay) có một vết nâu, giống như vết bớt
Đại hoàng, mang tiêu...: 2 tháng



Sẽ đau tới chỗ này
Từ Quan Nguyên tới Túc Tam Lý gọi là « khí nhai »

Châm cứu được, kê đơn cũng được

Hoàng Đế nói: Có người đùi, bắp đùi, cẳng chân đều sưng, lại đau quanh rốn – đó là bệnh gì?

Kỳ Bá nói: Bệnh tên là phục lương, do bình thường cảm phải phong hàn tà. Tà khí tràn đầy đại trường, đọng lại bám vào hoang mô; nguyên huyệt của hoang nằm dưới rốn, nên đau quanh rốn. Không được dùng phép công hạ; dùng nhầm sẽ sinh bệnh tiểu tiện rít, khó đi.



Động mạch ở bụng vỡ, bị tam tiêu bọc lại

Không được động vào: động một cái là tan ra, người bệnh sẽ chết

Hoàng Đế Nội Kinh (40) – Phúc trung luận 03

kinhdichtam.com dịch

Hoàng Đế nói: Người bệnh nhiệt trung, tiêu trung không được ăn đồ béo ngọt đậm vị, cũng không được uống thuốc thảo mộc thơm (phương thảo) và thuốc loại khoáng thạch, vì thuốc khoáng thạch làm người ta phát điên, thuốc thơm làm người ta phát cuồng. Vì sao?

Kỳ Bá nói: Tính của thuốc thơm phần nhiều cay, tán mạnh; tính của thuốc kim thạch phần nhiều dữ dội; khí của hai loại thuốc này đều gấp mạnh, cứng rắn, nên người tính tình không hòa hoãn thì không dùng được

Hoàng Đế hỏi: Nguyên nhân không được dùng hai loại thuốc này là gì?

Kỳ Bá nói: Nội nhiệt có tính hung hãn, tính của thuốc cũng vậy; nội nhiệt gặp thuốc nhiệt, e sẽ tổn thương tỳ khí. Tỳ thuộc thổ, ghét bị mộc thừa (lấn); người bệnh dùng loại thuốc này, tới ngày Giáp, ngày Ất – lúc can mộc làm chủ – thì bệnh càng nặng thêm.



Hoàng Đế nói: Có người ngực đầy, cổ đau, ngực đầy, bụng trướng – đó là bệnh gì? Do đâu mà ra?

Kỳ Bá nói: Bệnh tên là quyết nghịch.

Kỳ Bá nói: Dùng phép cứu thì gây mất tiếng, dùng châm thì gây phát cuồng. Đợi khí âm dương giao hợp rồi mới chữa được

Hoàng Đế nói: Vì sao như vậy?

Kỳ Bá nói: Dương khí nghịch lên trên, phần trên dương có dư, lại dùng phép cứu là lấy lửa thêm vào lửa; dương thịnh vào âm thì mất tiếng. Nếu dùng châm thì dương khí theo mũi châm tiết ra ngoài mà thành hư, dương khí hư thì phát cuồng. Phải đợi khí âm dương giao hợp rồi mới chữa, mới khỏi được.



Cổ đau là bể khí (khí hải) bị bệnh

Nấu chút cháo trắng loãng, thêm ít gừng tươi; đợi khí bình lại rồi mới bắt tay chữa

Làm sao chẩn biết phụ nữ có thai sắp sinh: người khó chịu mà bắt mạch không thấy mạch bệnh

Não là bể tủy



Huyệt du: trên là Bách Hội, dưới là Phong Phủ

Cổ họng là bể khí

Chữa bệnh: huyệt du, trên là Thiên Trụ, dưới là Nhân Nghênh



Vị là bể thủy cốc

Huyệt du: trên là khí nhai, dưới là Túc Tam Lý

Mạch Xung là bể của mười hai kinh, chủ huyết

Huyệt du: trên là Đại Trữ, dưới là Thượng Cự Hư, Hạ Cự Hư (Thượng Liêm, Hạ Liêm)

Hoàng Đế nói: Phát sốt kèm đau là do nguyên nhân gì?

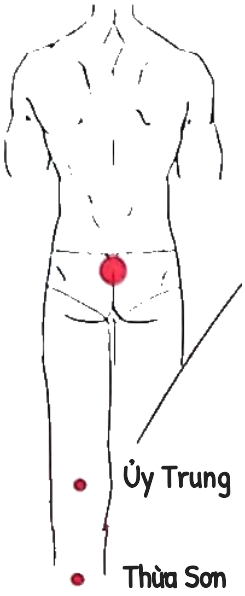
Kỳ Bá nói: Bệnh phát sốt đều thấy mạch dương, nên mạch ba kinh dương thịnh lớn, đập khá mạnh.

Mạch Nhân Nghênh lớn gấp một lần mạch Thốn Khẩu là bệnh ở Thiếu Dương, gấp hai lần là bệnh ở Thái Dương (↑ Dương Minh), gấp ba lần là bệnh ở Dương Minh (↑ Thái Dương), rồi truyền vào ba kinh âm. Bệnh tà từ dương vào âm thì bệnh ở đầu và bụng, sẽ thấy bụng trướng mà đau đầu.

Thầy Nghê nói: theo những gì đã giảng trước đây, nhị thịnh (gấp hai) là Dương Minh, tam thịnh (gấp ba) là Thái Dương

Hoàng Đế Nội Kinh (41) – Thích yêu luận 01

kinhdichtam.com dịch



Thích yêu thống luận

Kinh mạch Túc Thái Dương

Có khi đau tới xương cụt; thật không ổn thì cũng có thể chích nhẹ ra chút máu ở giữa Ủy Trung và Thừa Sơn

Triệu chứng: đau kéo lên gáy cổ, sống lưng và mông; lưng như vác vật nặng

Chữa: châm huyệt Ủy Trung cho ra máu

Kiêng: mùa xuân không được làm ra máu – Thiếu Dương mới sinh, sẽ làm tổn thương dương

Kinh mạch Túc Thiếu Dương

Triệu chứng: đau như kim châm vào da, cảm giác đau chạy dọc theo mạch xuống dưới; không cúi ngửa, không xoay lưng ngoái nhìn được

Chữa: châm ra máu ở đầu trên xương chày, chỗ kinh Thiếu Dương đi qua, tức châm chỗ lồi phía ngoài của « thành cốt »

Kiêng: mùa hạ chớ châm ra máu; ra máu nhiều quá thì không khỏi được

Kinh mạch Túc Dương Minh

Triệu chứng: không xoay lưng ngoảnh đầu được, cố ngoảnh thì hoa mắt; dễ buồn thương

Chữa: châm Túc Tam Lý của Dương Minh ba lần, phối hợp các huyệt trên dưới, phải cho ra máu

Kiêng: mùa thu chớ châm ra máu; ra máu nhiều quá thì không khỏi được nữa

Kinh mạch Túc Thiếu Âm

Triệu chứng: đau kéo mặt trong cột sống, lan tới bụng

Chữa: châm huyệt Phục Lưu của kinh Thiếu Âm ở trên mắt cá chân, hai lần

Kiêng: mùa xuân chớ châm ra máu; ra máu nhiều quá thì không khỏi được

Kinh mạch Túc Quyết Âm

Triệu chứng: lưng co cứng như dây cung nỏ đang giương

Chữa: tìm điểm ấn đau quanh Thái Xung mà châm

Người bệnh thích nói, nói rất nhiều.

Quyết Âm là Can và Tâm bào. Tâm bào nói đơn giản là bọc lấy tâm dương, lạc tới nữ tử bào

Tâm không chịu bệnh, Tâm bào chịu bệnh

Vì là bệnh biến ở những kinh mạch khác nhau, nên triệu chứng đau lưng của mỗi người đều không giống nhau

Hoàng Đế Nội Kinh (41) – Thích yêu luận 02

kinhdichtam.com dịch

Đau lưng

- **Bệnh biến ở giải mạch**
  - **Triệu chứng:** đau kéo lên vai, hai mắt nhìn không rõ, có khi đái dầm
  - **Chữa:** chỗ gân xanh quanh Ủy Trung, Ủy Dương, cho ra máu
  - Điều thứ 2 nói về đau mạch Đới: đau như bị dây đai kéo, thường có cảm giác như lưng gãy, người như tách làm hai nửa, dễ sợ hãi (sổ ghi « đại mạch », tức « đới mạch »: mạch Đới)
  - **Chữa:** từ Ủy Trung tới phía ngoài gối, chích bỏ ứ huyết; có thể châm ở Lâm Khấp
- **Mạch Đồng Âm mạch Thiếu Dương**
  - **Triệu chứng:** như có quả cân nhỏ trong lưng, kinh mạch đột nhiên sưng lên
  - **Chữa:** châm vùng Tuyệt Cốt, cho ra một chút máu, đen chuyển đỏ là được
  - **Kiêng:** mùa hạ chớ châm ra máu; ra máu nhiều quá thì không khỏi được
- **Mạch Dương Duy**
  - **Triệu chứng:** kinh mạch chỗ đau căng phồng sưng lên; đau ngang ngực, hoành cách
  - **Chữa:** huyệt Phi Dương, Ngoại Quan
- **Mạch Hoành Lạc**
  - **Triệu chứng:** không cúi ngửa được, ngửa ra sau thì sợ ngã; nguyên nhân là dùng sức nâng vật nặng làm tổn thương lưng
  - **Chữa:** châm Ủy Trung, chỗ có ứ huyết phía dưới mặt ngoài đầu gối
  - **Lưu ý:** trên người ta có ứ huyết – nhìn ở mặt ngoài chân thấy có ứ huyết thì phần lớn đều có đau lưng
  - (sổ ghi « xung lạc chi mạch »; kinh văn: « hoành lạc chi mạch », mạch Hoành Lạc)
- **Mạch Hội Âm mạch Nhâm**
  - **Triệu chứng:** lúc đau thì ra mồ hôi, khát nước uống nhiều; đi thì không đau, ngồi thì đau
  - **Chữa:** vùng phía ngoài đầu gối.
- **Mạch Phi Dương thận và mạch Âm Duy**
  - **Triệu chứng:** kinh mạch đột nhiên sưng trướng, đau dữ, buồn thương sợ hãi
  - **Chữa:** vùng Trúc Tân, trên mắt cá trong năm thốn
- **Mạch Xương Dương mạch Đốc**
  - **Triệu chứng:** đau kéo tới ngực, nhìn hoa mắt; nặng thì lưng uỗn gập ra sau, không cúi về trước được, lưỡi cuộn lại, không nói được (kết hợp với đau kinh Thận)
  - **Chữa:** châm trên mắt cá trong, sau kinh Thái Âm khoảng 2 thốn

Thầy Nghê:
khám chữa ở Mỹ, hễ dưới đầu gối có gân xanh thì hầu như đều đau lưng; chích bỏ (máu) vừa phải thì không sao

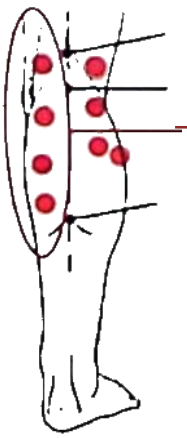
Hoàng Đế Nội Kinh (41) – Thích yêu luận 03

kinhdichtam.com dịch

Đau lưng

- **Tán mạch biệt lạc Túc Thái Dương**
  - **Triệu chứng:** phát sốt, sốt nặng thì bứt rứt không yên; dưới thắt lưng như có thanh gỗ ngang chặn bên trong; nặng thì đái dầm
  - **Chữa:** tìm chỗ phía ngoài gối quanh Ủy Trung mà chích máu
- **Mạch Nhục Lý**
  - **Triệu chứng:** không ho được, ho một cái là gân mạch co rút, căng cứng
  - **Chữa:** phía ngoài kinh Túc Thái Dương
- **Đau lưng, bên trên lạnh**
  - **Chữa:** châm Túc Thái Dương, Dương Minh
- **Đau lưng, bên trên nóng**
  - **Chữa:** Túc Quyết Âm
- **Khào (kāo): xương ngồi**
  - **Triệu chứng:** lúc đau thì ra mồ hôi, khát nước uống nhiều; đi thì không đau, ngồi thì đau
  - **Chữa:** vùng phía ngoài đầu gối.
- **Vi (wěi)**
  - Một người bị cái nhọt, sau đó để lại sẹo
- **Mổ rồi thì khó chữa**
  - Một nhát dao xong là cắt đứt kinh lạc, tạo thành bức tường vây
- **Lưng, thắt lưng: tìm ở Ủy Trung**
  - Không chỉ Ủy Trung, quanh Ủy Trung đều được: có ứ huyết thì chích bỏ; không có ứ huyết thì đau càng gần mặt trong Âm Cốc, càng gần cột sống, càng phải tìm điểm ấn đau xuống thấp hơn
  - Người đã từng mổ: trước hết uống thuốc hoạt huyết hóa ứ

Mẹo nhỏ:
Chứng hàn châm kinh dương
Chứng nhiệt châm kinh âm
Bệnh dương chữa âm, bệnh âm chữa dương
Bệnh trái chữa phải, bệnh phải chữa trái

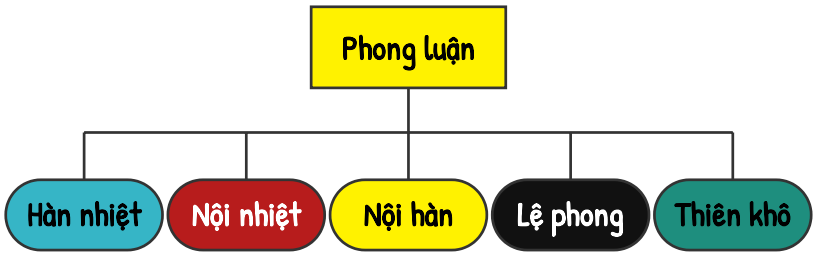


Vị trí này: tìm điểm ứ huyết, điểm ấn đau ở trên dưới

Chỗ này phải đọc kỹ nguyên văn. Nguyên văn Nội Kinh còn nói phải xem trăng tròn hay khuyết; thực tế lâm sàng chữa bệnh có thể không cần xem trăng. Tôi chưa thử, mọi người có thể thử.

Hoàng Đế Nội Kinh (42) – Phong luận 01

kinhdichtam.com dịch



Vì sao có các chứng trạng khác nhau?



Kỳ Bá đáp: phong khí xâm nhập vào trong da, biến hóa đa đoan.
Lỗ chân lông mở ra thì khiến người ta thấy lạnh;
Lỗ chân lông đóng lại thì khiến người ta thấy nóng, bứt rứt khó chịu.
Khi lạnh thì ăn uống kém đi;
Khi nóng thì cơ thịt gầy mòn.
Cho nên khiến người đột nhiên run rẩy mà không muốn ăn, bệnh gọi là **hàn nhiệt**.

Kinh Dương Minh vào Vị

- Theo kinh mạch đi vào mắt
- Người béo: phong tà khó phát tán ra ngoài, lưu lại trong người, thành **nội nhiệt**, tròng mắt vàng
- Người gầy: dương khí dễ phát tiết ra ngoài mà lạnh, thành **nội hàn**, chốc chốc lại chảy nước mắt

Kinh Thái Dương

- Vào du huyệt của các kinh, tản ra giữa các phân nhục (thớ thịt), quấn lấy vệ khí
- Chứng trạng: đường khí không thông, cơ thịt sưng lên, hóa mủ

Lệ phong: vinh khí có nhiệt, huyết khí không trong
Sống mũi tổn thương, sắc mặt biến hoại, da lở loét

Vì phong hàn lưu lâu trong kinh mạch mà không đi, nên gọi là lệ phong, có khi lại gọi là hàn nhiệt.

Vì sao phải hiểu rõ hàn nhiệt và phong? Khi kê đơn chữa trúng phong,
trừ hàn, trừ phong, trừ nhiệt khác nhau, phải phối hợp tùy tình trạng người bệnh;
thuốc trừ hàn và thuốc trừ nhiệt không xung khắc nhau

Hoàng Đế Nội Kinh (42) – Phong luận 02

kinhdichtam.com dịch

Phong tà xâm nhập vào du huyệt của ngũ tạng lục phủ thì thành phong của ngũ tạng lục phủ

Bất kể là lạc, kinh, tạng hay phủ, hễ phong tà theo cửa ngõ của nó xâm vào thì thành **thiên phong**

Phong tà xâm nhập rồi, từ huyệt Phong Phủ theo kinh mạch đi lên tới não thì thành **não phong**

Phong vào mục hệ trong đầu thì thành **mục phong**

Ngủ bị nhiễm lạnh, lại sau khi say rượu mà cảm phong tà thì thành **lậu phong**

Khi giao hợp ra mồ hôi mà cảm phong tà thì thành **nội phong**

Vừa gội đầu xong mà cảm phong tà thì thành **thủ phong**

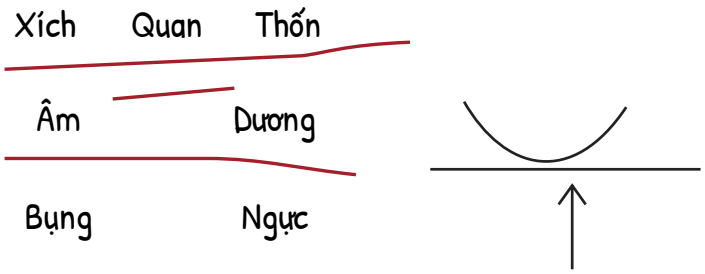
Phong tà lưu lâu ở cơ tấu, ở lâu nơi có gió, hại tới Tỳ Vị thì thành **tràng phong sôn tiết**

Ở ngoài, trong khoảng tấu lý, thì thành **tiết phong**

Cho nên phong là nhân tố chủ yếu gây ra mọi bệnh tật; nó biến hóa cực nhiều, khi biến sinh ra bệnh khác thì không có quy luật nhất định, nhưng nguyên nhân gây bệnh, rốt cuộc, đều do phong khí xâm nhập.

Không có phương cố định, phải xem chứng trạng

Mạch bình thường



Mạch phong: sờ nhẹ là bắt được

Mạch người bình thường thì mạch bộ Xích hơi trầm

Mạch phong thì đặt ngón tay nhẹ lên mạch người bệnh là bắt được rất rõ,

mạch nổi trên mặt

Hoàng Đế Nội Kinh (42) – Phong luận 03

kinhdichtam.com dịch

Can phong

Mùa xuân, ngày Giáp Ất bị thương phong
Chứng trạng: ra nhiều mồ hôi, sợ gió, hay buồn thương. Sắc mặt hơi xanh, họng khô, dễ nổi giận; phải chú ý dưới mắt, sẽ thấy màu xanh.

Tâm phong

Mùa hạ, ngày Bính Đinh bị thương phong
Chứng trạng: ra nhiều mồ hôi, sợ gió, thân thể khô nóng bức bối, hay nổi giận, sắc mặt đỏ; bệnh nặng thì nói năng không lưu loát, màu miệng lưỡi tươi sáng

Tỳ phong

Cuối hạ (quý hạ), ngày Mậu Kỷ bị thương phong
Chứng trạng: ra nhiều mồ hôi, sợ gió, người mệt mỏi, tay chân không muốn cử động. Sắc mặt hơi vàng, không muốn ăn. Khi chẩn phải chú ý trên mũi, sẽ thấy màu vàng.

Mẹo nhỏ:
Đau ở đầu hoặc một chỗ:
phân hàn và nhiệt
Nếu đau toàn thân
thì chắc chắn là hàn
Kê đơn thì dùng thuốc trừ hàn
Trừ hàn (sau sẽ giảng):
có hai cách, cố biểu và phát hãn

Phế phong

Mùa thu, ngày Canh Tân trúng phong
Chứng trạng: ra nhiều mồ hôi, sợ gió, sắc mặt trắng, lúc lúc ho, hụt hơi. Ban ngày nhẹ hơn, chiều tối nặng hơn. Khi chẩn chú ý phía dưới lông mày, màu trắng.

Thuốc trừ hàn dùng nhiều,
thường đều là chứng hàn

Thận phong

Mùa đông, ngày Nhâm Quý trúng phong
Chứng trạng: ra nhiều mồ hôi, sợ gió, mặt phù thũng, lưng và cột sống đau nhức, không đứng lâu được. Sắc mặt đen như bồ hóng, tiểu tiện không thông. Đàn ông không giao hợp được, đàn bà tắt kinh; phải chú ý gò má, sẽ thấy màu đen.

Vị phong

Chứng trạng: vùng cổ ra nhiều mồ hôi, sợ gió, ăn uống không vào, vùng hoành cách bĩ tắc không thông, bụng đầy. Mặc ít áo thì bụng dễ trướng đầy, ăn đồ lạnh thì đi tả. Khi chẩn chú ý đặc điểm của người bệnh: người gầy mà bụng to.

Tuyệt đối không được mặc ít áo

Đầu phong

Chứng trạng: vùng đầu mặt ra nhiều mồ hôi, sợ gió; một ngày trước khi phong khí sắp phát đã thấy rất khổ sở, đau đầu dữ dội, không muốn ra ngoài. Đến ngày gió thắng, cơn đau đầu lại giảm đi.

Tây y giảm đau chỉ nhất thời,
còn thuốc Đông y:
thuốc trừ phong + trừ hàn
thuốc trừ phong + trừ nhiệt

Lậu phong

Chứng trạng: có người ra mồ hôi nhiều, không mặc được áo mỏng. Hễ ăn cơm là ra mồ hôi, thậm chí toàn thân đổ mồ hôi, thở dốc, sợ gió. Quần áo lúc nào cũng ướt sũng, miệng khô hay khát, không chịu được mệt nhọc.

Người làm việc chân tay:
ra mồ hôi, bị gió thổi,
vẫn tiếp tục làm

Nội phong

Chứng trạng: nhiều mồ hôi, mồ hôi ra nhiều làm ướt áo quần. Trong miệng khô, không chịu được mệt nhọc, khắp người đau nhức và sợ lạnh.

Hoàng Đế Nội Kinh (43) – Tý luận 01

kinhdichtam.com dịch

Chương này luận thuật có hệ thống về nguyên nhân, bệnh cơ, chứng trạng, phân loại, cách chữa, tiên lượng... của chứng tý

Hoàng Đế hỏi: chứng tý phát sinh thế nào?

Kỳ Bá đáp: ba khí phong, hàn, thấp trộn lẫn cùng xâm nhập cơ thể mà thành chứng tý. Phong nặng hơn thì đau chạy khắp nơi, gọi là hành tý; hàn nặng hơn thì đau dữ dội, có lúc không đau; thấp nặng hơn thì chỉ một khớp, đau rất dữ

Vì sao phải biết phong, hàn, thấp?

Thuốc Đông y có thuốc trừ thấp, trừ phong, trừ hàn

Phong và thấp làm người bệnh đau, chỉ kê thuốc trừ thấp, trừ phong thì không khỏi – thiếu thuốc trừ hàn

Sau này xem đơn thuốc sẽ nhìn ra thuốc gì, bệnh gì; cái nào nặng thì kê nhiều hơn một chút

Mùa đông mắc bệnh	Cốt tý	Xương đau, người nặng, tứ chi nặng nề khó nhấc
Mùa xuân mắc bệnh	Cân tý	Gân mạch co rút, khớp đau nhức, khó co duỗi
Mùa hạ mắc bệnh	Mạch tý	Sốt không theo quy luật, da thịt có cảm giác nóng rát, đau; da có khi thấy ban đỏ
Cuối hạ mắc bệnh	Cơ tý	Cơ thịt tê dại, hoặc mỏi đau không có sức, mệt mỏi, ra mồ hôi...
Mùa thu mắc bệnh	Bì tý	Da khô héo tê dại, hơi thấy đau ngứa

Thuốc chữa gút (thống phong): không quá vài vị, càng giản lược càng tốt.

Uống nhiều thuốc giảm đau thì thận sẽ hàn; nhiều năm sau sẽ hại tạng thận, thận suy kiệt

Cốt tý không khỏi	Lại cảm tà khí	tà khí tàng vào Thận
Cân tý không khỏi	Lại cảm tà khí	tà khí tàng vào Can
Mạch tý không khỏi	Lại cảm tà khí	tà khí tàng vào Tâm
Cơ tý không khỏi	Lại cảm tà khí	tà khí tàng vào Tỳ
Bì tý không khỏi	Lại cảm tà khí	tà khí tàng vào Phế

Ngũ tạng bên ngoài hợp với gân, mạch, thịt, da, xương

Bệnh lâu không khỏi, đọng lại trong cơ thể

Lại cảm tà khí lần nữa

Thấp làm tổn thương hạ tiêu

Bệnh lâu rồi mà không chữa khỏi thì sẽ vào nội tạng

Hoàng Đế Nội Kinh (43) – Tý luận 02

kinhdichtam.com dịch

Chứng trạng sau khi (tà khí) xâm nhập ngũ tạng:

Phế là nơi khí cơ vận hành

Chứng Phế tý — Phiền muộn, thở gấp mà nôn

Chứng Tâm tý — Huyết mạch không thông, tâm phiền và tim đập rộn, khí bạo nghịch xung lên mà suyễn, họng khô, hay ợ hơi

Chứng Can tý — Ban đêm ngủ hay giật mình, thích uống nước, tiểu tiện nhiều lần; kéo lên tới bụng dưới, trướng đầy như lúc có thai

Chứng Thận tý — Toàn thân sưng trướng, trướng tới mức ngồi được mà không đi được, cúi đầu được mà không ngẩng lên được; như lấy xương cùng chống xuống đất, lại như cổ gục xuống, cột sống nhô cao lên

Hàn + thấp: thức ăn không xuống được, nôn ra

Chứng Tỳ tý — Tứ chi mỏi mệt không sức, ho, nôn ra nước trong, ngực bĩ tắc

Chứng Tràng tý — Hay uống nước mà tiểu tiện khó, trung khí đi ngược lên, thở gấp gáp, có lúc bị sôn tiết

Chứng Bào tý — Lấy tay ấn bụng dưới, bàng quang thì bên trong thấy đau, trong bụng lại thấy nóng như bị dội nước nóng; tiểu tiện rít, ở trên thì mũi chảy nước trong

Khi táo động thì dễ hao tán. Nếu ăn uống quá nhiều thì tràng vị sẽ bị thương

Thở gấp gáp: tý khí phong hàn thấp ngưng tụ ở Phế

Lo âu suy nghĩ: ngưng tụ ở Tâm

Đái dầm: ngưng tụ ở Thận

Mệt mỏi, khát nước: ngưng tụ ở Can

Đói quá hại Vị: ngưng tụ ở Tỳ

Các chứng tý lâu ngày không khỏi sẽ ngày càng đi sâu vào trong cơ thể

Nếu thuộc loại phong khí thắng hơn thì người bệnh tương đối dễ khỏi

Mẹo nhỏ:
Bình thường đừng ăn quá no
Lúc không đói thì đừng ăn
Lúc nào cũng giữ một chút cảm giác đói

Hoàng Đế Nội Kinh (43) – Tý luận 03

kinhdichtam.com dịch

Hoàng Đế hỏi: chứng tý có khi chết, có khi đau lâu không khỏi, có khi khỏi rất nhanh, đó là cớ làm sao?

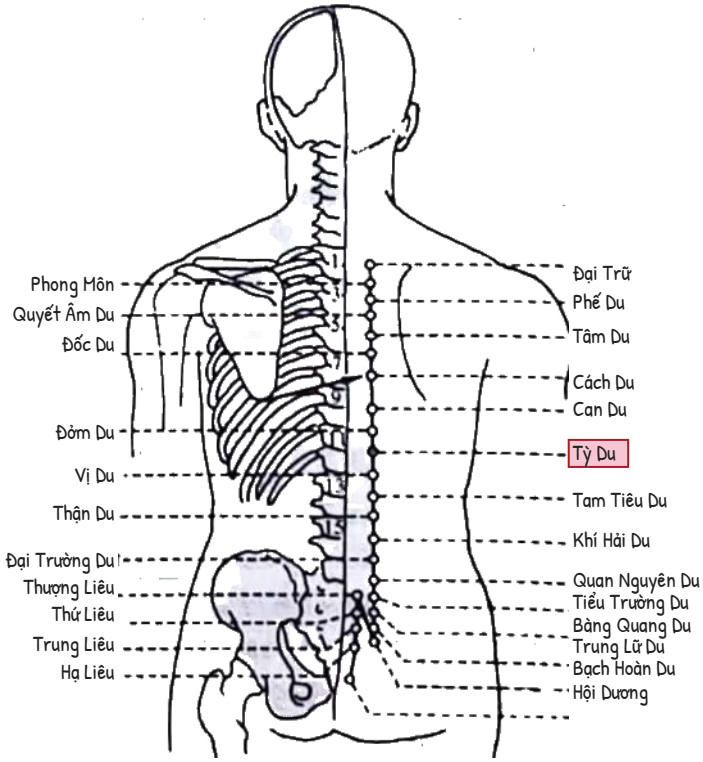
Kỳ Bá nói: chứng tý xâm nhập ngũ tạng thì sẽ chết; vấn vít trong gân xương thì đau lâu không khỏi; nếu tà khí chỉ lưu ở trong da thì dễ khỏi.

Hoàng Đế nói: chứng tý có khi xâm nhập vào lục phủ, là thế nào?

Kỳ Bá nói: đó là do ăn uống không điều độ, ở nơi không thích hợp, là nguyên nhân gốc thành chứng phủ tý. Lục phủ đều có du huyệt; ba khí phong, hàn, thấp từ ngoài xâm nhập vào du huyệt nhất định, lại thêm bên trong bị thương vì ăn uống (bình thường ăn uống nhất định phải tiết chế, đừng ăn uống vô độ), trong ngoài ứng nhau, bệnh tà bèn theo du huyệt mà vào, mỗi thứ ẩn lại ở phủ của mình.

Hoàng Đế nói: dùng châm chữa chứng tý thế nào?

Kỳ Bá nói: ngũ tạng có huyệt du, lục phủ có huyệt hợp; theo phần thuộc của kinh mạch, mỗi nơi đều có chỗ phát bệnh; chỉ cần chữa ở đúng nơi phát bệnh thì bệnh sẽ khỏi.



Hoàng Đế nói: vinh khí, vệ khí cũng hợp với ba khí phong, hàn, thấp mà thành chứng tý chăng?

Kỳ Bá nói: Vinh là tinh khí do thủy cốc hóa thành, vào phần huyết; nó điều hòa ở ngũ tạng, tỏa ra ở lục phủ, rồi vào trong mạch, theo đường kinh mạch lên xuống, quán thông ngũ tạng, liên lạc lục phủ.

Vệ khí là hãn khí do thủy cốc hóa sinh; hãn khí nhanh và trơn, không vào được trong mạch, nên chỉ đi trong da, giữa các phân nhục, trên thì hun vào hoang mô, dưới thì tỏa ra ngực bụng. Nếu vệ khí không thuận theo ngoài mạch mà đi thì sinh bệnh, nhưng chỉ cần khí đi thuận thì bệnh sẽ khỏi.

Tóm lại, phong hàn thấp không chạy vào huyết mạch.

Khí và huyết đều đến từ thủy cốc, tức thức ăn. Phần âm trong thức ăn là huyết, dương là khí.

Tam Tiêu là nơi khí đi.

Hoàng Đế Nội Kinh (43) – Tý luận 04

kinhdichtam.com dịch

Hoàng Đế nói: Nói hay lắm! Chứng tý có loại đau, có loại tê dại, lại có các trường hợp khác nhau như hàn, nhiệt, táo, thấp, là vì nguyên nhân gì?

Kỳ Bá nói: Đau là do hàn khí nhiều hơn; có hàn khí thì đau.

Tê dại mà không đau là do bệnh đã lâu ngày, bệnh tà vào sâu,

vinh vệ vận hành trì trệ, nhưng kinh lạc có lúc vẫn còn thông được, nên không đau;

da không được nuôi dưỡng, nên tê dại bất nhân.

Hàn nhiều là do dương khí ít, âm khí nhiều, âm khí làm tăng thêm tý khí phong hàn thấp, nên hàn nhiều;

Nhiệt nhiều là do dương khí nhiều, âm khí ít, bệnh khí quá mạnh, dương bị âm bức, nên thành tý nhiệt.

Ra nhiều mồ hôi mà ướt đẫm là do cảm thấp khí quá nặng.

Dương khí không đủ, âm khí có thừa, âm khí và thấp khí cảm ứng nhau, nên mồ hôi ra nhiều mà ướt đẫm.

(sổ ghi « dương khí và thấp khí cảm ứng nhau »; nguyên văn Nội Kinh: âm khí thịnh, hai khí cảm nhau)

Âm dương đối nhau: dương ít thì âm thịnh, dương nhiều thì âm ít

Về sau, đều căn cứ vào âm dương, hư thực, hàn nhiệt mà kê thuốc

Chỉ kê thuốc hoạt huyết hóa ứ thì không được, còn phải kê thuốc trừ hàn

Hoàng Đế nói: chứng tý có loại không đau, đó là cớ làm sao?

Kỳ Bá nói: tý ở xương thì người nặng; tý ở mạch thì huyết ngưng trệ mà không lưu thông;

tý ở gân thì co mà không duỗi được; tý ở cơ thịt thì tê dại bất nhân;

tý ở da thì lạnh.

Cho nên có năm chứng trạng này thì sẽ không đau.

Phàm các loại chứng tý, gặp hàn khí thì co rút, gặp nhiệt khí thì giãn ra.

Hoàng Đế Nội Kinh (44) – Nuy luận 01

kinhdichtam.com dịch

Thiên này lấy lý luận ngũ tạng hợp với ngũ thể làm căn cứ, lần lượt luận về nguyên nhân, bệnh cơ, chứng hậu, điểm cốt yếu để phân biệt và nguyên tắc chữa trị của năm chứng nuy: nuy tích, mạch nuy, cân nuy, nhục nuy, cốt nuy; vì vậy thiên này gọi là « Nuy luận ». Danh ngôn của thiên: « Chữa chứng nuy, chỉ lấy Dương Minh » (trị nuy giả, độc thủ Dương Minh).

Chứng nuy chủ yếu bắt nguồn từ nhiệt

Phế bắt chước trời (Phế pháp tương thiên), toàn thân đều có bì mao; trời lạnh, tim rất nóng: Phế nhiệt + Tâm nhiệt

Phế — Chủ bì mao. Tạng Phế có nhiệt thì lá phổi khô héo, bì mao cũng hiện ra hư nhược, khô mỏng; nặng thì sinh bệnh **nuy tích**

Tâm — Tạng Tâm có nhiệt thì mạch đi xuống lại nghịch lên trên, đến nỗi trên thịnh dưới hư; dưới hư thì thành **mạch nuy**, khớp như bị gãy, không liên kết với nhau được, cẳng chân mềm nhão không đi được

Cân hội ở Dương Lăng Tuyền, chỗ đầu gối
Chứng âm hàn lạnh tới đầu gối thì dừng,
vì từ đó trở lên là gân quản

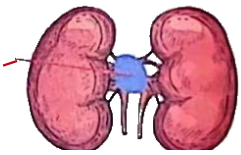
Can — Tạng Can có nhiệt có thể khiến dịch mật trào lên mà đắng miệng, cân mạc mất nuôi dưỡng mà khô; cân mạc đã khô thì gân co gấp mà quắp lại, sinh **cân nuy** – chân không co duỗi tùy ý được

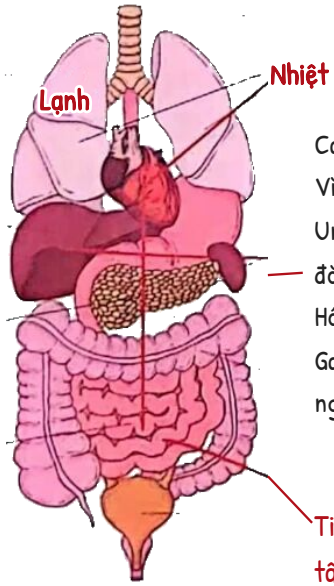
Tỳ — Tạng Tỳ có nhiệt có thể làm tân dịch trong Vị khô, khát nước, cơ thịt tê bại bất nhân, phát thành **nhục nuy**

Mao là phần dư của khí,
tóc là phần dư của huyết;
huyết và mạch đều thuộc Tâm

Thận — Tạng Thận có nhiệt thì tinh dịch hao kiệt, lưng và cột sống không cử động được, xương khô tủy giảm, phát thành **cốt nuy** – không đứng lâu được

Bình thường: Thận – đốt sống 14 (Mệnh Môn) là hỏa,
Thận là thủy; có hỏa thì tủy xương mọc rất tốt; Thận nhiệt thì tủy xương không đủ





Can tàng huyết, Tâm sinh huyết, Tỳ thống huyết
Vì sao không cho cắt gan: có ca 6 tháng sau gan mọc lại
Ung thư mà cắt bỏ thì sinh huyết khối, không đổi mới trao đổi chất được, hại suốt đời
Hóa vật từ đó mà ra (hóa vật xuất yên): chuyển hóa thải độc, đưa huyết sạch về tim
Gan quá nóng thì trướng; Can Đởm biểu lý với nhau, Can nhiệt thì dịch mật trào ngược

Tim không chỉ dẫn huyết vào tiểu trường, mà còn dồn nhiệt xuống dưới;
tâm nhiệt bốc lên, hạ tiêu hư, mạch sẽ teo rút, chân không nhấc lên được

Hoàng Đế Nội Kinh (44) – Nuy luận 02

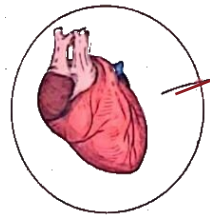
kinhdichtam.com dịch

Hoàng Đế hỏi: Chứng nuy phát sinh như thế nào?

Kỳ Bá nói: Phế đứng đầu ngũ tạng, lại là cái lọng che (hoa cái) của tim. **Nguyên nhân ban đầu là Phế** Ngũ tạng vì phế nhiệt lá phổi khô cháy, không được nuôi dưỡng đầy đủ, phát thành bệnh nuy tích (chân mềm yếu, đi không nổi)

Bi ai thái quá thì tổn thương tâm bào lạc; bào lạc bị trở ngại, tâm bào lạc bị trở thì dương khí thừa cơ quấy động ở bên trong, khiến dưới tim băng tổn, thường tiểu ra máu. Cho nên «Bản bệnh» nói: đại kinh trống rỗng, phát thành mạch tý, cuối cùng biến thành mạch nuy. Suy nghĩ không cùng, mong muốn lại không thực hiện được, ý chí luôn rong ruổi bên ngoài, hoặc phòng sự quá độ, khiến tông cân lỏng lẻo, thì phát thành cân nuy, đến mức gây di tinh, bạch đới... Cho nên «Hạ kinh» nói: bệnh cân nuy sinh ở Can, là do phòng sự quá độ gây ra. Cảm thụ thấp tà, lao động trong nước, bên trong có thấp nhiệt lưu lại, bên ngoài ở nơi ẩm thấp, cơ nhục bị thấp vây khốn, đến mức tê dại bất nhân, thì thành nhục nuy. Cho nên «Hạ kinh» nói: nhục nuy là do ở lâu nơi đất ẩm gây ra. Có người vì đi đường xa mệt nhọc, lại gặp trời nóng lớn, thấy khát nước; khát tức là dương khí bên trong thiếu hụt, dương khí thiếu hụt thì hư nhiệt xâm vào tạng Thận. Thận thuộc tạng thủy, nay thủy không thắng được hỏa nhiệt, thì xương khô rỗng, đến nỗi hai chân không đỡ nổi thân thể, phát thành cốt nuy. Cho nên «Hạ kinh» nói: bệnh cốt nuy là do đại nhiệt gây ra.

Sau này học kinh phương phải biết: thấp ở phần dưới thì làm sao dùng thuốc, dẫn thuốc đi xuống



Tâm bào lạc

Tâm là dương, là năng lượng, động năng; phải có thứ khống chế, khóa dương ở bên trong

Tâm bào bao ngoài tim, ở giữa là tân dịch, như nước trong

Khí bên ngoài của tâm bào lạc không đủ, dương khí tán ra ngoài, như tim muốn nhảy ra ngoài

Tiểu tiện sẽ có máu

Phủ của tông cân:
Ở nam giới là chỗ tinh hoàn và dương vật, nữ giới cũng là quanh âm đạo; kinh lạc của Can ở chỗ này

Kỳ Bá nói: Phế có nhiệt: sắc mặt trắng, dưới lông mày màu trắng

Tâm có nhiệt: sắc mặt đỏ, tôn lạc nổi lên, tay chân sưng trướng

Can có nhiệt: sắc mặt xanh, móng tay chân khô

Tỳ có nhiệt: sắc mặt vàng, cơ nhục mềm nhũn; sắc vàng lẽ ra phải tàng, Tỳ nhiệt nên tàng không nổi

Thận có nhiệt: sắc mặt đen, răng khô héo

Móng là phần dư của cân

Răng là phần dư của xương

Hoàng Đế Nội Kinh (44) – Nuy luận 03

kinhdichtam.com dịch

Hoàng Đế hỏi: Sách thuốc nói chữa chứng nuy chỉ lấy Dương Minh, là đạo lý gì?

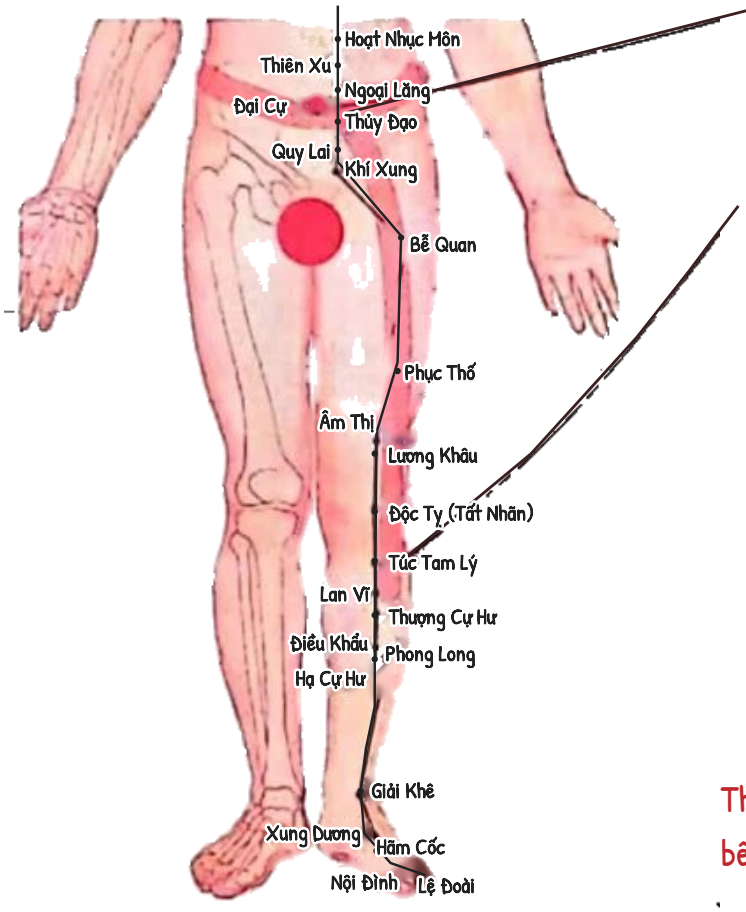
Kỳ Bá nói: Dương Minh là biển của ngũ tạng lục phủ, có thể nhuận dưỡng tông cân; công năng của tông cân là bó giữ xương thịt, làm khớp vững chắc

Mạch Xung là nguồn suối của kinh mạch, cùng Dương Minh hợp ở tông cân

Kinh âm, kinh dương đều hội tụ ở chỗ tông cân, lại hợp ở khí nhai; Dương Minh đứng đầu, đều liên thuộc vào mạch Đới và nối lạc với mạch Đốc.

Cho nên kinh mạch Dương Minh không đủ thì tông cân lỏng lẻo, mạch Đới không thu dẫn được

nên chân mềm yếu, không đi đứng được.



Quan Nguyên

Quan Nguyên – Túc Tam Lý: khí nhai, nối với tông cân

Mẹo nhỏ: Làm sao phòng chứng nuy?

Ví dụ một người rất vất vả, làm ruộng muối, chân bị thấp làm hại

Khiêng vác nặng thì dùng tới Thận; trời rất nóng thì tân dịch của Phế không đủ

Phải mau bổ tân dịch: lê v.v., trái cây theo mùa

Thức ăn có ích cho cơ thể lúc này thì ở ngay bên cạnh mình – câu này nên ngẫm cho kỹ

Khi châm cứu thì theo tiết khí, dùng cách bổ huyệt huỳnh và thông huyệt du để điều hòa hư thực, hòa nghịch thuận. Bất kể cân, mạch, cốt, nhục, mỗi thứ đều chữa vào tháng nó vượng thì bệnh sẽ khỏi.

(sổ ghi « bổ vinh khí »; nguyên văn: « các bổ kỳ huỳnh nhi thông kỳ du » – bổ huyệt huỳnh, thông huyệt du)

Hoàng Đế Nội Kinh (45) – Quyết luận 01

kinhdichtam.com dịch

Quyết là nghịch

Hoàng Đế hỏi: Chứng quyết có loại thuộc hàn, có loại thuộc nhiệt; hình thành thế nào?

Kỳ Bá đáp: Dương khí suy ở dưới thì thành hàn quyết; âm khí suy ở dưới thì thành nhiệt quyết.

Đế nói: Chứng nhiệt quyết phát nóng nhất định bắt đầu từ lòng bàn chân, vì sao?

Kỳ Bá nói: Khí của kinh dương đi ở mặt ngoài năm ngón chân; mạch âm từ dưới bàn chân tụ về lòng bàn chân

Mu bàn chân mát, lòng bàn chân nóng; mu bàn tay lạnh, lòng bàn tay nóng

Đế nói: Cái lạnh của chứng hàn quyết nhất định từ năm ngón chân lan dần lên tới gối, vì sao?

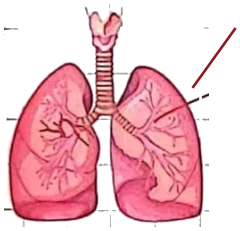
Kỳ Bá nói: Khí của kinh âm khởi ở đầu mút phía trong năm ngón chân, hội tụ dưới gối rồi tụ lên ở gối; cho nên khí kinh âm thiên thắng thì lạnh từ năm ngón chân lên tới gối. Cái lạnh này không phải hàn bên ngoài xâm vào, mà do dương bên trong hư gây ra.

Sở dĩ tới gối thì không lên được nữa là vì khí nhai đã nói ở trước nằm ở đây

Ví dụ: ung thư vú di căn thành ung thư biểu mô tuyến ở phổi

Chỉ ngồi được, không nằm được; trong phổi tích rất nhiều nước, biện chứng là chứng Thập Táo thang

Kê đơn: 5 g = 1 chỉ (Đài Loan)



Bình thường là khí: không bệnh, không nước, không đờm

Nước không trừ đi, lâu ngày sinh đờm, tích mãi

Uống Thập Táo thang, đờm và nước cùng đi ra, trên nôn dưới tả

Bệnh nhân tự giảm liều: ngủ được, nhưng vẫn còn ho

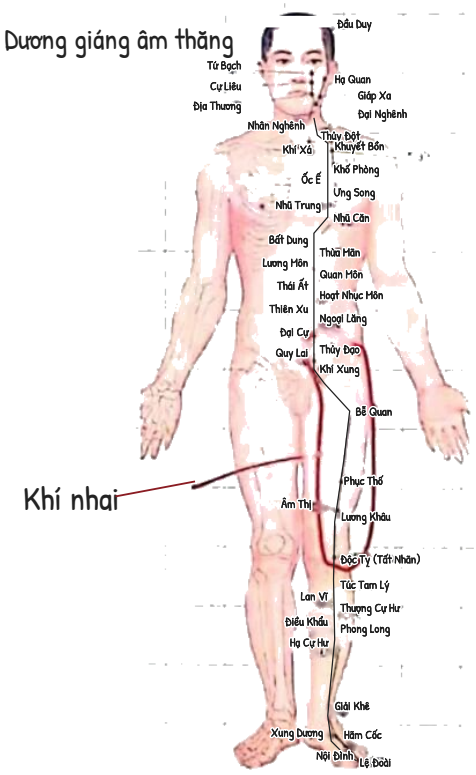
Vì sao chân từ đầu gối trở xuống lại lạnh?

Nếu uống thuốc đúng đơn, phổi vừa được công trừ, dương khôi phục thì lập tức thông ngay

Sau đó bổ thêm tân dịch cho Vị, vị khí hồi phục là khỏi

Kết quả vì giảm liều một nửa, bị khí nhai chặn lại; nếu sức thuốc tới nơi thì thông xuống hết

Nếu trừ được đờm và nước, tế bào ung thư ở vú, ở phổi – thứ âm thực – một tuần là khỏi.



Thuốc có độc tính thì không thể uống hằng ngày; nhưng lúc chữa bệnh có nên dùng không?

Thầy Nghê nói: trường hợp đặc biệt thì buông tay đánh một trận. Các vị khi chưa học thành thì đừng dùng thuốc bừa

Hoàng Đế Nội Kinh (45) – Quyết luận 02

kinhdichtam.com dịch

Đế nói: Hàn quyết do mất điều gì mà thành ra như vậy?

Kỳ Bá nói: Tiền âm là nơi tông cân tụ lại, là nơi Thái Âm và Dương Minh hợp lại.

Xuân hạ thì dương khí nhiều mà âm khí ít; thu đông thì âm khí thịnh mà dương khí suy.

Người này thể chất cường tráng, vào thu đông dùng sức quá độ, khí ở dưới tranh lên trên mà không hồi phục được, tinh khí tràn xuống dưới, tà khí nhân đó theo lên trên. Khí nhân ở trung tiêu, dương khí suy, không thấm nuôi được kinh lạc.

Dương khí ngày một tổn, chỉ còn âm khí, nên tay chân vì thế mà lạnh.

(Hàn quyết hà thất nhi nhiên dã? – Tiền âm giả, tông cân chi sở tụ, Thái Âm Dương Minh chi sở hợp dã. Xuân hạ tắc dương khí đa nhi âm khí thiểu, thu đông tắc âm khí thịnh nhi dương khí suy. Thử nhân giả chất tráng, dĩ thu đông đoạt ư sở dụng, hạ khí thượng tranh bất năng phục, tinh khí dật hạ, tà khí nhân tùng chi nhi thượng dã. Khí nhân ư trung, dương khí suy, bất năng sấm doanh kỳ kinh lạc. Dương khí nhật tổn, âm khí độc tại, cố thủ túc vi chi hàn dã.)

Mùa xuân, mùa hạ dương khí vượng, mang thai tốt; thu đông nên ít vận động, phải thu liễm; vận động quá độ thì hao dương khí, âm liền thịnh lên.

Tay chân là khởi nguồn của âm dương, nên phải hỏi người bệnh tay chân có lạnh không

Uống thuốc Tây nhiều gây liệt dương; ví dụ Viagra sẽ gây bệnh tim

Để chỗ hội của tông cân « dậy » lên được: mạch Đới, mạch Đốc, mạch Xung, mạch Dương Minh, có thêm chút kinh Can ở trong là được

Đế nói: Nhiệt quyết vì sao mà thành ra như vậy?

Có lúc cần rượu để đưa thuốc ra tới đầu mút tứ chi thì thêm chút rượu, hoặc sắc bằng rượu

Kỳ Bá nói: Rượu vào Vị thì lạc mạch đầy mà kinh mạch hư

Tỳ làm nhiệm vụ vận hành tân dịch cho Vị. Âm khí hư thì dương khí lấn vào; dương khí lấn vào thì Vị không hòa; Vị không hòa thì tinh khí kiệt; tinh khí kiệt thì không nuôi được tứ chi. Người này hẳn thường say, nếu no say mà vào phòng thì khí tụ ở Tỳ không tán được, khí rượu và khí cốc xung đột nhau, nhiệt thịnh ở trung tiêu, nên nhiệt khắp người, trong nóng mà nước tiểu đỏ. Khí rượu thịnh mà mạnh dữ, thận khí suy, dương khí riêng thắng, nên tay chân vì thế mà nóng.

(Nhiệt quyết hà như nhi nhiên dã? – Tửu nhập ư vị, tắc lạc mạch mãn nhi kinh mạch hư. Tỳ chủ vi vị hành kỳ tân dịch giả dã. Âm khí hư tắc dương khí nhập, dương khí nhập tắc vị bất hòa, vị bất hòa tắc tinh khí kiệt, tinh khí kiệt tắc bất doanh kỳ tứ chi dã. Thử nhân tất sác túy, nhược bão dĩ nhập phòng, khí tụ ư tỳ trung bất đắc tán, tửu khí dữ cốc khí tương bạc, nhiệt thịnh ư trung, cố nhiệt biến ư thân, nội nhiệt nhi niệu xích dã. Phù tửu khí thịnh nhi phiêu hãn, thận khí hữu suy, dương khí độc thắng, cố thủ túc vi chi nhiệt dã.)

Rượu + đồ ăn ngon, không tiêu hóa được, làm tinh khí suy kiệt, âm dịch hao tổn

Lại gượng làm chuyện phòng sự, mọi thứ tích tụ hết ở trung tiêu: nội nhiệt, tiểu tiện màu đỏ, màu nước trà

Cũng dùng thuốc hàn lương, nhưng không phải thuốc thuần hàn lương

Dương hư

Hoàng Đế hỏi: Có chứng quyết khiến người ta bụng trướng đầy, có chứng khiến người ta đột nhiên bất tỉnh nhân sự, là vì sao?

Kỳ Bá nói: Âm khí ở dưới dồn thịnh lên trên, phía dưới liền trống rỗng; khí ở dưới hư thì thủy cốc không hóa, gây ra bụng trướng đầy; dương khí thiên thịnh ở trên thì dương khí ở dưới cũng dồn tụ lên trên, gây ra tà khí nghịch loạn; nghịch loạn thì quấy rối dương khí, dương khí nghịch loạn thì bất tỉnh nhân sự.

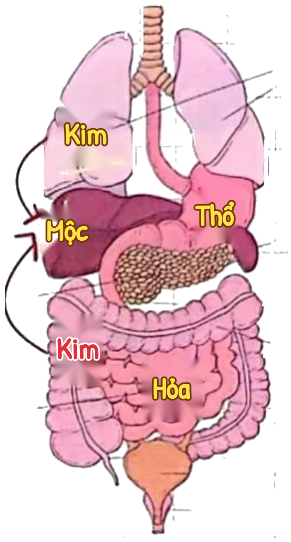
Âm hư

Bắt mạch thấy là âm hư: mạch thốn rất đại, mạch xích khó bắt được

Hoàng Đế Nội Kinh (45) – Quyết luận 03

kinhdichtam.com dịch

Khí nghịch đi sai đường



Cự Dương (Tam Dương) – Thái Dương — Đầu mặt sưng, đầu nặng, chân không đi được, khi phát thì hoa mắt ngã quỵ

Kinh Dương Minh — Có thể thấy phát điên, chạy nhảy la hét, bụng trướng đầy không nằm yên được, mặt đỏ nóng; rối loạn tinh thần, xuất hiện ảo giác, nói năng lung tung

Kinh Thiếu Dương — Đột nhiên điếc tai, má sưng và phát nóng, hông sườn đau, cẳng chân không cử động được

Kinh Thái Âm — Bụng trướng đầy, đại tiện không thông, không muốn ăn uống; ăn vào thì nôn, không nằm yên được

Kinh Thiếu Âm — Miệng khô, nước tiểu màu đỏ, bụng đầy, tim đau

Chữa Thận cũng là chữa Vị

Kinh Quyết Âm — Bụng dưới sưng đau, bụng trướng đầy, đại tiểu tiện không thông, thích co gối mà ngủ; tiền âm teo rút, phía trong cẳng chân phát nóng

Can có bệnh thì đồng thời phải làm sạch đại trường, giữ Kim và Mộc cân bằng

Chữa chứng quyết: chứng thực dùng phép tả, chứng hư dùng phép bổ; hư thực không rõ thì lấy huyệt ở bản kinh mà chữa.

Đến đây đều là quyết

Nặng lên thì thành quyết nghịch

Túc Thái Âm — Cẳng chân co rút, tim đau kéo xuống bụng
Lấy huyệt du chủ bệnh của bản kinh mà chữa

Túc Thiếu Âm — Bụng hư đầy, nôn nghịch, đại tiện lỏng trong
Lấy huyệt du chủ bệnh của bản kinh mà chữa

Túc Quyết Âm — Thắt lưng co rút đau, bụng hư đầy, tiểu tiện không thông, nói năng lung tung
Lấy huyệt du chủ bệnh của bản kinh mà chữa

Thiên



Cả ba kinh túc tam âm đều quyết nghịch — Đại tiểu tiện không thông, tay chân người bệnh lạnh giá, ba ngày thì chết

«Châm cứu đại thành» có nói: nước của Bàng Quang liên quan tới Phế; Phế có vấn đề thì chữa Bàng Quang, Bàng Quang có vấn đề thì chữa Phế

Túc Thái Dương — Thân thể cứng đờ ngã quỵ, nôn ra máu, dễ chảy máu cam
Lấy huyệt du chủ bệnh của bản kinh mà chữa

Túc Thiếu Dương — Khớp cử động không linh hoạt. Khớp không trơn tru thì thắt lưng không cử động được, cổ gáy không quay được; nếu kèm phát ung ở ruột thì là chứng nguy không chữa được; nếu phát kinh quyết thì sẽ chết

Khớp không trơn tru thì nghĩ tới Thiếu Dương; Đởm không quản xa đến thế, chính là Tam Tiêu

Túc Dương Minh — Thở gấp, ho, thân nóng, dễ kinh sợ, chảy máu cam, nôn ra máu.

Chảy máu cam; nửa đêm nôn ra máu

Hoàng Đế Nội Kinh (45) – Quyết luận 04

kinhdichtam.com dịch

Thủ Thái Âm
Trong ngực hư đầy mà ho, thường nôn ra nước dãi bọt
Lấy huyệt du chủ bệnh của bản kinh mà chữa

Thủ Quyết Âm và Thủ Thiếu Âm
Tim đau kéo lên họng, thân phát nóng: là chứng chết, không chữa được

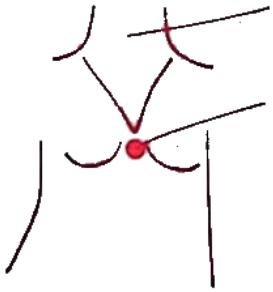
Thủ Thái Dương
Điếc tai, chảy nước mắt, cổ gáy không quay lại được, lưng không cúi ngửa được
Lấy huyệt du chủ bệnh của bản kinh mà chữa

Thủ Dương Minh và Thủ Thiếu Dương
Phát thành hầu tý, họng sưng đau, cổ gáy cứng đờ
Lấy huyệt du chủ bệnh của bản kinh mà chữa

Tâm – tướng hỏa
Dương trong dương
Tâm tạng quá nóng thì dương bốc lên
Nhiệt ở tâm tạng xông lên tới hầu họng

Tân dịch của Phế rất nhiều, lẽ ra phải lắng xuống Vị, kết quả lại nghịch ra ngoài
Chữa Phế, chữa Bàng Quang, hạ tiêu

Kinh Tiểu Trường, kinh Đởm, Thận hư đều gây ù tai; ù tai do Thận hư thì sâu hơn, còn biểu chứng thì nông, chỉ kêu u u
Chữa Tiểu Trường thì chữa được cả tạng Tỳ



Hầu là bể của khí

Khí hội ở đản trung

Về sau sẽ có các thuốc hành khí
Làm sao dùng thuốc cho khí chạy nhanh
Học kê đơn linh hoạt, đừng học thuộc lòng phương thuốc
Phải đồng thời hiểu nguyên nhân, đường đi của các bệnh này, rồi mới kê đơn linh hoạt được
Biết liều lượng nặng nhẹ

Hoàng Đế Nội Kinh (46) – Bệnh năng luận 01

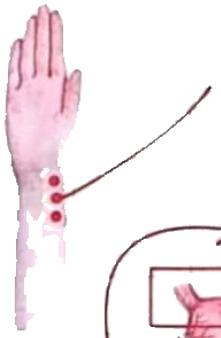
kinhdichtam.com dịch

Thiên này giảng về trạng thái của bệnh tật

Hoàng Đế hỏi: Người bị ung ở vị quản, chẩn đoán thế nào?

Kỳ Bá đáp: Chẩn bệnh này phải xem mạch Vị; mạch ấy lẽ ra trầm tế, trầm tế là khí nghịch, nghịch thì mạch Nhân Nghênh rất thịnh, rất thịnh thì nhiệt. Nhân Nghênh là mạch của Vị; nghịch mà thịnh thì nhiệt tụ ở miệng vị không đi, nên vị quản thành ung.

(sổ ghi « thống » = đau; nguyên văn là « ung »)



Mạch Vị: ở vị trí bộ Quan tay phải

Mạch bình thường: hòa hoãn mà có lực; thầy thuốc thở ra hít vào một lần, mạch đập 4-5 lần

Có ung mủ: mạch trầm tế, phải ấn sát tới xương mới bắt được

Thượng khẩu tiểu trường

Một tay bắt mạch Vị, một tay bắt mạch Nhân Nghênh: mạch Nhân Nghênh thịnh là nhiệt tụ ở miệng vị, không đi

Nếu ở chỗ này: là axit trào ngược đốt hỏng, hóa mủ;

Mạch Quan trầm tế – trầm tế vốn là mạch Thận, lại bắt được ở chỗ Thổ; Thổ với Thủy tương khắc. Mạch Nhân Nghênh đại thì biết có thứ tích tụ trong Vị



Thượng khẩu tiểu trường

Vị khí bình thường là đi xuống.

Đế nói: Hay. Người có khi nằm mà không yên, là vì sao?

Nằm xuống ngủ, trong lòng không yên, ngủ không được

Kỳ Bá nói: Tạng có chỗ bị thương, tới khi tinh thần có chỗ gửi gắm thì yên. Cho nên người ta không được treo lòng vào bệnh của mình.

Vì ngũ tạng có tổn thương; người ta sau khi mắc bệnh không được ngày nào cũng nghĩ ngợi lo âu

Đế nói: Người không nằm ngửa được là vì sao?

Kỳ Bá nói: Phế là cái nắp che các tạng. Phế khí thịnh thì mạch đại, mạch đại thì không nằm ngửa được.

(nằm ngửa)

Có bàn trong thiên «Kỳ hằng âm dương».

Mùa đông bị phong hàn thì mạch khẩn mà phù, căng chặt như sợi dây thừng

Tay phải của người quản khí trời, tay trái quản huyết mạch

Bên trong có hàn, có thực (mọc khối u hoặc sỏi thận), hàn

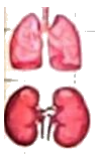
Đế nói: Có người bệnh quyết, chẩn thấy mạch bên phải trầm mà khẩn, mạch bên trái phù mà trì, không biết bệnh chủ yếu ở đâu?

Kỳ Bá nói: Chẩn vào mùa đông thì mạch bên phải vốn nên trầm khẩn, ấy là ứng với bốn mùa; mạch bên trái phù mà trì, ấy là nghịch bốn mùa. Ở bên trái thì chủ bệnh ở Thận, lại liên quan nhiều tới Phế, nên đau lưng.

Mùa thu phù trì Dương hư

Đế nói: Lấy gì mà nói vậy?

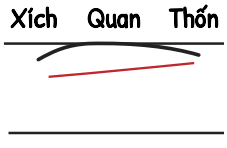
Kỳ Bá nói: Mạch Thiếu Âm xuyên qua Thận, nối lạc với Phế; nay bắt được mạch của Phế, ấy là Thận bị bệnh, cho nên Thận mắc bệnh đau lưng.



Kinh Thận nối với Phế, nối lạc ở hầu

Rồi tới huyệt Kim Tân, Ngọc Dịch dưới lưỡi

Mạch xích phù lên, xông qua mạch quan: biểu thị đau lưng, là mạch thực của Thận, mạch hồi nghịch



Hoàng Đế Nội Kinh (46) – Bệnh năng luận 02

kinhdichtam.com dịch

Trong cổ mọc ung mủ, khối ung

Đế nói: Hay! Có người bệnh ung ở cổ, có khi chữa bằng đá (biếm thạch), có khi chữa bằng châm cứu, mà đều khỏi; lẽ thật ở đâu?

Kỳ Bá nói: Đây là cùng tên mà khác loại. Ung do khí ngưng đọng thì nên dùng kim mở ra mà trừ đi; khí thịnh huyết tụ thì nên dùng đá mà tả đi. Đó gọi là cùng bệnh mà khác cách chữa.

Có mủ thì chích vỡ, lấy mủ ra là khỏi. Không có mủ thì đừng chích

Khí quá thịnh, huyết tụ ở chỗ này; phán đoán có mủ thế nào: nhìn thấy được, khối cứng, sờ vào rất nóng

Đế nói: Có người bệnh giận dữ phát cuồng, bệnh này sinh ra từ đâu?

Kỳ Bá nói: Sinh ra từ dương.

Đột nhiên xảy ra chuyện, nổi giận

Đế nói: Dương làm sao khiến người ta cuồng?

Âm không còn, không khống chế được dương

Kỳ Bá nói: Dương khí gặp trắc trở đột ngột mà khó giải quyết, nên hay giận; bệnh gọi là dương quyết.

Đế nói: Lấy gì mà biết?

Động: phong cũng làm động; Dương Minh + phong thì động càng dữ

Kỳ Bá nói: Dương Minh thì thường động; Cự Dương, Thiếu Dương thì không động; không động mà lại động mạnh và gấp, đó là dấu hiệu của bệnh.

Đế nói: Chữa thế nào?

Dương Minh khí nghịch: không cho ăn là khỏi

Kỳ Bá nói: Cắt bớt ăn uống thì khỏi. Thức ăn vào âm, nuôi khí ở dương, nên cắt ăn uống thì khỏi. Cho uống nước sinh thiết lạc. Sinh thiết lạc làm khí đi xuống nhanh.

Ăn đồ vào: vị đậm của thức ăn thì tư âm, vị nhạt thì sinh thanh khí; vẫn còn động thì dùng sinh thiết lạc

Sinh thiết lạc: trấn định tâm thần rất mạnh

Lấy từ đâu? Khi rèn sắt, vụn sắt văng ra chính là sinh thiết lạc

Toàn thân phát nóng, mình nặng mỏi mệt, gió thổi vào rất khó chịu

Đế nói: Hay! Có người bệnh mình nóng, rã rời uể oải, mồ hôi ra như tắm, sợ gió, hơi thở ngắn. Đây là bệnh gì?

Kỳ Bá nói: Bệnh gọi là tửu phong.

Đế nói: Chữa thế nào?

Lộc hàm thảo còn gọi là thiến thảo

Kỳ Bá nói: Dùng trạch tả, truật mỗi thứ mười phần, mi hàm năm phần, trộn lại; mỗi lần lấy một nhúm ba ngón tay, uống trước rồi mới ăn cơm.

Trạch tả, thương truật

Đoạn dưới đây không dịch ra bạch thoại

Gọi là « sâu mà nhỏ » là mạch chạm vào tay như mũi kim; xoa nó, ấn nó, chỗ tụ lại thì cứng, chỗ rộng ra thì đại.

«Thượng kinh» nói về khí thông với trời; «Hạ kinh» nói về sự biến hóa của bệnh; «Kim quỹ» để quyết đoán sống chết; «Quỹ độ» là bắt mạch mà đo lường; «Kỳ hằng» nói về bệnh lạ.

Gọi là « kỳ » là bệnh lạ không chết theo bốn mùa; « hằng » là chết theo bốn mùa. Gọi là « quỹ » là bắt mạch mà tìm, tức bắt mạch để tìm lý của mạch; « độ » là tìm được chỗ bệnh rồi lấy bốn mùa mà đo lường.

(Sở vị thâm chi tế giả, kỳ trung thủ như châm dã; ma chi thiết chi, tụ giả kiên dã, bác giả đại dã. «Thượng kinh» giả, ngôn khí chi thông thiên dã; «Hạ kinh» giả, ngôn bệnh chi biến hóa dã; «Kim quỹ» giả, quyết tử sinh dã; «Quỹ độ» giả, thiết độ chi dã; «Kỳ hằng» giả, ngôn kỳ bệnh dã. Sở vị kỳ giả, sử kỳ bệnh bất đắc dĩ tứ thời tử dã; hằng giả, đắc dĩ tứ thời tử dã. Sở vị quỹ giả, phương thiết cầu chi dã, ngôn thiết cầu kỳ mạch lý dã; độ giả, đắc kỳ bệnh xứ, dĩ tứ thời độ chi dã.)

Hoàng Đế Nội Kinh (47) – Kỳ bệnh luận 01

kinhdichtam.com dịch

Thiên này bàn về nguyên nhân, cơ chế, biểu hiện lâm sàng, cách chữa và tiên lượng của mười loại bệnh hiếm gặp, khác thường. Chủ yếu bàn về nguyên nhân, cơ chế, chứng trạng, cách chữa và tiên lượng của các bệnh: có thai chín tháng mà mất tiếng, tức tích, phục lương, chẩn cân, quyết nghịch đau đầu, tỳ đản, đởm đản, bệnh lung (bí tiểu), thai bệnh, thận phong...; nêu ra nguyên tắc chữa « không làm tổn cái bất túc, không bổ thêm cái hữu dư ». Đoạn trong thiên bàn về nguyên nhân phát bệnh động kinh bẩm sinh ở trẻ nhỏ là ghi chép sớm nhất của Đông y về bệnh bẩm sinh.

Hoàng Đế hỏi: Có phụ nữ mang thai chín tháng, đột nhiên mất tiếng, đó là vì sao?

Kỳ Bá đáp: Đó là do lạc mạch của bào cung bị tắc, không thông.

Kỳ Bá nói: Lạc mạch của bào cung nối với tạng Thận, mà mạch Túc Thiếu Âm Thận xuyên qua Thận, đi lên buộc vào cuống lưỡi; cho nên lạc mạch bào cung bị chèn ép thì không nói được.

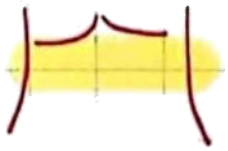
Hoàng Đế hỏi: Chữa thế nào?

Kỳ Bá nói: Không cần chữa, đợi tới tháng thứ mười sinh nở xong, tự nhiên sẽ hồi phục.

Sách *Thích pháp* nói: đừng làm tổn chính khí vốn bất túc, đừng bổ thêm tà khí vốn hữu dư mà gây ra biến bệnh mới. Không làm tổn chính khí bất túc – (sợ) tổn tới chính khí:
người thân thể gầy yếu thì không dùng châm đá để chữa. Cái gọi là không được bổ thêm cái hữu dư:
khi trong bụng có vật thì đừng công phạt bừa, kết quả sẽ làm tinh khí hao tán mà bệnh lại tăng thêm.

Hoàng Đế hỏi: Người bị trướng đầy dưới sườn, khí nghịch lên, hai ba năm không khỏi, là bệnh gì?

Kỳ Bá nói: Bệnh tên là tức tích. Bệnh này không cản trở ăn uống; dùng thuốc + nội công đạo dẫn, phép hô hấp thổ nạp.



Phong căn (gốc của phong)

Hoàng Đế nói: Có người hông đùi, đùi, cẳng chân đều sưng trướng, lại đau quanh rốn, là bệnh gì?

Kỳ Bá nói: Bệnh gọi là phục lương, do thường ngày bị cảm phong hàn mà ra. Khí phong hàn tràn vào đại trường, đọng lại, bám vào màng hoang; huyệt nguyên của hoang ở dưới rốn, nên đau quanh rốn. Sẽ sinh biến bệnh tiểu tiện sáp trệ (khó đi, không thông).

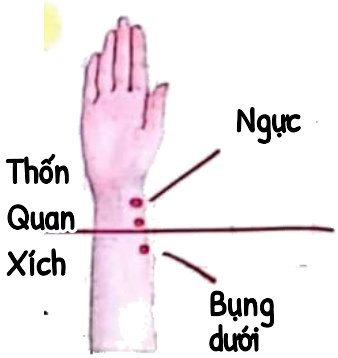
Trẻ con mặc yếm là tốt nhất: bụng phải che kín, tay chân để hở cũng được

Tam Tiêu nằm sát Thận, là màng lưới mỡ; chữa Thận phải đồng thời chữa Tam Tiêu, đường nước từ đó mà ra (thủy đạo xuất yên)

Hoàng Đế Nội Kinh (47) – Kỳ bệnh luận 02

kinhdichtam.com dịch

Hoàng Đế hỏi: Có người mạch Xích gấp và sác, gân mạch co rút mà lộ rõ, đó là bệnh gì?



Kỳ Bá nói: Đó là bệnh lâu ngày tổn tới gân – chẩn cân; bụng người này ắt co rút.

Nếu mặt hiện màu trắng hoặc đen thì bệnh nặng.

Hàn

Đau

Hoàng Đế hỏi: Có người đau đầu mấy năm không khỏi, bệnh này mắc thế nào?

Kỳ Bá nói: Người bệnh gặp trời rét lớn, hàn khí nặng, xâm sâu vào tủy xương; tủy chủ yếu tập trung ở não, hàn tà nghịch lên não nên làm người ta đau đầu, răng cũng đau; bệnh tên là quyết nghịch.

Đây là đau do hàn. Đau đầu còn có loại đau do nhiệt: khi Vị nhiệt, khí xung thẳng lên đầu cũng đau

Chảy nước mũi trong, đau đầu: đau do hàn

Trong mũi tắc nhiều thứ, có đờm dãi tích lại: dùng thuốc thông lợi, xạ hương, phàn thạch; châm cứu huyệt Nghênh Hương

Đau: do tích tụ – hàn tích tụ rất sâu, gây ra đau

Tỳ thấp gây đau đầu, như bị vòng kim cô siết (sổ ghi « gậy kim cô »)

Hoàng Đế hỏi: Có người trong miệng có vị ngọt, là bệnh gì?

Kỳ Bá nói: Đó là ngũ khí tràn lên trên, bệnh tên là tỳ đản. Đồ ăn uống vào miệng, chứa ở Vị, nhờ Tỳ chuyển vận tinh khí; nay Tỳ vận hóa mất kiện, tân dịch đọng ở Tỳ, ép tinh khí năm vị trong Vị tràn lên, nên trong miệng có vị ngọt.

Bệnh này phần lớn do ăn quá nhiều đồ béo ngọt, vị đậm; thường ăn thức ngon ngọt, béo ngậy.

Đồ béo đậm làm người ta nội nhiệt, đồ ngọt làm trung tiêu trướng đầy, nên tinh khí tràn lên; lâu ngày sẽ chuyển thành bệnh tiêu khát. Dùng lan thảo để chữa, trừ khí tà nhiệt uất tích lâu ngày.

Insulin mới là căn nguyên gây bệnh tim

Chữa bằng lan thảo, hoặc sửa thói quen sinh hoạt

Bữa tối đừng ăn nhiều, đừng ăn quá no

Giữ cho chân người bệnh luôn ấm thì thường không có vấn đề gì

Hoàng Đế hỏi: Có người miệng đắng, là bệnh gì?

Kỳ Bá nói: Bệnh tên là đởm đản. Can là quan tướng quân, chủ mưu lự; Đởm là quan trung chính, chủ quyết đoán. Người bệnh này vì thường mưu tính mà không quyết, Đởm hư khiến đởm khí không đủ, dịch mật tràn lên, nên miệng đắng. Chữa nên châm huyệt mộ của Đởm và huyệt Đởm Du.

Cách chữa ghi trong sách *Âm dương thập nhị quan tương sứ*:

Sợ nhất là do dự không quyết

Hoàng Đế Nội Kinh (47) – Kỳ bệnh luận 03

kinhdichtam.com dịch

Hoàng Đế nói: Có người không tiểu được, có khi một ngày tiểu mấy chục lần: đó là chính khí bất túc.
Nếu thân nóng như than lửa, cổ và ngực như có vật ngăn cách không thông, mạch Nhân Nghênh nóng nảy, gấp mà đại, thở gấp, phế khí nghịch lên: đó là tà khí hữu dư.
Nếu mạch thốn khẩu vi tế như sợi tóc, đó cũng là chính khí bất túc. Gọi là bệnh gì?

Kỳ Bá nói: Bệnh ở tạng Tỳ Thái Âm, nhiệt tà rực thịnh ở Vị, ảnh hưởng tới Phế; bệnh tên là quyết, là chứng chết không chữa được. Đây chính là chứng gọi là « năm hữu dư, hai bất túc ».

Kỳ Bá nói: Năm hữu dư là năm thứ bệnh khí hữu dư; hai bất túc là hai thứ chính khí bất túc.
Nay bên ngoài có năm cái hữu dư, bên trong có hai cái bất túc;
bệnh này không chữa từ biểu được, cũng không chữa từ lý được, nên chắc chắn phải chết.

Hoàng Đế hỏi: Có trẻ vừa sinh ra đã mắc động kinh, là bệnh gì?



Kỳ Bá nói: Bệnh tên là thai bệnh. Bệnh này là lúc thai nhi còn trong bụng mẹ, người mẹ bị kinh sợ lớn, khí nghịch lên mà không đi xuống, tinh theo khí nghịch, nên đứa bé sinh ra đã mắc động kinh.

Không phải di truyền

Động kinh: phát ban ngày thì cứu huyệt Thân Mạch, phát ban đêm thì cứu huyệt Chiếu Hải

Hoàng Đế hỏi: Có người phù thũng như có nước, mạch vừa đại vừa khẩn, thân không chỗ nào đau, hình thể không gầy,
không ăn uống được hoặc ăn rất ít, gọi là bệnh gì?

Kỳ Bá nói: Bệnh này phát từ tạng Thận, tên là thận phong. Bệnh thận phong nếu không ăn uống được, thường hồi hộp kinh sợ không thôi, tâm khí suy kiệt, thì sắp chết.

Vị là cửa ải của Thận, nên Thận có phong thì ăn uống kém

Thủy –– Hỏa: bình thường thủy khắc hỏa; (bệnh Thận) lâu ngày không khỏi, hơi nước làm hại tới hỏa

Hoàng Đế Nội Kinh (48) – Đại kỳ luận 01

kinhdichtam.com dịch

Trước hết xem thế nào gọi là thực?

Can mãn, Thận mãn, Phế mãn đều là thực chứng, tức là có hiện tượng sưng

Mạch Phế ủng tắc, thở suyễn thì hai bên hông sườn trướng đầy – y học hiện đại gọi là khí phế thũng: phổi chỉ nở ra mà không co lại

Mạch Can ủng tắc thì hai bên hông sườn trướng đầy, thường bị kinh sợ, không ngủ yên được, tiểu tiện không thông

Mạch Thận ủng tắc thì từ chân lên tới bụng dưới đều tích nước, nửa người dưới phù thũng; thiên khô, dễ bị liệt nửa người

Vốn là âm mạch, lại có thực, gọi là âm thực



Nước lạnh ở hạ tiêu, nước sẽ dao động, dao động gây thiên khô

Có người nước đầy lên tới cách mô; cách mô là nơi âm dương giao hội

Nước hễ lắc động là chóng mặt

Chóng mặt



Tâm mạch mãn đại

Trong người nhiệt thịnh sẽ xuất hiện động kinh co giật và gân mạch co quắp;

hồi hộp, mất ngủ, hụt hơi, chân lạnh;

mạch thốn tay trái rất hồng đại

Mạch Can

Nếu mạch Can gấp, nhanh mà loạn, hoặc sau khi bị kinh sợ mạch đập nhất thời sờ không thấy, giống như mất tiếng: đây là hiện tượng kinh sợ làm khí nghịch, không chữa cũng tự khỏi

Mạch Thận

Mạch Thận nhỏ mà khẩn, mạch Can nhỏ mà khẩn, mạch Tâm nhỏ mà khẩn, không đập nhô lên dưới ngón tay, là khí huyết ngưng tụ, đều có thể phát thành bệnh hà: trong bụng có khối cứng, sờ tới sát xương, lại nhỏ và rất gấp – mọc khối u

Mạch Thận, mạch Can

Mạch Thận, mạch Can cùng thấy trầm là chứng thạch thủy, khó chữa

cùng thấy phù là chứng phong thủy, dễ chữa

cùng thấy hư là chứng chết

cùng thấy nhỏ mà huyền là sắp phát kinh sợ

mạch Thận đại mà trầm khẩn, hoặc mạch Can đại mà trầm khẩn, đều là bệnh sán khí

(đau trầm, cố định không di chuyển, thường do hàn)

Hoàng Đế Nội Kinh (48) – Đại kỳ luận 02

kinhdichtam.com dịch

Bệnh sán khí

Mạch Tâm đập trơn, gấp nhanh: là Tâm sán;

Mạch Phế đập mà thấy trầm: là Phế sán.

Mạch Bàng quang và Tiểu trường khẩn: là bệnh hà;

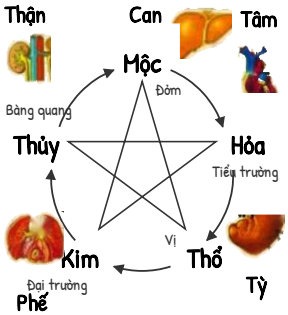
Mạch Phế và Tỳ khẩn: là bệnh sán;

Mạch Tâm và Thận khẩn: là giản quyết;

Mạch Vị và Đại trường khẩn: là kinh hãi.

	Hình	Thần
Can bình thường:	huyền	hoãn
Tâm bình thường:	hồng	hoãn
Tỳ bình thường:	hoãn	hoãn
Phế bình thường:	phù	hoãn
Thận bình thường:	trầm	hoãn

Hoãn đại diện cho vị khí; khí của ngũ tạng lục phủ đều nhận từ Vị



Lý tật

Trầm = lý, Phù = biểu

Âm dương, biểu lý, hư thực, hàn nhiệt

Mạch Tỳ phù ở ngoài nhưng lại thấy trầm

Mạch Can nhỏ mà hoãn là lý tật, dễ chữa

Mạch Thận nhỏ, đập mà trầm là lý tật đi ra máu. Máu ứ ở ngoài, thân phát nóng là chứng chết

Lý tật của hai tạng Tâm, Can cũng đi ra máu; nếu hai tạng cùng bệnh, mộc hỏa tương sinh, có thể chữa khỏi

Nếu mạch nhỏ mà trầm sáp, lý tật kèm thân nóng không lui là chứng chết, sốt cao bảy ngày sẽ chết

Mạch chứng hợp thì không sao; mạch chứng không hợp thì rất nguy hiểm

Dương khí bị cản, mạch thốn ắt rất đại

Mạch Vị

Mạch Vị trầm sáp, hoặc phù ở ngoài mà đại; mạch Tâm nhỏ mà cứng khẩn: là khí huyết bị cách trở không thông, dấu hiệu bán thân bất toại

Nếu nam liệt bên trái, nữ liệt bên phải, mà nói năng không bị ảnh hưởng, lưỡi chuyển động linh hoạt, thì chữa được, khoảng ba mươi ngày sẽ khỏi Chữa trong hai tuần

Nếu nam liệt bên phải, nữ liệt bên trái, nói không ra tiếng: ba năm mới hồi phục

Nếu người bệnh chưa đầy hai mươi tuổi: ba năm thì chết

Tay phải mạch khí, tay trái mạch huyết

Mạch đến đập vào ngón tay có lực, kèm chảy máu cam, thân nóng: là chứng chết

Nếu mạch thấy phù như hình móc treo, mới là mạch tượng đúng của bệnh nục huyết (chảy máu cam)

Mạch đến như nước chảy xiết, bệnh tên là bạo quyết; người bệnh bạo quyết bất tỉnh nhân sự, không nói được

Vừa bị kinh sợ, mạch đập rất nhanh, là do đột nhiên bị kinh sợ, ba bốn ngày sẽ tự khỏi

Kết hợp với trang sau, xem hình hai bàn tay

Nói được là vì: đường của Thận qua Tâm bào, xuyên Phế, Phế xuyên tới họng.

Cho nên: dương của Thận, tiếng cao thấp của Tâm, Phế phát ra hơi

Hoàng Đế Nội Kinh (48) – Đại kỳ luận 03

kinhdichtam.com dịch



Bình thường, bắt mạch hai tay:

mạch Vị hoãn có lực, mạch Tâm phù hoãn.

Mạch Vị đại, Tâm nhỏ: Vị bị tắc rồi, vị khí đi lên, không nuôi dưỡng được tứ chi

Mạch Vị đại, mạch Tâm không có: sa dạ dày; kinh phương chữa sa dạ dày, hai vị thuốc là đủ

Mạch rất đại, rất hồng: tâm khí bị đoạt, mùa đông chết

Mạch đến như lá cây rơi tản mát: can khí hư hao, mùa thu chết

Mạch tắc nghẽn, nhảy lên trên: tinh khí tạng Thận không đủ, đầu hạ chết

Mạch như hạt tràng hạt, ấn xuống thì không có: vị khí không đủ, mùa xuân chết

Mạch đi ngang tới: hiện tượng tinh khí phủ Đởm không đủ, mùa thu chết

Mạch đến như sợi dây căng, khẩn mà tế: tinh khí của bào không đủ

Nếu người bệnh nói năng lung tung: tới tiết sương giáng sẽ chết

Nếu không có chứng nói nhiều, vẫn còn chữa được

Mạch đến nhảy hai bên trái phải, là mạch giao tất; từ lúc mạch tượng này mới thoáng hiện, qua ba mươi ngày thì chết

Mạch đến như nước suối trào ra ngoài, phù mà có lực, đập trong cơ nhục: đây là hiện tượng tinh khí kinh Thái Dương không đủ, sẽ thấy hơi thở ngắn; tới lúc ăn được hoa hẹ thì chết.

Ngũ tạng uất nhiệt, khi quá hàn hoặc quá nhiệt truyền vào tạng Thận, người bệnh không ngồi dậy được, tới tiết lập xuân sẽ chết

Mẹo nhỏ:

Đoạn sau này đều nói mạch thế nào thì chết vào tiết khí nào.

Tham khảo nguyên văn Nội Kinh dưới đây: chỗ này để hiểu, không cần học thuộc lòng; trước đã nói rồi: mạch của chứng chết, chỉ cần vị khí còn thì không chết được.

Mạch đến như đất lở, ấn xuống không thấy: là cơ khí không đủ; trong năm sắc thấy màu đen trước, tới lúc cây bạch lũy mọc thì chết. Mạch đến như lưỡi gà (huyền ung): huyền ung là nổi, sờ ấn vào càng thấy lớn; là khí của mười hai du huyệt không đủ, tới lúc nước đóng băng thì chết.

(Mạch chí như đôi thổ chi trạng, án chi bất đắc, thị cơ khí dữ bất túc dã, ngũ sắc tiên kiến hắc, bạch lũy phát tử. Mạch chí như huyền ung, huyền ung giả, phù sủy thiết chi ích đại, thị thập nhị du chi khí dữ bất túc dã, thủy ngưng nhi tử.)

Mạch đến như lưỡi dao nằm ngửa (yển đao): nổi thì nhỏ mà gấp, ấn thì cứng, lớn mà gấp; ngũ tạng uất nhiệt, hàn nhiệt dồn riêng vào Thận; người như thế không ngồi được, tới lập xuân thì chết.

(Mạch chí như yển đao, yển đao giả, phù chi tiểu cấp, án chi kiên đại cấp, ngũ tạng uất thục, hàn nhiệt độc tịnh ư thận dã, như thử kỳ nhân bất đắc tọa, lập xuân nhi tử.)

Mạch đến như viên tròn, trơn không bám tay; không bám tay là ấn xuống không bắt được: là khí Đại trường không đủ, tới lúc lá táo mọc thì chết.

(Mạch chí như hoàn, hoạt bất trứ thủ, bất trứ thủ giả, án chi bất khả đắc dã, thị đại trường khí dữ bất túc dã, tảo diệp sinh nhi tử.)

Mạch đến như hoa: khiến người ta hay sợ, không muốn ngồi nằm, đi đứng thường lắng nghe: là khí Tiểu trường không đủ, tới cuối thu thì chết.

(Mạch chí như hoa giả, lệnh nhân thiện khủng, bất dục tọa ngọa, hành lập thường thính, thị tiểu trường khí dữ bất túc dã, quý thu nhi tử.)

Hoàng Đế Nội Kinh (49) – Mạch giải thiên 01

kinhdichtam.com dịch

Kinh Thái Dương

Bệnh cột sống thắt lưng sưng trướng đau, là vì tháng giêng thuộc Thái Dương, mà tháng giêng kiến Dần, nên nói tháng giêng Thái Dương Dần. Tháng giêng dương khí sinh phát ở trên, nhưng lúc này khí âm hàn còn thịnh, dương khí muốn ra mà chưa ra được, nên sinh chứng cột sống thắt lưng sưng trướng đau. (Thận có vấn đề)

Bệnh dương khí thiên hư mà thành què chân, là vì tháng giêng dương khí làm băng giá tan ra, địa khí theo đó mà ra. Cái gọi là thiên hư: một bên dương ra được, một bên không ra được, không ra mồ hôi. Bên nào không ra mồ hôi là bên ấy bị tắc

Bệnh đầu gáy cứng đơ, kéo xuống tận lưng, là vì dương khí đột ngột bốc lên, tranh giành nhau, nên cứng đơ, kéo lên trên.

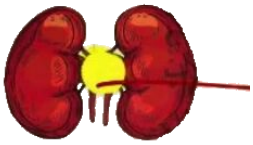
Ù tai: dương khí thịnh ở trên, nên sinh ra ù tai.

Dương khí cang thịnh thì sinh bệnh điên cuồng, là vì dương khí tập trung ở phía trên, âm khí đọng lại ở phía dưới, dưới hư mà trên thực, nên sinh bệnh điên cuồng

Thanh đờm, Khống Diên đan v.v.

Khí nghịch nổi lên mà điếc tai, là do dương khí cang thịnh ở trên.

Cái gọi là **dương khí vào trong mà tiếng khàn không nói được, là vì dương khí từ thịnh chuyển suy, nên tiếng khàn** không nói được. Sắc dục quá độ, tinh khí hao bên trong mà quyết nghịch, sẽ sinh bệnh âm phi: không nói được, tứ chi tê liệt; đây là Thận hư, kinh khí Thiếu Âm không phân bố ra được mà gây quyết nghịch.



Dương không sợ nhiều, cần tiềm (ẩn xuống); khi lập phương, phải phối hợp âm dương



Dương khí tắc ở giữa

Phân biệt dương hư và âm hư:

Tạng Thận dương hư cũng có đau đầu, đau tới răng; dương ở trên, âm ở dưới, trên thực dưới hư

Dương hư phát sinh sau khi nôn nhiều, đi ngoài ra máu, nôn ra máu

Dương hư: tay chân lạnh buốt, mắt không nhìn thấy, tiểu tiện rất nhiều.

Âm hư:

Chứng trạng: mắt nhìn thấy năm màu, hoa hoa, đủ thứ màu sắc; ù tai, rồi điếc, tay chân nóng

Thận chủ nhị tiện: đi lỏng – dương hư; một ngày một lần – âm hư

Hoàng Đế Nội Kinh (49) – Mạch giải thiên 02

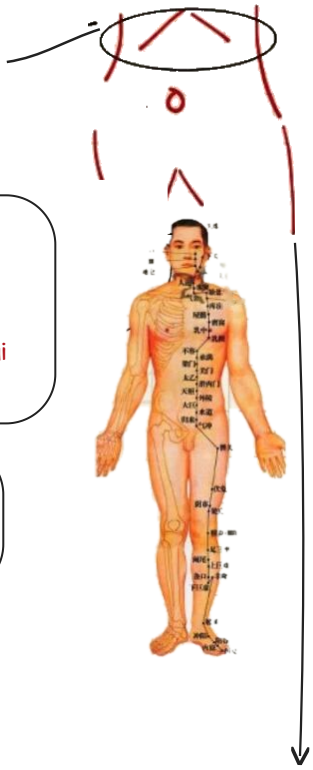
kinhdichtam.com dịch

Ngực sườn khổ mãn, trướng đầy, buồn nôn

Kinh Thiếu Dương: cái gọi là đau tim sườn, là vì Thiếu Dương vượng vào tháng chín, tháng chín kiến Tuất; mạch Thiếu Dương tán lạc vào Tâm bào, nên là phần biểu của Tâm; tháng chín dương khí hết mà âm khí thịnh, nên đau tim sườn.

Cái gọi là « không trở mình được » là vì lúc này âm khí dần thịnh, vạn vật bắt đầu thu tàng, vạn vật thu tàng thì tĩnh mà không động; kinh khí Thiếu Dương ứng theo, nên không trở mình được. Cái gọi là « nặng thì nhảy dựng », là vì tháng chín vạn vật đều suy thoái, cây cỏ tàn úa, dương khí trong người cũng từ biểu vào lý, âm khí thịnh mà dương khí dồn xuống phần dưới hoạt động, nên dễ ngã.

Lúc mới bị bệnh ở Thái Dương ———— Thiếu Dương



Kinh Dương Minh

Giữa thân người không được có âm tích tụ

Ớn lạnh run rẩy, là vì Dương Minh vượng vào tháng năm, tháng năm kiến Ngọ; tháng năm dương khí cực thịnh mà âm khí bắt đầu sinh, dương khí vượng thịnh lại có âm khí thêm vào, nên ớn lạnh run rẩy. Cẳng chân sưng mà đùi lỏng lẻo không có sức

Dương khí thuần nhiệt; trong dương của tiết khí có âm; chứng thuần nhiệt, nên cảm thấy cái khí lạnh giữa trời đất

Khí nghịch thở suyễn mà thành phù thũng, là vì dương khí từ dưới lại bốc lên, âm khí theo lên thì thủy tà cũng theo đó đi lên, đọng tụ giữa các tạng phủ, nên thành phù thũng

Đau ngực, hụt hơi, là vì thủy khí đọng tụ giữa các tạng phủ; thủy thuộc âm khí, âm khí ở trong, nên sinh đau ngực, thở ngắn hơi

Bệnh nặng thì quyết nghịch, ghét thấy người và ánh lửa, nghe tiếng gõ gỗ thì kinh sợ bất an, là vì dương khí và âm khí đánh nhau, thủy hỏa không điều hòa, nên kinh sợ bất an

Muốn đóng cửa ở một mình, là vì khí âm dương đánh nhau, sát gần nhau, kết quả dương khí suy mà âm khí thịnh; âm chủ tĩnh, nên thích đóng cửa sổ, cửa ra vào mà ở một mình

Bệnh tới thì muốn trèo lên cao mà hát, cởi áo mà chạy, là vì hai khí âm dương tranh nhau qua lại, dồn ra ngoài vào kinh dương, làm dương khí thịnh, khiến người bệnh trèo cao mà hát, cởi áo mà chạy

Khách ở tôn mạch thì đau đầu, chảy máu cam, bụng sưng, là vì tà khí kinh Dương Minh nghịch lên, tà khí đi lên vào các lạc mạch nhỏ của kinh này và mạch Thái Âm, nên đau đầu, nghẹt mũi chảy máu cam, bụng sưng trướng

Kinh khí Dương Minh đi từ trên xuống. Vốn dương đi xuống thì âm quay về; có nhiệt, nhiệt bốc lên, dương không đi xuống, âm không quay về: thủy thũng Có rất nhiều chỗ có thể tích nước; nước đến từ Thận, tản ra ở Phế; nước nếu lạnh thì có thể đọng giữa các tạng phủ

Hoàng Đế Nội Kinh (49) – Mạch giải thiên 02

kinhdichtam.com dịch

Kinh Thái Âm, cái gọi là bệnh trướng, bụng trướng, là vì Thái Âm vượng vào tháng mười một, nguyệt kiến ở Tý; tháng mười một là mùa muôn vật thu tàng, nếu âm tà theo kinh Tỳ vào bụng mà ẩn náu thì bụng trướng đầy.

Đi lên tim mà thành ợ hơi, là vì âm tà thịnh: tà khí đi lên xâm nhập kinh Túc Dương Minh, mà kinh biệt của kinh Túc Dương Minh lạc thuộc về tim, âm khí xông lên phạm tim, nên ợ hơi.

Ăn vào thì nôn, là vì ăn quá nhiều, trong Vị đầy ứ, không tiêu hóa được mà trào ngược lên, nên nôn ra.

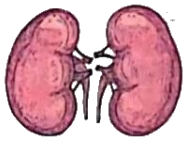
Được đại tiện và trung tiện thì thấy nhẹ nhõm như bệnh lui, là vì tháng mười một âm khí từ thịnh chuyển suy, dương khí sắp phát động, âm tà trong bụng theo phân và hơi đi xuống, nên người bệnh đánh rắm xong thấy dễ chịu, như bệnh đã giảm hẳn.

Kinh Thiếu Âm

Ví dụ: nóng bức, béo, uống nước đá, ăn rất nhiều – Dương Minh nhiệt, thực tế là hàn; phải kê thuốc nóng: Phụ tử, Can khương... Tim và Vị thông nhau, nên Vị khó chịu thì tim khó chịu

Đau lưng, là vì Thiếu Âm vượng vào tháng bảy, nguyệt kiến ở Thân; tháng bảy dương khí của muôn vật bắt đầu đi xuống, cơ thể người ứng với khí của thời tiết, dương khí hao tổn nên đau lưng

Đau lưng mà không do trật, bong gân: thận dương không đủ thì đau lưng



Nôn, ho, khí nghịch lên mà suyễn, là vì âm khí thịnh ở dưới, dương khí nổi vượt lên trên mà không có chỗ nương tựa, nên nôn mửa, ho, khí nghịch thở suyễn

Thân thể khó chịu, không đứng lâu ngồi lâu được, đứng dậy thì nhìn không rõ, mắt không thấy gì: khí âm dương của trời đất muôn vật thay nhau chưa định, còn chưa ổn định; dương hư

Hụt hơi, hay giận, là vì khí của kinh mạch Thiếu Dương không sơ tiết bình thường được; dương hư, dương khí không ra ngoài được; thận dương phụ trợ tạng Can, Can khí uất kết không sơ thông nên hay giận; chứng dễ giận này gọi là tiên quyết

Sợ hãi bất an, đều là vì âm dương mất cân bằng, âm dương lấn nhau

Khi ngược lại: co rút gân (chuột rút)

Sợ ngửi mùi thức ăn: thức ăn rất tươi mà ngửi thấy hôi, vì Vị khí suy bại nên chán ghét mùi thức ăn

Mặt đen như màu đất, là vì khí thu túc sát, hao đoạt tinh khí của nội tạng, thận tinh không đủ nên sắc mặt biến đen

Ho thì có máu, là vì dương lạc ở phần trên bị tổn thương; tuy dương khí chưa đầy ở trên, nhưng huyết dịch sung thịnh đến mức mạch đầy, mạch đầy nên ho, trong mũi ra máu

Trong Phế có nhiều tân dịch, đó là âm; co rút là dương; ho mãi thì hại dương; mạch máu có dương mới giữ được máu. Mạch máu vỡ, không đáng vỡ mà vỡ, đều là dương hư

Hoàng Đế Nội Kinh (49) – Mạch giải thiên 02

kinhdichtam.com dịch

Khối u thuộc âm: thường cắt ra bên trong có tóc, hoặc cục máu..., đều là vật âm.

Kinh Quyết Âm

Con gái bình thường trong người phải ấm nóng; lạnh thì dễ bị u xơ tử cung, khối u

Đồi sán, phụ nữ bụng dưới sưng, là vì Quyết Âm vượng vào tháng ba, nguyệt kiến ở Thìn; tháng ba dương khí mới lớn lên, âm khí chưa hết, là âm ở trong dương; âm tà tích tụ ở trong, theo kinh Quyết Âm Can đi nghịch mà gây bệnh

Đau cột sống thắt lưng, không cúi ngửa được, là vì tháng ba dương khí bắt đầu cổ động phấn phát, muôn vật tươi tốt sum suê, nhưng vì âm khí chưa hết, dương khí còn bị âm khí đè nén, không ôn dưỡng được

Đồi sán, lung sán, da trướng, là vì âm tà còn thịnh khiến kinh mạch Quyết Âm bế tắc không thông, nên tiền âm sưng đau, không tiểu tiện được, da thịt sưng trướng

Họng khô, nhiệt ở trong, là vì âm dương tranh nhau mà sinh nội nhiệt, nên cổ họng khô.

Hoàng Đế Nội Kinh (50) – Thích yếu luận

kinhdichtam.com dịch

Hoàng Đế hỏi: Muốn được nghe về yếu lĩnh của châm thích.

Kỳ Bá nói: Bệnh có ở biểu, có ở lý; phép châm có châm nông, châm sâu, mỗi loại phải tới đúng một bộ vị nhất định, không được trái nguyên tắc này.

Châm sâu quá thì làm tổn thương nội tạng;

Châm nông quá thì ngược lại khiến bệnh đi sâu vào trong.

Cho nên nói: bệnh có khi ở lông tơ và tấu lý, có khi ở da, có khi ở thịt, có khi ở mạch, có khi ở gân, có khi ở xương, có khi ở tủy.

Mùa xuân, hạ châm nông; mùa thu, đông châm sâu. Nhưng nếu bệnh ở sâu trong nội tạng thì có thể châm sâu: không lấy mùa làm chính, mà bệnh ở đâu thì châm vào đó.

Châm lông tơ, tấu lý thì đừng làm tổn thương da; da bị thương sẽ ảnh hưởng vào trong tới chức năng tạng Phế; Phế bị thương thì mùa thu dễ mắc ôn ngược, ho, sợ lạnh run rẩy.

Châm da thì đừng làm tổn thương thịt; thịt bị thương sẽ ảnh hưởng vào trong tới chức năng tạng Tỳ; Tỳ bị thương thì trong 18 ngày cuối của mỗi mùa sẽ bụng trướng, phiền muộn đầy tức, không muốn ăn uống.

Châm thịt thì đừng làm tổn thương huyết mạch; huyết mạch bị thương sẽ ảnh hưởng vào trong tới chức năng tạng Tâm; Tâm bị thương thì mùa hạ dễ mắc chứng đau vùng tim (tâm thống).

Châm huyết mạch thì đừng làm tổn thương cân mạch; cân mạch bị thương sẽ ảnh hưởng vào trong tới chức năng tạng Can; Can bị thương thì mùa xuân dễ mắc bệnh nhiệt, gân mạch lỏng lẻo.

Châm gân thì đừng làm tổn thương xương; xương bị thương sẽ ảnh hưởng vào trong tới chức năng tạng Thận; Thận bị thương thì mùa đông dễ bị sưng trướng, đau lưng.

Châm xương thì đừng làm tổn thương tủy; tủy bị thương thì tiêu hao, khiến thân thể khô gầy, ống chân mỏi, người rã rời (giải diệc), không có sức cử động.

Hoàng Đế Nội Kinh (51) – Thích tế luận

kinhdichtam.com dịch

Hoàng Đế hỏi rằng: Muốn được nghe về sự phân biệt nông sâu khi châm.

Kỳ Bá thưa rằng: Châm xương thì đừng hại gân; châm gân thì đừng hại thịt; châm thịt thì đừng hại mạch; châm mạch thì đừng hại da; châm da thì đừng hại thịt; châm thịt thì đừng hại gân; châm gân thì đừng hại xương.

Hoàng Đế nói: Ta chưa hiểu ý ấy nói gì, muốn được nghe giải thích.

Kỳ Bá nói: Châm xương mà không hại gân, là kim tới gân rồi rút đi, chưa tới xương; châm gân mà không hại thịt, là tới thịt rồi rút đi, chưa tới gân; châm thịt mà không hại mạch, là tới mạch rồi rút đi, chưa tới thịt; châm mạch mà không hại da, là tới da rồi rút đi, chưa tới mạch. Còn cái gọi là châm da không hại thịt, là bệnh ở trong da thì kim vào trong da, không hại tới thịt; châm thịt không hại gân, là kim qua thịt mà trúng gân; châm gân không hại xương, là kim qua gân mà trúng xương. Đó gọi là trái ngược.

Thích tế luận

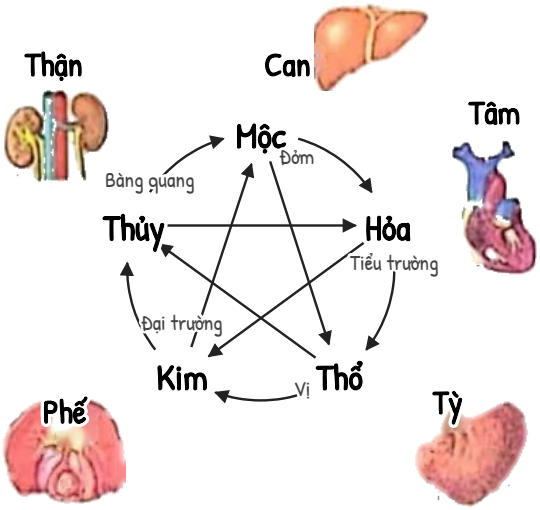
- **Châm xương** – Đừng làm tổn thương gân
- **Châm gân** – Đừng làm tổn thương thịt
- **Châm thịt** – Đừng làm tổn thương mạch
- **Châm mạch** – Đừng làm tổn thương da
- **Châm da** – Đừng làm tổn thương thịt
- **Châm thịt** – Đừng làm tổn thương gân
- **Châm gân** – Đừng làm tổn thương xương

Nói đơn giản: châm chỗ nào thì đâm tới đúng chỗ ấy

Hoàng Đế Nội Kinh (52) – Thích cấm luận 01

kinhdichtam.com dịch

Nói đơn giản: đừng châm trúng nội tạng



Châm trúng tim: khoảng 1 ngày thì chết; biến chứng là ợ hơi.

Châm trúng Can: khoảng 5 ngày thì chết; biến chứng là nói nhiều, nói lắm.

Châm trúng Thận: khoảng 6 ngày thì chết; biến chứng là hắt hơi.

Châm trúng Phế: khoảng 3 ngày thì chết; biến chứng là ho.

Châm trúng Tỳ: khoảng 10 ngày thì chết; biến chứng là nuốt liên tục.

Châm nhầm trúng Đởm: khoảng một ngày rưỡi thì chết; biến chứng là nôn mửa.

Châm mu bàn chân, làm thương nhầm mạch lớn: nếu máu chảy không ngừng thì sẽ chết.

Châm vùng mặt, làm thương nhầm mạch lưu (động mạch ở mặt): sẽ bất hạnh bị mù cả hai mắt.

Châm vùng đầu, làm thương nhầm huyệt Não Hộ: nếu châm tới não tủy thì chết ngay.

Châm huyệt Liêm Tuyền dưới lưỡi, trúng kinh mạch quá sâu: nếu máu chảy không ngừng, có thể làm khản giọng, mất tiếng.

Châm nhầm các lạc mạch tỏa ra dưới bàn chân: máu ứ đọng lại không ra được, có thể gây sưng cục bộ.

Châm huyệt Ủy Trung quá sâu, làm thương nhầm đại kinh mạch: có thể khiến người ngã quỵ, sắc mặt trắng bệch.

Châm huyệt Khí Nhai, làm thương nhầm kinh mạch: nếu máu ứ đọng không tan sẽ sưng trướng, kéo đau vùng bẹn.

Châm khe giữa các đốt sống, làm thương nhầm tủy sống: lưng sẽ cong không duỗi được.

Châm huyệt Nhũ Trung, hại tới bầu vú: có thể làm vú sưng trướng, bên trong thối rữa sinh mủ.

Châm chính giữa Khuyết Bồn quá sâu, sẽ làm Phế khí tiết ra ngoài, khiến người suyễn, ho, khí nghịch.

Châm Ngư Tế ở tay quá sâu, có thể làm sưng cục bộ.

Còn một số trường hợp khác, xem nguyên văn Nội Kinh

Kim ngày xưa khá to, kim bây giờ khá nhỏ, có một số chỗ không sao; nhưng vẫn theo nguyên tắc thà châm nông chớ châm sâu; chích máu thì cố chọn kim nhỏ

Say khướt ✗ Giận dữ ✗ Mệt nhọc ✗ Quá no ✗ Quá đói ✗



Hoàng Đế Nội Kinh (53) – Thích chí luận

kinhdichtam.com dịch

Hoàng Đế nói: Hư và thực biện chứng thế nào?

Kỳ Bá đáp: Khí đầy đủ thì hình thể cũng tráng thực;

khí không đủ thì hình thể cũng hư nhược.

Đó là hiện tượng bình thường; trái lại thì là bệnh.

Người ăn uống ngon miệng thì khí thịnh; người ăn uống kém thì khí hư.

Mạch tượng to lớn mà có lực là huyết dịch sung thịnh;

mạch tượng nhỏ mà tế nhược là huyết dịch không đủ.

Đó là hiện tượng bình thường; trái lại thì là bệnh.



Khí thịnh mà thân thể lại thấy lạnh – bị hàn tà

Khí hư mà thân thể lại thấy nóng – bị thử nhiệt

Bệnh chứng trái ngược với biểu hiện bên ngoài

Ăn uống nhiều mà khí lại không đủ – mất máu, hoặc thấp tà tụ ở phần dưới

Ăn uống ít mà khí lại thịnh – tà khí ở Vị và Phế

Mạch đập lớn mà huyết lại ít – phong tà vào trong mạch, lại không uống được nước

Mạch nhỏ mà huyết lại nhiều – uống rượu quá độ mà trung tiêu có nhiệt

Ăn cá cũng có thể bị nhiệt trung

Khí thực thì phần nhiều thấy chứng nóng; khí hư thì phần nhiều thấy chứng lạnh.

Chứng thực là khí vào, chứng hư là khí ra.

Ví dụ suyễn: hít vào không sao, thở ra có vấn đề – là chứng hư.

Châm chữa chứng thực: rút kim xong, tay trái đừng bịt lỗ kim, để tà khí thoát ra ngoài.

Chữa chứng hư: rút kim xong, tay trái lập tức bịt lỗ kim, để chính khí không tán ra ngoài.

Hoàng Đế Nội Kinh (54) – Châm giải 01

kinhdichtam.com dịch

Chứng hư – dưới kim xuất hiện cảm giác nóng thì rút kim

Chứng thực – dưới kim xuất hiện cảm giác mát thì rút kim

Ứ lâu thì trừ đi
(uất trần tắc trừ chi) – chỉ việc xả máu ứ, không nhiều, thường ở nửa thân dưới; nửa thân trên là dương, nửa thân dưới là âm; máu ứ ở nửa thân trên phần lớn do nội thương gây ra

Tà thắng thì làm cho hư
(tà thắng tắc hư chi) – rút kim xong, đừng bịt lỗ kim mà để tà khí thoát ra ngoài

Thực thì nóng, hư thì lạnh
(thực tắc nhiệt, hư tắc hàn)

Chín loại kim giải quyết khéo léo hư thực của bệnh, vì chín loại kim thích ứng được với đủ loại bệnh chứng khác nhau. Nắm thời cơ bổ tả, là nói dùng kim phải phối hợp với lúc khí mở hay đóng. Cái gọi là « chín loại kim, tên gọi khác nhau, hình dạng khác nhau » là nói dựa vào hình chế khác nhau của chín loại kim mà phát huy trọn vẹn tác dụng hoặc bổ hoặc tả.

Châm thực phải đợi nó hư
(thích thực tu kỳ hư) – lưu kim chờ âm khí đến nhiều, dưới kim có cảm giác mát rồi mới rút kim

Châm hư phải đợi nó thực
(thích hư tu kỳ thực) – phải đợi dương khí đến nhiều, dưới kim có cảm giác nóng rồi mới rút kim

Nông sâu ở chí
(thâm thiển tại chí) – biết rõ bệnh ở trong hay ở ngoài

Như đứng bên vực sâu
(như lâm thâm uyên) – không được lơi lỏng, cẩu thả

Tay như nắm hổ
(thủ như ác hổ) – vận kim phải vững chắc, có lực

Ví dụ đau kinh Bàng Quang: một kim châm Ủy Trung, một kim ở chỗ đau, kim (một thốn) châm vào một nửa; hai tay đồng thời vê kim, cùng một chiều – gọi là đạo dẫn. Một ngày chỉ làm được vài người, rất hao khí; trừ bệnh nặng, không làm

Thần không vướng vào mọi vật
(thần vô doanh ư chúng vật) – phải bình tâm tĩnh khí mà quan sát người bệnh, không nhìn ngang ngó dọc

Không châm xiên lệch
(nghĩa vô tà hạ) – nhất định phải giữ kim ngay thẳng mà đâm thẳng xuống

Ắt phải định thần người bệnh
(tất chính kỳ thần) – phải nhìn chăm chú vào mắt người bệnh để chế ngự hoạt động tinh thần của họ, khiến kinh khí dễ vận hành

Hoàng Đế Nội Kinh (54) – Châm giải 02

kinhdichtam.com dịch

Hoàng Đế nói: Ta nghe nói chín loại kim, ở trên ứng với trời đất, bốn mùa, âm dương; muốn được nghe đạo lý trong đó.

Kỳ Bá nói: Con số tột cùng của trời đất, sự phối thuộc từ một đến chín là:

một ứng trời, hai ứng đất, ba ứng người, bốn ứng thời, năm ứng âm, sáu ứng luật, bảy ứng sao, tám ứng gió, chín ứng dã (đồng nội).

Các bộ phận trên hình thể con người cũng tương ứng với những điều này, mà mỗi loại kim có loại bệnh thích ứng với nó, cho nên có tên « chín loại kim ».

Da – Trời – Phép châm thứ nhất: châm da

Thịt – Đất – Phép châm thứ hai: châm thịt

Huyết mạch – Người – Phép châm thứ ba: châm mạch

Gân – Thời (bốn mùa) – Phép châm thứ tư: châm gân

Âm thanh – Năm âm của tự nhiên – Phép châm thứ năm: châm xương

Tạng phủ – Sáu luật – Phép châm thứ sáu: điều hòa âm dương

Răng, mặt, mắt – Sao – Phép châm thứ bảy: bổ ích tinh khí

Hơi thở – Gió – Phép châm thứ tám: trừ phong tà

Chín khiếu, 365 lạc – Dã (đồng nội) – Phép châm thứ chín: khai thông chín khiếu, để ứng với khí của 365 tiết

Cơ thể người có chín khiếu.
Thầy Nghê giảng chỗ này khá đơn giản, nên tôi tìm thêm một số lời giải thích trong sách khác, có thể tham khảo

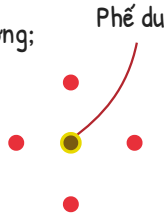
Tâm ý con người biến đổi vô thường như tám thứ gió; chính khí con người vận hành không ngừng như trời; tóc, răng, tai, mắt con người có thứ tự lớp lang như năm âm sáu luật; khí huyết, âm dương, kinh mạch con người như mặt đất sinh hóa muôn vật; Can khí con người thông ra mắt, ứng với số chín.

Hoàng Đế Nội Kinh (55) – Trường thích tiết luận 01

kinhdichtam.com dịch

Đông y chân chính: bắt mạch chỉ để xác nhận kết quả của vọng, văn, vấn;
nếu mạch bắt được khác với điều vọng, văn, vấn thấy thì bỏ mạch theo chứng (xả mạch thủ chứng).
Các danh y qua các đời đều làm như vậy.
Người châm cứu không chẩn mạch, mà nghe lời người bệnh nói (thích gia bất chẩn, thính bệnh giả ngôn)

Bệnh ở đầu — Đau đầu dữ dội: có thể dùng kim chữa, chôn kim, châm tới sát xương; bệnh khỏi thì thôi châm



Chữa bệnh hàn nhiệt

Phép dương thích: châm một kim chính giữa, xung quanh trên dưới trái phải châm bốn kim
Ví dụ: người bệnh thấy da lạnh: Phế du, trên dưới trái phải mỗi chỗ một kim
Lạnh trong xương: Thận [du]

Tà khí lấn vào ngũ tạng — Nên châm các huyệt du của ngũ tạng ở lưng: tà khí bức tạng nên châm bối du, vì bối du là nơi tạng khí tụ hội. Hàn nhiệt trong bụng tự lui. Lúc rút kim cho ra chút máu. Kinh Bàng Quang; người bệnh còn chính khí thì mới chích máu được

Chữa ung mủ — Châm vào chỗ ung sưng, tùy to nhỏ mà quyết định châm sâu hay nông; nhất định phải cho mủ chảy ra



Bệnh ở bụng dưới có tích tụ

Phong là khởi đầu của trăm bệnh

Châm vùng bụng từ chỗ da thịt dày trở xuống, tới bụng dưới thì thôi;
châm lên trên khối cứng, đừng châm vào bên trong khối
Mặt lưng: châm thêm hai kim ở hai bên khe đốt sống thứ tư kẹp cột sống huyệt Bĩ Căn, để dẫn nhiệt khí trong bụng đi xuống, thế là bệnh khỏi

Bệnh ở bụng dưới, đau bụng mà đại tiểu tiện không thông, tên bệnh là sán, do cảm hàn tà mà ra — Châm khoảng giữa hai xương ở bụng dưới, huyệt A thị, và điểm ấn đau giữa vùng eo với xương mông

Bệnh ở gân: gân mạch co rút, khớp đau nhức, không đi được, tên bệnh là cân tý — Châm vào chỗ gân bị bệnh, kim đi vào từ khe giữa các thớ thịt; chú ý không được châm trúng xương; nóng lên là bệnh khỏi

Gân hội ở Dương Lăng Tuyền; châm xuyên một mạch tới Âm Lăng Tuyền

Hoàng Đế Nội Kinh (55) – Trường thích tiết luận 02

kinhdichtam.com dịch

Bệnh ở cơ phu: khắp mình da thịt đau nhức, tên bệnh là cơ tý; đó là do hàn thấp tà làm tổn thương

- Châm vào chỗ hội hợp của các thớ thịt lớn nhỏ
- Lấy cảm giác nóng làm mức, đừng làm tổn thương gân xương; nếu tổn thương gân xương thì sẽ gây ra những biến chứng như ung sưng

Bệnh ở xương: xương nặng, chân tay không nhấc lên được, sâu trong tủy xương ê đau, cảm thấy có hàn khí, tên bệnh là cốt tý

— Khi chữa nên châm sâu, không làm tổn thương huyết mạch, bắp thịt; đường đi của kim nằm giữa các thớ thịt lớn nhỏ; đợi xương có cảm giác nóng là bệnh khỏi

Bệnh ở dương mạch, chợt lạnh chợt nóng, gọi là cuồng — Châm kinh âm, lấy âm dẫn dương

Có một loại bệnh, lúc đầu mỗi năm phát một lần; không chữa kịp thời thì mỗi tháng phát một lần; vẫn không chữa thì mỗi tháng phát ba, bốn lần: đây gọi là bệnh điên (điên bệnh)

Bệnh do phong, lúc lạnh lúc nóng, nóng thì ra mồ hôi, một ngày phát mấy lần: trước hết châm các thớ thịt, tấu lý và lạc mạch; nếu vẫn ra mồ hôi, lúc lạnh lúc nóng thì có thể ba ngày châm một lần, chữa một trăm ngày là khỏi

Bệnh do đại phong xâm nhập: khớp xương nặng nề, râu, lông mày rụng, tên bệnh là đại phong

— Nên châm vào bắp thịt cho ra mồ hôi, chữa liên tục một trăm ngày; lại châm vào tủy xương, vẫn cho ra mồ hôi, cũng một trăm ngày, tổng cộng hai trăm ngày; tới khi râu, lông mày mọc lại mới thôi châm

Thiên này ghi lúc 23 giờ 40 ngày 29/3/2023, giờ đã khuya; lần đầu nghiền đọc Nội Kinh nên còn khá sơ sài, nên kết hợp nguyên văn và video để học kỹ thêm.
Khung sườn là thế, lần học thứ hai sẽ ghi chép thêm

Ghi chép bổ sung:

Hoàng Đế Nội Kinh (56) – Bì bộ luận 01

kinhdichtam.com dịch

Dương lạc Dương Minh – Hại phi

Dương lạc Thiếu Dương – Xu trì

Nhiều ở cẳng chân, mu bàn chân

Âm lạc Thiếu Âm – Xu nho

Màu xanh: chứng đau

Âm lạc Quyết Âm – Hại kiên

Màu đen: chứng tý

Âm lạc Thái Âm – Quan trập

Màu vàng đỏ: chứng nhiệt

Màu trắng: chứng hàn

Năm màu cùng hiện: hàn nhiệt lẫn lộn

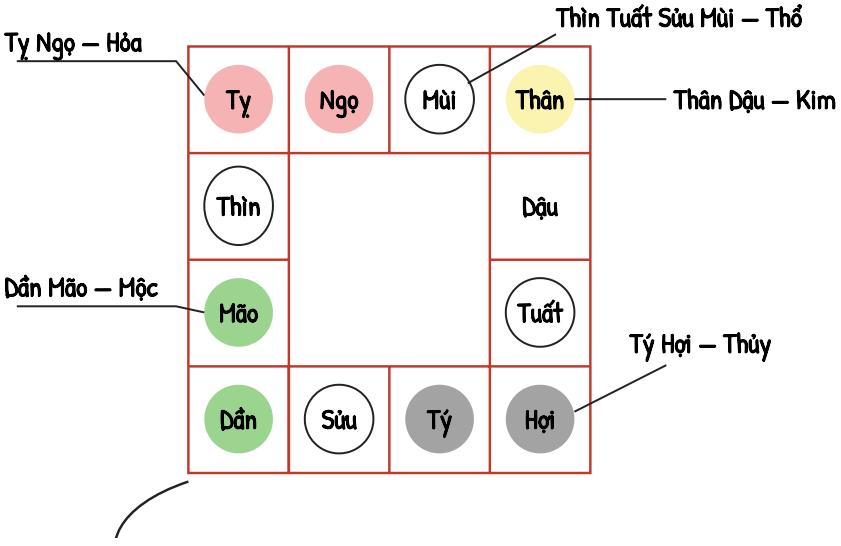
Bệnh lúc đầu đều bắt đầu từ bì mao. Bệnh tà xâm phạm bì mao thì tấu lý mở ra; tấu lý mở thì tà khí vào lạc mạch; lưu lại không đi thì truyền vào trong kinh mạch; vẫn lưu lại không đi thì truyền vào lục phủ, tụ lại ở trường vị

Lúc bệnh trỗi lên không phải thời cơ chữa; khi bệnh giằng co, lúc kêu cứu; bệnh lui mới là thời cơ

Thầy truyền lại: châm huyệt huỳnh; Châm Cứu Giáp Ất Kinh: châm huyệt du; đều dùng được. Tim và dạ dày: Trung Quản; dạ dày không nghịch lên: Cự Khuyết

Lạc thịnh thì bệnh sẽ vào kinh
Dương chủ ngoài, âm chủ trong; kinh Dương Minh chủ ngoài, kinh Thái Âm chủ trong

Phế Dần, Đại trường Mão, Vị cung Thìn
Tỳ Tỵ, Tâm Ngọ, Tiểu trường Mùi
Thận Bàng quang, Dậu Thận, Tâm bào Tuất
Hợi Tam tiêu, Tý Đởm, Sửu Can thông



Nghĩa là, ví dụ:
mỗi đêm 2-3 giờ mất ngủ
chưa hẳn đã có bệnh can;
có thể 2 năm sau mới phát hiện bệnh can.
Bệnh tà vừa vào cơ thể đã có phản ứng

Phải linh hoạt

Giờ đi của ngũ hành tạng phủ: gặp giờ cùng thuộc tính thì bệnh trỗi lên, gặp giờ tương sinh thì bệnh giằng co
Ví dụ: ung thư dạ dày, 3-5 giờ chiều: giằng co, dễ chịu (Kim)
Giờ Tuất bắt đầu khó chịu; qua giờ Tý, tới giờ thổ thứ hai là âm thổ: nửa đêm nôn ra máu

Hai điều trên là hai khái niệm khác nhau: lúc mới mất ngủ là kinh lạc có vấn đề, 2 năm sau thì thành ung thư

Hoàng Đế Nội Kinh (56) – Bì bộ luận 02

kinhdichtam.com dịch

Khi lạc mạch thịnh thì thấy được màu sắc. Có một loại bệnh ngón tay lạnh như băng, màu xanh tím: chích máu cho ra hết

Nếu người này rất gầy, hình gầy, không còn sức thì dùng Đương Quy Tứ Nghịch thang

Hàn khí phần nhiều chạy vào trong gân; gân xương liền nhau nên sẽ đau xương; tông cân là dây chằng
Nhiệt truyền tới cạnh xương thì xương bị hư hoại, xương không đủ cứng: loãng xương
Gân không có sức, bắp thịt teo đi, da lở loét, lông da rụng

Kỳ Bá nói: Da có những vùng phân thuộc mười hai kinh mạch. Tà khí xâm phạm da thì tấu lý mở ra;

tấu lý mở ra thì tà khí nhân đó xâm nhập lạc mạch; lạc mạch đầy tà khí thì truyền vào kinh mạch;
tà khí ở kinh mạch thịnh đầy thì truyền vào trong, lưu lại ở tạng phủ.
Cho nên trên da có các vùng phân thuộc mười hai kinh mạch; nếu có biến đổi bệnh mà không chữa
thì tà khí sẽ theo kinh lạc truyền vào tạng phủ, đến nỗi phát bệnh nặng.

Bì bộ chữa khỏi thì sẽ không sinh bệnh nặng

Hoàng Đế Nội Kinh (57) – Kinh lạc luận

kinhdichtam.com dịch

(sổ ghi nhầm tiêu đề « Bì bộ luận 02 »)

Hoàng Đế hỏi: Lạc mạch hiện ra bên ngoài, năm màu mỗi nơi một khác, vì sao?

Kỳ Bá đáp: Màu của kinh mạch thường hằng không đổi, còn lạc mạch không có màu cố định, dễ biến đổi.

Tâm chủ đỏ, Phế chủ trắng, Can chủ xanh, Tỳ chủ vàng, Thận chủ đen,
đều ứng với màu của kinh mạch mà nó thuộc về.

Hoàng Đế hỏi: Âm lạc và dương lạc cũng ứng với màu của kinh mạch của chúng chăng?

Kỳ Bá đáp: Màu của âm lạc ứng với kinh mạch của nó; màu của dương lạc thì biến hóa không thường, theo sự chuyển dời của bốn mùa mà biến đổi. Hàn khí nhiều thì khí huyết vận hành ngưng sáp, trì trệ;
khí huyết vận hành ngưng sáp, trì trệ, nên thường thấy màu xanh đen.
Nhiệt khí nhiều thì khí huyết vận hành trơn tru, gấp nhanh;
khí huyết vận hành trơn tru, gấp nhanh, nên thường thấy màu vàng đỏ.
Đó đều là biến đổi màu sắc bình thường, gọi là không bệnh.
Nếu năm màu hiện ra đủ cả thì là chứng hàn nhiệt lẫn lộn.

Hoàng Đế Nội Kinh (58) – Khí huyệt luận

kinhdichtam.com dịch

« Thánh nhân dị ngữ, lương mã dị ngự » (người thánh dễ nói chuyện, ngựa tốt dễ cầm cương): người quân tử nghe lọt lời người khác khuyên, kẻ tiểu nhân thì không nghe

Kỳ Bá nói: Lưng với tim kéo nhau mà đau, là âm dương không giao: lưng là dương, ngực là âm, âm dương không giao.

Đau tim thấu ra lưng, đau lưng thấu vào tim: Thiên Đột, Trung Quản, Quan Nguyên, đốt sống thứ mười

Ngực sườn đau, thở không thông, không nằm ngửa được, khí nghịch lên mà suyễn, hơi thở ngắn gấp

hoặc đau lệch một bên, kinh mạch đầy nổi lên; đó là vì mạch ấy chạy chéo ra ở vùng xương cụt,

liên lạc ngực sườn, tỏa ra ở tim, xuyên qua cơ hoành, lên vai hội với Thiên Đột; khí hội ở Đản Trung

Các huyệt tạng du... tự xem nguyên văn, ở đây không đi sâu

Kỳ Bá nói: Tôn lạc hội với ba trăm sáu mươi lăm huyệt, cũng ứng với một năm.

Tôn lạc có thể sơ tán tà khí, thông suốt vinh vệ.

Thấy chỗ ứ tắc thì chích máu

Kỳ Bá nói: Chỗ thịt hội lớn là cốc, chỗ thịt hội nhỏ là khê. Giữa các thớ thịt, chỗ khê cốc hội hợp có thể thông hành vinh vệ, tụ hội tông khí.

Nếu tà khí tràn đầy mà chính khí bế tắc, mạch lạc phát nóng mà bắp thịt thối rữa, vinh vệ vận hành không thông, ắt sẽ thành ung mủ; ở trong thì tiêu mòn tủy xương, ở ngoài thì làm vỡ loét chỗ thịt dày (khuẩn nhục);

nếu tà lưu ở khớp thì ắt làm gân xương hư hoại.

Nếu hàn tà tích tụ lưu trệ, vinh vệ không đi được đúng chỗ của nó, làm gân mạch, bắp thịt co rút,

sườn và khuỷu tay không duỗi ra được: ở trong phát thành cốt tý, ở ngoài biểu hiện thành tê dại bất nhân;

đó là do chính khí không đủ, hàn lớn lưu trệ ở khê cốc.

Khê cốc hội với ba trăm sáu mươi lăm huyệt, cũng ứng với một năm.

Nếu từ chứng tý nhỏ phát triển truyền biến, tà khí theo lạc mạch qua lại không định, thì vi châm có thể chữa tới;

cách làm giống như phép châm tôn lạc

Xem Châm Cứu Đại Thành là được, sách gom sở đắc của các nhà

Hoàng Đế Nội Kinh (59) – Khí phủ luận

kinhdichtam.com dịch

Thiên này không giảng (đứt đoạn); mọi người tự tham khảo nguyên văn Tố Vấn, Linh Khu

Hoàng Đế Nội Kinh (60) – Cốt không luận 01

kinhdichtam.com dịch

Hoàng Đế hỏi: Ta nghe nói phong tà là nguyên nhân khởi đầu của nhiều bệnh tật, dùng phép châm chữa thế nào?

Kỳ Bá đáp: Phong tà từ ngoài xâm nhập, làm người ta rét run, ra mồ hôi, đau đầu, mình nặng, sợ lạnh; chữa thì lấy huyệt Phong Phủ để điều hòa âm dương.

Chính khí không đủ dùng phép bổ, tà khí có thừa dùng phép tả.

Có mồ hôi: phong
Không mồ hôi: hàn

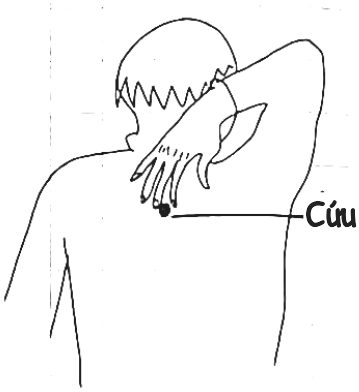
Nếu tà của đại phong xâm nhập cổ gáy mà gây đau thì châm huyệt Phong Phủ.

Tà đại phong làm ra mồ hôi: cứu huyệt Y Hy. Huyệt Y Hy ở lưng, dưới đốt sống thứ sáu, hai bên cách cột sống mỗi bên ba thốn; lấy tay ấn, người bệnh thấy đau mà kêu lên « y hy », huyệt Y Hy ở ngay chỗ đau dưới ngón tay

Mồ hôi chảy không ngừng, gặp gió:
dương ở biểu không đủ, cứ tán ra ngoài, không chống được gió

Đón gió sợ gió, đau đầu — Châm huyệt Toản Trúc ở đầu mày, chích máu

Thất chẩm (sái cổ) — Nằm trên giường, không gối, để đầu tự nhiên rủ xuống



Đau cánh tay — Giơ tay lên, tay nào đau thì cứu theo tay ấy

Đau hai bên sườn — Châm huyệt Y Hy

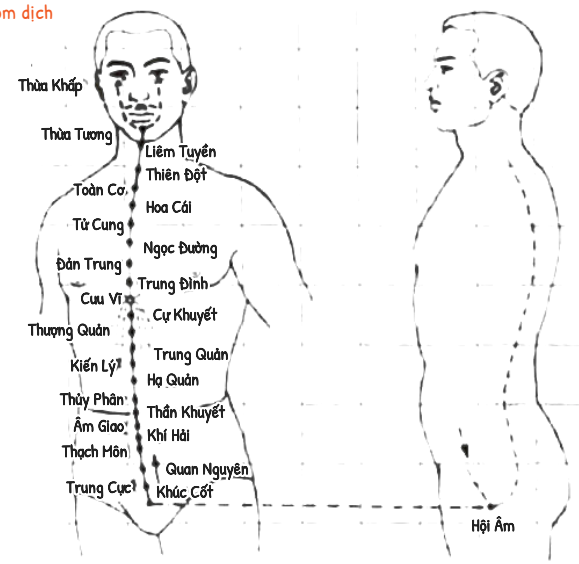
Đau lưng không xoay nghiêng được, kéo tới bộ phận sinh dục — Châm huyệt Bát Liêu và chỗ đau

Vùng bẹn, thử lũ — Châm Hàn Phủ; huyệt Dương Quan chính là Hàn Phủ

Lấy các huyệt ở phía ngoài trên gối thì cho người bệnh cúi lưng, tư thế vái lạy; lấy huyệt Dũng Tuyền ở lòng bàn chân thì cho người bệnh quỳ

Hoàng Đế Nội Kinh (60) – Cốt không luận 02

kinhdichtam.com dịch



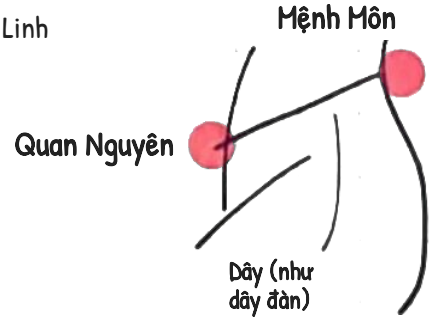
Mạch Xung phát nguồn từ huyệt Khí Nhai, đi song song với kinh Túc Thiếu Âm, kẹp hai bên rốn đi lên, tới giữa ngực thì tản ra

Bệnh của mạch Nhâm: ở nam là trong bụng kết thành bảy chứng sán (thất sán),
đau cố định một chỗ;
ở nữ là bệnh đới hạ và tích tụ.
Bệnh của mạch Xung: khí nghịch xông lên, trong bụng co thắt mà đau.

Mạch Xung khí nghịch: Công Tôn, Nội Quan

Bệnh của mạch Đốc: chứng thấy khí từ bụng dưới xông lên tim mà đau, đại tiểu tiện không thông, gọi là xung sán;
ở nữ thì không thụ thai, hoặc tiểu tiện khó, trĩ, họng khô...
Mạch Đốc sinh bệnh thì chữa mạch Đốc: nhẹ thì chữa huyệt Khúc Cốt trên xương ngang, nặng thì chữa huyệt Âm Giao dưới rốn.
(sổ ghi « Dương Giao »; kinh văn nói « dưới rốn » – huyệt dưới rốn là Âm Giao)

Điều trị: mạch Đốc hay dùng nhất là Linh Đài (dưới đốt sống thứ 6); từ Linh Đài ra ngoài 1,5 thốn là Đốc Du
Nặng thì Quan Nguyên



Thở mà trong cổ họng có tiếng: châm chính giữa cổ họng
Trúng phong, họng rền như sấm: châm Thiên Đột

Gối không co duỗi được: ta châm huyệt Dương Quan
Ngồi mà gối đau: ta chữa « cơ » (khớp hông), tức là huyệt Cư Liêu
Phong hàn thấp ở khớp: chữa Tất Quan; Dương Quan (Hàn Phủ) trừ được hàn
Gối đau lan tới ngón chân cái: Ủy Trung
Ngồi mà gối đau, như có vật chặn trong gối: châm tất ngũ châm (năm kim ở gối); Dương Quan cũng được
Gối đau không co duỗi được, tổn thương xương: Đại Trữ
Ống chân: Túc Tam Lý; ở lạc: huyệt Thông Cốc; kinh Thận: huyệt Nhiên Cốc
(sổ ghi « hoành », « thông cốt »; theo bài giảng là « hành » = ống chân, huyệt Thông Cốc)

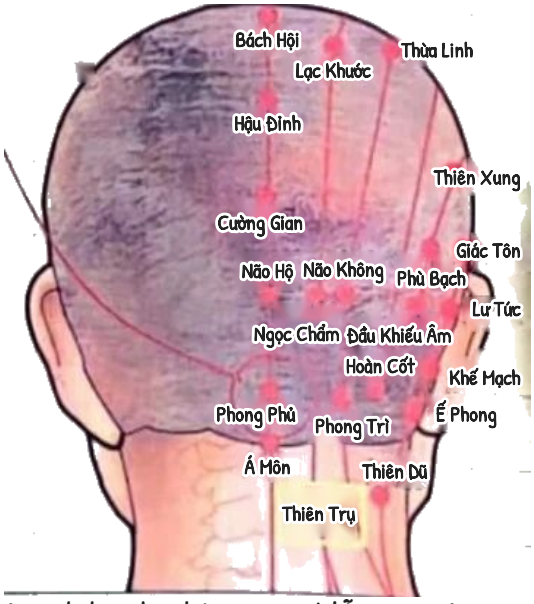
Đoạn này nguyên văn khá nhiều;
Nội Kinh bao gồm đủ loại chứng trị,
cụ thể thì lấy phần trong « Châm cứu đại thành » làm chính

Hoàng Đế Nội Kinh (60) – Cốt không luận 03

kinhdichtam.com dịch

Tủy không ở sau đầu chia làm ba chỗ, đều ở dưới xương nhọn nơi mép xương sọ: một ở dưới chân lợi răng, một ở dưới « phục cốt » chính giữa sau gáy, một ở trên huyệt Phong Phủ, chỗ trống phía trên của xương sống;

Giữa huyệt Phong Phủ và xương đầu, sát mép xương đi xuống, còn một huyệt cốt không nữa



Chỗ này hơi trừu tượng, phải tự đối chiếu nguyên văn để tìm vị trí

Lỗ dưới của xương sống ở dưới xương cùng (khào cốt); còn vài lỗ tủy ở mặt, kẹp hai bên mũi; có lỗ xương ở dưới môi, chỗ ngang với hai vai;

Lỗ xương ở hai vai nằm phía ngoài giữa vai, chỗ lõm vào phía sau vai: huyệt Nhu Du của kinh Tiểu Trường

Chữa bệnh xương ở huyệt cốt không

Làm sao biết xương bị thương: đau dọc theo kinh lạc.

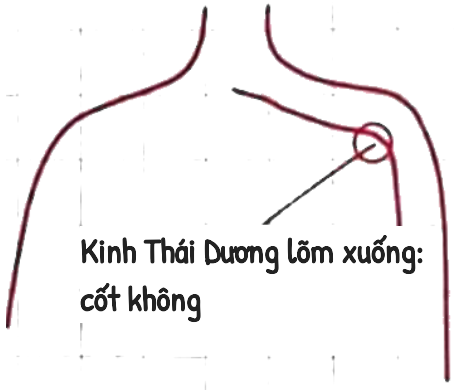
Bệnh xương: ở trên lạc giữa hai đường kinh, không đi thuận theo kinh lạc

Lỗ xương trên xương đùi ở phía ngoài xương đùi, trên gối 4 thốn; phía ngoài gối là huyệt Trung Độc

Lỗ xương của xương ống chân ở đầu trên xương phụ; lỗ xương ở háng ở dưới động mạch trong lông mu;

Lỗ xương của xương cùng ở sau xương đùi (bễ cốt), cách 4 thốn: huyệt Hoàn Khiêu

Xương dẹt phía sau xương ngồi thì phẳng, có vân thớ, không có lỗ tủy, tức là không có tủy xương



Kinh Thái Dương lõm xuống: cốt không

Chữa bệnh phải nhìn chứng:
chứng gì thì chữa theo cách ấy,
đừng câu nệ tên bệnh.
Ví dụ đau xương thì cứ chữa đau xương, khỏi rồi;
thật ra bên trong có thể là ung thư xương

Hoàng Đế Nội Kinh (60) – Cốt không luận 04

kinhdichtam.com dịch

Phép cứu hàn nhiệt:

Định ra một phép: dù là đủ thứ bệnh – sốt rét, hoắc loạn hay bệnh gì khác – đều có thể dùng cách cứu hàn nhiệt; ví dụ cứu theo viêm khớp, cũng chữa khỏi được ung thư xương

Ôn bệnh: mùa đông bị thương bởi hàn thì mùa xuân ắt sinh ôn bệnh; phát trước ngày hạ chí gọi là ôn bệnh, phát sau ngày hạ chí là trúng thử

Trước cứu Đại Chùy, bao nhiêu tuổi thì bấy nhiêu mồi,

rồi cứu xương cụt, vẫn lấy tuổi tính số mồi; những chỗ lõm xuống ở lưng dọc mạch Đốc đều cứu được

Huyệt Kiên Ngung (sổ ghi nhầm chữ đồng âm « giám ngục học », tiếng Trung đọc gần « kiên ngung huyệt »)

Huyệt Chương Môn, Tuyệt Cốt, Hiệp Khê, Ủy Trung, Hợp Dương (dưới Ủy Trung, gần Thừa Cân), Côn Lôn cũng cứu được

Vai đau, chỗ cứng cũng cứu được



Ở bên ngoài, vai đau lắm: tìm xà đơn hoặc khung cửa,

nắm lấy, người buông thõng, đầu cúi ra trước và xuống, 5 phút

Chỗ xương sườn lõm xuống cũng cứu được

Huyệt Xung Dương ở chỗ động mạch trên mu bàn chân, nơi kinh Túc Dương Minh đi qua: dùng phép cứu

Huyệt Bách Hội trên đỉnh đầu cũng dùng phép cứu được

Chỗ bị chó cắn trước cứu ba mồi, rồi cứu theo phép chữa chó cắn.

Trên đây là các chỗ cứu chữa chứng hàn nhiệt, tổng cộng 29 chỗ.

Dùng phép cứu mà bệnh vẫn không khỏi thì phải xem kỹ kinh mạch nào thịnh quá, chỗ ấn đau thì châm nhiều vào huyệt du ấy, đồng thời dùng thêm thuốc để điều trị

Hoàng Đế Nội Kinh (61) – Thủy nhiệt huyệt luận 01

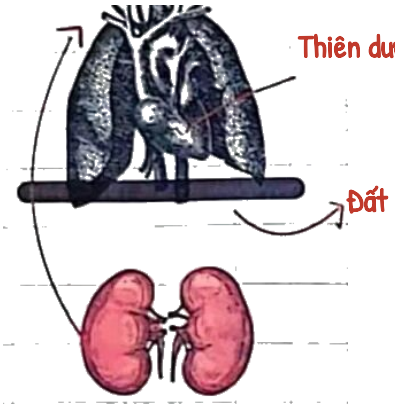
kinhdichtam.com dịch

Hoàng Đế hỏi: Thiếu Âm vì sao chủ Thận?

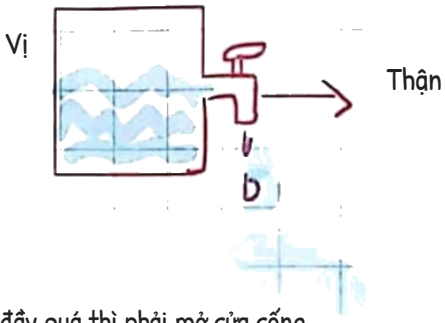
Kỳ Bá đáp: Thận là tạng chí âm; tạng chí âm thì thủy khí thịnh nhất. Phế thuộc tạng Thái Âm, Thiếu Âm thuộc mạch Thận,
mà vượng vào mùa đông; cho nên gốc của sự chuyển hóa thủy dịch trong cơ thể ở Thận, ngọn của nó ở Phế.
Cả hai tạng Phế, Thận đều có thể tích tụ thủy dịch mà sinh bệnh

Hoàng Đế hỏi: Thận vì sao có thể tích tụ thủy dịch mà sinh bệnh?

Kỳ Bá đáp: Thận là cửa ải của Vị; cửa ải không thông suốt thì thủy dịch tụ lại mà sinh bệnh.
Thủy dịch tràn lên xuống ra da, nên thành phù thũng. Phù thũng là bệnh do thủy dịch tích tụ mà sinh.



Cơ hoành tượng trưng cho đất: trên đất là dương, dưới đất là âm; Thận là tạng thủy.
Nước tụ ở dưới, nuôi Phế ở trên; Phế là cây.
Đông y đặt con người vào giới tự nhiên: Thận là gốc, Phế là ngọn.
Hai chỗ này đều là nơi tích nước



Khi nước ở Thận quá đầy, sẽ dội ngược lên Vị, Tỳ thổ
Ví dụ ta ăn uống: trường vị là biển của thủy cốc, giống như đập nước; đầy quá thì phải mở cửa cống
Cửa này chính là Thận: Thận là cửa ải của Vị; nước đầy thì Thận mở cửa
Người phù thũng không dám uống nước, uống vào càng phù; hàn thủy tụ ở dưới đất, không khí hóa được, khát mà không uống được

Hoàng Đế hỏi: Các loại bệnh thủy đều do Thận mà sinh ra sao?

Kỳ Bá đáp: Thận thuộc tạng âm; thủy khí từ dưới lan lên trên là thủy dịch do bệnh Thận sinh ra, cho nên gọi là chí âm. Dùng sức quá mạnh hoặc phòng sự quá độ thì mồ hôi xuất ra từ Thận; lúc ra mồ hôi lại gặp phong tà, phong tà theo tấu lý đang mở mà xâm vào, vào trong không vào được tạng phủ, ra ngoài cũng không thoát qua da được, thế là đọng lại trong huyền phủ, đi trong da, truyền biến thành bệnh phù thũng.
Gốc của bệnh này ở Thận, tên bệnh là phong thủy.
Cái gọi là huyền phủ chính là lỗ mồ hôi.
Lạc mạch ở chỗ hơi thấp hoặc khá sâu.

Khí lạnh, như nước lạnh chìm xuống

Tham khảo « Châm cứu đại thành », hình vận hành trong cơ thể: nước đi lên thế nào, bốc hơi thế nào

Hoàng Đế Nội Kinh (61) – Thủy nhiệt huyệt luận 02

kinhdichtam.com dịch

Hoàng Đế hỏi: Huyệt du chữa bệnh thủy có 57 huyệt, chúng thuộc tạng nào chủ?

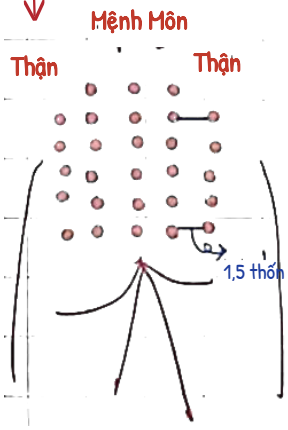
Kỳ Bá đáp: Thận du 57 huyệt vị, là nơi âm khí tích tụ, thủy dịch từ đây ra vào.

Trên xương cùng (khào cốt) có năm hàng, mỗi hàng năm huyệt; đây là các huyệt du của Thận.

Cho nên bệnh thủy biểu hiện ở dưới là phù thũng, bụng trướng to; biểu hiện ở trên là thở ngắn gấp, không nằm ngửa được; đây là Phế, Thận tiêu bản cùng bệnh. Cho nên bệnh Phế biểu hiện là thở gấp,

bệnh Thận biểu hiện là phù thũng, bệnh Phế còn biểu hiện là khí nghịch, không nằm ngửa được; biểu hiện của bệnh Phế và bệnh Thận tuy không giống nhau, nhưng giữa hai bên đáp ứng nhau, ảnh hưởng lẫn nhau. Đó là vì thủy khí đọng lại ở hai tạng. Phía trên Phục Thố mỗi bên có hai hàng, mỗi hàng năm huyệt; đây là đường trọng yếu cho Thận khí vận hành. Chỗ ba kinh âm Thận, Can, Tỳ giao kết nhau ở cẳng chân.

Phía trên mắt cá trong mỗi bên có một hàng, mỗi hàng sáu huyệt; đây là phần kinh mạch Thận đi xuống chân, gọi là Thái Xung. Trên đây tổng cộng 57 huyệt, đều ẩn trong các lạc mạch ở phần dưới hoặc phần sâu của cơ thể, cũng là chỗ thủy dịch dễ đọng lại.



25 huyệt

Quan niệm khi chữa thủy: như một ống rỗng đặt trong nước, bịt đầu trên lại thì nước đứng yên

Muốn tháo nước: 1. phát hãn; 2. cho nôn

Đường của Thận (thận chi nhai): Trung Chú – Hoành Cốt

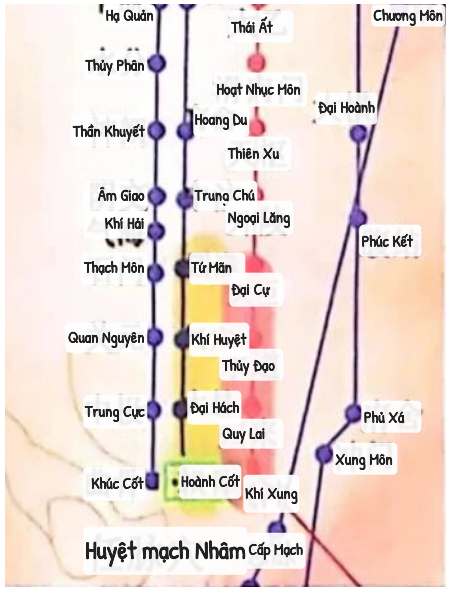
Tam Âm Giao, Chiếu Hải, Phục Lưu, Âm Lăng Tuyền, Lậu Cốc: mấy vị trí trên kinh Tỳ này có thể tả thủy

Đường của Vị khí: huyệt Ngoại Lăng – Khí Xung

Tháo nước: Kê thỉ bạch (phân gà trắng), châm cứu đều được

Nguyên tắc lớn:

Nước tích ở bất cứ chỗ nào cũng đều liên quan tới Thận; bất kể bụng to hay thế nào, trước hết phải tháo nước ra



Tham khảo hình châm cứu:
các huyệt vùng bụng của mạch Nhâm và kinh Thận

Hoàng Đế Nội Kinh (61) – Thủy nhiệt huyệt luận 03

kinhdichtam.com dịch

Hoàng Đế hỏi: Mùa xuân châm, lấy lạc mạch, vì sao?

Kỳ Bá đáp: Mùa xuân mộc khí đương lệnh, Can khí bắt đầu phát sinh, dương vừa sinh, Can khí gấp gáp, nhanh như gió;
nhưng kinh mạch của Can thường tàng ở sâu, bệnh khí không vào sâu tới kinh mạch được,
cho nên chỉ cần châm nông vào khoảng giữa lạc mạch và phân nhục là được.

Hoàng Đế hỏi: Mùa hạ châm, lấy khoảng giữa thịnh kinh và phân tấu, vì sao?

Kỳ Bá đáp: Mùa hạ hỏa khí bắt đầu đương lệnh, Tâm khí bắt đầu lớn mạnh, huyết rất vượng, khí tương đối yếu;
dương khí tràn ra phần biểu, nhiệt tà vào trong ảnh hưởng tới kinh lạc;
châm chỉ cần xuyên qua da tới biểu kinh là bệnh lui.

Hoàng Đế hỏi: Mùa thu phải lấy huyệt kinh và huyệt du, là lẽ gì?

Kỳ Bá đáp: Mùa thu kim khí bắt đầu đương lệnh, Phế khí bắt đầu thu liễm, túc sát; kim khí dần vượng, từng bước thắng hỏa khí;
dương khí bắt đầu suy yếu, âm khí bắt đầu lên, âm khí chưa tới mức quá thịnh, chưa thể giúp thấp tà vào sâu;
cho nên lấy « huyệt du » của kinh âm để tả tà âm thấp, lấy « huyệt hợp » của kinh dương để tả tà dương nhiệt.
Dương rất thịnh thì dùng huyệt hợp.

Bệnh ngắn ngày đều là thực, dùng thủ pháp tả; bệnh lâu ngày là chứng hư, dùng bổ
Phải học biện khí sắc, phân âm dương, hàn nhiệt

Hoàng Đế hỏi: Mùa đông phải lấy « huyệt tinh » và « huyệt huỳnh », là lẽ gì?

Kỳ Bá đáp: Mùa đông thủy khí bắt đầu đương lệnh, Thận khí bắt đầu bế tàng, dương khí đã suy ít, âm khí càng thêm kiên thịnh;
khí Thái Dương chìm ẩn ở dưới; động tới các huyệt khác sẽ kéo dương khí ra ngoài,
động tới dương khí thì mùa xuân năm sau sẽ chảy máu cam. « Mùa đông lấy tinh, huỳnh thì mùa xuân không chảy máu cam »
(đông thủ tinh huỳnh, xuân bất cừu nục)

Hoàng Đế hỏi: Chữa bệnh nhiệt có 59 huyệt du, vị trí ở đâu, tác dụng là gì?

Giải đáp: Trên đầu có năm hàng, mỗi hàng năm huyệt; đầu là nơi hội của các dương, dùng cho mọi chứng nhiệt nghịch lên của các kinh dương.
Thượng Tinh, Tín Hội, Tiền Đỉnh, Bách Hội, Hậu Đỉnh; đồng thời kinh Bàng Quang cách mạch Đốc 1 thốn ra hai bên;
có thể theo kinh lạc mà chích máu liên tiếp; thường chích máu ở Bách Hội: nhiệt khí xông lên gây hôn mê

Sốt cao, chứng biểu:

Đại Trữ, Ưng Du, Khuyết Bồn, Bối Du – tám huyệt này trừ được nhiệt tà trong ngực.
Khí Nhai, Tam Lý, Thượng Cự Hư và Hạ Cự Hư – tám huyệt này trừ được nhiệt tà trong Vị.
Vân Môn, Kiên Ngung, Ủy Trung, Tủy Không – tám huyệt này trừ được nhiệt tà ở tứ chi.
Hai bên các huyệt du của ngũ tạng mỗi bên có năm huyệt; mười huyệt này trừ được nhiệt tà của ngũ tạng.
Tổng cộng 59 huyệt, đều ở gần chỗ nhiệt tà trú.

Hoàng Đế hỏi: Người bị thương bởi hàn tà lại biến thành bệnh nhiệt, là vì sao?

Kỳ Bá đáp: Hàn khí thịnh cực thì uất lại mà phát nhiệt.

Hoàng Đế Nội Kinh (62) – Điều kinh luận 01

kinhdichtam.com dịch

Hoàng Đế hỏi: Bệnh có dư thì dùng phép tả, bệnh không đủ thì dùng phép bổ. Thế nào là có dư, thế nào là không đủ?

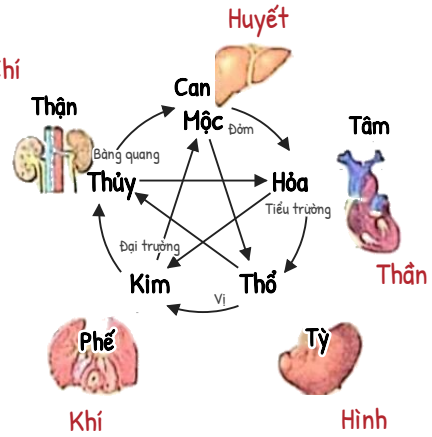
Kỳ Bá đáp: Có dư có năm loại, không đủ cũng có năm loại:
thần có hữu dư và bất túc, khí có hữu dư và bất túc, huyết có hữu dư và bất túc, hình có hữu dư và bất túc, chí có hữu dư và bất túc. Mười tình huống này theo khí mà lưu biến, biến hóa vô cùng.

Hoàng Đế hỏi: Người có tinh khí, tân dịch, tứ chi, cửu khiếu, ngũ tạng, mười sáu bộ, ba trăm sáu mươi lăm đốt, có thể phát sinh đủ loại bệnh tật, mà mỗi bệnh phát sinh đều có hư thực khác nhau. Thầy chỉ nói có dư có năm loại, không đủ cũng có năm loại, sao có thể nói như vậy?

Kỳ Bá đáp: Đều từ ngũ tạng mà sinh ra. Tâm tàng thần, Phế tàng khí, Can tàng huyết, Tỳ tàng nhục, Thận tàng chí, nhân đó mà thành hình thể con người. Chí ý thông đạt, liên hệ với cốt tủy bên trong, mà thành thân thể, ngũ tạng của con người. Các đường thông liên hệ giữa ngũ tạng đều đi ra từ trong kinh mạch, nhờ đó vận hành huyết khí. Nếu huyết khí không điều hòa sẽ biến hóa sinh ra đủ loại bệnh tật. Làm cho kinh lạc cân bằng thì ngũ tạng cân bằng.

- Thần hữu dư — Vui quá, cười lớn không dứt
- Thần bất túc — Bi thương
- Bệnh mới ở biểu — Da thịt sợ lạnh

Khí đi 6 thốn, huyết mới theo kịp



Năm loại hữu dư, năm loại bất túc

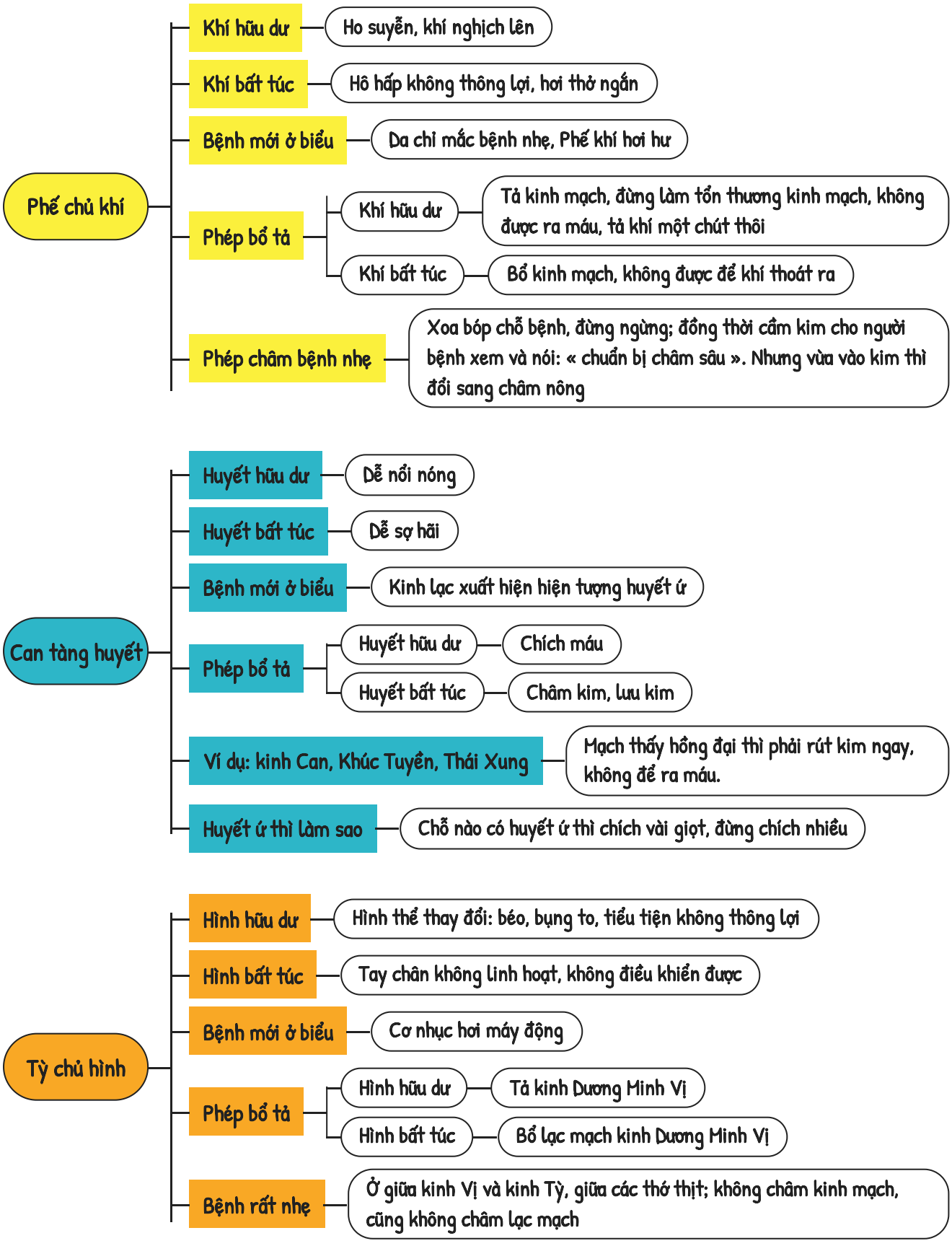
Phép bổ tả
- Hình hữu dư — Châm các tiểu lạc mạch của nó cho ra máu, đừng đẩy kim châm sâu, càng đừng châm làm tổn thương đại kinh mạch
- Hình bất túc — Nhìn đúng lạc mạch hư, xoa bóp phối hợp châm, thông lợi kinh khí, không cho ra máu, không để khí tiết ra ngoài, chỉ là sơ thông

Bệnh rất nhẹ — Xoa bóp chỗ bệnh, đừng ngừng; khi châm không đẩy kim vào sâu, chỉ dẫn dắt, chuyển dời khí bệnh

Phép môn châm « Châm cứu đại thành » đã giảng
(sổ ghi « nhưng châm » – viết nhầm chữ « môn »)

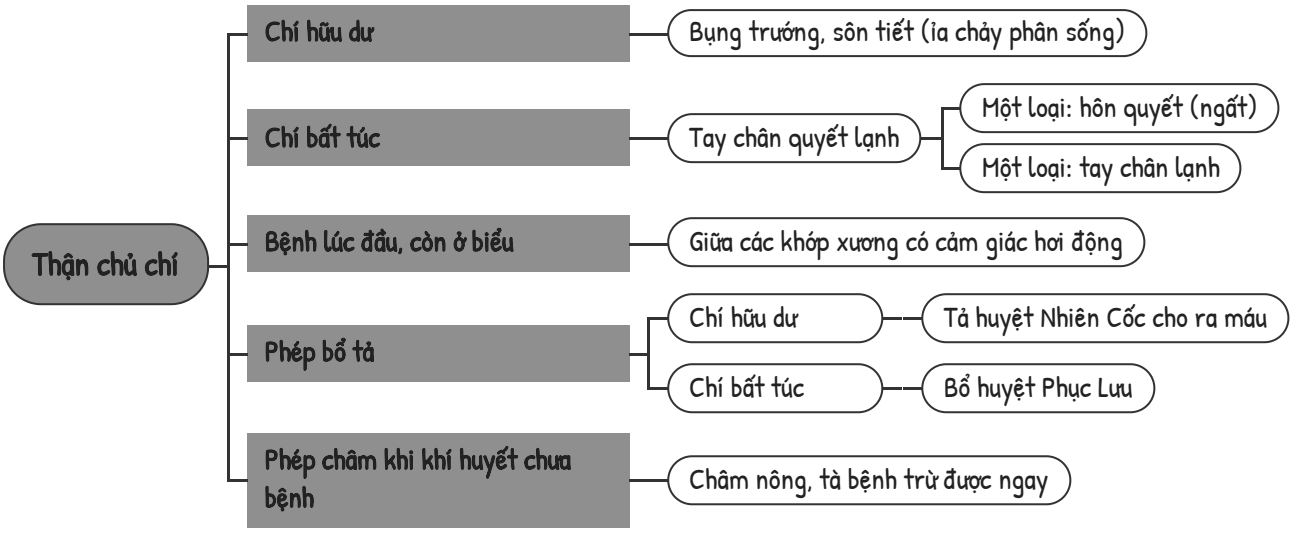
Hoàng Đế Nội Kinh (62) – Điều kinh luận 02

kinhdichtam.com dịch



Hoàng Đế Nội Kinh (62) – Điều kinh luận 03

kinhdichtam.com dịch





Khí quay về được thì sống

Vì sao phải biết những điều này? Về sau: thuốc vào huyết, vào khí đều khác nhau

Có thì là thực, không thì là hư; khí bệnh thì huyết cũng bệnh, huyết bệnh thì không có khí; khí huyết lìa nhau gây hư chứng

Mọi khí huyết đều phải đổ vào kinh chính; thực chứng: khí huyết dồn vào nhau, cả khí lẫn huyết đều bệnh, cùng gây trở ngại

Thực chứng: phải hành khí, lại còn phải hoạt huyết

Hoàng Đế Nội Kinh (62) – Điều kinh luận 04

kinhdichtam.com dịch

Hoàng Đế hỏi: Thực từ đâu đến, hư đi về đâu? Những điểm then chốt của hư thực, xin nói kỹ thêm một chút

Kỳ Bá đáp: Âm nói chính là tạng, là huyết; dương nói chính là phủ, là khí

Mọi âm và dương đều có huyệt du – nơi hội tụ

« Dương chú vào âm, âm đầy ra ngoài »: dương khí nếu cứ chạy lên trên kinh âm thì sẽ gây âm mãn (âm đầy).

« Âm dương quân bình, để làm đầy hình thể »: cho nên người ta có hình, thân hình bình thường là vì âm và dương cùng lúc làm đầy thân thể; không thể nói âm nhiều quá, hay dương, khí nhiều quá, hay huyết nhiều quá – đều không tốt

Trên tay cũng có thể có tam bộ cửu hậu: Thốn, Quan, Xích là ba bộ Thốn Quan Xích, mỗi bộ lại có: nông (biểu), giữa, sát xương – gọi là tam bộ cửu hậu

Xích Quan Thốn



Bệnh tà:

Sinh ra từ âm: ăn uống không tiết chế, chỗ ở không theo tiết khí bốn mùa

Sinh ra từ dương: do tiết khí bên ngoài: phong, hàn, thử, nhiệt...

Bình thường chủ yếu phải tiết chế ăn uống, giữ tình chí ổn định

Gió mưa làm hại người

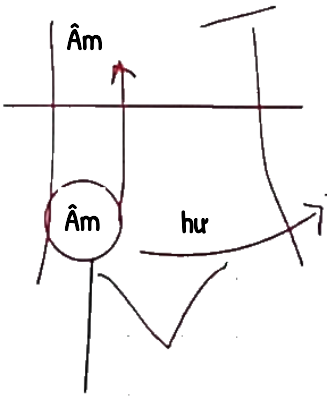
- Bì phu bề mặt → Truyền vào tôn lạc → Truyền vào lạc mạch → Đổ vào đại kinh mạch
- Mạch tượng rắn và to, không cho ấn, ấn vào thì đau

Hàn thấp làm hại người

- Da không co lại, bắp thịt cứng căng, vinh huyết ngưng rít, vệ khí hao tán: cho nên nói là hư chứng
- Thích xoa bóp: khi xoa bóp nhận được dương khí nên thấy dễ chịu – thích được ấn

Âm có thể mãn, không thể thực

Dương có thể thực, không thể mãn



Trong dương có âm

Thực chứng phát sinh ở phần âm

- Mừng giận không tiết chế, lúc thì mừng lắm, lúc thì giận lắm, gây âm khí nghịch lên

Trong âm có dương

Hư chứng phát sinh ở phần âm

- Vui mừng quá độ, giận thì khí bốc lên, mừng thì khí xuống
- Buồn thì khí tiêu, buồn quá hại phế khí
- Lúc ấy lại ăn đồ lạnh
- Hàn khí nhân lúc hư mà vào, làm huyết rít trệ, khí hao tán

Âm đi lên, chỉ còn dương, dương tan mất

Âm ở trên đứng yên: âm thực

Thường đều liên quan đến tình chí; hư đều là lý hàn

Hoàng Đế Nội Kinh (62) – Điều kinh luận 05

kinhdichtam.com dịch

Dương hư ngoại hàn

Dương vốn ở bề mặt da; dương hư thì thấy lạnh
Các dương đều nhận khí từ thượng tiêu để làm ấm vùng bì phu tấu lý. Nay hàn khí xâm phạm bên ngoài, khiến khí thượng tiêu không tới được giữa bì phu tấu lý, đến nỗi hàn khí lưu lại một mình ở bên ngoài, cho nên sợ lạnh, run rẩy

Âm hư nội nhiệt

Lao lực mệt mỏi quá độ, hình khí suy ít, cốc khí không thịnh, thượng tiêu không vận hành, hạ quản không thông; vị khí nóng, nhiệt khí hun trong ngực, nên nội nhiệt. Chữ « vị » ở đây cũng chỉ chung cả tiểu trường

Dương thịnh ngoại nhiệt

Thượng tiêu không thông lợi, da kín, tấu lý bế tắc, huyền phủ (lỗ chân lông) không thông, mồ hôi không ra được, vệ khí không thoát ra được, nên ngoại nhiệt

Âm thịnh nội hàn

Quyết khí nghịch lên, hàn khí tích trong ngực mà không tả ra; không tả thì ôn khí mất đi, hàn ở lại một mình, huyết ngưng rít; ngưng thì mạch không thông, mạch thịnh đại mà sáp, nên trúng hàn (lạnh bên trong)

Có người cả đời không ra mồ hôi: là do lúc sinh ra nước ối chưa thải sạch
Lúc sinh phải vỗ mông, thải sạch nước ối mới tốt
Còn người không thích vận động, không thích ra mồ hôi cũng sẽ có vấn đề
Uống thuốc phát hãn mà không ra mồ hôi: về nhà trước hết đi tắm nước lạnh

Ví dụ: đau ở lạc
châm lạc bên đối diện

Châm thế nào?

Châm loại bệnh này đều chuẩn bị trên đường kinh mạch có bất thường
Nếu ở huyết thì châm vào huyết khí, nếu ở khí thì châm vào vệ
Ví dụ: huyết khí – nói về lồng ngực thì Tâm là huyết, khí là Phế

Kinh → cự thích
Lạc → mậu thích
Điểm chung: trái bệnh chữa phải, phải bệnh chữa trái

Bệnh mà không biết đau ở đâu: châm hai mạch Kiểu
Thân thể đau, mạch bình thường: phép mậu thích
Đau ở bên trái, bệnh ở mạch bên phải: cự thích

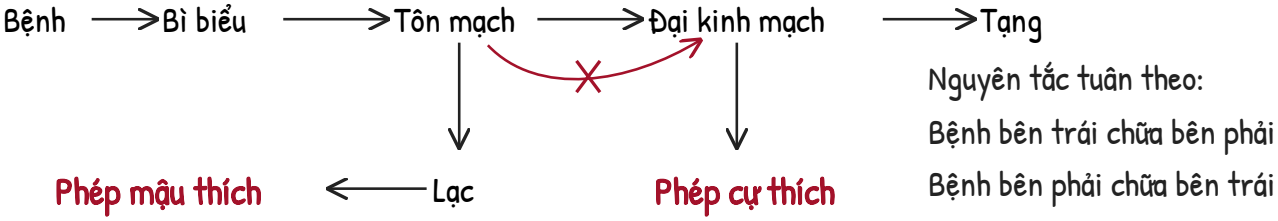
Bổ tả thế nào?

Phép tả: châm huyệt tử; khi rút kim thì lắc cho lỗ kim to ra để tả khí; thực chứng thì dùng « thương long bãi vĩ » (rồng xanh vẫy đuôi)
Thủ pháp bổ khí: thở ra hết thì hạ kim, hít vào thì đẩy kim vào, hít vào thì bịt lỗ kim lại

Thân người có mười hai kinh mạch, sinh ra được đủ loại bệnh biến; nay phu tử mới chỉ nói về năm tạng. Mười hai kinh mạch ấy nối với 365 khí huyệt của cơ thể; mỗi khí huyệt có bệnh ắt lan tới kinh mạch; bệnh của kinh mạch lại đều có hư thực – chúng quan hệ thế nào với hư thực của năm tạng?
Hư thì bổ mẫu, thực thì tả tử

Hoàng Đế Nội Kinh (63) – Mậu thích luận 01

kinhdichtam.com dịch





Khi có người ngã từ trên cao bị thương, ác huyết đọng bên trong, lúc ấy trước hết uống thuốc thông lợi:

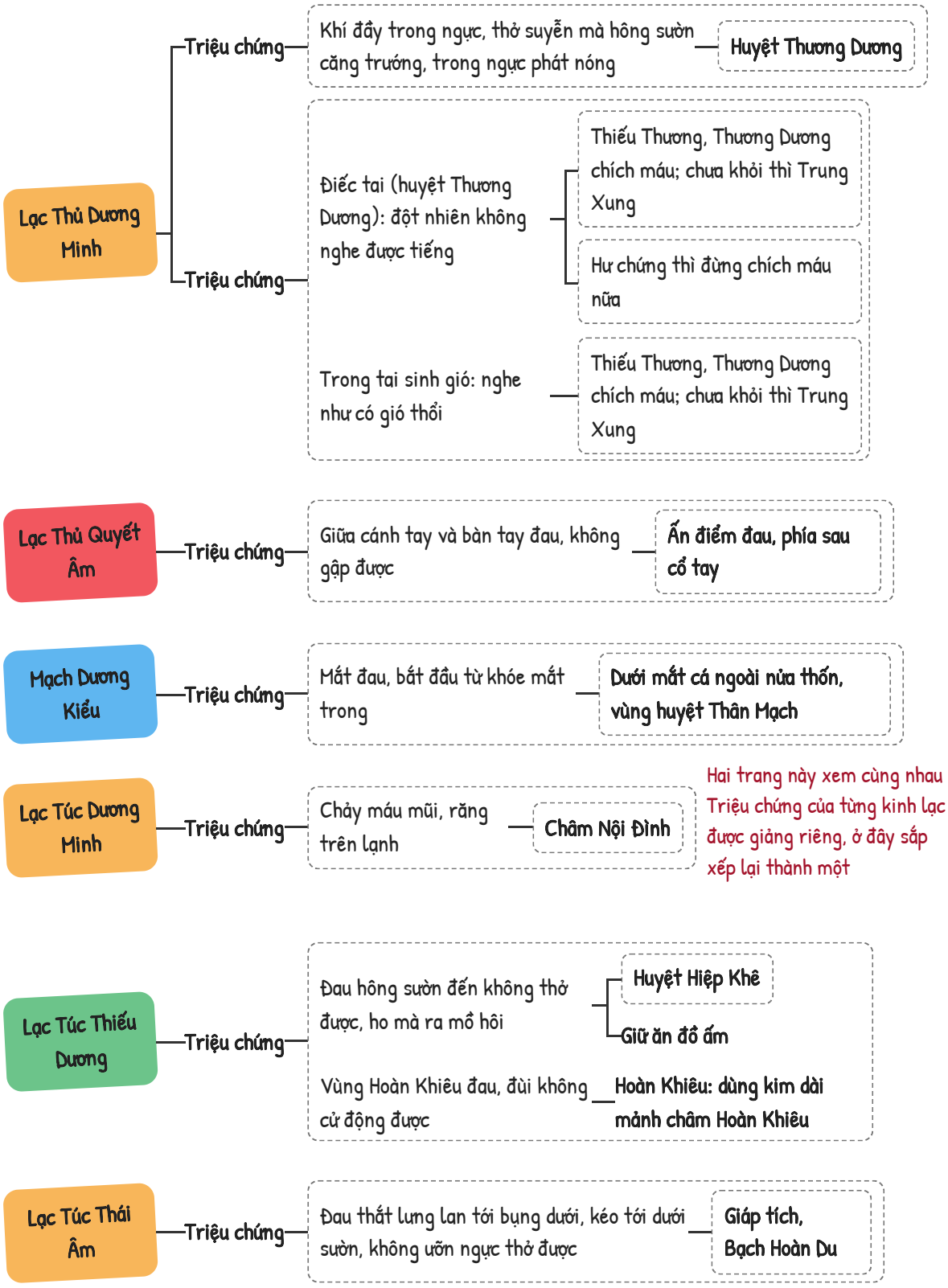
Đào Hạch Thừa Khí thang: chuyên trị ngã từ trên cao, bên trong có máu ứ, hoặc bị người ta đá trúng, sưng to bầm máu

Trên thì hại tới mạch của kinh Can, dưới thì hại tới lạc của Thiếu Âm: chích máu ở huyết mạch trước huyệt Nhiên Cốc

Nếu chích máu Nhiên Cốc vẫn chưa khỏi thì tìm Xung Dương; vẫn chưa khỏi nữa thì tìm huyệt Tam Mao

Hoàng Đế Nội Kinh (63) – Mậu thích luận 02

kinhdichtam.com dịch



Hai trang này xem cùng nhau Triệu chứng của từng kinh lạc được giảng riêng, ở đây sắp xếp lại thành một

Tý: khi đau đi lại không có chỗ cố định, chuyển tới chuyển lui – châm giữa các thớ thịt (phân nhục), châm điểm ấn đau

Mồng 10 châm 10 kim; từ ngày 15 trở đi giảm dần số kim; châm nhiều quá sẽ thoát khí

Hoàng Đế Nội Kinh (63) – Mậu thích luận 03

kinhdichtam.com dịch

Nguyên tắc lớn:

Kinh chính không bệnh thì là bệnh ở lạc; ví dụ: điếc tai đột ngột – lấy huyệt ở gần, chích chút máu ở điểm ấn đau

Ví dụ:

Đau răng: Túc Dương Minh: răng dưới, răng cửa

Đau răng trên ở hai bên: do Thủ Dương Minh quản

Châm chỗ mạch bên cạnh chiếc răng đau, hoặc chích máu ở lợi

Có một loại tà ở giữa năm tạng, không ở trên lạc: ăn được, uống được, đi ngoài được, ngủ được, mà trong người đau

Đau giữa các tạng: mậu thích: tìm chỗ gân xanh ở cạnh bàn tay, bàn chân mà chích máu

Lạc mạch chạy tới răng gây đau, làm môi răng lạnh đau; lúc ấy chích máu chỗ huyết mạch ứ tắc ở mu bàn tay

Trên Thủ Dương Minh, Túc Dương Minh, châm đau răng nhiều nhất: Nội Đình, Hợp Cốc; đau răng thì Hợp Cốc

Tà khí xâm nhập vào lạc mạch của Thủ Thiếu Âm, Thủ Thái Âm, Túc Thiếu Âm, Túc Thái Âm và Túc Dương Minh; (sổ ghi « Thủ Thiếu Dương, Túc Thiếu Dương »; kinh văn là Thiếu Âm)

lạc mạch của năm kinh này đều hội tụ trong tai, rồi đi lên vòng góc trán phía trên tai trái

Khá hiếm gặp: « toàn thân mạch đều động mà hình thể không biết gì » – toàn thân huyết mạch đập, bất tỉnh nhân sự, hôn quyết

Gọi là thi quyết: Thủ Túc Thiếu Âm, Túc Thái Âm, Túc Dương Minh

Châm Ẩn Bạch, Dũng Tuyền, Lệ Đoài, Thiếu Thương; vẫn chưa tỉnh lại thì lấy ống tre thổi vào tai.

Nếu vẫn chưa tỉnh, cạo tóc ở góc đầu bên trái, đốt đi rồi uống với rượu ngon. Rượu gì cũng được; không uống được thì rót cho uống.

Phàm phép châm chữa: trước hết chẩn xét đường kinh mạch có bệnh. Sờ ấn, lần tìm, xét kỹ hư thực mà điều trị

Hư thì bổ, thực thì tả

Hoàng Đế Nội Kinh (64) — Tứ thời thích nghịch tòng luận 01

kinhdichtam.com dịch

(sổ ghi nhầm « (63) » trong tiêu đề)

Hữu dư và bất túc trong biện chứng sáu kinh

Quyết Âm

- Hữu dư — bệnh âm tý — Ví dụ một người tê chân: mặt ngoài (kinh Đởm) còn đỡ; mặt trong tê, kinh âm tê thì khó chữa
- Bất túc — bệnh nhiệt tý — Âm khí không đủ, dương khí bốc lên, sinh nhiệt chứng
- Mạch hoạt — bệnh hồ sán phong
- Mạch sáp — bệnh tích khí ở bụng dưới — Mạch sáp: mềm yếu vô lực, lúc có lúc không

Thiếu Âm

- Hữu dư — bệnh nổi chẩn dưới da — sẽ nổi mẩn
- Bất túc — bệnh phế tý — Thận không đủ, liên lụy tới « mẹ » (Phế): vùng phổi, bệnh ở bì mao
- Mạch hoạt — bệnh phế phong sán
- Mạch sáp — bệnh tích, tiểu ra máu — tiểu tiện lẫn máu

Thái Âm

- Hữu dư — bệnh nhục tý — Tê dại bất nhân, cơ nhục teo, hàn chứng
Tạng Tỳ có vấn đề phần lớn là hàn; âm có bệnh phần lớn là hàn
Tỳ thống huyết — vì sao vận chuyển được? Vì Tỳ có dương
- Bất túc — bệnh tỳ tý
- Mạch hoạt — bệnh tỳ phong sán (sổ ghi « phong tý »)
- Mạch sáp — bệnh tích — vùng tim bụng có lúc đầy trướng

Hoàng Đế Nội Kinh (64) — Tứ thời thích nghịch tòng luận 02

kinhdichtam.com dịch

(sổ ghi nhầm « (63) » trong tiêu đề)

Dương Minh

- Hữu dư — bệnh mạch tý — thường phát nóng — kinh nhiệt / phủ nhiệt
- Bất túc — bệnh tâm tý
- Mạch hoạt — bệnh tâm phong sán (sổ ghi « tỳ phong sán »)
- Mạch sáp — bệnh tích — có lúc hay kinh sợ

Thái Dương

- Hữu dư — bệnh cốt tý — Khi Thái Dương có vấn đề thì xương có vấn đề. Mình nặng
- Bất túc — bệnh thận tý
- Mạch hoạt — bệnh thận phong sán
- Mạch sáp — bệnh tích — có lúc phát điên tật

Thiếu Dương

- Hữu dư — bệnh cân tý, hông sườn đầy — ngực sườn đầy tức khó chịu
- Bất túc — bệnh can tý
- Mạch hoạt — bệnh can phong sán
- Mạch sáp — bệnh tích — có lúc gân co rút, đau mắt

Mùa xuân khí ở kinh mạch: thiên khí vừa mở, địa khí bắt đầu tiết ra, nước chảy, kinh thông

Mùa hạ khí ở tôn lạc: mùa hạ kinh đầy, khí tràn

Trường hạ khí ở cơ nhục: kinh lạc đều thịnh. Trong cơ nhục tích tụ nhiều thứ

Mùa thu khí ở bì phu: thiên khí vừa bắt đầu thu lại, tấu lý đóng kín, da sẽ co căng (sổ ghi « bệnh ẩn »; bài giảng: bì phu dẫn cấp)

Mùa đông khí ở cốt tủy: huyết khí tàng trong xương

Tà khí theo biến hóa khí huyết bốn mùa mà chạy vào trong cơ thể, khó nắm được cụ thể nó ở đâu

Lấy kinh lạc làm chuẩn

Hoàng Đế Nội Kinh (64) – Tứ thời thích nghịch tòng luận 03

kinhdichtam.com dịch

(sổ ghi số thiên « 63 »)

Hoàng Đế hỏi: Làm trái bốn mùa mà sinh ra loạn khí thì thế nào?

Kỳ Bá đáp: Mùa xuân châm lạc mạch, huyết khí tràn ra ngoài, làm người ta thiếu khí; mùa xuân châm cơ nhục, huyết khí vòng ngược, làm người ta khí xông lên;

mùa xuân châm gân xương, huyết khí đọng vào trong, làm người ta trướng bụng; mùa hè châm kinh mạch, huyết khí bèn kiệt, làm người ta rã rời;

mùa hè châm cơ nhục, huyết khí rút vào trong, làm người ta hay sợ; mùa hè châm gân xương, huyết khí nghịch lên, làm người ta hay giận.

Mùa thu châm kinh mạch, huyết khí đi lên trên, làm người ta hay quên; mùa thu châm lạc mạch, khí không đi ra ngoài, làm người ta nằm lì, không muốn động;

mùa thu châm gân xương, huyết khí tán ở trong, làm người ta rét run; mùa đông châm kinh mạch, huyết khí đều thoát, làm người ta mắt mờ;

mùa đông châm lạc mạch, khí bên trong tiết ra ngoài, lưu lại thành đại tý; mùa đông châm cơ nhục, dương khí kiệt tuyệt, làm người ta hay quên.

Phàm phép châm bốn mùa này, làm trái là bệnh đại nghịch, không thể không thuận theo; làm ngược lại thì sinh loạn khí, tà khí xâm dâm mà thành bệnh.

Cho nên châm mà không biết phép tắc của bốn mùa, chỗ bệnh sinh ra, lấy thuận làm nghịch, thì chính khí loạn bên trong, xâm bức tinh khí.

Phải xét kỹ chín hậu, thì chính khí không loạn, tinh khí không chuyển.

Hoàng Đế nói: Hay!

Nguyên tắc chủ yếu nhất: xuân hạ châm nông, mùa đông châm sâu, châm tới sát xương; mùa đông chủ thu tàng, bệnh thường ở sâu

Ví dụ: một người trúng phong, quanh năm bốn mùa đều nằm liệt – hạ kim tới sát xương
Ví dụ: xuân, hạ, thu, đông nằm; mùa đông dậy đi lại – không cần châm tới sát xương (ví dụ này rất ít gặp)

Châm ngũ tạng:
Châm trúng Tâm: một ngày thì chết, biến động của nó là ợ hơi;
Châm trúng Can: năm ngày thì chết, biến động của nó là nói lảm nhảm;
Châm trúng Phế: ba ngày thì chết, biến động của nó là ho;
Châm trúng Thận: sáu ngày thì chết, biến động của nó là hắt hơi, ngáp;
Châm trúng Tỳ: mười ngày thì chết, biến động của nó là nuốt. Nuốt nước bọt không ngừng
Châm làm tổn thương ngũ tạng của người ta thì tất chết. Biến động thì tùy tạng bị tổn mà biến, xét đó mà biết ngày chết.

Hoàng Đế Nội Kinh (65) – Tiêu bản bệnh luận 01

kinhdichtam.com dịch

(sổ ghi số thiên « 64 »)

Hoàng Đế hỏi: Bệnh có tiêu bản, châm có nghịch tòng, là thế nào?

Kỳ Bá đáp: Phàm phép châm, tất phải phân biệt âm dương, trước sau ứng nhau, nghịch tòng dùng cho đúng, tiêu bản đổi chỗ cho nhau.

Cho nên nói: có bệnh ở tiêu thì tìm ở tiêu, có bệnh ở bản thì tìm ở bản, có bệnh ở bản mà tìm ở tiêu, có bệnh ở tiêu mà tìm ở bản.

Cho nên chữa có khi lấy tiêu mà khỏi, có khi lấy bản mà khỏi, có khi chữa nghịch mà khỏi, có khi chữa thuận mà khỏi.

Cho nên biết nghịch với tòng thì cứ đường hoàng mà làm, không cần hỏi ai; biết tiêu bản thì muôn việc muôn đúng; không biết tiêu bản, đó gọi là làm càn.

Bản: chỗ bệnh bắt đầu đầu tiên

Tiêu: chỗ bệnh truyền kinh, truyền tới

Phép châm: phân biệt âm dương, xem rốt cuộc ở kinh lạc nào; cần bổ thì bổ, cần tả thì tả

Âm dương nghịch tòng là đạo cơ bản nhất

Ví dụ: có người bệnh tới, phát sốt, táo bón 7 ngày

Đại tiện được một cái là hết sốt. Đại tiện là bản, phát sốt là tiêu

Ví dụ: sốt 3-4 ngày, hôm qua có đại tiện, hôm nay cũng có, thì không sao.



Viêm ruột thừa

Có một người viêm ruột thừa, phân bị tắc, đau bụng; dưới Túc Tam Lý có điểm ấn đau, huyệt Lan Vĩ (ruột thừa)

Kim có thể dẫn ra, thuốc cũng có thể dẫn ra

Kim và thuốc cùng dùng

Ví dụ: một người nhiều triệu chứng, toàn thân vàng da, gần đây mới vàng da; trước đó đã lâu ngủ không ngon, tiểu tiện không tốt.

Chữa vàng da trước

Trước bị hàn rồi sau sinh bệnh: chữa hàn trước

Có bệnh rồi mới hàn: chữa bệnh gốc trước

Trước nhiệt rồi sau sinh bệnh: chữa nhiệt trước. Thế nào là trước nhiệt? Đại tràng bị tắc

Còn một loại: phát nhiệt rồi mới bị tắc. Tắc từ 2 ngày trở lên thì phải thanh trừ đi

Thông thường đều giải biểu trước, rồi mới công lý

Hoàng Đế Nội Kinh (65) – Tiêu bản bệnh luận 02

kinhdichtam.com dịch

(sổ ghi số thiên « 64 »)

Trung mãn (đầy ở giữa) thì trước hết trừ trung mãn (cơ thể không thu nạp được, đồ hư hỏng tắc ở trong dạ dày)

Bệnh phát mà hữu dư, là bản rồi mới tới tiêu: chữa bản trước, chữa tiêu sau.
Bệnh phát mà bất túc, là tiêu rồi mới tới bản: chữa tiêu trước, chữa bản sau.
Xét kỹ bệnh nhẹ (gián) hay nặng (thậm), lấy ý mà điều chỉnh: nhẹ thì chữa song song, nặng thì chữa riêng một đường.
Trước bí đại tiểu tiện rồi sau mới sinh bệnh thì chữa bản.
Nêu ví dụ:
Một người đã nôn ra máu, hoặc đi lỵ ra máu mủ, toàn thân mỏi mệt, nói không ra sức – một chuỗi phản ứng.
Lúc này chữa triệu chứng gấp nhất: chữa khỏi nôn ra máu và đi ngoài ra máu trước

Bệnh Tâm
Trước đau tim – một ngày: ho – ba ngày: sườn đầy đau – năm ngày: bế tắc không thông –
Mùa đông: 3 ngày không khỏi, nửa đêm chết
Mùa hè thì giữa trưa

Bệnh Phế
Trước suyễn ho – ba ngày: sườn đầy đau – một ngày: mình nặng, thân đau – năm ngày: trướng –
Mười ngày không khỏi: chứng chết
Mùa đông chết lúc mặt trời lặn, mùa hè lúc nhân định (khuya, người đã ngủ)

Bệnh Can
Đầu choáng mắt hoa, sườn đầy – ba ngày: mình nặng, thân đau lưng, cột sống, bụng dưới đau – năm ngày: trướng –
Ba ngày chữa không khỏi: mùa đông chết lúc mặt trời lặn, mùa hè lúc ăn sáng.

Bệnh Tỳ
Mình nặng – một ngày: trướng – hai ngày: bụng dưới, lưng, cột sống đau –
Ba ngày không khỏi: gân lưng sẽ đau, không tiểu được

Bệnh Thận
Bụng dưới, lưng mỏi, xương ống chân mỏi – ba ngày: đau lưng, bí tiểu –
ba ngày: bụng trướng hai bên sườn đầy đau

Bệnh Vị
Trướng đầy – năm ngày: bụng dưới, lưng, cột sống đau –
Vẫn không khỏi: bí tiểu

Đoạn này xin đối chiếu nguyên văn mà xem

Kinh Bàng Quang
Bí tiểu – năm ngày: bụng dưới trướng, lưng và cột sống đau

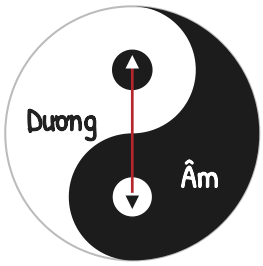
Các bệnh truyền nhau theo thứ tự như thế đều có kỳ chết, không thể châm; nếu truyền cách một tạng thì dừng, cho tới cách ba bốn tạng, thì mới châm được.
Khi tạng Tâm có vấn đề, lập tức chăm lo cho Phế, bệnh sẽ không truyền

Hoàng Đế Nội Kinh (75) – Trước chí giáo luận 01

kinhdichtam.com dịch

Thiên 66-74: thầy Nghê nói đã thất lạc, phải mua bản của Vương Băng (có bổ sung); cùng lúc đó, thiên Thích pháp cũng không giảng

Tinh thần của Đông y chân chính tuyệt đối không thể rời âm dương, biểu lý, trên dưới, thư hùng « ứng hợp qua lại với nhau » (tương thâu ứng dã), tức quan hệ qua lại giữa chúng. Người thật sự đắc y đạo thì trên biết thiên văn, dưới biết địa lý, giữa biết nhân sự; y đạo ấy mới lâu dài, đem dạy dân chúng cũng không còn nghi hoặc; luận về y đạo có thể truyền đời sau, có thể làm của báu



Đông y nói chính là âm dương

Ba dương là trời

Ba dương cùng tới: khi ba kinh dương Thái Dương, Thiếu Dương, Dương Minh cùng bệnh một lúc, sức mạnh ấy cực lớn, tốc độ tới cũng cực nhanh; nó bệnh là phát ngay tức khắc, trước khi bệnh không có điềm báo. Lúc phát ra như mưa gió, trên đỉnh đầu liền phát chứng điên tật; trước khi phát điên tật người ta rất bình thường, ba dương vừa gộp lại một chỗ là phát bệnh ngay, ngã vật hôn mê ngay – đây là phát ở đỉnh đầu.

Nếu phát vào trong thân, vào trong bụng, thì làm người bệnh đi ỉy không dứt, hoặc tiểu tiện không tự chủ; loại bệnh này tới cực nhanh, cho nên « ngoài không có kỳ, trong không có chứng », bạn không cách nào đoán trước lúc nào nó tới; mà loại bệnh này lại không phát trên kinh mạch, lúc chẩn đoán cũng không cách nào chẩn đoán theo sách y thông thường. Khi chúng ta chữa ba dương gộp lại, trong thủ pháp châm cứu có: chích máu Bách Hội, chích máu Thập Tuyên, chích máu tỉnh huyệt trên kinh lạc, đại loại như vậy, đều nhằm làm cho dương không gộp lại

Ba dương là chí dương, dồn lại gộp vào nhau thì thành chứng kinh (kinh hãi); gộp thường là ba kinh dương. Kinh Túc Dương Minh Vị ở phía trước, Túc Thiếu Dương Đởm ở bên hông, Thái Dương Bàng Quang ở phía sau, ba dương này không gộp vào nhau. Nếu tất cả gộp hết lại một chỗ thì sinh chứng kinh, bệnh nổi lên như gió dữ, phát bệnh ngay tức khắc, tới như sét đánh, chín khiếu đều bế tắc. Lúc ấy vừa phát ra thì mọi khiếu – miệng, mắt, tai, mũi, đại tiểu tiện – đều bế hết; bạn đứng bên gọi cũng không nghe thấy, cái gì cũng không nghe thấy. Dương khí tràn lan: vì dương thịnh quá nên tràn ra xung quanh, gây khô họng tắc cổ: miệng rất khô rồi nuốt không trôi thức ăn, trong cổ họng kêu ùng ục, cổ họng nuốt không trôi, tiếng kêu rất lớn.
Nếu gộp vào âm thì gây đi ỉy không dứt, Đông y gọi là « tam dương trực tâm » (ba dương xông thẳng vào tim).

(sổ ghi « áp lực bất chỉ » = áp lực không dứt; bài giảng: « hạ lỵ bất chỉ » = đi ỉy không dứt)

Hoàng Đế Nội Kinh (75) – Trước chí giáo luận 02

kinhdichtam.com dịch

Nói về dương thì không phân biệt được, nói về âm thì không hiểu được lý; xin đứng dậy nhận lời giảng, coi đó là đạo chí cao.

(Dương ngôn bất biệt, âm ngôn bất lý, thỉnh khởi thụ giải, dĩ vi chí đạo.)

Hoàng Đế nói: nhất định phải hiểu y đạo chân chính mới truyền cho người sau; nếu bạn chưa hiểu y đạo chân chính – y đạo chân chính chính là nói âm dương – mà bạn truyền đạo, truyền sai thì ngược lại sẽ làm tổn thương người, hại tới người khác.

Giống như khi thận của bạn sắp hết khí, sắp tuyệt, thì tinh thần, ý chí, thể lực đều tiêu hao theo;

tức là nếu bạn truyền y đạo không đúng thì « thung dung không ra được, việc người không chu đáo »

(tòng dung bất xuất, nhân sự bất ân)

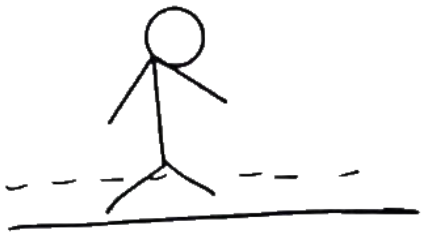
Phương pháp phân biệt âm dương:



Chỗ trời và đất giao nhau: cách mặt đất 3 thốn

Người tiếp xúc với dương nhiều, cho nên người là dương mà mang chút âm, dương nhiều âm ít

Nhưng nếu là con chuột, nhận khí đất nhiều hơn: loài chuột âm nhiều dương ít



Một người âm dương cân bằng, giúp đỡ lẫn nhau: đó là trạng thái bình thường

Dương quá thịnh thì âm bị tổn thương; âm quá thịnh thì dương bị tổn thương

Chuột cứ gặm đồ suốt, cứ động suốt, vì âm thực, dương hư, sợ dương hư

(sổ ghi « sợ dương nhiều »; bài giảng: chuột âm thịnh, sợ dương hư)

Dương thịnh: quá thực, đại tiện bị tắc, hoặc cảm mạo phát sốt không ra mồ hôi, chữa không khỏi thì âm bị tổn thương, âm hư

Âm thịnh: dương bị tổn thương, dương hư; lúc này ta gọi là âm thực

Học Đông y phải điềm tĩnh, phải thung dung, phải sống đơn giản, đừng tốn quá nhiều tinh lực vào những chuyện khác

Hoàng Đế Nội Kinh (76) – Thị tòng dung luận 01

kinhdichtam.com dịch

Nhất định phải thung dung: bệnh nhân tới tay đừng hoảng. Nếu bệnh nhân được đưa vào cấp cứu, người nhà bệnh nhân đều cuống tay cuống chân, mặt mày xanh mét; bạn vừa nhìn thấy họ cũng cuống theo, mặt cũng xanh theo, họ toát mồ hôi lạnh bạn cũng toát mồ hôi lạnh – thế là không đủ thung dung. Làm thầy thuốc phải vững; chuyện xảy ra trong chớp mắt phải bình tĩnh lại, quan sát được thì mới thấy.

« Nước theo đó mà đi, đó đều là chỗ con người sinh ra » (thủy sở tòng hành, thử giai nhân chi sở sinh), cho nên con người ban đầu sinh ra từ nước. Trong quan niệm Đông y, tạng đầu tiên của con người là thủy, khác với Tây y; Tây y cho là tim, cho nên họ không cho rằng nước rất quan trọng, vì thế thuốc Tây họ nghiên cứu ra đều làm tổn hại tới thủy. Uống thuốc Tây giống như ăn bột ngọt: vừa uống thuốc miệng đã khô ngay; bạn uống thuốc Tây miệng cũng khô, nó đều thải nước đi. Bất kể có phải thuốc lợi tiểu hay không, uống vào đều làm thải nước ra, chỉ là nhiều hay ít thôi.
Khám bệnh nhất định phải thung dung; làm thầy thuốc thập toàn (giỏi trọn vẹn) là phải chu đáo mọi mặt, người chu đáo mọi mặt mới là thầy thuốc, không được sơ suất một chỗ nào.

Khi biện chứng, chúng ta đều lấy một tạng làm chủ. Lúc bệnh biến tích tụ phát ra thì bệnh gốc chỉ ở một tạng, nó sẽ truyền sang các tạng khác; vậy bạn đừng để các tạng khác làm mê hoặc, chỉ nhìn một tạng là được: một tạng chữa khỏi thì các tạng khác cũng khỏi.

Can hư, Tỳ hư, Thận hư; có người đau đầu, gân co rút, xương nặng, khiếp sợ hụt hơi, nấc, ợ hơi, bụng đầy, thường hay kinh sợ, không muốn nằm – đây là do tạng nào phát ra?
Mạch phù mà huyền, ấn xuống cứng như đá – không biết giải thích thế nào?

Hoàng Đế nói: đây chính là thung dung. Chữa bệnh người lớn tuổi: người này tới 70, 80 tuổi rồi mà vẫn còn sống đó, về cơ bản các tạng không có vấn đề thì mới sống được lâu như vậy. Tạng có vấn đề thì 30, 40, 50 tuổi đã đi đời; qua 50 tuổi mà vẫn còn sống đó, chữa người lớn tuổi thì trước hết xem phủ của họ. Người trẻ thì xem kinh; người lớn tuổi thì các tạng đã suy rồi,
về cơ bản họ không có vấn đề, nhưng tuổi lớn các tạng suy rồi, cho nên chúng ta xem phủ của họ.
Thiếu niên, người trẻ thì các tạng rất mạnh, xem kinh của họ là được

Người tráng niên 30-50 tuổi, công việc nhiều, dễ bị ngũ tạng hao mòn nhất (ngũ tạng tiêu thước):
ngũ tạng như đang cháy trong lửa, vì bạn lao lực, cộng thêm trời nóng hay gì đó, vất vả nhọc nhằn,
cứ tiêu hao mãi nguyên khí trong ngũ tạng, thế là sinh ra bệnh biến

Hoàng Đế Nội Kinh (76) – Thị tòng dung luận 02

kinhdichtam.com dịch

Thấy một người mạch phù mà huyền là Thận bất túc; trầm mà như đá là thận khí đọng dính bên trong (thận trước).
Sau này chúng ta sẽ gặp người thận dương bất túc; bệnh thận trước chính là từ đây mà ra.
Trương Trọng Cảnh có nhắc tới bệnh thận trước. « Khiếp sợ hụt hơi là đường nước không thông, hình khí tiêu tán.
Ho, bứt rứt ngột ngạt là thận khí nghịch lên. Cho nên khí của một người, bệnh ở một tạng.
Nếu nói ba tạng cùng bệnh thì không đúng phép. »

Một người đau đầu, thường xương nặng, khiếp sợ hụt hơi, nấc, ợ hơi, bụng đầy, thường hay kinh sợ không muốn nằm, bạn xem mạch, ấn xuống cứng như đá. Nếu ấn tới sát xương mà rất cứng mạnh là bệnh. Trình bày các triệu chứng này: đau đầu, thường xương nặng, khiếp sợ hụt hơi, nấc, ợ hơi, bụng đầy; nếu bạn nói sờ thấy mạch phù – mạch phù là ở biểu, ở biểu thì phải có biểu chứng, đúng không? Người này căn bản không phải biểu chứng; nhìn một cái, rồi tới xương: mạch ở sát xương mới là bệnh. Cho nên gặp tình huống này, bạn rõ ràng thấy là bệnh thận, mà sờ thì mạch lại phù, tức là dương của thận đi ra ngoài. Lúc thận dương đi song song (với âm) thì nhất định là mạch bình thường; mạch bình thường ở chỗ bộ Xích của chúng ta sẽ sờ thấy tế, trầm, hoãn, đúng không? Trầm hoãn tế là có vị khí, âm dương của vị hợp đạo. Mạch thận trở nên rất mạnh, ấn nhẹ đã sờ thấy mạch, là thận dương tán ra ngoài, cho nên nhìn một cái là biết bệnh thận. Vậy nên khi lâm chứng thấy nhiều bệnh nhân nhiều triệu chứng, mọi người đừng căng thẳng, chuyên chú xem bệnh từ tạng nào phát ra.
(sổ ghi « tràng mạch », tiếng Trung đồng âm với « thường mạch » = mạch bình thường)

Có một người tứ chi rã rời, suyễn ho, đi ngoài ra máu; tôi (Lôi Công) chẩn cho là tổn thương Phế, mạch lại phù đại mà khẩn, nên không dám chữa.
Thầy thuốc tầm thường (thô công) thì dùng đá biếm, bệnh khỏi: cho bệnh nhân ra rất nhiều máu, máu ra rồi thân thể nhẹ hẳn đi.
Đây là bệnh gì?

Tỳ chủ tứ chi; máu ra mà từ Phế thì phải là ho ra máu hoặc chảy máu mũi.
Đi ngoài ra máu: tiểu trường là quan thụ thịnh; tứ chi thì nhất định là Tỳ, không phải Phế

Thánh nhân chữa bệnh: theo phép, giữ độ, dựa vào sự vật mà so sánh theo loại, biến hóa sâu kín, xét từ trên xuống dưới
(Thánh nhân chi trị bệnh, tuân pháp thủ độ, viện vật tỷ loại, hóa chi minh minh, tuần thượng cập hạ)

Không cần phải thuộc làu kinh sách tới mức ấy. Bạn biết giữa trời đất, trong lục hợp, tất cả đều có âm dương, nhìn là biết âm dương. Như con hươu: bạn xem tính của nó, xem sừng hươu; ban ngày hươu chạy tới chạy lui thì bạn không biết, nhưng xem nó buổi tối: hươu không nằm xuống là ngủ, rồi chảy nước dãi như người chúng ta – nó không như vậy; nó nằm một bên, tìm một bụi cây, đặt cặp sừng vào trong, cây đỡ lấy sừng, cứ thế mà ngủ.
Lúc ngủ đầu vẫn cứng cỏi ngẩng lên: thuần dương, luôn hướng lên trên, ngay cả lúc ngủ cũng như đứng ở đó; bạn có thể thấy được dược tính của nó

Hoàng Đế Nội Kinh (76) – Thị tòng dung luận 03

kinhdichtam.com dịch



Hoàng Đế nói: mạch phù đại mà hư là tỳ khí tuyệt ở ngoài; mạch này hoãn mà có lực thì là mạch bình thường, nếu là phù đại mà hư – phù đại mà thực thì chắc chắn là biểu chứng.

Các bạn nhớ một quan niệm: mạch của người bình thường, nếu mạch bạn sờ thấy là mạch phù – mạch phù là đầu ngón tay bạn chạm nhẹ lên mặt da là sờ thấy mạch, đây là biểu; mặt da có phải là biểu không? Nếu hư đi thì đương nhiên là hư mạch, đúng không?

Nếu là thực, mạch rất mạnh, rất cứng, là biểu thực. Đã nói tới biểu, đã là thực, thì chúng ta biết là phong hàn.

Cảm mạo: phong hàn ở biểu, tức là mồ hôi bạn không ra được, bệnh ở biểu, cơ thể đang chống lại nó; tôi muốn ra mồ hôi, phong hàn nói không cho anh ra mồ hôi, hai bên cãi nhau. Cãi nhau ở phần dương bên trên này, mạch liền thành mạch thực.

Phải biết biểu, thực: có thuốc giải biểu, có thuốc trừ thực, thì bạn sẽ kê được thuốc.

Nếu biểu hư thì sao? Chúng ta biết đây là thứ dùng để vào biểu, cố biểu.

Bây giờ là mạch phù đại mà hư: phù đại rồi, tỳ khí tuyệt tức là vị khí không còn; mạch có vị khí thì nhất định phải hoãn mà trầm; hôm nay nếu phù đại thì không sao, hoãn thì không có vấn đề.

Mạch là hư đi rồi.

Bệnh rời khỏi vị, ra ngoài, về Dương Minh, là tỳ khí, bệnh ở trên Dương Minh.

Hai hỏa không thắng nổi ba thủy: thủ Dương Minh, túc Dương Minh là hai hỏa, Dương Minh là bệnh hai hỏa. Ba thủy là vì Thái Âm: túc Thái Âm Tỳ là ba âm, cho nên hỏa không thắng nổi thủy, thủy lớn quá, cho nên mạch loạn mà không có thường, làm tứ chi không cách nào điều khiển, không có sức, tức là tinh của Tỳ không vận hành (sổ ghi « kinh »).

Giải thích vì sao ở trên lại là Tỳ: thở suyễn, ho là thủy khí gộp vào Dương Minh.

Đi ngoài ra máu: mạch gấp, máu không có đường đi, gây ra đi ngoài ra máu

Máu không có phép cầm (huyết vô chỉ pháp):

Máu không có phép cầm: máu trong huyết mạch vỡ toác ra, máu chảy ra ngoài, thì dùng thuốc cầm máu, kẹp cầm máu của Tây y để cầm máu; lúc dương rất đủ, dương không đi loạn thì máu không chảy ra ngoài. Cho nên âm dương vừa hồi phục thì máu này tự nhiên cầm lại. Nếu cầm máu mà âm dương không cân bằng trở lại, thì máu ứ chảy ra vẫn ở bên trong gây thành máu ứ, tắc ở bên trong càng không ra được.

Cầm máu được rồi thì bệnh nhân còn máu ứ ở bên trong; cục máu ứ ấy giống như quả bom ngầm, cứ từ từ, từ từ phình ra, phình ra, vì âm dương không hề cân bằng, rồi một ngày nào đó vỡ toác ra. Cho nên Đông y là « máu không có phép cầm »

Hoàng Đế Nội Kinh (76) – Thị tòng dung luận 04

kinhdichtam.com dịch

Chứng xuất huyết xử lý thế nào?

Ví dụ:
Ung thư dạ dày
Nửa đêm, giờ Sửu, nôn ra máu
Nếu cố cầm máu thì càng khó chữa; thường qua giờ Sửu là không nôn ra máu nữa
Đoạn này giải thích
vì sao là Tỳ: tinh dịch, tinh hoa của Tỳ – tinh của nó không cách nào, dương khí không cách nào tuần hành mà gây ra

Nếu Phế thật sự bị tổn thương, vì thổ sinh kim, sẽ gây ra:

Tỳ khí không giữ được, vị khí không trong, kinh khí không sai khiến được, chân tạng hư hoại, kinh mạch bên cạnh đứt, ngũ tạng rò rỉ; không chảy máu cam thì nôn ra máu,

(Tỳ khí bất thủ, vị khí bất thanh, kinh khí bất vi sứ, chân tạng hoại quyết, kinh mạch bàng tuyệt, ngũ tạng lậu tiết, bất nục tắc ẩu)

nhất định sẽ chảy máu mũi hoặc nôn ra máu. Vì Phế bị tổn thương thì nhất định ảnh hưởng tới tạng con và tạng mẹ liên quan của nó. Tỳ và Phế là hai thứ không cùng loại; chúng ta không thể trộn đen với trắng mà bàn chung một chỗ.

Đây chỉ là nói chúng ta phải thường xuyên so sánh, loại suy; như tôi vừa nói chuột với người là làm phép so sánh cho các bạn: nhìn là biết ngay, chuột không phải người, người không phải chuột – thứ chuột ăn được mà đem cho người ăn,
kết quả là phản tác dụng. Thuốc chống trầm cảm, uống vào mục đích là để phòng người ta tự sát, vậy mà uống xong lại « happy » nhảy từ nhà cao xuống chết.
Nếu bạn chụp được ảnh người ấy giữa không trung, bạn sẽ thấy người ấy đang cười. Thứ này là ma đạo.

Hoàng Đế Nội Kinh (77) – Sơ ngũ quá luận 01

kinhdichtam.com dịch



Phàm năm điều ấy đều do học nghề không thông, việc đời không rõ. Cho nên nói: bậc thánh nhân chữa bệnh ắt phải biết âm dương trời đất, giềng mối bốn mùa, ngũ tạng lục phủ, thư hùng biểu lý, châm cứu đá biếm, độc dược chủ trị gì. Thong dong xét việc người để rõ đạo thường; sang hèn giàu nghèo, mỗi hạng một lý khác; hỏi tuổi trẻ già, lý của người dũng kẻ khiếp; xét kỹ các bộ phận, biết gốc đầu của bệnh, bát chính cửu hậu – thì chẩn đoán ắt xứng.

(Phàm thử ngũ giả, giai thụ thuật bất thông, nhân sự bất minh dã. Cố viết: Thánh nhân chi trị bệnh dã, tất tri thiên địa âm dương, tứ thời kinh kỷ, ngũ tạng lục phủ, thư hùng biểu lý, thích cứu biêm thạch, độc dược sở chủ. Tòng dung nhân sự, dĩ minh kinh đạo, quý tiện bần phú, các dị phẩm lý, vấn niên thiếu trưởng, dũng khiếp chi lý, thẩm ư phân bộ, tri bệnh bản thủy, bát chính cửu hậu, chẩn tất phó hĩ.)

Chữa bệnh tâm lý nhất định phải cứng rắn (cương trung)

Làm thầy thuốc nhất định phải giữ gìn tinh thần cho tốt

Hoàng Đế Nội Kinh (77) – Sơ ngũ quá luận 02

kinhdichtam.com dịch

Trong đạo chữa bệnh của Đông y, phương pháp thật sự là khí ở trong là quý (khí nội vi bảo), tức là tìm cách để khí giữ được ở trong thân thể,

cho nên lúc khí tiết ra chúng ta phải chú ý ngay

Thế nào gọi là khí tiết? Khí tiết bạn không nhìn thấy? Nhìn thấy được: mồ hôi ra mãi không dứt chẳng phải là khí tiết sao?

Sợ hãi mãi không dứt có phải gọi là khí tiết không?

Phải cố thủ dương khí; rất nhiều phép cố biểu, giữ chắc cái khí ấy,

khí tuyệt đối không được chạy ra ngoài, giống như quả bóng bay, không được để xì ra ngoài.

Cho nên chúng tôi không tán thành mổ: vừa mổ là khí tán mất; khí phải tàng ở bên trong, khí ở trong là quý.

Tìm theo lý của nó, tìm mà không được thì lỗi ở biểu lý

(Tuần cầu kỳ lý, cầu chi bất đắc, quá tại biểu lý)

Nếu khí của một người không giữ được ở bên trong, nhất định có thể tìm ra ở biểu lý

« Thủ số cứ trị » (giữ phép số mà chữa) nói ở đây không phải là số liệu trong phiếu xét nghiệm Tây y bây giờ, đừng hiểu lầm

Nếu nói lúc khí âm dương giao lưu, âm khí và dương khí vốn là cân bằng:

trên kinh Bàng Quang ở sau lưng có rất nhiều huyệt du: Tâm du, Phế du, rồi Can, Đởm, Tỳ, Vị, Thận, rất nhiều;

những huyệt du ấy chính là nơi giúp tạng phủ điều cho cân bằng; tạng phủ mất cân bằng

nên có bệnh ở tạng, cho nên chúng ta mới có phép chữa bằng huyệt du và huyệt mộ:

sau lưng châm huyệt du, mặt trước châm huyệt mộ, đại loại như vậy.

Như thế có thể làm tan đi nhiều triệu chứng quá nóng hoặc quá lạnh ngay từ lúc mới bị bệnh.

Trọng điểm chủ yếu nhất của thiên Sơ ngũ quá luận này là các bạn hãy nhớ: chúng ta tuyệt đối đừng phạm những lỗi không đáng phạm. Người bệnh là vô tội, cho nên thầy thuốc nhất định phải nắm rõ đầu đuôi ngọn ngành của bệnh;

hiểu được đầu đuôi ngọn ngành thì về cơ bản chữa khỏi, bệnh này sẽ không tái phát.

Nếu không hiểu đầu đuôi ngọn ngành mà bạn cứ thế chữa luôn, không hiểu hết bệnh tình, thì thứ nhất, bệnh sẽ không khỏi; thứ hai, một bệnh như thế, dù bạn đoán mò trúng mà chữa khỏi, người ấy vẫn sẽ tái phát, vẫn sẽ bị lại. Cho nên chúng ta nhất định phải hiểu nguyên nhân của bệnh là gì.

Hoàng Đế Nội Kinh (78) – Trung tứ thất luận

kinhdichtam.com dịch

Đọc khắp sách thuốc rồi mà xem bệnh vẫn còn thất thủ, là vì sao?
Tuổi còn nhỏ, trí tuệ chưa tới mức phân biệt được đúng sai
Chữa bệnh như ra chiến trường, đầu óc phải linh hoạt một chút, không được cứng nhắc

Hoàng Đế nói: thân người có mười hai kinh mạch, 365 lạc mạch; thầy thuốc thường cứ theo đó mà làm, sao lại làm không tốt?
1. Vì tinh thần không chuyên nhất, không biết âm dương thuận nghịch
Ví dụ: mất ngủ, âm thịnh dương suy
Ví dụ: ban ngày ngủ, ban đêm tinh thần rất tỉnh – vì lý do công việc. Trực ca đêm, âm dương thường xuyên đảo qua đảo lại. Lúc trực đêm phải tự nhủ mình vui vẻ. Nếu không, lúc trẻ thì không sao, về già sẽ sinh chuyện
2. Thầy mình theo học không giỏi
3. Nếu không hiểu nghèo giàu sang hèn, sinh hoạt ăn uống, nhân trước quả sau của bệnh..., thì cũng không trúng
4. Không hỏi lo âu, ăn uống, hoặc có bị chất độc làm hại không, đã bắt mạch ngay

Vọng, văn, vấn, thiết

Nêu ví dụ:
Một người bạn không nằm xuống được, nằm xuống rất khó chịu, trong lồng ngực khó chịu. Một thang Thập Táo thang uống xong mà trên không nôn, dưới không tháo. Bệnh lạ gì vậy? Kê thang thứ hai thì ra hiệu thuốc bốc cho quá nhiều đại táo; sau bốc lại một thang, trên nôn dưới tháo, khỏi.

Hoàng Đế Nội Kinh (79) – Âm dương loại luận 01

kinhdichtam.com dịch

Hoàng Đế hỏi Lôi Công: loại âm dương, đạo kinh mạch, cái mà ngũ trung làm chủ – tạng nào quý nhất?
Tam dương là kinh; nhị dương là duy; nhất dương là du bộ;
Tam âm là biểu: Thái Âm là biểu; nhị âm là lý; nhất âm Quyết Âm là chỗ tận cùng
Thân người là một vòng tròn, tuần hoàn; dừng ở tạng nào thì tạng đó có bệnh

Nếu một người cứ 1-3 giờ sáng là thức dậy, ta biết kinh Can có bệnh; lâu ngày sẽ vào tạng,
vào tạng thì thành bệnh Can. Bệnh đã vào tạng thì chúng ta dùng phép chia năm (ngũ phân pháp)
Kinh lạc có bệnh: châm huyệt huỳnh

Mạch Thái Dương tới vị trí thủ Thái Âm

Người bệnh mạch huyền, phù mà không trầm: đây thuần là biểu tà.

Mạch Dương Minh

- Trầm, cấp, không nẩy (bất cổ); mạch vốn phải phù mà đoản,
- Bất thường: chìm xuống, tức là bệnh đã chạy vào trong;
lúc này là nguy hiểm rồi

Mạch Thiếu Dương

- Ví dụ: lúc lạnh lúc nóng, người bệnh có lúc buồn nôn, ngực sườn đầy khó chịu (khổ mãn)
- Mạch Can Đởm lẽ ra phải tế, đó là bình thường
- Bất thường: rất phù, rất đại, rất dữ – đó là mạch chân tạng

Mạch Thái Âm

- Thái Âm là mạch hoãn: phù mà hoãn, hoãn một chút, mạch ở giữa, hoãn mà có lực
- Bất thường: bệnh chìm ở chỗ rất sâu, thế là đã có vấn đề; mạch hễ trầm xuống là đều vào nội tạng
- Nhị âm tới Phế, khí của nó quy về Bàng Quang; nhị âm tức là Thiếu Âm, khí của nó quy về Bàng Quang

Sáu mạch, có lúc là mạch âm, có lúc là mạch dương, giao thuộc lẫn nhau, thông với ngũ tạng, hợp với âm dương.
Tới trước là chủ, tới sau là khách.
Mạch theo bốn mùa xuân hạ thu đông mà tuần hoàn; người bình thường phải như vậy. Nếu không đi theo hướng ấy là có mạch bệnh xuất hiện

Nhất âm Quyết Âm độc chí
(một mình tới)

- Bình thường: mạch ở vị trí Can hơi huyền một chút, nhưng hoãn mà có lực, vì có vị khí
- Bất thường: câu mà hoạt, đây là mạch chân tạng (sổ ghi « bình thường »)

Hoàng Đế Nội Kinh (79) – Âm dương loại luận 02

kinhdichtam.com dịch

Hoàng Đế nói: quan niệm tam dương giống như người cha

Nhị dương là vệ, là bảo vệ

Nhất dương là kỷ, kỷ tức là kỷ luật, vì Thiếu Dương là chuyển vận: nó quản kỷ luật của âm dương, bổ trợ cho nhau, tương phụ tương thành, tuyệt đối không được để mất một bên.

Tam âm là mẹ, nhị âm là mái; lúc này chúng ta lấy trống mái, cha mẹ mà xét; nhất âm là độc sứ

Nhị dương nhất âm

- Dương Minh và Quyết Âm
- Dương Minh làm chủ bệnh: đừng chữa bệnh Can của họ, hãy đi chữa Đại trường của họ

Tam dương nhất âm

- Nội tạng có bệnh thì sẽ không bị cảm
- Có chứng biểu, không có chứng lý

« Bệnh tại Phế »: còn tranh cãi – Thiếu Âm là Tâm

Nhị âm nhị dương

Bệnh ở Phế, Thiếu Âm mạch trầm: đây là nói mạch kinh Tâm chìm xuống; thắng Phế, hại Tỳ, bên ngoài hại tứ chi

Nhị âm nhị dương đều giao tới

- Nhị âm nhị dương đều giao: lúc hai bên giao nhau thì bệnh ở Thận
- Hai chứng Thiếu Âm và Dương Minh; nhị âm nhị dương là hai bên song song cùng tiến, hai bên giao nhau thì sẽ xuất hiện bệnh nội tạng

Nhị âm nhất dương

Bệnh xuất ra từ Thận. Nhị âm nói ở đây là Thiếu Âm, còn có Thiếu Dương; bệnh sẽ từ tạng Thận ra, hàn khí sẽ vào tạng Tâm, thủy khắc hỏa mà vào tạng Tâm, nên sẽ bế tắc không thông, tứ chi như lìa rời. Đại tiểu tiện sẽ có vấn đề

Hoàng Đế Nội Kinh (79) – Âm dương loại luận 03

kinhdichtam.com dịch

Nhất âm nhất dương đại tuyệt

Giai đoạn đầu: giữ chắc thổ
Bệnh nặng thì chỉ giữ chắc thổ là không được

Nhất âm, chúng ta nói Quyết Âm, Thiếu Dương: nếu trên tướng mạch lúc mảnh như sợi tơ lúc ngừng, không có sức, thường hay ngừng một cái, đó là âm khí, hàn khí chạy vào trong tim. Lúc này họng sẽ khô, bệnh ở tạng Tỳ

> Can có vấn đề thì ta đi giữ chắc tạng Tỳ, vấn đề này sẽ hết; vấn đề của Can tự sẽ khỏi, bệnh thật sự là ở tạng Tỳ

Nhị dương tam âm

Âm dương chống nhau, âm dương đều tuyệt.
Mạch xuất hiện là mạch phù: vì âm dương hai bên chống nhau, sức ngang ngửa, vừa giúp nhau vừa tranh nhau, thì sinh ra huyết hà, tức là trong bụng mọc khối tích.
Nếu mạch trầm thì cho biết bên trong đã mưng mủ, mưng mủ ở cạnh xương; những cái này đều không phải hiện tượng tốt. Âm dương đều mạnh, xuống tới âm dương; trên hợp với cái sáng tỏ, dưới hợp với cái u tối; quyết định kỳ hạn sống chết
(... âm dương giai tráng, hạ chí âm dương, thượng hợp chiêu chiêu, hạ hợp minh minh, quyết tử sinh chi kỳ)

Bệnh ba tháng mùa đông, bệnh hợp với dương, tới tháng giêng mùa xuân mà mạch có chứng chết, thì đều chết lúc ra khỏi mùa xuân
(Đông tam nguyệt chi bệnh, bệnh hợp ư dương giả, chí xuân chính nguyệt, mạch hữu tử chứng, giai quy xuất xuân)
Ba tháng mùa đông mà thấy mạch dương là không bình thường; chứng và mạch phải phù hợp nhau

Nêu ví dụ:
Có người bệnh vừa nôn ra máu vừa đi ngoài ra máu, lẽ ra phải tái nhợt, mệt mỏi, rã rời, lạnh, mạch rất nhỏ, hư.
Kết quả mạch lại rất lớn, rất nhanh: thế là không đúng, dương sắp tuyệt rồi

Khắc với tiết khí thì chết người, tương sinh thì sẽ khỏi; xem lại phía trước, có một thiên đã nói kỹ.

Hoàng Đế Nội Kinh (80) – Phương thịnh suy luận 01

kinhdichtam.com dịch

Khí vận hành trong thân thể chúng ta thế nào?
Dương theo bên trái, âm theo bên phải
Dương khí đi từ trái sang phải, âm khí từ phải sang trái
Người già: dương khí từ trên xuống dưới
Người trẻ: dương khí từ dưới lên trên
Xuân hạ quy về dương là sống, thu đông quy về âm là sống

Khi khí có thừa: dương khí lên mà không xuống, âm dừng ở dưới
Âm dương sẽ có hiện tượng cách ngăn: hàn quyết tới gối, tức là chân lạnh từ đầu ngón tới đầu gối
Người trẻ khí có thừa: chết vào thu đông
Dương khí đi lên thì nhất định phải đi xuống, nếu không sẽ đau đầu

Thiểu khí: khi khí của một người không đủ
Mơ nhiều; khí hư nặng thì hôn mê

Phế khí hư: mơ thấy màu trắng, thấy cầm dao chém giết thấy máu; lại gặp mùa thu thì mơ thấy chinh chiến
Thận khí hư: mơ thấy thuyền lật; mơ vào mùa đông thì sẽ mơ thấy thuyền lật chết người, người trôi trên nước; nhát gan, sợ hãi
Can khí hư: mơ thấy nấm thơm, cỏ mọc; nếu là mùa xuân thì mơ trốn dưới gốc cây không dám ra
Tỳ khí hư: mùa trường hạ mơ thấy xây nhà, lúc khác mơ thấy ăn uống không đủ no
Tạng là âm, phủ là dương; tạng khí hư thì dương có thừa

Âm dương mất đi, mạch động thất thường, lúc lớn lúc nhỏ
Không có cách chẩn đoán cố định; thần của một người rất quan trọng, hình dáng bên ngoài… đều có thể xem

Chủ yếu là xem âm dương. Nếu lấy mạch mà nói – giờ quay lại giảng về mạch – mạch thốn là dương, mạch xích là âm. Bình thường dương nên dương sẽ cao hơn một chút, âm thấp hơn một chút; nếu ngược lại thì âm thịnh, dương suy mất. Nếu tất cả chạy hết ra ngoài, lên trên thì dương quá mức, âm hư mất; nếu tất cả chạy vào trong thì dương hư mất, âm thịnh – nói đơn giản là như vậy. Cho nên phù trầm của mạch cũng chia âm dương, thốn với xích của mạch cũng chia âm dương, triệu chứng của người bệnh cũng chia âm dương, nam nữ chính là âm dương mà. Giảng nửa ngày vẫn là âm dương; đạo trì chẩn của chúng ta đều là nói âm dương

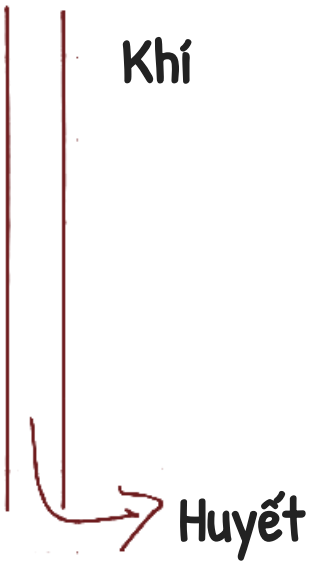
Hoàng Đế Nội Kinh (80) – Phương thịnh suy luận 02

kinhdichtam.com dịch

Nếu khí yếu, khí hư rồi, khí hư tức dương khí hư, thêm hình yếu nữa – hình là âm
Ta thấy khí huyết dương hư, âm dương đều hư mất: đây là chứng chết

Nếu một người hình khí có thừa mà mạch khí không đủ, nhìn thì đều như người bình thường

Ví dụ:
Sờ mạch thấy mạch khí không đủ, đây cũng là chứng chết.
Người này trông khỏe lắm, nhưng sờ mạch thì gần như không thấy; theo lẽ thì nói năng tiếng rất to, tinh thần rất thịnh, mạch phải tương đối hồng, tương đối mạnh, đương nhiên vẫn hòa hoãn, tức là có lực hơn mới đúng.
Thế mà sờ không ra mạch, sờ nửa ngày mới khó khăn tìm được một sợi mạch mảnh tơ ở bên trong.
Rồi lại xem bây giờ đang mùa hè: thế là rất nguy hiểm, vì mạch khí không đủ



Cuối cùng nhất định mạch và chứng phải khớp nhau
Mạch chứng không khớp thì khó chữa

Mấy trang này nội dung rất nhiều, rất vụn; khuyên mọi người đối chiếu với nguyên văn mà xem

Hoàng Đế Nội Kinh (81) – Giải tinh vi luận

kinhdichtam.com dịch

Người đang khóc mà không có nước mắt,
chỉ có nước mũi chảy ra

Tinh của thủy là chí

Tinh của hỏa là thần

Thân người: hỏa ở dưới, thủy ở trên, cảm ứng lẫn nhau; mắt mang thủy,
thần và chí đều bi thương thì nước mũi, nước mắt đều chảy

Khi bi ai thật sự thì toàn thân run rẩy; lúc đau lòng, thần chí sẽ rời đi

Âm dồn cả xuống dưới thì chân lạnh, chân lạnh thì trướng
(Âm tịnh ư hạ tắc túc hàn, túc hàn tắc trướng dã)

Ấm là ở lòng bàn chân, còn mu bàn chân phải lạnh, vì mu bàn chân là dương. Khi âm và dương đi song song, giữ lấy nhau, giúp đỡ nhau, thì kinh dương ở trên mu bàn chân nhưng có kinh âm tới phụ cho nó, nên trong dương có mang âm; vì vậy mu bàn chân là kinh dương mà sờ vào thấy lạnh

Thiên Giải tinh vi này chỉ cần hiểu qua là được; thầy Nghê nói không ảnh hưởng tới việc xem bệnh

Khuyên lấy Hoàng Đế Nội Kinh làm nền, học Thương Hàn, Kim Quỹ, đọc thêm Đường Dung Xuyên
Người không ai hoàn hảo, ai cũng có chỗ thiếu; mọi người cứ từ từ bổ sung là được.

Hoàng Đế Nội Kinh (72) – Thích pháp luận 01 – Phụ lục

kinhdichtam.com dịch

Phế Dần, Đại trường Mão, Vị cung Thìn; Tỳ Tỵ, Tâm Ngọ, Tiểu trường Mùi.

Bàng quang Thân, Thận Dậu, Tâm bào Tuất; Hợi Tam tiêu, Tý Đởm, Sửu Can thông.

Khí chạy theo thứ tự này; nếu ngày đêm đảo lộn thì khó chịu, mất ngủ: bị tắc rồi

Châm thế nào để điều lý?



Hoàng Đế Nội Kinh (72) – Thích pháp luận 02 – Phụ lục

kinhdichtam.com dịch

Hàn khí nếu kéo dài quá, khí âm hàn cứ tồn tại mãi bên trong thì sẽ làm kinh khí tắc ở trong ngực.

Hỏa Thổ Kim Thủy: Mộc sinh Hỏa, Hỏa sinh Thổ, Thổ sinh Kim, Kim sinh Thủy. Năm khí này tuần hoàn không ngừng, không được để một khí nào kéo dài quá

Nếu kéo dài quá thì phải tìm cách đè nó xuống, tả nó đi, nếu không nó cứ tắc mãi trong ngực

Ví dụ: mùa đông, sắc mặt hơi mang chút sạm mới đúng; kết quả tới mùa xuân mà sắc mặt vẫn sạm

Ôn dịch hay cúm gia cầm đều do tiết khí kéo dài quá gây ra

Tiết khí xem rất rõ: tiết khí kéo dài quá thì sinh dịch bệnh

Năm Tỵ Hợi

Thiên số có dư, tức là xuân theo lệnh đông: mùa xuân mà có dư, vốn xuân ấm, kết quả vẫn lạnh, bệnh vẫn ở Can

Châm Khúc Tuyền

Khí quá có dư thì có thể dùng châm cứu; « danh bất quá vị »

Nếu là thu: mùa đông vẫn theo lệnh mùa thu, bệnh tình quá thịnh, vẫn còn ở mùa thu

↓ dư

Năm Tý Ngọ

Mùa đông vốn phải rất lạnh, sao khí trời lại ấm lên, mùa đông sao lại nóng lên rồi

Châm huyệt hợp của thủ Quyết Âm

↓ dư

Năm Sửu Mùi

Mùa mưa dầm, thiên số thái quá, tức là thấp quá thịnh, thấp đi ở trên, mưa hóa trải khắp trời

Châm chỗ « nhập » của túc Thái Âm, huyệt Âm Lăng Tuyền

↓ dư

Năm Dần Thân

Xuân theo lệnh hạ: mùa xuân vốn phải xuân ấm hoa nở, lại khô nóng ghê gớm

Châm huyệt hợp của kinh Thiếu Dương

↓ dư

Năm Mão Dậu

Thu theo lệnh hạ: mùa thu vẫn rất nóng, như mùa hè

Châm huyệt Xích Trạch của kinh Phế

↓ dư

Năm Thìn Tuất

Đông theo lệnh thu

Châm huyệt hợp của kinh Thận

Thiên này nhất định phải kết hợp ngũ vận lục khí, hiểu rõ « thiên số có dư »; tham khảo thêm nguyên văn

Hoàng Đế Nội Kinh (72) – Thích pháp luận 03 – Phụ lục

kinhdichtam.com dịch

Thiên can địa chi: đó là nguồn gốc và cách phòng loại dịch bệnh này, và nguồn gốc của dịch bệnh

Thiên can thuộc cương, địa chi thuộc nhu; tính theo thiên can
Năm Bính Dần, tháng Tân: Bính Tân hợp hóa thành Thủy. Đây là tháng của thủy. Nếu vào tháng này, khi gặp tháng thủy, thì tháng đó mưa nhiều nhất
Nếu năm Bính Dần tháng Tân mà lại không mưa, thì tiết khí ấy đã mất rồi

Người thận có bệnh lâu ngày, có thể vào giờ Dần quay mặt về hướng nam, tĩnh thần không nghĩ loạn, nín thở không thở ra bảy lần, rướn cổ nuốt khí cho thuận, như nuốt một vật rất cứng; làm bảy lần như thế xong thì nuốt nước bọt dưới lưỡi, không kể số lần
(Thận hữu cửu bệnh giả, khả dĩ Dần thời diện hướng nam, tịnh thần bất loạn tư, bế khí bất tức thất biến, dĩ dẫn cảnh yết khí thuận chi, như yết thậm ngạnh vật, như thử thất biến hậu, nhĩ thiệt hạ tân lệnh vô số – sổ ghi « đau lâu »)

Làm Tỳ chắc: đừng ngồi lâu, vận động vừa phải. Đừng ăn quá no
Rèn luyện Phế: phép hít thở

Hoàng Đế Nội Kinh: khi vào vùng có dịch, có một phép luyện khí, bạn phải giữ vững tạng khí của năm tạng; đó là phần sau: trước hết tưởng khí xanh từ Can đi ra, đi về bên trái, phía đông – bên trái đi về đông – hóa thành rừng cây; khí xanh của Can hóa thành rừng cây; kế đó tưởng khí trắng từ Phế đi ra; nói xong năm khí thì năm khí đã hộ thân xong, lúc ấy tưởng trên đầu có bảy sao Bắc Đẩu sáng rực rỡ, tức là trán sẽ phát sáng; đây là một cách tự bảo vệ mình khi tạng khí năm tạng rất mạnh. Cho nên nếu bạn không mang thuốc, không mang các vị thuốc theo thời lệnh – phần sau có một số thuốc để vào vùng dịch, còn có một số phép châm – mà trong tay chẳng có gì cả, thì bạn dùng phép quán tưởng là có thể tự bảo vệ mình. Như vậy bạn có thể vào phòng người bệnh dịch.
(sổ ghi « phép quan sát »; theo bài giảng là phép quán tưởng: hình dung trong đầu)
Hít một hơi khí tinh hoa của mặt trời, uống nước lạnh cho trôi một viên; buổi sáng uống nước đá, nước lạnh là tốt nhất

Bệnh tâm thần:
Nếu Quyết Âm thất thủ: nói năng lảm nhảm, tinh thần không bình thường – châm huyệt du trên kinh Can, huyệt Khâu Khư
Thường thấy ma: Tâm hư – châm thủ Thiếu Dương, huyệt Dương Trì, Tâm du ở lưng
Tạng Tỳ có bệnh, thấy ma xanh nanh nhọn: Mộc khắc Thổ – chỗ « sở quá » của túc Dương Minh, huyệt Xung Dương, rồi châm Tỳ du
Tạng Thận hư, thấy ma màu vàng: huyệt Kinh Cốt của túc Thái Dương, Thận du; thế là thần trở về chỗ, chữa được người bệnh tâm thần

Hoàng Đế Nội Kinh (72) – Thích pháp luận 04 – Phụ lục

kinhdichtam.com dịch

Mười hai tạng sai khiến lẫn nhau, thần mất vị trí, làm cho thần thái không tròn đầy, e rằng tà sẽ phạm vào – chữa thế nào?

(Thập nhị tạng chi tương sử, thần thất vị, sử thần thái chi bất viên, khủng tà can phạm)

Tức là mười hai tạng phủ đều có thần của nó tồn tại; nếu thần mất rồi, thần không còn nữa, lúc ấy tinh khí nhất định không thông lợi, người bệnh dễ bị tà phạm. Tại sao thần lại mất?

Huyệt nguyên: kinh dương có huyệt nguyên riêng, kinh âm không có huyệt nguyên, nên lấy huyệt du của kinh âm thay cho huyệt nguyên

Vì vậy gặp kinh âm thì ta châm huyệt du của nó

Gặp kinh dương thì ta châm đúng huyệt nguyên vốn có của nó

Thần của mỗi tạng sinh bệnh đều dùng huyệt nguyên để chữa

Luận cuối cùng, thầy Nghê đã giảng trọn trong Thiên Kỷ

Các bạn đọc, xin mời sang Thiên Kỷ mà xem nhé